

BÁCH KHOA TOÀN THƯ
TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN
TRUNG QUỐC

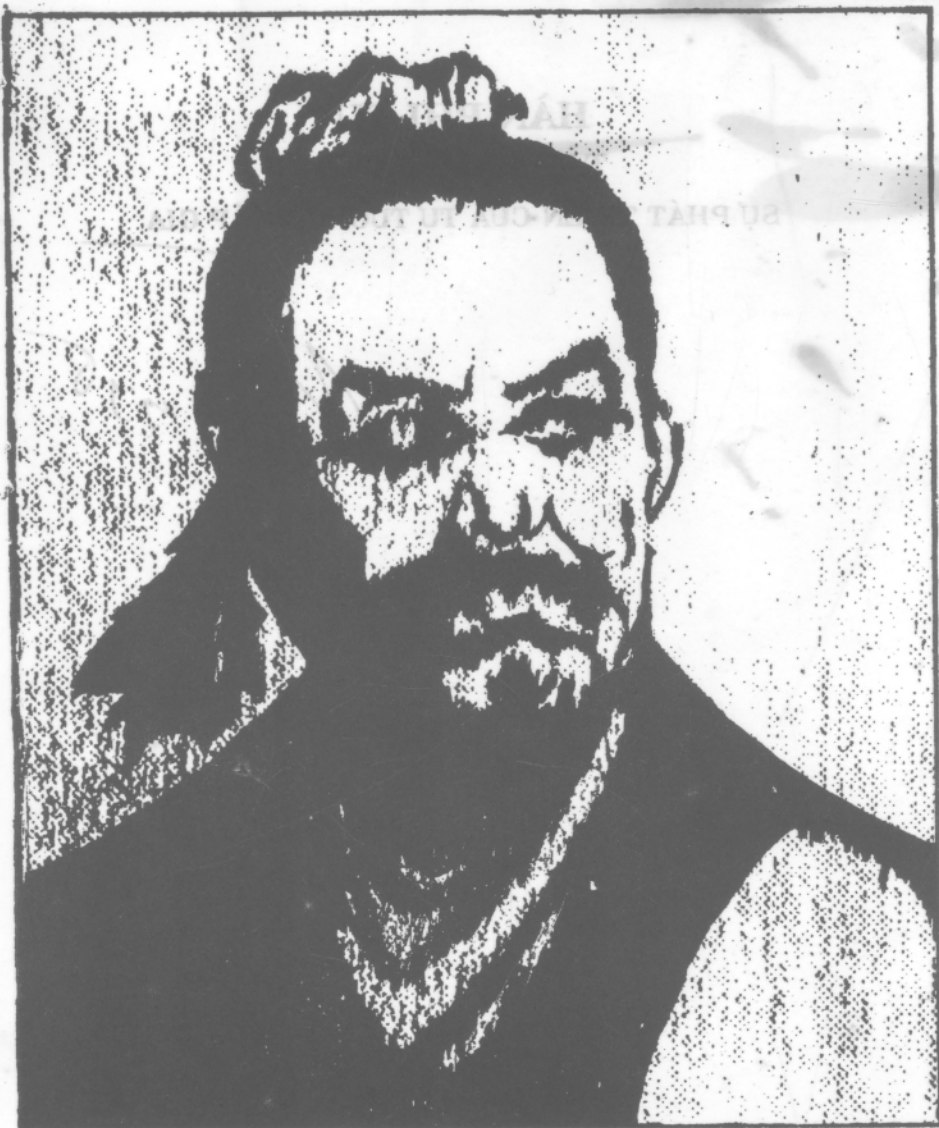
Hàn Phi Tử

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TƯ TƯỞNG PHÁP GIA

HÀN THẾ CHÂN dịch
TRẦN KIẾT HÙNG hiệu đính

NHÀ XUẤT BẢN
ĐỒNG NAI - 1995





TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

HÀN PHI TỬ

TẬP ĐẠI THÀNH
SỰ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG PHÁP GIA

HÀN THẾ CHÂN biên dịch

TRẦN KIẾT HÙNG hiệu đính

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

1995

LỜI GIỚI THIỆU

Hàn Phi Tử (Khoảng 280 — 233 trước Công Nguyên) là một nhà tư tưởng phái Pháp gia, và là nhà văn xuất sắc ở vào cuối thời Chiến Quốc.

Hàn Phi xuất thân trong một gia đình quý tộc nước Hàn. Vốn là một người yêu nước, không muốn nhìn thấy cảnh đất nước đi vào con đường suy vong, ông đã nhiều lần viết thư tâu lên Hàn Vương, mong được đổi thay chế độ, và phép nước, để đất nước có cơ may hưng thịnh, nhưng không một lần nào được Vua Hàn chấp nhận. Hàn Phi đành phải kiên trì chờ đợi và viết sách. Ông đã sưu tập và hệ thống hóa tư tưởng Pháp gia trước đây, và phát triển thành một hệ tư tưởng Pháp gia hoàn thiện nhất. Về sau, người đời gọi ông là nhà Tập Đại Thành, người đã có công trong sự phát triển hoàn mỹ tư tưởng Pháp gia.

Sau đó thì Tần Vương đã phát hiện tư liệu quý này của Hàn Phi, vua Tần hết lời tán dương, tìm cách thu dụng ông, và đem quân đi đánh Hàn quốc. Vua Hàn liền sai Hàn Phi Tử đi sứ sang Tần để cầu hòa. Nhưng ông chưa kịp lập công, thì đã bị Lý Tư, Diêu Giả, vốn là những bạn học cũ hãm hại, cuối cùng ông đã chết trong lao tù.

"Tập Đại Thành — Sự phát triển của tư tưởng Pháp gia", gồm 55 thiên, với hơn 10 vạn từ, đa kể thừa và phát triển tư tưởng duy vật của Tuân Tử. Ông đã tổng kết và phát triển các học thuyết thời trước có liên quan đến Pháp, Thuật, Thế, xây dựng thành một bộ "Hình danh Pháp thuật" hoàn chỉnh, lấy Pháp trị làm trung tâm.

Ông phân đôi phục cổ, chủ trương định ra pháp luật phải tùy theo thời thế. Ông cho rằng: "Thế dị tắc sự dị" (nghĩa là thời thế khác ắt sự việc cũng phải khác) "Sự dị tắc bị biến" (nghĩa là sự việc khác ắt sẽ có

thay đổi). Ông phản đối lễ trị, chủ trương pháp trị, nhấn mạnh "Hình qua bất trị đại thần, thường thiện bất di thất phu" (nghĩa là hình phạt quá đáng không tránh khỏi Đại thần, nể cái thiện không để mất Phàm nhân). Ông phản đối pháp luật đi trước vua, chủ trương pháp luật phải đi sau vua. Ông phản đối "dùng Nhân duy thân", đề xướng "dùng Nhân duy hiền". Tư tưởng của ông phản ánh yêu cầu của các tầng lớp giai cấp địa chủ mới đương thời đang lên, vì sự thống nhất Trung Quốc của Tần Thủy Hoàng, lấy đó làm cơ sở lý luận, nhằm đặt nền móng xây dựng một nhà nước phong kiến chuyên chế sau này, đồng thời cũng nhằm tạo nên một vũ khí lý luận cho các triều đại phong kiến chuyên chế sau này kế thừa và phát triển.

"Tập Đại Thành — Sự phát triển của tư tưởng Pháp gia", kết cấu rất chặt chẽ, nghị luận rất thấu triệt, văn phong sắc bén và nghiêm túc. Với "Ngũ đồ", "Thuyết nan", "Cô phần", "Hiển học"... biểu lộ một tâm trạng xúc động và phẫn nộ mạnh mẽ, nhưng cũng mang tinh thần phê phán sâu sắc.

Ông rất giỏi vận dụng chuyện ngụ ngôn, truyền thuyết về lịch sử. Những câu chuyện như: "Thù Chu đãi thố", "Sinh thư yến thuyết", "tư tượng mao thuận"... là những câu chuyện ngụ ngôn có ý vị sâu xa, đã lưu truyền và đọng lại trên cửa miệng người đời đến hôm nay. Lý luận văn xuôi của Hàn Phi là đỉnh cao của nền văn học đời Tần, có ảnh hưởng sâu sắc đến các thế hệ văn học đời sau.

Thay mặt nhóm dịch và hiệu đính
Trần Kiệt Hùng

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
Lời dẫn về Hàn Phi Tử	8
Một : Quan điểm cơ bản về Hàn Phi Tử	24
I - Bản tính con người là mưu lợi riêng cho mình	24
II - Tùy cơ ứng biến	38
III - Thỉnh cầu thực lục	48
Hai : Chủ trương pháp trị của Hàn Phi Tử	66
I - Luật pháp công minh sẽ loại bỏ tư lợi	66
II - Thử phân tích về thiên "Định pháp"	74
III - Định chế pháp luật	80
IV - Thực thi pháp luật	89
V - Giáo dục pháp luật	111
Ba : Lý luận về dùng thuật của Hàn Phi Tử	119
I - Tính chất đặc biệt của thuật	119
II - Vô vi là nguyên tắc chung của cách dùng thuật	123
III - Thường thức và phân tích về thiên "Nhị bính"	140
IV - Thực chất phải phù hợp với danh nghĩa	147
V - Thỉnh ngôn chỉ phương thuật (phương pháp nghe)	165
VI - Phương thuật dùng người	176
VII - Cách thức quan sát	184
Bốn : Học thuyết về nhiệm thế của Hàn Phi Tử	194
I - Có quyền thế mới trị được nước	194
II - Uy thế uy quyền phải do nhà vua nắm giữ	197
III - Thường thức và phân tích thiên "Nan Thế"	203
IV - Dựa vào thưởng phạt để củng cố quyền thế	212
Năm : Sự thâm dò của Hàn Phi Tử đối với kỹ xảo gián thuyết	223
Phân tích sự thưởng phạt trong sách nạn thuyết	223
Phụ lục	238

LỜI DẪN VỀ HÀN PHI TỬ

Hàn Phi Tử là một bộ sách sưu tập hoàn mỹ của các Pháp gia từ trước đời nhà Tần, là bộ sách kinh điển quan trọng. Bộ sách này là sự lý luận về việc cai trị đất nước được tác giả viết nên do ông thuận theo thời thế, tham khảo các học thuyết khác. Nó chẳng những khơi thông sự bế tắc của thời thế bấy giờ, vạch rõ những nhược điểm trong bản chất con người bằng những suy nghĩ sâu sắc, sự phân tích cặn kẽ, mà lời văn trau chuốt xác thực hào hùng khí thế, mạch lạc sáng khoái, kết cấu chặt chẽ. Phép bài tỉ đối ngẫu trong tác phẩm của ông đã mang sẵn trong nó mô hình thu nhỏ của nền văn học biền ngẫu duy mỹ để lại cho đời sau. Những nội dung được gói gắm trong các câu chuyện ngụ ngôn cũng đã trở thành xuất xứ của các thành ngữ, điển cố cho thế hệ sau.

1. Tư tưởng Pháp gia là sản phẩm của thời đại.

Lý tưởng chính trị đế vương của Hàn Phi Tử nằm trong bối cảnh thời đại đặc biệt sản sinh ra nó. Sau khi Chu Bình Vương đồng chinh (năm 770 trước công nguyên), chế độ phong kiến đã dần dần bị lung lay, xã hội nảy sinh những thay đổi, cũng vì vậy mà bách gia chu tử cũng thi nhau đua tiếng, các tư tưởng học thuật phát triển. Khi đó các đại biểu của hai phái, Nho giáo — Đạo giáo đều có lý tưởng riêng. Các nhà nho thì viện dẫn các tiên vương, ra sức khôi phục chế độ lễ giáo vốn có từ trước. Chỉ có đại biểu của Pháp gia là thực sự tin vào sự tiến hóa của lịch sử, họ chủ trương thuận theo thời thế và sự biến động của thời cuộc, chế độ phong kiến tan rã, duy trì thứ “lễ” trong trật tự xã hội như nó đã có là làm mất đi hiệu năng của nó cùng với sự hủy hoại ghê

gồm. Nói một cách khách quan và công bằng thì nó là sản phẩm của lịch sử, cũng là nhân tố cải tạo lịch sử. Tư tưởng Pháp gia chiếm ưu thế trong thời chiến quốc chính là nhân tố mang tính chất bắc cầu, thực tế đã ảnh hưởng tới Hàn Phi Tử. Hàn Phi Tử đã tập hợp được tất cả những sưu tập của các Pháp gia trước đó, dung hợp được học thuyết của hai phái Nho giáo, Đạo giáo để cấu thành hệ thống tư tưởng hoàn chỉnh. Hàng loạt chủ trương mà ông đề ra đã thích ứng được với xu thế tất yếu của sự phát triển lịch sử lúc bấy giờ. Nó có tác dụng thúc đẩy sự tan rã của xã hội phong kiến và sự ra đời của chế độ trung ương tập quyền, ảnh hưởng tới nền chính trị đế vương trong hơn hai ngàn năm của Trung Quốc. Hàn Phi Tử thực sự có tầm quan trọng không thể phai mờ.

Trong các Pháp gia đời trước thì Thương Ương với “Thương pháp” thì chủ trương rằng có thưởng tất có phạt, ông lấy “pháp” để làm cho nước mạnh dân được lợi, Thân Bất Hại với “Thương thuật” lại chủ trương rằng thực chất phải phù hợp với danh nghĩa, lấy “thuật” để sai khiến quần thần, Đào Lộn thời thế, chủ trương nắm lấy quyền lực để có uy, tôn sùng vua chúa, có lệnh thì phải thi hành, có điều cấm thì phải dừng lại. Nói một cách đại thể, các pháp gia đều coi trọng một thực lực dồi dào, đề xướng “vũ dũng”, quân thúc lẫn nhau, chăm lo tới lợi ích thiết yếu.

Thương Ương phò tá Tần Hiến Công, ông coi trọng việc làm ruộng và đánh giặc, đặt nền móng cho sự giàu mạnh của nước Tần. Tất cả những thứ đó đều là tiên lệ mang lại hiệu quả. Hàn Phi Tử đã tổng kết những thành tựu của các pháp gia, ông chủ trương pháp và thuật đều quan trọng, thế và lợi đều có vị trí hàng đầu, sùng bái vua chúa tôn trọng pháp luật, lấy lý tưởng chính trị đế vương làm chỗ dựa.

2. Thân thế của Hàn Phi Tử.

Hàn Phi Tử xuất thân từ giới quý tộc nước Hàn, ông lấy tên

nước làm họ cho mình, sinh khoảng năm 280, mất vào năm thứ sáu Hàn Vương An, tức là năm thứ mười bốn Tần Thủy Hoàng (năm 233 trước công nguyên). Ba năm sau khi ông qua đời thì nước Hàn bị diệt vong, cũng sau khi ông qua đời 12 năm thì Tần Thủy Hoàng thống nhất được thiên hạ. Thời đại của ông chính là thời kỳ sau cùng của thời chiến quốc, các chư hầu tranh hùng tranh bá chẳng khác nào như nước với lửa. Nước Tần từ sau đời Tần Hiến Công đã thi hành chính sách Pháp gia được sáu đời vua, nước giàu binh mạnh, cộng thêm với cầu người hiền tài như khát mong nước, các chính khách đều từ sáu nước tới, xa thì kết thân gần thì tiến đánh, làm ly gián các chư hầu, mắt nhìn trừng trừng như hổ đói, đã vạch ra được sách lược một cách có hệ thống, mong muốn nhanh chóng thôn tóm thiên hạ. Nước Hàn là một nước ở vùng Trung nguyên, có nhiều đồi núi (ở khoảng phía tây tỉnh Hà Nam, phía đông tỉnh Thiểm Tây bây giờ), đất đai cằn cỗi, dân sống nghèo khổ, lại bị kẹp giữa các nước lớn như Tần ở phía tây, Sở ở phía nam, Tề ở phía đông, Triệu, Ngụy ở phía bắc. Trong “thất hùng” thời chiến quốc thì Hàn là nước nhỏ bé yếu ớt nhất. Do tiếp giáp với nước Tần hùng mạnh nên luôn chịu đủ mọi sự uy hiếp : Nếu Tần tiến công sáu nước thì Hàn sẽ bị xâm hại trước tiên; nếu sáu nước tiến công Tần thì Hàn cũng là nước đứng mũi chịu sào, ở vào tình thế hết sức khó khăn. Còn về chính sách đối nội thì các tệ nạn đã bám rễ ăn sâu lâu ngày, các vua Hàn thì u mê yếu đuối, chính quyền lọt vào tay các đại thần quyền quý, trong thì lo lắng, ngoài thì bị đe dọa, lúc nào cũng có thể bị tiêu diệt. Hàn Phi Tử thấy được chỗ yếu đó của nước Hàn, ông đã nhiều lần dâng sớ tâu vua, nêu lên những phương sách để cứu vãn sự diệt vong, mưu cầu sự tồn tại, rất tiếc là việc đó đã bị các đại thần quyền quý ngăn cản, không thể đem ra thực thi được. Ông giận giữ bất bình trước việc vua không sửa sang pháp luật, dựa theo thời thế thi hành pháp thuật để mưu cầu sự giàu mạnh, không thể tự mình lựa chọn các hiền sĩ về pháp luật, những

người có tài có ích, mà chỉ sử dụng những người không cần thiết, có hại cho đất nước. Ông cảm thương ngậm ngùi cho sự trung kiên chính trực nhưng không được trọng dụng của mình, vì vậy ông giận mà viết sách, và ông đã viết nên Hàn Phi Tử — bộ sách gồm hơn mười vạn chữ.

Khi tác phẩm của ông được đưa tới Tần, Tần Thủy Hoàng xem xong hai thiên “Cô phần” và “Ngũ đồ” đã hết sức thán phục, ông còn cho rằng đó là tác phẩm của bậc tiền nhân, giận nổi không gặp được tác giả. Lý Tư nói với Tần Thủy Hoàng rằng đó là do bạn học của mình là Hàn Phi viết. Để có được Hàn Phi Tử, vua Tần đã cất quân đánh Hàn. Trong tình huống cấp bách, Hàn Phi Tử đã nhận lãnh sứ mạng, ông đi sứ sang Tần. Vua Tần rất mừng đón tiếp ông nhưng không tin dùng ông. Lý Tư và Diêu Giả thừa dịp đó nói xấu Hàn Phi Tử. Vua Tần liền giam ông vào cung Vân Dương. Lý Tư sợ rằng vua Tần thực sự muốn tin dùng Hàn Phi Tử, sẽ ảnh hưởng tới tiền đồ của mình, bèn cho người tới ép ông phải uống thuốc độc tự sát. Tới lúc Tần Thủy Hoàng nghĩ lại về ông, muốn tha ông thì Hàn Phi Tử đã yên nghỉ nơi chín suối. Một nhà tư tưởng có chí lớn chưa được đem ra thi thố đã phải nuốt hận mà ra đi. Mười hai năm sau khi ông qua đời, Tần Thủy Hoàng thống nhất được thiên hạ. Các chính sách mà Lý Tư dùng trong khi chấp chính có nhiều chủ trương giống như của Hàn Phi Tử. Người đời sau vẫn thường qui kết tội lỗi cho học thuyết của các pháp gia về sự diệt vong nhanh chóng của nhà Tần, thực ra nếu Hàn Phi Tử có thể thi hành được chính sách đó ở nước Hàn hoặc như Tần Thủy Hoàng dám thực bụng tin dùng, thì ông đã có cơ hội để thực tế thể nghiệm chính trị, bổ sung cho đầy đủ hơn học thuyết của mình.

3. Quan hệ giữa Hàn Phi Tử và hai phái Nho Giáo, Đạo Giáo.

Trong “Hàn Phi Tử truyện” được ghi trong “Sử Ký” còn nói rõ : Hàn Phi Tử và Lý Tư đều cùng xuất thân là môn hạ của

Tuân Khanh. Trong hai đệ tử có tài “cái thế” của Nho gia thì một là nhân vật tiêu biểu cho Pháp gia, một thì làm khanh tướng cho Tần Thủy Hoàng. Xét cho cùng thì đó cũng không ngoài duyên cớ là hoàn cảnh của thời đại. Do sự thay đổi dữ dội của thời đại, lòng người không bảo thủ, những gì mà các nhà nho trước đây thường nhấn mạnh, lấy đó để duy trì đạo đức lễ nghĩa của xã hội tông pháp (tông pháp : chế độ phân biệt hệ “đích” và hệ “thứ”) đã dần dần mất tác dụng, luật pháp mới đã thay thế nó, trở thành chuẩn mực cho sự ổn định xã hội. Học thuyết của Tuân Tử đã chịu ảnh hưởng của trào lưu thời đại, dung hợp được các tư tưởng của không ít Pháp gia. Để thích hợp với sự cạnh tranh quyết liệt trong thời kỳ sau cùng của thời chiến quốc, các đệ tử của ông đã tiến thêm một bước, xuất hiện với tư thái đảng hoàng của Pháp gia. Nếu chúng ta so sánh tư tưởng, học thuật của Tuân Tử và Hàn Phi Tử thì có thể phát hiện ra mối quan hệ rõ ràng. Chẳng hạn như Tuân Tử cho rằng bản chất con người là ác, nếu không nói tới sự chuyển hóa trong thiên tính và tác dụng giáo dục của con người thì “nhân tính” theo Hàn Phi Tử là chỉ biết lo cho lợi ích của riêng mình. Lại ví như cái gọi là “Pháp tiên vương” của Tuân Tử thì nếu các vua đời sau cũng không chịu học hỏi mà chỉ trông vào sự đổi mới với hiện thực thì chính là cách nhìn về sự tiến hóa lịch sử của Hàn Phi Tử. Tuân Tử không tin vào thiên mệnh, chủ trương có thể trông cậy vào con người. Hàn Phi Tử cũng chủ trương trừ bỏ thói mê tín bói toán, ông xác định rõ ràng phải lấy pháp chế làm tiêu chuẩn cho mọi công việc. Tuân Tử coi trọng “Lễ” nhưng lại bài xích “Pháp”. Trong các sách của Tuân Tử, thường nói tới “pháp độ” và “lễ nghĩa” lại chủ trương coi trọng công dụng và hình phạt nặng. Tất cả những cái đó đã đem lại cho Hàn Phi Tử một gợi ý quan trọng. Có điều đáng nói là điểm tương đồng giữa Hàn Phi Tử và Tuân Tử đều ở thành phần của Pháp gia chứ không phải là những ngôn luận về cái tinh túy của Nho gia. Trong tác phẩm của Hàn Phi Tử, ngoài những đoạn

nói về “lão thiên” có liên quan đến “nhân, nghĩa, lễ” ghi chép một cách sơ lược, trình bày học thuyết Nho gia (của các nhà nho), phần còn lại hầu như đều có thái độ phê phán các nhà nho, đó chính là duyên cớ của sự bất đồng trong tôn chỉ của hai phái.

Tư Mã Thiên khi viết “Sử Ký” đã xếp Lão Tử, Trang Tử vào Đạo gia và Thân Bất Hại, Hàn Phi Tử thuộc phái Pháp gia vào chung một nhóm, nói rằng Hàn Phi Tử quay trở về với phái Hoàng Lão. Cứ theo lý mà nói thì quan hệ giữa Hàn Phi Tử và Đạo gia phải khá mật thiết, nhưng có điều đáng nói là ngoài những bài viết trình bày giải thích về triết lý Đạo gia ra, Hàn Phi Tử đã có sự lựa chọn đối với học thuyết Đạo gia, nhưng ý nghĩa chung thì lại có sự bất đồng lớn. Trong các sách của Hàn Phi Tử thì mỗi bài mỗi câu đều có thể nhận ra điểm xuất phát của phần nghị luận là những từ ngữ của Đạo gia, tác dụng và kết quả sau cùng lại thật sâu xa. Chẳng hạn như Đạo gia đề xướng chuyện “Vô vi” (*) là một tự nhiên cao quý, là chính sách buông trôi (mặc kệ, bỏ mặc) cực đoan. Hàn Phi Tử thì lại giống Thân Bất Hại, lấy cái vô vi làm phương thuật của Vua chúa để chế ngự sai khiến quần thần, ông cho rằng vua chúa mà thoải mái nhàn hạ, bất quần thần phải vất vả suy nghĩ, Vua chúa mà nắm được nguyên tắc quan trọng thì có thể cứ yên lặng chẳng phải làm gì cả, mà quần thần vẫn dốc lòng dốc sức chăm lo việc chung và tôn trọng pháp luật. Đạo gia gạt bỏ những người hiền đức thông minh tài trí là muốn cho người dân không thể tranh chấp, trở lại bộ mặt vốn có thuộc bản chất con người. Hàn Phi Tử cũng như Thân Bất Hại, bằng sự phủ định sự tài trí khôn khéo đưa ra chủ trương coi trọng pháp luật và thuận theo thời thế. Quan điểm của ông về “hiền đức” cũng là từ chỗ không coi trọng cái “hiền” của Đạo gia mà đề ra biện pháp tuyển chọn tài năng qua bằng chứng thực tế và sự rèn luyện từng trải. Ông cho rằng chỉ cần tuyển chọn tài

(*) “Vô vi” là thái độ xử thế và tư tưởng chính trị tiêu cực của Đạo giáo ngày xưa, chủ trương thuận theo tự nhiên, không làm gì cả

năng, không nên lấy tiêu chuẩn “hiền” để sử dụng con người. Chỉ dựa vào “hiền” chẳng những rất khó xác minh được tiêu chuẩn mà còn dễ làm nảy sinh những tệ nạn phổ biến. Đó chính là sự chọn lựa của Hàn Phi Tử đối với học thuyết Đạo gia nhưng vẫn không từ bỏ sự dung hợp của chủ quan con người, mục đích vẫn là do nhu cầu bức thiết của thời đại lúc đó đặt ra.

4. Ảnh hưởng của Hàn Phi Tử.

Lý tưởng chính trị đế vương của Hàn Phi Tử do phù hợp với nhu cầu của hoàn cảnh thời đại đã trực tiếp thúc đẩy sự tan rã của chế độ phong kiến quý tộc và sự ra đời của chế độ trung ương tập quyền, đưa lịch sử Trung Quốc tới một cục diện mới. Tần Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ, các mưu lược thực thi chính trị của ông tuy không hoàn toàn phù hợp với ý tưởng của Hàn Phi Tử, nhưng rốt cuộc cũng là sự vận dụng học thuyết của Hàn Phi Tử một cách có hiệu quả. Cục diện trong đó người Tần vùng dậy rồi nhanh chóng thống nhất làm một mối chỉ kéo dài được mười mấy năm, tuy đã lộ rõ mặt hạn chế của tư tưởng Pháp gia nhưng tư tưởng Hoàng Lão^(*) của hai vị hoàng đế Văn, Cảnh đầu nhà Hán vẫn cùng hòa hợp được với thuật hình danh của pháp gia. Hán Vũ Đế tuy là người bài trừ bách gia, đưa Nho học vào một vị trí xứng đáng, nhưng trong thực tế việc thi hành bị phó mặc buông trôi lại là một chính sách hỗn tạp của vương triều (Lời của Tuyên đế được ghi trong Ký nguyên đế của Hán thư). Vấn đề đặt ra là : Các bậc đế vương nói chung cũng như những nhà chính trị vận dụng học thuyết của Hàn Phi Tử thường vẫn che giấu mình, lại thêm các bậc nho giả thì bảo thủ cho rằng cái trước là đúng và phủ nhận cái mới. Học thuyết của Hàn Phi Tử lại có một số khuyết điểm không thể tránh khỏi, bởi vậy ông bị các học giả qua các thời đại phê phán chỉ trích, đó chẳng qua là học thuyết Pháp gia của ông luôn là cốt lõi của nền chính trị luôn phải chèo chống. Cứ nhìn vào nền thống trị vua chúa Trung Quốc trong hơn hai ngàn năm nay thì tư tưởng học thuyết của Hàn Phi

(*) Hoàng Lão : Hoàng đế và Lão Tử, là tổ của nhà đạo sĩ.

Tử mang ý nghĩa tồn tại không thể phai mờ. Cứ mỗi khi đất nước lâm vào tình trạng nhiễu nhương, thường vẫn có người làm chính trị trên thực tế đã vận dụng học thuyết của Hàn Phi Tử để mưu cầu độc lập tự cường. Thời Tam quốc, Khổng Minh cai quản đất Thục đối đãi với người côi mỗ, chân thành vô tư, ngay thẳng trong sáng, ông chính là nhà chính trị theo lý tưởng Hàn Phi Tử. Khổng Minh đã tự tay chép lại những lời nói của Thân Bất Hại và Hàn Phi Tử để khuyên nhủ Hậu chủ tham khảo mà vận dụng, đó cũng là mong muốn lấy quyền lực trí mưu để bổ sung cho sự không đầy đủ của “nhân, thủ, khoan, hậu” (nhân ái, tha thứ, rộng rãi, độ lượng). Vương Thuyền Sơn đọc xong Giám luận đã cho rằng hai nước Ngụy, Thục đều coi trọng “thuật” của hai ông Thân, Hàn, lý do đó có thể hiểu được. Vương An Thạch đời Tống cùng với Tương Cư Chính đời Minh “Vị cư tể phụ, thức ý cánh tân, lực mưu phú cường” cũng là tham khảo và cân nhắc học thuyết của Hàn Phi Tử.

Từ đời Đường tới đời Minh, nói chung đều chú ý nhiều tới từ ngữ hoa mỹ, lời văn trau chuốt trong các tác phẩm của Hàn Phi Tử, lấy đó làm khuôn mẫu cho các bài tập làm văn. Hàn Phi Tử vốn được cổ nhân gọi là Hàn Tử, từ đời sau Tống do tôn sùng Hàn Dũ là một trong tám tác gia lớn về cổ văn đã gọi Hàn Dũ là Hàn Tử, thay đổi cách gọi Hàn Phi thành Hàn Phi Tử. Tới đời Thanh thì việc nghiên cứu, khảo cứu hết sức thịnh hành, các học giả nghiên cứu về Hàn Phi Tử ngày càng tăng, đa số họ có dẫn chứng phong phú, nhưng ít người có thể suy xét tìm tòi được ý nghĩa sâu xa trong cách lập ngôn của Hàn Phi Tử. Các học giả bắt đầu chú ý tới những đóng góp to lớn hữu ích trong thực tế quốc kế dân sinh của Hàn Phi Tử, và thế là tư tưởng học thuật của Hàn Phi Tử lại tỏa sáng.

5. Những nét khái quát về học thuyết của Hàn Phi Tử.

Tư tưởng học thuật của Hàn Phi Tử có hệ thống hoàn chỉnh của nó. Ông chủ trương đồng thời chú ý đến các mặt pháp thuật, lợi thế tư tưởng chính trị để vương trở thành chỗ dựa. Trong

“Quốc học lược thuyết” Chương Thái Viêm cũng từng đề cập :
“Trong thời đại quý tộc nắm quyền đó chỉ e rằng vua chúa không thể chuyên chế. Nếu vua chúa có thể chuyên chế thì vẫn cứ tốt hơn cục diện chính trị chuyên chính của giới quý tộc”. Hàn Phi Tử lấy chính trị quân chủ tập quyền làm mục tiêu của ông, đó là kết luận mà ông rút ra được từ những suy nghĩ sâu sắc về hoàn cảnh lúc bấy giờ. Giới quý tộc bị chia năm xẻ bảy, chia nhau để trị, tất nhiên không có được lý tưởng trung ương tập quyền đại nhất thống của bậc đế vương. Chúng ta có thể trách cứ Hàn Phi Tử khi ông nói tới nền chính trị đế vương mà không nói tới nền chính trị dân chủ. Cũng cần biết rằng 2300 năm trước, nền chính trị quân chủ trung ương tập quyền còn là một dự đoán, phải chờ đến đế quốc nhà Tần hoàn thành việc thống nhất mới thực hiện được. Đã nói tới nền chính trị đế vương thì vua chúa là đại biểu cho quốc gia, vì vậy phải tôn sùng vua chúa, vua chúa phải có quyền lực, vì vậy phải “nhiệm thể”, cai quản đất nước phải theo nguyên tắc nhất định (pháp), cũng cần phải lựa chọn những thủ đoạn để điều khiển một cách sáng suốt (thuật), mới có thể khiến cho thần dân hết lòng hết sức mưu lợi cho đất nước. Đằng sau chủ trương cùng thực thi pháp và thuật của Hàn Phi Tử có cơ sở lập ngôn, lý luận của nó, Hàn Phi Tử quan sát nhân tính bằng một nhãn quan lạnh lùng, ông phát hiện ra tâm lý mưu lợi riêng không thể loại bỏ được. Đã trị quốc tất phải chăm lo tới toàn thể dân chúng, nhưng cũng không thể coi một số ít những người trong sạch tự túc như Bá Di, Lão Dam (chỉ Lão Tử) là tiêu chuẩn, mà tất phải dựa trên nguyên tắc lớn mà mưu lợi chung cho quốc gia, về cơ bản thỏa mãn được tâm lý mưu lợi riêng của mọi người ở mức vừa phải. Vì con người ta chỉ hướng tới cái lợi mà né tránh cái hại, nên định ra việc thưởng phạt, và phải thưởng cho nhiều phạt cho nặng, thật thà ngay thẳng. Do ước muốn của con người là vô cùng, về mặt dùng người tất phải có thẩm tra sắp xếp một cách khách quan, công bằng bằng phương pháp chặt chẽ, thiết thực công khai khiến bề tôi không có đường nào để mưu lợi, ngăn chặn triệt để sự hãnh tiến, bề tôi tất nhiên sẽ an phận thủ thường, tận tâm tận lực và giới hạn cuối cùng sẽ là bề tôi đều đạt

được cả hiệu quả và lợi ích, vua được cả hai mặt hiệu quả và đức độ. Một cơ sở lý luận khác nữa của Hàn Phi Tử là sự tiến hóa của lịch sử. Pháp gia dám đứng cầm đôi mặt với khó khăn, mạnh dạn mưu cầu sự chuyển biến đổi mới. Hàn Phi Tử coi trọng những vấn đề của hiện thực, nhìn thẳng vào những khó khăn vướng mắc, có biện pháp tùy cơ ứng biến. Trong thời kỳ cuối của thời chiến quốc, xã hội thay đổi nhanh chóng, công thương nghiệp ra đời và phát triển, người ta đua nhau trục lợi, các nước chinh phạt lẫn nhau bằng vũ lực, hoàn cảnh thời đại khác xa thời Xuân Thu, cũng khác hẳn với thời Tam hoàng Ngũ đế, chính sách ứng phó tất nhiên phải có sự thay đổi. Bởi vậy Hàn Phi Tử chống lại sự thủ cựu nệ cổ của các phái Nho giáo, Mặc giáo, Đạo giáo, phải căn nhắc thời thế, tùy cơ ứng biến, tiến tới mục tiêu giàu mạnh, Ông ra sức tán dương cho học thuyết của Pháp gia, coi đó là phương án tốt nhất để tùy cơ ứng biến với thời cuộc, thường phạt theo pháp luật thì phải nhất quán, chỉ một con đường là trị quốc an dân. Cơ sở lý luận thứ ba của Hàn Phi Tử là : Cần phải có thực lực đầy đủ, ổn định thống nhất, dân giàu nước mạnh, là quốc sách chung của các

chư hầu cuối đời Chu, đó cũng là mục tiêu vĩnh cửu để trị quốc về mặt đối nội cũng như đối ngoại từ trước tới nay.

Do bản tính con người là mưu lợi riêng, thời cuộc thay đổi mau lẹ, giữa các nước với nhau thì mạnh ai nấy lo, tất cả đều lấy chuyện lợi hại làm tiền đề, quay sang xâm lược chiếm đoạt, không còn gì là đạo nghĩa nữa. Hàn Phi Tử đã thuận theo thời thế, chủ trương bổ sung thực lực, dồn sức cho sự phú cường, để khi lui có thể tự bảo vệ mình, khi tiến có thể tranh bá đồ vương. Ông cho rằng muốn có được sự phú cường tất phải bắt đầu từ nội chính, vận dụng toàn bộ những biện pháp của phép thuật thế, tự lực cánh sinh, thực hành chủ nghĩa trọng nông (coi trọng việc phát triển nông nghiệp) và chủ nghĩa quân phiệt.

6. Bổ sung những thiếu sót của Nho học.

Đối với Hàn Phi Tử, các học giả thời cổ có người khen ngợi, cũng có người chê bai. Học thuyết của Hàn Phi Tử trái với học thuyết của Nho gia là nguyên nhân chính để người đời sau bài xích ông. Mạnh Tử chủ trương vương đạo, cố sức cho việc lấy đức để thu phục lòng người, vùi dập bá đạo, chống lại việc lấy sức mạnh để thu phục con người. Điều mà Hàn Phi Tử đề xướng lại chính là triết học bá vương dùng sức mạnh để khuất phục con người, những người tôn sùng Mạnh Tử nói chung thì chửi bới bài xích Hàn Phi Tử. Nếu nhìn từ điều kiện khách quan mà nói về lý luận cai trị đất nước thì chính sách ổn định thống nhất, phú cường bá vương mà Hàn Phi Tử theo đuổi đều không thể chê trách quá đáng được. Chỉ có làm được “bá” có sức mạnh không thể coi thường thì mới làm “vương” được, mới có thể nói tới đạo nghĩa được. Trong “Hán thư nghệ văn chí” của Ban Cố đời Đông Hán đã phê phán Pháp gia : (thương ân bạc hậu) ảnh hưởng sâu sắc tới đời sau. Trong thực tế, Hàn Phi Tử đã coi “pháp” là chuẩn mực cao nhất của việc cai trị đất nước, trước khi thi hành pháp luật thì không thể kể đến chuyện thân hay sơ, sang hay hèn, tất cả đều bình đẳng, nó đột phá tính chất giai cấp và tính chất bí mật của Lễ và pháp trước đó. Bất kể người nào, một khi đã xâm phạm tới pháp luật công khai và công bằng thì phải xử phạt theo pháp luật, tất nhiên không thể chỉ chú ý đến tình cảm riêng tư, cũng không thể nói tới quan hệ thân sơ trong thời kỳ phong kiến quý tộc. Đó là một sự cách tân đối với xã hội của các Pháp gia, cũng là một tiến bộ lớn trong lịch sử loài người. Tinh thần pháp trị khó mà có được này sẽ được loài người tiếp tục áp dụng trong thực tế, nó không những không bị coi là khuyết điểm mà còn là nét đặc sắc đáng được ca ngợi.

Để theo đuổi học thuyết Pháp gia, Hàn Phi Tử đã có lúc còn phê phán lý luận Nho gia một cách không thương tiếc, do lập trường khác nhau, nên lập luận trái ngược nhau như nước với lửa. Dựa vào cách nhìn tiến hóa của lịch sử, ông chống lại việc các

nhà nho viện dẫn các tiên vương, noi theo Nghiêu Thuấn. Dựa vào bản tính lo cho lợi ích riêng của con người, cùng với sự chú ý đến tính phổ biến và tính tất nhiên của chính trị, ông chống lại việc cảm hóa bằng đạo đức, ông tin vào đất nước phải có thực lực đầy đủ, và ông phản đối nhân nghĩa. Dựa vào quan điểm “thượng pháp” (coi trọng pháp luật) và “thượng công” (coi trọng công dụng) ông chống lại biện trí chống lại việc các nhà nho mượn học thuật để can thiệp vào pháp luật, ông cũng chống lại các hiệp khách xúc phạm cấm lệnh bằng võ nghệ. Lý luận của ông thoát tiên làm cho người ta kinh ngạc, nhưng nếu truy tìm nguyên nhân một cách kỹ càng thì có một đạo lý sâu sắc của nó. Mãi cho tới ngày nay ta vẫn có thể phát hiện ra rằng : Học thuyết của Hàn Phi Tử quả thật rất giàu chất trí tuệ, đủ để bổ sung cho những thiếu sót của Nho học.

Trong hoàn cảnh xã hội công thương, bản tính con người phức tạp, thì muốn duy trì sự ổn định và trật tự của xã hội công thương sẽ không thể chỉ dựa vào trung hiếu tiết nghĩa theo kiểu truyền thống và nền giáo dục bất chước thánh hiền, mà tất cả phải tích cực bồi dưỡng quan niệm “giữ gìn luật pháp, đó là đạo đức”. Hàn Phi Tử có biện pháp thẩm tra sắp xếp rất chặt chẽ trong việc dùng người. Ông chủ trương nghiêm trị những kẻ bất chấp pháp luật làm phương hại đến trị an, ông cũng đề xướng tâm lý yêu nước sâu sắc : “*công trung thể quốc ái quốc*”, những việc đó đều đáng để làm gương. Quan điểm “tất cả cho đất nước” của ông trong thời kỳ không bình thường sẽ càng giống như tinh thần thực thi luật giới của một nước dân chủ. Tất cả những gì trình bày trên đây đều là những lời nhấn nhủ của Hàn Phi Tử, nhưng rất đáng để chúng ta tham khảo áp dụng trong thực tế.

7. Phương pháp đọc Hàn Phi Tử.

Cứ đem lịch sử chính trị học ra mà nói thì Hàn Phi Tử là bộ sách cổ quan trọng của Trung Quốc, nhưng nhìn nhận về mặt học thuật thì không thể phủ nhận một điều là Hàn Phi Tử vẫn

còn những khiếm khuyết. Ông có một số bài nghị luận tỏ ra thiếu đầy đủ do tính chất tranh biện hoặc do lập trường khác nhau nên không tránh khỏi chuyện khen hoặc chê quá mức. Nhưng nếu chúng ta xem xét kỹ lưỡng hoàn cảnh thời đại và thân thế của ông cũng như luận thuyết của ông thì sẽ có sự lý giải đầy đủ, thấy rõ được cái được cái mất và cái lợi cái hại của ông. Bởi vậy quan tâm đến thời đại và cảnh ngộ của tác giả là thái độ chính yếu của chúng ta khi nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của bậc hiền triết đời trước. Hàn Phi Tử coi trọng việc tùy cơ ứng biến, chúng ta nghiên cứu Hàn Phi Tử tất phải hiểu thấu hoàn cảnh mà ông ứng xử mới có thể phê phán những phương sách và sự ứng biến của ông, từ đó có được những gợi ý hoặc những điều bổ ích cho việc nghiên cứu thảo luận về thời đại mới, lý luận mới.

Hàn Phi Tử, trước đây gọi là Hàn Tử. Trong “Hán thư nghệ văn chí” có ghi thành 55 thiên, phù hợp với số văn bản còn giữ lại cho đến nay. Theo đánh giá nhìn nhận của Kỷ Hiếu Lan trong “Tứ khố toàn thư tổng mục đề yếu” thì có thể khi viết tác phẩm này lúc đầu cũng đều có các trọng điểm, các thiên của nó, sau này mới được các đệ tử thu thập, sắp xếp lại. Tư Mã Thiên trong “Sử ký Hàn Phi truyện” có đề cập tới Hàn Phi Tử và đã viết về các tác phẩm “Cô phần”, “Ngũ đồ”, “Nội ngoại trừ thuyết”, “Thuyết lâm”, “Thuyết nan”. Cộng cả thảy hơn mười vạn chữ. Mấy cuốn đó được Tư Mã Thiên coi là tác phẩm đáng tin cậy nhất. Nhìn chung các học giả nghiên cứu về Hàn Phi Tử đều coi mấy thiên này là chính, lại đem so sánh với các thiên mục khác, có thể thẩm định được các thiên như “Hiển học”, “Định pháp”, “Nan thế”, “Vấn biện”, “Lục phần”, “Ngụy sử”, “Vọng trưng”, “Nam diện”, “Bát kinh”, “Bát thuyết”, “Bị nội” đều thống nhất với tư tưởng của các thiên quan trọng, cũng là những thiên đáng tin cậy. Còn các thiên khác như “Nhị bình”, “Dụng (hình đức) xưng (thường phạt)” có thể là bất chúơc thời Xuân Thu. Thiên “Trung hiếu” thì coi người dân là “dân đen”, thiên “Nan tam” khen “Yến tử khoái

phi tôn khanh”, đều có thể là người đời sau làm cho rối thêm, nhưng về đại thể đều không thể tách khỏi nội dung chủ đạo trong việc luận thuyết của Hàn Phi Tử. Lại như thiên “Chủ đạo”, “Dương quý” đều đề cao học thuyết vô vi của Đạo gia, lấy đó để xây dựng nên đạo lý làm vua chúa của Pháp gia, về hình thức thì vẫn là dụng vận, thiên “Giải lão” giải thích về Lão Tử có nhiều điểm phát triển sâu, nhưng lại lộ rõ một số điều kiện giải của Pháp gia. “Du lão thiên” nói chung cũng lấy quan điểm của Pháp gia để trình bày, đề cập tới nhiều mặt của Lão Tử, và cũng thường vượt khỏi các phạm trù của Đạo gia. Tất cả những mặt đó đều chỉ rõ rằng Hàn Phi Tử đã học hỏi ở Đạo gia nhưng vẫn mang phong cách riêng.

Nghiên cứu và học hỏi về Hàn Phi Tử ngoài việc dựa vào sự hiểu biết về tư tưởng Pháp gia với những nội dung chính của nền thống trị quân chủ có từ hàng ngàn năm, còn có thể lấy đó để mở rộng suy xét lại tư tưởng Pháp gia của các bậc tiền bối khác (như Quản Tử — tức Quản Trọng, Thương Quân thư — tức Thương Ưởng) để so sánh với học thuyết của các tác giả khác, tham khảo lý luận chính trị qua các thời đại lịch sử, làm công việc nghiên cứu so sánh với học thuyết tương tự, để tìm tòi tra cứu được lý luận chính trị phù hợp với hoàn cảnh của thời đại hiện nay. Còn nếu nói về sự hoa mỹ, cẩn nghiêm, sắc bén, sáng khoái của Hàn Phi Tử thì có thể lấy đó làm những bài văn mẫu. Cái hay cái giỏi của việc vận dụng là ở chỗ toàn tâm toàn ý, thu thập hay trích dẫn, hoàn toàn là do độc giả.

8. Thể lệ của cuốn sách này.

Tôn chỉ và mục đích chính trong cách trình bày của cuốn sách này là ở chỗ diễn đạt những tinh hoa của tác phẩm Hàn Phi Tử bằng hình thức đơn giản dễ hiểu. Có bài viết của Hàn Phi Tử tuy không được coi là sâu sắc, nhưng suy cho cùng thì đó là tác phẩm có từ hai ngàn năm trước, về từ vựng, văn pháp không giống với hiện nay, lý luận của Hàn Phi Tử bề bộn phức tạp, chặt

chê thấu đáo thì trong thời gian ngắn không dễ gì trình bày cho rõ ràng được, có tư tưởng còn mâu thuẫn với học thuyết truyền thống của Nho gia khó mà lắng đọng và lí giải. Cuốn sách này lấy hệ tư tưởng của Hàn Phi Tử làm cương lĩnh, cần nhắc từng bước trên cơ sở lí luận, bằng mọi cách giới thiệu lại một cách mạch lạc. Để đạt được mục đích đơn giản hóa, thi vị hóa nguyên tác, cuốn sách này lấy đoạn làm chính, sắp xếp xen kẽ phép bài tỉ giữa lý luận và sự việc, đưa ra những trọng điểm tóm tắt chính, có thêm phần giải thích để nói rõ những khác biệt giữa cổ và kim, trả lại nét đặc sắc trong lập thuyết của Hàn Phi Tử, có thể rộng đường suy nghĩ, làm phong phú thêm học vấn và thái độ đối nhân xử thế của độc giả. Những dẫn chứng chủ yếu mà ông nêu ra có nhiều cái lấy từ những thí dụ thực tế của lịch sử, và cũng có không ít dẫn chứng được lấy từ những câu chuyện ngụ ngôn nhằm tô đậm thêm những tỉ dụ, vừa trang nghiêm vừa khôi hài. Qua đó độc giả có thể nghiên cứu học hỏi từ những cái hay của sự thật lịch sử, hiểu được xuất xứ của các điển cố, thành ngữ, đồng thời học hỏi để làm nổi bật nội dung theo nghiệp cầm bút sáng tác.

Do giảng giải và thuyết minh theo từng đoạn nên khó tránh khỏi những sơ sót nhỏ do không thấy hết được những kỹ xảo điều luyện của toàn thiên, những cái hay cái đẹp và tài tình trong kết cấu chương pháp của tác giả. Bởi vậy chủ tâm dựa vào ba mục đích lớn là Pháp, Thuật, Thế, chọn lựa lấy những phần ngắn gọn, tiêu biểu : “Định pháp”, “Nhị binh”, “Nan thế” được dịch thuật và giải thích toàn thiên, mong rằng nó có thể từ đó mà hiểu được những thành tựu đặc biệt của Hàn Phi Tử về mặt văn chương.

Ngoài ra, “thuyết nạn” của Hàn Phi Tử đã nói lên muôn vàn khó khăn trong việc khuyên can vua chúa, không những phản ánh thói ngông nghênh càn rỡ của một vài vua chúa thời đó và chính bản thân Hàn Phi Tử cũng nhiều lần can gián vua, đó có thể làm tư liệu nghiên cứu lịch sử xã hội thời chiến quốc, hơn

nữa lời văn hoa mỹ, bố cục cầu kỳ, dẫn chứng tỉ mỉ xác thực đã được sử ký ghi lại toàn văn với giá trị văn học rất cao. Bởi vậy trong cuốn sách này làm việc mở đầu cho một chương mới là viết lại toàn văn, có thêm phần trình bày cụ thể trong phần “giải thích”, do có sự cân nhắc kỹ lưỡng các tình huống sách còn liệt kê những tư liệu lịch sử để tham khảo, mong muốn nó phù hợp với sự thật lịch sử, đồng thời vẫn mong nó có được thêm những nét ý vị.

Cuốn sách này có phần dị nghĩa hoặc vấn đề đặc biệt trong phần trích dẫn nguyên văn, trong phần cuối mỗi bài đều có thêm phần chú thích những mục những bài dẫn chứng có liên quan đều để trong dấu ngoặc ở cuối bài. Khi hiện tượng xuất hiện lần đầu thì cứ y theo giải thích có trong phần chú thích, và sau sẽ không nhắc lại nữa.

Trong sách này có trích tuyển những tinh hoa từ nguyên tác của Hàn Phi Tử. Chỉ mong các độc giả có cảm hứng coi đó là nhíp cầu để có thể tiếp thêm một bước trong quá trình đọc các tác phẩm gốc của Hàn Phi Tử, lĩnh hội được cái “thần” của Hàn Phi Tử, tiến thêm nữa trong việc cảm thụ được trí tuệ của Hàn Phi Tử.

MỘT : QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HÀN PHI TỬ

1 — BẢN TÍNH CON NGƯỜI LÀ MƯU LỢI RIÊNG CHO MÌNH

Con người ta bẩm sinh rồi cuộc có những tính tình như thế nào ? Những tính tình có ảnh hưởng đến tư tưởng và hành vi của con người, mỗi cá nhân trong tập thể. Tư tưởng, hành vi đó tốt hay xấu, trực tiếp hay gián tiếp đều ảnh hưởng tới trị an của đất nước. Hàn Phi Tử sinh ra trong thời kỳ cuối cùng của thời chiến quốc đầy rẫy những tranh giành xâu xé. Để cứu vãn nước Hàn yếu ớt, tìm phương án giải quyết những câu hỏi của thời đại bằng cả lòng nhiệt thành, ông như người thầy thuốc chẩn đoán căn bệnh cho con người, chỉ ra được những căn bệnh vốn có của thời đại, đó là tâm lý mưu lợi cho riêng mình cố hữu trong mỗi con người.

Bản tính con người suy cho cùng phải chăng là thiện ? Mạnh Tử nói về tính thiện, nhưng không hề phủ nhận rằng mọi người đều chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh sống trong thời gian họ lọt lòng mẹ để sống riêng và mối quan hệ với đời thường, họ có thể rơi vào sự chìm đắm. Cho nên cần phải thuần dưỡng tính thiện cho thật tốt, phải kiềm chế những ham muốn. Chúng ta tìm tòi tra cứu xem tại sao lại chịu ảnh hưởng để rồi có sự thay đổi hay đắm đuối ? Hàn Phi Tử cho rằng chính là tâm lý mưu lợi cho riêng mình. Tuân Tử nói về tính ác, bởi chính vì lý luận đó mà hơn hai ngàn năm nay Tuân Tử bị hiểu lầm, bị đối xử lạnh nhạt. Nhưng dù sao thì chúng ta cần hiểu rằng : Cái gọi là “tính” mà

Tuân Tử nói tới thật ra chỉ là dùng để chỉ những ham muốn vô cùng vô tận. Vì những ham muốn vô cùng vô tận đó mà con người ta khó tránh khỏi sự tranh giành, làm hại nhau. Vì vậy Tuân Tử muốn đề xướng một sức mạnh trong đó con người sống vì lễ nghĩa, làm cho con người kiềm chế được lòng ham muốn, sửa đổi uốn nắn những hành vi lệch lạc sai trái. Tư tưởng “lễ trị” của Tuân Tử đã được hình thành trên sức mạnh giáo hóa, con người sống vì lễ nghĩa mà chính ông đã xác nhận có thể làm thay đổi những ham muốn khôn cùng có tính chất bản sinh của con người, nhằm duy trì trật tự và an toàn cho xã hội. Hàn Phi Tử là học trò của Tuân Tử, nhưng ông nói tới những vấn đề thiết thực hơn, cụ thể hơn. Đó là : bản tính của con người là mưu lợi cho riêng mình. Con người ta luôn tính toán cho riêng mình, cái gì có lợi thì làm, cái gì có hại cho mình thì tránh né. Điều mà Tuân Tử nói tới như “ham muốn cái lợi, căm ghét cái ác” thực ra chính là sự tính toán cho riêng mình mà thôi.

Các học giả Trung Quốc xưa nay đều không dám nói tới cái “lợi” như nói về lợi ích của riêng mình, là chuyện rất xấu xa bẩn thỉu, có hại cho nhân cách trong sáng; sự thật thì người nào làm việc mà lại chẳng tính toán so đo hơn thiệt, lại chẳng chọn lấy cái lợi né tránh cái hại ? Quan niệm về dân chủ hiện nay khi nói tới quyền thì cũng phải nói tới lợi. Quyền lợi của con người là tiền đề quan trọng trước hết phải nói tới. Trong các biện pháp điều hành chính sách của quốc gia dân chủ trên thế giới thì quyền lực và lợi ích của quốc gia không thể xem thường, lợi ích chung của quốc gia là điều mà toàn dân phải cùng chung gắng sức giành lấy. Nói như vậy thì bàn về cái “lợi” có gì không thỏa đáng ? Theo tình hình thực tế mà nói thì tâm lý mưu lợi cho riêng mình và tính toán cho riêng mình đã tồn tại một cách phổ biến, nó ảnh hưởng tới cách nhìn nhận của mọi người đối với sự vật, nó cũng ảnh

hường tới hành vi của con người, và đó chính là vấn đề không thể không lưu ý. Hàn Phi Tử là người thực sự tích cực có chí tiến thủ, ông chủ trương đối mặt với hiện thực, đi tìm biện pháp giải quyết thích hợp vấn đề. Ông không hề phủ nhận rằng con người ta có tính thiện, mà ông chỉ cho rằng hoàn cảnh lúc đó không còn thuận phác như thời cổ nữa, trong hoàn cảnh tranh giành hỗn loạn đó thì bản tính rõ nhất mưu lợi cho mình vốn là bản sinh của con người sẽ lộ rõ, không thể điều khiển nổi. Người biết tự kiềm chế một cách thực sự, biết dừng đúng lúc đúng chỗ thì thật là hiếm hoi. Nhưng lý luận chính trị của Pháp gia luôn nhìn thẳng vào đông đảo quần chúng nhân dân, coi trọng hiệu quả phổ biến và tuyệt đối. Bởi vậy thấy rằng không thể trông mong ở mọi người đều hướng thiện, có thể chỉ dựa vào cảm hóa bằng đạo đức là giải quyết được vấn đề mà cần phải nhìn thẳng vào căn bệnh là bản tính con người ta chỉ mưu lợi cho riêng mình, phải theo xu thế phát triển của sự vật mà dẫn dắt, nghiên cứu cho được phương sách chặt chẽ ổn thỏa. Trước tiên đề lớn là lợi ích quốc gia, có thể làm cho mọi người ai cũng được lợi há chẳng phải là hoàn cảnh sống hạnh phúc khá lý tưởng hay sao ? Hệ thống lý luận về trị quốc của Hàn Phi Tử đã ra đời và phát triển trên quan điểm “nhân tính tự lợi” như vậy.

1. Chạy theo cái lợi

Con lươn ⁽¹⁾ có thân hình nhót nhọt, nó tựa như con rắn lạnh lùng, lạnh lẽ. Con tằm có thân hình mềm nhũn tựa như con sâu hôi ⁽²⁾ thích ăn lá quít lá bưởi. Mọi người nhìn thấy rắn thì kinh sợ, nhìn thấy con sâu hôi thì dựng đứng cả tóc gáy, toàn thân nổi da gà. Nhưng những người đánh bắt cá thì nắm chặt con

(1) Nguyên văn là “tự xà”, giống như lươn.

(2) Nguyên văn là “tằm tự”, là loại côn trùng có hại, rất giống tằm ký sinh trên cây dâu, cây quít, cây bưởi. Nó có mình đen, lớn bằng ngón tay, có mùi hôi.

lươn trong tay, những người phụ nữ nông dân thì chọn lựa những con tầm. Phàm là những nơi có ích lợi thì con người ta tự nhiên quên hết cả nỗi chán ghét của mình, cứ nhào tới chẳng khác gì các dũng sĩ thời cổ như Mạnh Bôn, Chuyên Chư vậy ⁽¹⁾

(Nội trữ thuyết thượng)⁽²⁾

Giải thích :

Quản Trọng đã từng nói với Tề Hoàn Công rằng : Con người ta đều có hành vi của riêng mình, không phải nhận định rằng cứ làm như vậy là có thể mang lại danh tiếng mà nhận định rằng làm như vậy sẽ có những lợi ích nào đó ⁽³⁾. Người ta thường dẫn ra câu tục ngữ “Con người ta chết vì của cải, con chim chết vì miếng ăn”. Trong quảng đại quần chúng, người ta vì lợi ích nào đó mà quên cả nỗi hiểm nguy cho mình, cứ nhào tới, ở đâu cũng có thể thấy được. Hàn Phi Tử nói : “Làm ruộng là công việc rất cực khổ vất vả, nhưng trăm họ đều tự nguyện làm. Họ nghĩ rằng tương lai có thể vì vậy mà giàu có, chiến trận là công việc rất nguy hiểm, nhưng trăm họ đều tự nguyện gánh vác, họ nghĩ rằng tương lai có thể nhờ đó mà vinh hiển phú quý. Làm ruộng và đánh giặc là những chuyện quan trọng để mưu cầu sự giàu mạnh cho đất nước. Muốn động viên được hai việc đó phải dựa vào sự hiểu

(1) Mạnh Bôn là dũng sĩ thời Chiến Quốc, còn gọi là Mạnh Thuyết. Tương truyền rằng ông có thể bẻ cả sừng trâu khỏe, Tần Vũ Vương đã thử sức với ông, nhắc bóng cả cái đỉnh, bị té ngã mà chết. Người Tần đã giết ông, còn tịch thu gia sản của ông. Chuyên Chư là thích khách của nước Ngô thời Xuân Thu, ông đã giúp Công Tử Quang đâm chết Ngô Vương Liêu, bản thân ông cũng bị giết hại. Công Tử Quang chính là Hạp Lữ, cha của Ngô Vương Phù Sai.

(2) Câu chuyện này được viết tại dựa theo thiên “Nội trữ thuyết thượng”. Hàn Phi Tử có cả thiên “Nội trữ thuyết hạ”, sưu tập nhiều câu chuyện truyền thuyết để trình bày về các thứ quyền thuật của vua chúa dùng để cai quản quyền thần, nó cũng trình bày về cái được của việc dùng pháp thuật và cái hại của việc không dùng pháp thuật.

(3) Xem thiên “Nội trữ thuyết thượng” của Hàn Phi Tử

biết về bản chất con người là mưu lợi cho riêng mình" ⁽¹⁾. Hàn Phi Tử còn cho rằng cần phải tăng thêm phúc lợi cho những nhà nông và các chiến sĩ, đó chẳng phải là lý luận hết sức thiết thực sao ?

2. Lĩnh canh tha Ngũ Tử Tư

Ngũ Tử Tư ⁽²⁾ từ nước Sở chạy trốn sang nước Ngô. Lĩnh canh gác ⁽³⁾ ở biên giới bắt được ông. Ngũ Tử Tư nóng lòng muốn thoát thân liền làm mặt nghiêm nói với lĩnh canh rằng : "Quốc vương muốn bắt ta vì ta có một vật báu hết sức đẹp và quý. Giờ đây ta bị bắt, tới lúc gặp quốc vương ta sẽ nói rằng người đã lấy của quý và nuốt mất rồi". Thế là lĩnh canh phải vội vàng thả Ngũ Tử Tư ra.

(Thuyết lâm thượng) ⁽⁴⁾

Giải thích :

Sở Bình Vương do tranh nhau với con trai để lấy người con gái đẹp của nước Tần làm thiếp nên đã mượn cớ đó để giết cha và anh của Ngũ Tử Tư là Ngũ Xa và Ngũ Thượng. Tuy bị tù oan,

(1) Xem thiên "Ngũ đồ" (năm thứ một) trong 49 thiên của Hàn Phi Tử. Năm thứ một ở đây dùng để chỉ năm hạng người không có ích gì cho việc làm ruộng và đánh giặc, đó là : nhỏ sinh, thuyết khách, du hiệp, kẻ trốn lính, những người làm công thương. Hàn Phi Tử chống lại những người này hoàn toàn xuất phát từ quan điểm công pháp và công dụng. Nội dung chính của các bài viết về năm loại một là dựa trên quan điểm tiến hóa của lịch sử, từ sự suy luận về biện pháp chính trị của Pháp gia trong thời kỳ không bình thường, và cuối cùng là tiến công vào "năm thứ một" đó — những người đối lập với chủ trương của Pháp gia mà theo ông thì chẳng có lợi ích gì cho chính sách dựa vào làm ruộng và đánh giặc mà trở nên giàu mạnh.

(2) Ngũ Tử Tư, tên là Ngũ Viên, bị oan ức nên phải chạy trốn khỏi nước Sở, giúp Hạp Lư mở mang bờ cõi, sau đó quay lại đánh Sở, lũng nhục phân mộ của Sở Bình Vương, trút hết nỗi hờn oán chứa chất trong mười mấy năm. Về sau Thân Bao Tự khóc Tần trong bảy ngày, quân Tần tới mới giải được mối nguy của Sở.

(3) Nguyên văn là "biên hậu" nghĩa là lính trinh sát ở biên giới.

(4) "Thuyết lâm" có nghĩa như "tuyển tập những câu chuyện truyền thuyết". Do bài viết nhiều và phức tạp nên chia làm hai thiên trên và dưới. Hàn Phi Tử đã ghi lại nhiều câu chuyện có thể dùng làm tài liệu được trình bày trong các bài luận văn.

nhưng ở vào thời đó Sở Bình Vương đã treo thưởng và ra lệnh truy nã ông, ông là kẻ tội phạm bị truy nã. Lĩnh canh bắt được ông tất sẽ được trọng thưởng, nhưng nếu bị nghi ngờ là đã nuốt viên ngọc quý thì những đế vương chuyên chế quen coi mạng người như cỏ rác như Sở Vương sẽ tất phải mổ bụng tên lĩnh canh, nghĩa là nó sẽ phải chết. Lòng dạ mưu lợi riêng cho mình đã khiến tên lĩnh canh thả Ngũ Tử Tư ra. Ngũ Tử Tư nhờ mưu trí mà bảo toàn được tính mệnh. Có thể nói đó là do khéo lợi dụng nhược điểm do mưu lợi riêng của con người.

3. Dạy con gái lo thu vén vốn riêng

Có người nước Vệ đem con gái gả cho người ta, có dặn con rằng : “Sau khi về đến nhà chồng nhất định phải tìm cách lén lút mà thu vén tiền vốn riêng cho mình. Cưới xong là đã thành vợ người ta, bị trả về nhà mẹ ruột ⁽¹⁾ là chuyện vẫn thường thấy. Vợ chồng giữ gìn cho nhau thì đó là điều may mắn”. Sau khi con gái về nhà chồng quả nhiên cứ theo lời dạy của cha lén lút lo thu vén vốn riêng cho mình. Bà mẹ chồng thấy con dâu chỉ biết lo cho riêng mình liền trả về cho nhà mẹ ruột. Những tài sản, vật chất mà cô ta mang về nhà mẹ mình còn nhiều gấp mấy lần đồ dẫn cưới.

Người nước Vệ không hề thấy được rằng dạy con gái mình lo thu vén tiền vốn riêng có cái gì đó không thỏa đáng mà chỉ biết rằng mình có được giàu có hơn trước. Ngày nay những người làm quan nói chung đều như vậy cả.

(Thuyết lâm thượng)

Giải thích :

Hai cha con người nước Vệ là điển hình cho chủ nghĩa tôn

(1) Nguyên văn là “Vị nhân phụ nhi xuất”. Thời cổ có tập tục gọi là “Xuất thê”, người phụ nữ sau khi gả về nhà chồng, nếu có những biểu hiện không hợp với yêu cầu của nhà chồng thì cha mẹ chồng hoặc chồng đều có thể đem cô ta trả về nhà cha mẹ ruột, đó là kiểu ly hôn tự nguyện một phía, là cảnh ngộ đau lòng nhất của người phụ nữ nói chung.

thờ đồng tiền trong thời buổi loạn lạc. Để thu vén vốn riêng mà can tâm cắt đứt cuộc sống của cả đời con gái. Điều đáng nói là ông ta chỉ nhìn thấy lợi ích trước mắt, gạt bỏ lợi ích lâu dài. Hàn Phi Tử cho rằng một số người làm quan thời ấy cũng thường vì tham ô mà bị cách chức, tình hình cũng giống như ở nước Vệ vậy, trong đó còn bao hàm một đạo lý khiến người ta phải cảnh giác nữa.

4. Tâm lý mưu lợi khi còn chức nghiệp

Có anh chàng đánh xe giỏi là Vương Lương ⁽¹⁾ rất yêu quý ngựa, Hiền Vương Câu Tiễn của nước Việt yêu quý muôn dân, đó là vì muốn dùng ngựa để rong ruổi đây đó, dùng người để đánh trận. Người thầy thuốc khéo mót vết thương, miệng ngậm máu mủ của người bệnh ⁽²⁾, họ chẳng có quan hệ gần gũi ruột thịt máu mủ gì, chẳng qua là trông vào lợi ích do tiền bạc chữa bệnh mà con bệnh phải trả mang lại cho họ. Cho nên người làm kiệu thì cứ làm kiệu cho tốt cũng chỉ mong cho người đều giàu sang phú quý, người đóng quan tài thì làm quan tài cho tốt cũng chỉ mong cho thường có người chết. Như vậy không phải nói rằng tấm lòng của người làm kiệu thì nhân ái, còn của người thợ đóng quan tài thì ác độc hại người, chẳng qua là nếu người ta không được giàu sang phú quý thì kiệu không bán được, người ta không chết thì quan tài không có người mua. Tính tình của người thợ đóng quan tài thật không phải là của người đáng căm ghét, chẳng qua là dựa vào nghề nghiệp, trông vào những cái quan tài để có miếng ăn, có người chết đi, họ mới có được lợi ích để mà lo cuộc sống chứ?

(Bị nội) ⁽³⁾

(1) Vương Lương là người nước Tần vào thời Xuân Thu, đánh xe giỏi nổi tiếng khắp xa gần. Hàn Phi Tử thường lấy chuyện Vương Lương giỏi đánh xe làm thí dụ tiêu biểu.

(2) Vào thời cổ ngoại khoa học không được phát triển, có những vết thương mưng mủ còn phải dùng miệng để mót máu mủ trong vết thương rồi mới cho thuốc chữa trị.

(3) "Bị nội thiên" có nội dung chính nói về bản tính mưu lợi riêng của con người. Vua phải đề phòng hậu phi và con trai bị bọn gian thần lợi dụng để ức hiếp vua, giết hại vua.

Giải thích :

Hàn Phi Tử đã phân tích một cách khách quan và lạnh lùng nguyên nhân cơ bản của hành vi con người đều là tâm lý mưu lợi riêng, những tính toán riêng về nghề nghiệp, tạo nên những ấn tượng bên ngoài dễ bị hiểu lầm. Cũng may mà ông được thâm nhập để mà phân tích, xem ra có vẻ như rất vô tình, chúng ta lại không thể không thừa nhận rằng những điều ông nói là thực sự có đạo lý. “Dư nhân thành dư tác dục nhân chi phú quý, tượng nhân thành quan tác dục nhân chi yếu tử dã” (Người làm kiêu làm ra kiêu chỉ mong cho người ta giàu sang, người thợ đóng xong quan tài chỉ mong cho người ta chết yếu), lời văn không những nghiêm trang thỏa đáng lưu loát mà nội dung còn chứa đựng đạo lý, đã trở thành câu nói nổi tiếng quen thuộc cho đời sau suy gẫm.

5. Từ mưu lợi riêng đến cùng có lợi

Có một người khi còn nhỏ cha mẹ đối xử với nó tùy tiện chẳng có lễ phép gì, khi nó lớn lên liền oán giận cả cha mẹ. Người con trai lớn lên đến tuổi thành niên, thân thể cường tráng thì sự phụng dưỡng đối với cha mẹ cũng trở nên khinh bạc, cha mẹ lại giận dữ mắng chửi. Con trai và cha là những người gần gũi nhất có quan hệ huyết thống vậy mà lại có người thì mắng chửi, có người oán giận, tất cả đều mang tâm lý là người khác phải tính toán cho mình, trách mắng người khác không thương tiếc chẳng phải đều là những người chỉ biết nghĩ cho riêng mình đó sao ?

Thuê mướn nhân công để cày cấy gieo trồng, người chủ không tiếc rẻ trong chi tiêu, lo chuẩn bị đồ ăn thức uống ngon lành để tiếp đãi, không tiếc rẻ trong chi trả những đồng lương hậu hĩ cho họ ⁽¹⁾, những việc đó chẳng phải là người chủ thương

(1) Câu này trong nguyên tác là “điều bố nhi cầu dĩ tiền giả”, Hàn Phi Tử có sửa chữa bổ sung là “điều tiền bố nhi cầu dĩ giả”. Thời cổ tiền bạc gọi là “bố” như “bạch bố” “đạo bố” “hóa bố” đều là tiền cả. “Điều” có nghĩa là lựa, chọn, “dĩ” có nghĩa là giới, khéo, “giả” là ngữ khí từ dừng, trong câu chỉ sự ngắt nghỉ, để trích dẫn ở đoạn sau, trình bày rõ lý do phải làm như vậy, câu này nếu dịch theo nghĩa đen thì là : “Lấy tiền để trả công thường vẫn phải tìm kiếm lý do xác đáng”.

yêu gì những người làm công, chẳng qua là ông ta thấy rằng làm như vậy thì những người cày thuê, cuộc mưu sinh sẽ càng rảnh sức làm, người làm cỏ thì làm cỏ kỹ hơn. Về phía những người làm thuê thì sao ? Việc cày bừa làm cỏ hết sức mình, lo sửa sang bờ thửa cũng chẳng phải vì họ yêu thương gì người chủ, mà họ nghĩ rằng có làm như vậy thì cơm nước mới có thể thơm tất, tiền bạc cũng dễ kiếm được nhiều hơn. Phía người chủ lo cung ứng đầy đủ, phía những người làm thuê thì bán sức mà làm lụng, mối quan hệ tựa như quan hệ ân huệ thân thiết giữa cha và con, ai cũng lo hết lòng hết sức, ai cũng được lợi, tất cả đều bởi họ mang tâm lý tính toán cho riêng mình, rốt cuộc lợi cho mình và lợi cả cho người.

Bởi vậy người ta khi làm việc là đã mang sẵn tâm lý chịu cực sẽ có lợi, dù người ở vùng đất Việt xa xôi cũng dễ dàng chung sống hòa thuận với nhau ⁽¹⁾, nếu cứ mang sẵn tâm lý cho rằng người ta chẳng mang lại lợi lộc gì cho mình, chỉ trông chờ vào sự chăm sóc của người khác, oán hận người khác bạc bẽo với mình, thì dù cho có thân thiết như cha con ruột thịt rồi cũng phải xa nhau, oán giận nhau. (Ngoại trừ thuyết tả thượng)

Giải thích :

Đoạn văn này có nội dung nhằm vào mối thân tình như cha với con cũng khó tránh khỏi chuyện có tâm lý mưu lợi cho riêng mình, khi có xung đột giữa lợi và hại thì oán giận trách móc lẫn nhau. Theo cách nhìn nhận của Hàn Phi Tử thì ông cho rằng giữa người với người đã không gạt bỏ được quan điểm mưu lợi riêng thì sẽ phải dứt khoát trong việc tính toán cân thận kỹ lưỡng xuất phát từ quan điểm mưu lợi riêng đó, thường vẫn có thể làm được tới mức vừa mưu được lợi riêng mà vẫn cùng có lợi. Chẳng hạn như quan hệ giữa người chủ và người làm thuê là như

(1) Nước Việt ở cách Trung Nguyên khá xa tập tục cũng không hoàn toàn giống nhau, trong các sách của Hàn Phi Tử thường lấy Việt để chỉ những nơi xa xôi hoặc những khái niệm và tập tục không giống nhau.

vậy, vốn là sự tính toán cho riêng mình, toàn tâm toàn ý lo cho công việc để rồi cuối cùng cả hai bên cùng có lợi. Như vậy mà so với những người chỉ biết đòi hỏi mọi người phải lo cho mình, không biết làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì họ còn tốt hơn nhiều. Điều đó cũng có nghĩa là tự tư tự lợi điều đó không quan trọng, mà điều quan trọng là chú ý đến mối quan hệ với những người xung quanh, tính toán chu đáo tỉ mỉ thì lợi ích của cả đôi bên có thể được điều hòa. Nếu đem những thí dụ hiện nay để bổ sung thì tiền công hậu hĩ cùng với đồ ăn thức uống tươm tất thịnh soạn là do người chủ không tiếc mà chi ra, đó cũng chính là lợi ích của người làm công, người chủ “bấm bụng” mà chi tiêu, thỏa mãn nhu cầu mưu lợi riêng của người làm thuê, họ sẽ càng gắng sức làm lụng. Ngược lại, người làm thuê bán sức lực mình mà làm lụng, đó là điều người chủ mong đợi, đối với chủ thì cũng có lợi, họ hy vọng vì vậy mà đổi lấy đồ ăn thức uống ngon hơn, được đãi ngộ hậu hĩ hơn. Chủ vừa lòng về những việc làm của họ, tự nhiên sẽ cảm thấy rằng chi thêm tiền công cũng xứng đáng.

Thật ra quan hệ cha con không phải như vậy. Nếu người làm cha mà hiểu được những lợi ích của con cái, chủ động đáp ứng nhu cầu của con cái, thì chúng còn điều gì oán trách nữa ? Phận làm con cái đối với cha cũng vậy. Quan hệ giữa người với người chẳng phải đều là như vậy cả sao ?

6. Quan hệ lợi hại giữa vua và tôi không giống nhau

Lợi ích của vua và tôi luôn mâu thuẫn với nhau. Nói vậy nghĩa là thế nào ? Lợi ích của vua là ở chỗ chọn lựa cho được những người có tài năng đảm nhận việc quan, còn lợi ích của bề tôi lại là ở chỗ không có tài năng nhưng vẫn được chức tước và việc làm như thường. Lợi ích của vua ở chỗ xem xét tuyển chọn thấy có công lao thì thưởng cho họ tước vị và bổng lộc; còn lợi ích của bề tôi lại ở chỗ không có công lao thành tích gì mà vẫn được giàu sang phú quý như thường. Lợi ích của vua ở chỗ đề cử được

những người hào kiệt, cho họ trở hết tài năng, còn lợi ích của bề tôi lại là kéo bè kéo cánh để làm điều xằng bậy. Cho nên đất đai của nhà nước ngày càng bị xâm phạm nhưng nhà riêng của bề tôi lại ngày thêm giàu có; Vua càng nhỏ bé thấp kém đi, đại thần thì lại càng được quý trọng. Rốt cuộc vua mất cả quyền lực và địa vị, còn bề tôi thì được cả quốc gia, Vua bị thủ tiêu cả tôn hiệu, bị giáng xuống làm kẻ lệ thuộc, còn đại thần thì chiếm đoạt cả chính quyền, đem phù tiết phong cho các tướng lãnh ⁽¹⁾. Vì bề tôi cuối cùng rất có thể đạt được kết quả là cướp đoạt được quyền lực địa vị nên họ vẫn thường lừa gạt vua, âm mưu lợi cho riêng mình. Cũng vì vậy mà một số đại thần quyền quý thời đó không tuân theo pháp luật, một khi quyền thế địa vị của vua thay đổi, những người được sủng ái tin dùng trước đây trong họ thì mười người không còn được hai ba người. Nguyên nhân là gì ? Tội lỗi mà bề tôi mắc phải nặng lắm. (Cô phần thiên) ⁽²⁾

Giải thích :

Lợi ích của vua và tôi đã bất đồng như vậy, ai nấy đã tự tính toán nếu mặc cho bề tôi vì tình riêng mà làm bậy, mà bọn bề tôi lừa dối tất nhiên rất đông thì vua nhất định phải tìm cách cai trị đất nước cho giỏi. Nếu những đại thần được quý trọng lại có quyền cao chức trọng vì lợi ích riêng mà lo làm xằng bậy thì sau cùng tất sẽ cướp đoạt quyền lực và địa vị của vua. Cho nên Hàn Phi Tử chủ trương rằng phải có chế độ sát hạch chặt chẽ và khách quan, đó chính là “thuật tham ngũ”, nó đòi hỏi thực chất

(1) Nguyên văn là “Chủ cánh xung phan thần, nhi tướng thất phưu phù.” Trong đó “phan” () và “phan” () có thể dùng thay cho nhau, “tướng thất” tức là tướng quốc, đại thần chấp chính. “Phưu phù” còn có nghĩa là chia đất phong cho chư hầu. Thời cổ dùng “phù” làm vật làm tin giữa vua và tôi, chia làm hai phần, một nửa cho quan lại, một nửa giữ lại trong triều. Sau khi nhà vua mất nước, lại trở lại xưng là phiên thần với bề tôi, và đại thần chấp chính trở thành vua, có thể chia đất phong cho bề tôi của họ.

(2) “Cô phần thiên” là thiên thứ 11 trong Hàn Phi Tử, là tác phẩm quan trọng của Hàn Phi Tử, trong đó ông ví mình như các thuật sĩ biểu lộ sự cô lập và phần uất. Nội dung chính của tác phẩm là nhằm vạch trần những âm mưu của các trọng thần làm ăn thiên vị, bề cong pháp luật cùng những cảnh ngộ bất hạnh mà các thuật sĩ bị bọn trọng thần gây ra.

phải phù hợp với danh nghĩa, vấn đề này sẽ còn nói lại ở phần sau.

7. Bề tôi lúc nào cũng nhòm ngó lòng dạ của Vua

Kẻ làm bề tôi không lúc nào không nhòm ngó bụng dạ của Vua; còn người làm vua chúa ở ngôi vị cao sang lại hoàn toàn không cảnh giác, luôn có thái độ ngạo mạn, đó chính là tấn bi kịch khó mà tránh khỏi trong đó bề tôi bức hiếp, giết vua. Người làm vua chúa mà quá tin nhiệm con trai thì bọn gian thần sẽ lợi dụng người con của vua để đạt được mục đích cá nhân. Cho nên Lý Doái Phủ, Bật Triệu Vương để mặc cho Chủ Phụ⁽¹⁾ phải chết đói. Bậc làm vua chúa mà quá tin vào thê thiếp thì bọn gian thần sẽ lợi dụng thê thiếp của vua để đạt mục đích riêng của mình, cho nên Ưu Thi khuyên Lệ Cơ giết thê tử Thân Sinh và lập Hê Tề làm thế tử⁽²⁾. Hậu phi, phu nhân, thái tử đều nuôi dưỡng thế lực của mình, khi vây cánh đã hình thành, chúng đều mong vua chết sớm. Vua không chết thì quyền lợi và thế lực của họ không thể lớn, địa vị của họ không thể cao. Ngay cả khi họ không căm ghét vua khi vua vừa chết đi thì đã có lợi cho họ rồi. Cho nên bậc làm vua chúa không thể không chú ý đề phòng những kẻ được lợi nhờ cái chết của mình. (Bị nội)

Giải thích :

Trước thời Xuân Thu, chế độ tông pháp còn gắn liền với trị an xã hội, danh phận của vua tôi được xác định. Kẻ làm tôi phải tận trung trên cương vị mà mình đảm trách, làm tròn bốn phận. Nhưng từ sau thời Xuân Thu, thời cuộc rối ren, chế độ tông pháp

(1) Chủ Phụ tức là Vũ Linh Vương, từng theo học Hồ Phục cưỡi ngựa bắn cung, làm cho nước Triệu giàu mạnh. Năm ông 27 tuổi truyền ngôi cho Vương Tử Hà tức là Triệu Văn Huệ Vương, tự lấy tên hiệu là Chủ Phụ. Triệu Văn Huệ Vương năm thứ tư, Công Tử Thành và Lý Doái vây Chủ Phụ ở Cung Sa Khẩu, suốt hơn ba tháng, cuối cùng Chủ Phụ bị chết đói.

(2) Ưu Thi, người diễn trò hề cho Tấn Hiến Công, tên là Thi. Hiến Công đánh Lệ Thủ, bắt được Lệ Cơ, sinh ra Hê Tề. Ưu Thi xúi Lệ Cơ đem pha thế tử Thân Sinh. Thân Sinh tự sát, lập Hê Tề làm thế tử. Thế tử là vua chờ kế vị của chư hầu chưa giành được ngôi vua, tương đương với thái tử.

bị phá bỏ hoàn toàn, khắp nơi khắp chốn mệnh lệnh (hiệu lệnh) không tới được thiên hạ, trong địa phận các chư hầu đều là các quan đại phu chuyên quyền, và thế là loạn thần, kẻ cướp thì nhau xuất hiện không ngừng. Điều mà Hàn Phi Tử nói tới chính là tình trạng hỗn loạn. Địa vị và quyền thế của vua là thứ mà bề tôi dòm ngó. Để chiếm đoạt quyền lực và địa vị, bề tôi nuôi dưỡng thế lực cho mình, họ thu vén ngày càng nhiều lợi ích riêng, không ngần ngại câu kết với Hậu phi, phu nhân, thái tử với mưu đồ làm loạn. Tới bước cuối cùng chúng chỉ mong cho vua chết sớm đi, có thế thì chúng mới được lợi. Bọn gian thần qua các thời đại xét về mặt tâm lý thì nói chung cũng đều như vậy cả. Cho nên Hàn Phi Tử nhận thấy rằng vua cần có những phương thuật để phòng bị, đó chính là thuật để quan sát và kiểm tra... Phần này sẽ bàn ở phần tiếp theo.

8. Chỉ mong chồng đừng mua nàng hầu

Ở nước Vệ có hai vợ chồng nhà kia, họ còn trẻ và đều cùng nhau cầu khẩn mong cho được phúc. Người vợ lầm rầm khẩn rằng : “Xin hãy cho tôi bỗng nhiên được phát tài, có được năm trăm xấp vải” ⁽¹⁾. Người chồng nghe thấy vậy không nhin được liền cắt ngang lời cầu khẩn của vợ mà hỏi rằng : “Sao nàng lại cầu xin ít như vậy ?” Vợ liền trả lời : “Nếu xin nhiều quá con số đó thì cuộc sống của chàng đầy đủ, chàng sẽ đem vải đi đổi lấy cô vợ bé về, thiếp chắc sẽ bị ném mùi cực khổ.”

(Nội trừ thuyết hạ)

Giải thích :

Thời cổ sinh kế rất khó khăn, người vợ đó cầu khẩn nhưng chỉ xin có năm trăm xấp vải, mục đích chỉ là nhằm cải thiện hoàn cảnh sống. Nếu nói rằng cô ta là người hiền phụ bằng lòng với những gì có được, không muốn hưởng cuộc sống đầy đủ thì thật

(1) Nguyên văn là “được trăm súc vải”, một súc bằng mười đoạn, mỗi đoạn bằng một trượng tám, thông thường thì hai đoạn thành một cuộn, tổng cộng là năm xấp.

không phải. Thời cổ cho phép một chồng lấy nhiều vợ miễn là hoàn cảnh kinh tế cho phép. Tập tục cũng thừa nhận có vợ bé, nhưng vợ lớn vợ bé ở chung một nhà, ghen tuông cãi cọ, nhiều chuyện xảy ra. Người phụ nữ đó chẳng qua là sợ rằng có tiền nhiều chồng sẽ đi mua lấy cô vợ bé trẻ đẹp, địa vị và quyền lợi của mình sẽ bị đe dọa. Đó chính là nguồn gốc của sự bất đồng trong lợi ích giữa vợ và chồng.

9. Tính toán cho riêng mình của Hậu, Phi, phu nhân

Giữa vợ và chồng không có quan hệ huyết thống ruột thịt nhưng có tình cảm yêu thương nên thành ra gần gũi, nếu không được yêu chiều thì sẽ bị xa cách nhau. Tục ngữ nói rằng người làm mẹ mà xinh đẹp dễ thương thì đứa con sinh ra cũng thường được vua sủng ái. Ngược lại người làm mẹ mà xấu xí dễ ghét thì đứa con sinh ra sẽ bị khinh rẻ. Đản ông ⁽¹⁾ tới năm chục tuổi vẫn còn ham mê nữ sắc, người đàn bà tới ba chục tuổi thì dung nhan cũng giảm sút. Để một người đàn bà có dung nhan kém sút trông nom một người đàn ông hiếu sắc không chịu cải hóa thì tự đáy lòng người đàn bà cũng sợ rằng bản thân mình bị xa lánh, địa vị trở nên thấp kém ⁽²⁾, lại lo rằng con không thể kế thừa ngôi vua, cuộc sống rồi cũng sẽ không ra gì, đó chính là nguyên nhân mà Hậu, phi, phu nhân mong cho vua chết đi vậy ! (Bị nội)

Giải thích :

Thời cổ do chế độ một chồng nhiều vợ, con vợ lớn con vợ bé ai cũng muốn được yêu chiều, ai cũng tranh giành địa vị, vấn đề gia đình hết sức rắc rối phức tạp, nhất là quyền lực và địa vị của vua lại quan trọng, cuộc tranh giành cấu xé trong gia đình cũng quyết liệt.

(1) Nguyên văn là "trượng phu", thời cổ thường dùng để chỉ đàn ông, là danh từ phổ thông.

(2) Nguyên văn là "Thân nghi kiến sơ tiện", trong bản của Căn Đạo thì lại ghi là "Thân tử kiến sơ tiện" Xét ý nghĩa của đoạn văn trước và sau thì phải là "Thân nghi kiến sơ tiện".

Hàn Phi Tử đã phân tích, mổ xẻ mối quan hệ giữa vợ và chồng tuy thân thiết gần gũi nhưng rốt cuộc thì lợi ích không giống nhau, đó là do xã hội nam quyền, người phụ nữ ở vào vị trí bị động, không tránh khỏi sinh ra những mối nghi ngờ, phải ngấm ngầm tính toán, điều đó đều có thể lý giải được. Trong sử sách thì Tề Hoàn Công vì hiếu sắc mà các bà vợ tranh giành để được yêu chiều, bề tôi tranh giành địa vị để đến nỗi sau khi ông chết cũng không có ai chôn cất, thì thế để đến hơn hai tháng (67 ngày) sinh giòi, bò lên cả lan can cửa, thật là một tấn bi kịch nổi tiếng. Truy tìm nguyên do thì nó còn bởi hậu, phi, phu nhân mang sẵn tâm lý mưu lợi riêng, cũng bởi vua không thể phòng ngừa cho cẩn thận.

Đoạn 4, đoạn 7 và đoạn này được đề cập tới trong bài trước đều được viết lại dựa vào thiên "Bị nội", đáng lẽ theo thứ tự thì là các đoạn 4-9-4, sau đó đúc kết thành những biện pháp của vua để phòng bị các bà phi, thiếp, đó cũng là những đòi hỏi danh nghĩa phù hợp với thực chất, độc giả từ đó có thể thấy được công sức thu thập luận cứ của Hàn Phi Tử.

II. TÙY CƠ ỨNG BIẾN

Vào thời Chiến Quốc thời cuộc rối ren, xã hội đổi thay nhanh chóng, chế độ phong kiến trước đó đã bị tan rã hoàn toàn nhưng vẫn cố khư khư giữ lấy những lễ tiết của chế độ tông pháp đã có, cũng bởi chế độ tông pháp bị phá hoại mà bị mất đi hiệu năng của nó. Thương Ưởng theo Tần Hiến Công thực hiện biến pháp, đã chủ trương dựa vào hoàn cảnh khách quan mà thay đổi cho phù hợp với thời thế, mà tùy cơ ứng biến, ông đã có ít nhiều cách tân. Ông cho rằng : Ba đời làm vua thì những chế độ và lễ nghi được thi hành không hề giống nhau, năm đời làm bá thì pháp luật đem thi hành cũng không giống nhau, nên ông chủ

trường “tiện quốc bất tất pháp cổ”. Hàn Phi Tử cũng chủ trương đối mặt với hiện thực, nghiên cứu vấn đề một cách khách quan, trong mớ bòng bong tìm ra phương sách ổn định tự cường. Hoàn cảnh khác nhau, hiện tượng khác nhau thì cần có biện pháp tùy cơ ứng biến khác nhau. Chỉ có làm như vậy mới có thể sát hợp với yêu cầu, tiến mạnh lên theo mục tiêu giàu mạnh.

Pháp gia đã chủ trương phải thuận theo thời thế, đặt ra chế độ mới tùy cơ ứng biến, đã có thái độ chê bai đả kích đối với các nhà nho với học thuyết của tiên vương. Thật ra học thuyết của Hàn Phi Tử ra đời từ những gợi ý của các vua đời sau theo pháp trị thời Tuân Tử (ở đây chỉ những đạo về văn võ), lại thêm thời cuộc hỗn loạn, vì vậy cảm thấy các vua của thời hậu pháp trị vẫn không thể hoàn toàn nhìn thẳng vào vấn đề, mới chỉ lấy quan điểm về lịch sử tiến hóa của Thương Ưởng làm cơ sở, đề ra khá nhiều lý luận về pháp thuật, thế mà cái nào cũng quan trọng. Ông ca ngợi học thuyết của Pháp gia, coi đó là phương án tốt nhất để tùy cơ ứng biến; Việc thưởng, phạt theo pháp luật là con đường duy nhất sát hợp với yêu cầu. Ở vào thời điểm lúc đó quả thực có một bối cảnh thời đại của nó.

1. Ví dụ thực tế về sự tiến hóa của lịch sử

Thời thượng cổ thì con người ít mà cầm thú lại nhiều, con người không thể thắng nổi cầm thú rắn rết. Có một thánh nhân xuất hiện, làm nhà ở trên cây để tránh cầm thú tới gây hại, con người vô cùng mừng rỡ liền bầu ông làm vua của muôn người, kính trọng và gọi ông là Sào Thị. Lúc đó thức ăn của con người chỉ là rau củ sống xít cùng những món trai ốc iu thối, bệnh đường ruột thường gây tác hại, có vị thánh nhân xuất hiện, đục cây lấy lửa để nấu nướng các món ăn, làm mất mùi tanh tươi khai thối, con người hết sức mừng rỡ liền tôn ông làm vua của mọi người, kính trọng gọi ông là Toại Nhân Thị. Thời trung cổ, nước ngập

lụt mênh mang liền có cha con ông Cồn và ông Vũ đảm nhận việc khơi thông dòng chảy ⁽¹⁾. Thời Hạ cổ có Hạ Kiệt và Thương Trụ bạo ngược dân loạn, vì thế Thương Thang và Vũ Vương đã dấy binh đánh dẹp ⁽²⁾.

Nếu như nói rằng, thời đại sau nhà Hạ mà có người làm nhà ở trên cây và khoan đục lỗ trên cây để lấy lửa thì họ nhất định sẽ bị ông Cồn ông Vũ chê cười. Vậy thì nếu như ở vào thời đại hiện nay mà vẫn còn người ca ngợi nền chính trị vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Võ, chủ trương phải thực hành theo kiểu bất chúc, thì chắc chắn cũng sẽ bị các thánh nhân mới đời nay chê cười ⁽³⁾. Cho nên các thánh nhân không trông đợi ở người ta tuân theo pháp luật ⁽⁴⁾, không chủ trương bảo thủ, không chịu thay đổi, mà cho rằng nên nghiên cứu tình hình thực tế, nhìn thẳng vào thực tế đó mà áp dụng biện pháp thích ứng. (Ngũ đố).

Giải thích :

Đây là một đoạn trích trong thiên “Ngũ đố” một trong những thiên quan trọng của Hàn Phi Tử. Phần đầu dựa vào lịch sử để thuật lại các thời kỳ tiến hóa của loài người, do tình hình không giống nhau mà cách ứng xử của thánh nhân cũng không giống nhau, mục đích là để cho sát hợp với yêu cầu của thời đại. Phần suy luận ở phần sau nói về những việc làm không hợp với thời thế tất sẽ bị các thánh nhân đời nay chê cười, nó cũng gián tiếp công kích những chủ trương không hợp thời của các vua chúa thời trước Pháp trị theo kiểu Nho Gia.

Từ chỗ trình bày đi đến nghị luận rồi có những kết luận

-
- (1) Ông Cồn, ông Vũ trị thủy bằng phương pháp khơi thông sông bị tắc nghẽn, để cho giãn tiện. Ở đây Hàn Phi Tử lấy việc ông Vũ khơi thông dòng chảy để khái quát vấn đề.
 - (2) Đây không phải là tình trạng nước lụt tràn lan, nhưng vẫn coi trị thủy là công việc trọng yếu hàng đầu, và không hề có nghĩa là lúc bình thường không nên khơi thông dòng chảy, độc giả không nên vì từ ngữ mà hiểu sai ý nghĩa.
 - (3) Tân thánh nhân, có ý chỉ các bậc vua chúa anh minh thời nay theo lý tưởng của Pháp gia.
 - (4) Nguyên văn là “bất kỳ tri cổ”, theo Tôn Di Nhượng cho rằng đó phải là “bất kỳ tuân cổ”, có thể do sao chép mà sai lạc.

riêng, thật nghiêm trang mà sắc bén.

2. Ôm cây đợi thỏ

Ở nước Tống có người nông phu đi cày ruộng. Trong thửa ruộng của anh ta có một gốc cây khô. Một hôm anh làm mệt, tay lau mồ hôi đang thờ đốc muốn nghỉ một lát thì bỗng trông thấy một con thỏ từ xa chạy lại, chẳng may đâm đầu vào gốc cây gãy cổ chết. Anh ta bước tới nhặt con thỏ lên, cho rằng đó là may mắn ngoài ý muốn của mình. Từ đó anh ta bỏ cả cày bừa, suốt ngày cứ ôm giữ gốc cây khô, mong sẽ lại bắt được thỏ gãy cổ chết. Thật tội nghiệp cho anh ta cứ chờ đợi một cách vô vọng. Rốt cuộc những con thỏ đại đột cũng không bắt được mà rồi câu chuyện ngớ ngẩn này trở thành trò cười cho dân nước Tống.

Nếu như ngày nay muốn cai trị những người dân phức tạp bằng các biện pháp phức tạp của đấng tiên vương thời cổ thì chẳng khác gì cái việc ngu xuẩn là khư khư ôm cái gốc cây khô để đợi những con thỏ chết. (Ngũ đồ).

Giải thích :

Trong nguyên văn, Hàn Phi Tử chỉ sử dụng có bốn chục chữ, tiếp đến là phần nghị luận của đoạn ⁽¹⁾, và cuối cùng còn có thêm phần châm biếm, cho rằng nho gia viện dẫn các tiên vương, hy vọng sẽ lại khôi phục được các chủ trương biện pháp chính trị thời cổ, cũng chẳng khác gì chuyện ôm cây đợi thỏ vậy.

3. Nhân nghĩa chỉ có thể thích hợp với thời cổ

Thời cổ, Văn Vương nằm giữa hai miền Phong, Cảo, bao gồm vùng đất đai rộng một trăm dặm vuông, ở đây thi hành nền chính

(1) Chỉ nói về các tác phẩm ngụ ngôn thì thủ pháp của Hàn Phi Tử tương đối cao. Chuyện ôm cây đợi thỏ được dùng để ví với sự ngu dân nực cười cứ khư khư ôm lấy cái cũ, thật xứng đáng là lời nói hay thuyết phục lòng người. Làm chính trị thực tế luôn phải đối mặt với hiện thực, các nhà nho thời đó một số người câu nệ cứ ôm giữ những cái đã rách nát tàn tạ, sự ví von của ông tự nó đã mang ý nghĩa đó, trong những sáng tác văn học lại càng sinh động hấp dẫn, có sức thuyết phục mạnh mẽ.

trị nhân nghĩa, khiến Tây Nhung phải qui phục, Văn Vương lên làm vua ⁽¹⁾. Từ Yểm Vương đóng ở mạn tây sông Hán Thủy bao gồm vùng đất rộng cả năm trăm dặm vuông, thi hành nền chính trị nhân nghĩa, có ba mươi sáu nước cắt đất dâng cho. Sở Vương ⁽²⁾ lo Yểm Vương sẽ làm hại mình, liền cất quân đánh nước Từ, diệt được nước Từ. Bởi vậy Văn Vương thực thi nền chính trị nhân nghĩa thì được làm vua, còn Từ Yểm Vương cũng thực thi thứ chính trị nhân nghĩa đó thì lại bị diệt vong, từ đó có thể thấy rằng thứ chính trị nhân nghĩa chỉ có thể thích hợp với thời cổ, không thích hợp với hiện nay nữa. Bởi vậy nói rằng thời đại khác nhau thì diễn biến tình hình cũng theo đó mà khác nhau. Khi ông Thuấn cai trị thiên hạ thì Miêu tộc không chịu qui phục, ông Vũ chuẩn bị cất quân đi đánh dẹp thì ông Thuấn nói : “Đức hạnh của chúng ta chưa đủ sâu rộng, không cảm hóa được họ mà còn dùng vũ lực, đó là việc làm không hợp đạo lý”. Từ đó ông tăng cường giáo dục và cảm hóa, qua ba năm, các võ sĩ đều cầm mộc và búa mà múa biểu lộ lòng chân thành của mình, Miêu tộc liền hàng phục. Về sau trong các chiến dịch đối phó với Cộng Công ⁽³⁾, chiến tranh ác liệt tới mức đánh nhau bằng đoản đao đoản kiếm, áo giáp không đủ cứng, bị thương tích khắp mình. Từ đó có thể thấy rằng việc cầm mộc và búa múa may, thu phục kẻ địch bằng sự cảm hóa đạo đức, điều đó chỉ thích hợp với thời cổ, không phù hợp với ngày nay. Bởi vậy nói rằng tình hình diễn biến của sự việc không giống nhau thì đối sách cũng phải theo đó mà thay đổi.

(1) Văn Vương không hề làm vua, chẳng qua là con trai ông là Vũ Vương có làm vua, mọi thứ đều được sắp đặt dưới thời Văn Vương.

(2) Nguyên văn là “Kinh Văn Vương”, “Kinh” là tên gọi cũ của nước Sở, Sở Văn Vương không phù hợp với thời “Từ Yểm Vương”. Theo sử sách thì Từ Yểm Vương là người mà Chu Mục Vương cử đi diệt nước Sở, còn trước cả thời Sở Văn Vương, có thể đây là sự khác biệt do lưu truyền.

(3) Cộng Công là tên bộ lạc. Thời Nữ Oa, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Cống đều có Cộng Công. Sau phần nói về Cộng Công trong thiên Ngũ đế thì ít nhất cũng là sau thời kỳ thu phục được Miêu tộc, thậm chí còn có thể muộn hơn.

Con người thời cổ cạnh tranh nhau trong tu dưỡng đạo đức, con người thời trung cổ so tài cao thấp với nhau về mưu lược trí óc, con người ngày nay (thời Chiến Quốc) so tài hơn thua với nhau về thực lực quốc gia ⁽¹⁾. Nước Tề cất quân đi đánh nước Lỗ đã cho Tử Cống sang bàn bạc với Tề, người Tề nói : “Lời ông nói không thể nói là không có lý, nhưng cái mà chúng tôi cần là đất đai chứ không phải là thứ đạo nghĩa như ông nói”. Người Tề cất quân đi đánh dẹp Lỗ, chiếm được đất đai, chỉ còn cách cổng thành Kinh đô nước Lỗ có mười dặm. Bởi thế nói rằng Tử yểm Vương thi hành nhân nghĩa mà nước Tề bị diệt vong, Tử Cống giỏi ăn nói có tài trí mưu lược mà nước Lỗ vẫn bị yếu kém, từ đó có thể thấy nhân nghĩa, tài nói năng và mưu lược đều không phải là những biện pháp hay để thúc đẩy đất nước. Nếu không thi hành thứ nhân nghĩa của Yểm Vương, không dùng tài ăn nói của Tử Cống, để hai nước Tề, Lỗ tìm cách bổ sung và phát triển thực lực của mình, có thực lực lớn mạnh để đối phó với kẻ địch lớn mạnh có cả vạn cỗ binh xa thì hai nước Tề và Sở không thể hoành hành ở đất Tề và Lỗ nhằm thỏa mãn tham vọng xâm lược của họ được. (Ngũ đố).

Giải thích :

Hoàn cảnh thời đại khác nhau thì cách đối phó của người ta cũng phải thay đổi theo. Việc tu dưỡng đạo đức, sự tài trí mưu lược và bổ sung thực lực, tất cả đều trở thành trọng điểm của sự tranh giành hơn thua từ thời thượng cổ, trung cổ và ngày nay (thời Hàn Phi Tử). Hàn Phi không hề bài bác tác dụng của đạo đức và tài ăn nói mà ông chỉ nhận thấy rằng muốn sát hợp với hoàn cảnh thời đại ông là thời đại của sự thắng thua trong so sánh lực lượng, cần phải bắt đầu từ sự bổ sung thực lực cho thiết

(1) Việc hai ông Nghiêu, Cống nhường ngôi là “sự ganh đua về mặt đạo đức”. Thời đại thu phục kẻ địch trên bàn tiệc vào thời Xuân Thu chính là sự chạy đua về tài trí và mưu lược. Kiểu công thành dã chiến thời Chiến Quốc là sự ganh đua nhau về sức khỏe.

thực, đó mới là biện pháp để tự lực tự cường. Ông lấy câu nói : “Yểm Vương thi hành nhân nghĩa nhi Từ vong” để nói lên rằng nhân nghĩa chỉ thích hợp với thời cổ, là bí quyết trong sự viên mãn bằng chứng lịch sử cùng với những luận điểm được củng cố thêm. Hoài Nam Tử trong “Phiếm luận huấn” cũng nói : “Từ Yểm Vương hiểu nhân nghĩa nhưng không hiểu thời thế”. Trong dân gian cũng dạy rằng : “Từ nhân nghĩa nhi bất tri thế biến” (Hiểu được nhân nghĩa nhưng không hiểu được sự thay đổi của thời thế) nhấn mạnh việc Từ Yểm Vương thi hành nhân nghĩa là không hợp với thời thế, như vậy đủ thấy cách nhìn của Hàn Phi Tử là khách quan và có sức thuyết phục. (Đây chỉ là quan niệm của Hàn Phi Tử — BT).

4. Thánh nhân không thi hành chính sách thời cổ :

Thời cổ công việc thì nhiều, trang bị đơn giản, đồ dùng thô sơ nên phải dùng tới vô số vô trãi để làm dụng cụ cắt cỏ, dùng sức người để đẩy xe. Thời cổ người ít, mọi người thương yêu lẫn nhau, của cải dồi dào nhưng ai cũng xem nhẹ lợi ích, dễ nhường nhịn nên có chuyện cung kính mà nhường ngôi trao quyền hành cho người khác. Cứ theo đó mà nói thì việc cung kính nhường ngôi, hay những ân huệ từ thiện cao cả, bàn chuyện nhân ái thân thiện đó đều là những biện pháp chính trị của cổ nhân thời còn đẩy xe. Ở vào thời đại rồi ren phức tạp như hiện nay mà lại dùng những đồ vật thô sơ của cổ nhân thì đó không phải là biện pháp của người thông minh. Đối mặt với thời cuộc cạnh tranh ác liệt mà lại cứ tuân theo những phép tắc như kiểu cung kính nhường ngôi thì đó không phải là thứ chính trị của thánh nhân. Cho nên ở vào thời đại này người thông minh sẽ không đi trên chiếc xe do người kéo, thánh nhân cũng sẽ không thi hành chính sách thời cổ. (Bát Thuyết)⁽¹⁾.

(1) “Bát Thuyết” là thiên thứ 47 trong Hàn Phi Tử, tên đặt cho thiên này là để nói về những người có nhiều tiếng tăm nhưng đều không thích hợp, nên gọi là Bát thuyết. Đây là một thiên hùng biện, đoạn chọn trong phần này bàn tới những quan điểm tiến hóa của lịch sử.

Giải thích :

Thời Chiến Quốc, người làm ruộng có công cụ riêng, người giàu có thì có xe ngựa sang trọng. Dân số sinh sôi nẩy nở mà của cải thì không tăng thêm, cạnh tranh quyết liệt, xã hội hỗn loạn, lòng người phức tạp, đó không phải là điều có thể so sánh được với hoàn cảnh đơn giản của thời cổ. Tất nhiên vấn đề xã hội phức tạp cũng không phải là chuyện có thể giải quyết được bằng biện pháp chính trị thời cổ hướng hồ (cuộc) chiến tranh giữa các nước đã cận kề trở nên cấp bách lắm rồi, chỉ có học thuyết của Pháp gia là có thể phù hợp nhất với yêu cầu thực tế. Những quan điểm này có thể tìm thấy đầu mối của nó trong hai đoạn 2 và 3 của thiên “Ngũ đồ”.

5. Mua giày theo ni tắc

Không nhìn thẳng vào vấn đề (mà) giải quyết công việc đất nước một cách thỏa đáng, cứ khăng khăng đi cầu xin đạo lý của tiên vương. Điều đó chẳng khác gì công việc của anh chàng ngốc nghếch đi mua giày lại cứ nhất định đòi về nhà lấy ni tắc vậy.

Có một người ở nước Trịnh muốn mua một đôi giày, anh ta đo sẵn ni tắc cho mình rồi để cạnh. Anh ta vội vàng chạy ra chợ quên mang theo cái ni tắc. Vất vả lắm anh ta mới tìm được đôi giày mình ưng ý, nhưng khi lục túi, mới phát hiện mình không mang theo ni tắc, liền nói với người bán hàng : “Tôi quên không mang theo ni tắc tới đây, tôi sẽ về lấy ngay lập tức”. Chờ cho tới lúc anh ta lật đật quay lại chợ thì đã hết giờ bán hàng, người bán đã dọn hàng, rốt cuộc anh ta không mua được giày.

Có người hỏi : “Tại sao anh không lấy bàn chân mình mà ước thử xem ?”. Anh lại trả lời : “Tôi chỉ tin vào ni tắc đã đo chứ không tin vào bàn chân mình được”. (Ngoại trừ thuyết tả thượng).

Giải thích :

“Trừ thuyết” của Hàn Phi Tử chia làm hai phần Kinh và Truyện; trong phần thứ nhất là nội dung chủ yếu của phần “kinh” trong thiên “ngoại trừ thuyết tả thượng”, phần sau là những mẩu chuyện cụ thể chi tiết trong phần “truyện”.

Trong câu chuyện này lấy cái ni tắc để ví với “tiên vương chi đạo” (đạo lý của các vua thời trước), vốn dĩ là những đạo lý chính trị được thể nghiệm từ tình hình thực tế, điều này rõ ràng là bàn chân mình là vật kiểm chứng trực tiếp nhất, thế thì tại sao không trực tiếp ước thử giày ? Vấn đề rắc rối của thực tế chính trị là đối tượng cần giải quyết cho thiết thực của các nhà làm chính trị, thế thì tại sao chỉ biết có việc dẫn tiên vương ?

6. Gây dựng hay phá bỏ cũng phải tùy cơ ứng biến

Những người không sành sỏi trong đạo trị quốc thường cứ khẳng khái nói rằng : “Cần gì phải sửa đổi pháp luật thời cổ ? Cần gì phải thay đổi những điều luật thông thường ?”. Nếu vậy thì nên hay không nên thay đổi ? Những điều tranh luận của bề tôi thì bậc vua chúa hiền thánh lại không chịu nghe theo, mà nhìn thẳng vào vấn đề, (tùy nơi tùy lúc) sẵn sàng áp dụng những biện pháp thích hợp. Nói như vậy thì pháp luật thời cổ cùng với những điều khoản qui định rất cuộc cần hay không cần thay đổi, nó đã trở thành luận đề để thảo luận. Sự bế tắc của vấn đề là ở chỗ pháp luật thời cổ cùng với những điều khoản qui định của nó thường được áp dụng rất cuộc có còn phù hợp nữa không ? Nếu như Y Doãn không có biến pháp vào đời Ân, Khương Thái Công không có biến pháp vào đời Chu ⁽¹⁾ thì Thương Thang và Chu Vũ Vương sẽ không thể làm vua được. Nếu Quản Trọng không làm công cuộc gây dựng và phá bỏ lớn ở Tề, Quách Yêm không làm

(1) Theo truyền thuyết thì Y Doãn đã từng bàn về những chuyện vua chúa. Khương Thái Công là thầy dạy của Văn Vương và Vũ Vương. Văn Vương thay đổi pháp luật, định ra ngày mồng một tháng giêng, có thể đó là chủ trương của ông.

thay đổi pháp luật ở Tấn ⁽¹⁾ thì Tề Hoàn Công và Tấn Văn Công đều không trở thành bá vương của thời Xuân Thu được.

Phàm những người làm chính trị khi nói về biến pháp đều cảm thấy khó khăn, đó là do họ lo sợ người dân đã bằng lòng với những điều khoản qui định cũ của pháp luật, nếu lại có thêm thay đổi thì mọi người sẽ oán giận. Vấn đề được đặt ra là vẫn không thay đổi những điều khoản mà pháp luật vốn đã có từ xưa, mà những điều khoản đó không còn phù hợp nữa, nó không thể giải quyết được những vấn đề của xã hội mới, không thể làm cho đất nước tiến bộ thì rốt cuộc sẽ rơi vào sự hỗn loạn. Làm chính trị mà chỉ biết có một điều là làm vừa lòng mọi người mà không có khả năng hạn chế những hành vi gian trá bất hợp pháp, thì kẻ gian sẽ càng trắng trợn không còn biết kiêng sợ ai nữa. Mọi người dân trở nên ngu đần không biết được rằng cứ theo đó về lâu về dài thì sẽ gây mầm mống cho hỗn loạn; bậc vua chúa ngồi trên ngai vàng thì khiếm nhục, không dám cải cách, đó chính là khuyết điểm rất lớn. (Nam Diện ⁽²⁾)

Giải thích :

Bất cứ chế độ nào, một khi đã tồn tại lâu đời thì các nhân tố như nhân, địa, thời, sự thường sẽ có những thay đổi, ngay cả chế độ cũng có điểm không hoàn toàn thích hợp nữa, vì vậy mà phải thẩm định lại từ đầu, phải có sự thay đổi. Hành vi thông thường và pháp luật thời cổ có những cái muôn thuở như một, giữa cái mới và cái cũ kết hợp thì lại có những cái lỗi thời, lạc lõng. Trong đó cần phải xem xét kỹ lưỡng, tiếp tục sử dụng hay cải cách, tất cả đều tùy thuộc vào tính sát hợp của nó mà qui định. Pháp gia tin vào “Biến đạo” (đạo lý đổi thay) vì thế họ chỉ chú trọng vào sự cải biến mà lập thuyết. Thời Chiến quốc là thời kỳ có sự thay đổi

(1) Quách Yểm trong tả truyện gọi là Bốc Yểm. Trong sách của Thương Quán (Thương Ưởng) có nói về “Pháp” của Quách Yểm rất có thể đã có những cải cách.

(2) “Nam Diện” là thiên thứ 18 trong Hàn Phi Tử, trong đó nói về phương thuật cai trị của vua chúa. Thời cổ thì Nam diện là chỉ vua chúa, vì vậy dùng để đặt tên cho tác phẩm.

dữ dội, hèn chi mà chủ trương “biến cố dị thường” của Hàn Phi được khẳng định và có sức thuyết phục như vậy.

Con người thời cổ không có cơ hội được giáo dục, họ cũng không có được kiến thức gì cao xa nên cứ nói chung chung là “ngu”. Hàn Phi chủ trương rằng những người làm chính trị thường phải độc đoán, không cần phải lấy lòng dân, bởi vì người dân chỉ nhìn thấy mỗi lợi nhỏ, kiến thức hạn hẹp, nếu tin chắc vào những việc mang lại lợi ích lâu dài cho đất nước thì có thể bắt tay vào làm. Đoạn cuối cùng của thiên “Hiển học”⁽¹⁾ có lý luận tương tự, trong đó có những phần khinh miệt dân chúng, dễ tạo nên ý thức độc tài. Nhưng những nhà chính trị lớn cần phải nhìn xa trông rộng, lấy lợi ích quốc gia làm tiên đề lớn, sự hiểu biết của người thời cổ lại khá ít ỏi. Phần lập ý của Hàn Phi Tử vẫn có đạo lý của nó.

III. THỈNH CẦU THỰC LỰC

Để có được sự ổn định phú cường, các chư hầu thời chiến quốc đều đã dốc hết tâm trí sức lực, trên thực tế đó cũng là mục tiêu lâu dài mãi mãi của việc trị quốc ở trong cũng như ngoài nước từ xưa đến nay. Bản tính con người là lo toan cho lợi ích riêng, do thời đại thay đổi nhanh chóng, giữa nước này với nước khác cũng có sự tính toán cho riêng mình, đó hoàn toàn chỉ là tư tưởng công lợi, chẳng có gì đáng gọi là đạo nghĩa cả; Hàn Phi Tử thuận theo hoàn cảnh, ông cảm thấy thời đại mà trong chính trường quốc tế có sự so sánh hơn thua bằng sức mạnh thực tế, mọi vấn đề bức thiết sẽ là : bổ sung thực lực làm cho đất nước ổn định phú cường, nước nhỏ có thể tự bảo vệ được mình, nước lớn có thể tranh bá đồ vương được. Muốn đạt được mục tiêu này, cần

(1) “Dân trí như anh nhĩ” (tức là “ấu nhĩ”), làm chính trị không nên chỉ biết chiều theo dân, đó là nội dung chính của phần cuối trong thiên “Hiển học”. Hiển học chỉ hai học phái quan trọng là Nho gia, Mặc gia. Hàn Phi Tử lập luận, phê bình trước hết là muốn bài bác, rồi đề ra lý luận của pháp gia, đó là một trong những thiên quan trọng.

phải bắt đầu từ việc chỉnh đốn nội chính, tự lực cánh sinh, thực hành chủ nghĩa “trọng nông” (coi trọng việc phát triển nông nghiệp) và chủ nghĩa quân quốc (chủ nghĩa quân phiệt). Phương sách mà Hàn Phi Tử nghiên cứu thực hiện khi đó là chính trị của đế vương. Chương Thái Viêm đã từng nói trong thời đại mà giới quý tộc chuyên quyền nắm được quyền lực chỉ e một nỗi vua không thể tập trung được quyền lực vào tay mình, nếu vua tập trung được quyền lực để tìm ra một cục diện thống nhất ổn định thì sẽ tốt hơn nhiều so với tình trạng các quan đại phu cùng nhau tranh giành quyền lực một cách hỗn loạn. Đó là hoàn cảnh đặc biệt của thời Chiến quốc, việc chỉnh đốn nội chính cần phải bắt đầu từ pháp thuật, vua cần phải nắm được thực quyền mới có thể đoàn kết được nhân dân, cai trị được đất nước. Ngoài việc coi trọng quyền lực, do chủ trương lạnh lùng nhìn thẳng vào hiện thực nên mọi việc cũng đều phải lấy tiêu chuẩn thực dụng để so sánh. Pháp thuật mà vua chúa dùng để sát hạch bề tôi cố nhiên phải tính tới hiệu quả áp dụng trong thực tế. Đã lấy thực lực để mưu cầu sự phú cường thì phải tôn trọng những người làm ruộng và những chiến sĩ dũng cảm hăng hái. Một mặt khác phạm những người những việc có hại cho sự phát triển thực lực sản xuất và chiến đấu phải được loại bỏ. (Đây chỉ là quan điểm của Hàn Phi Tử — BT).

1. Nước nhỏ yếu chỉ có thể trông cậy vào nước lớn

Bậc vua chúa cai trị thần dân của một nước bé thì phải tôn thờ nước lớn mạnh, binh lực mà yếu mỏng thì phải sợ nước lớn có binh hùng tướng mạnh. Vì vậy cái mà nước lớn đòi hỏi thì nước nhỏ nhất định phải nghe theo. Nước lớn mượn binh hùng tướng mạnh để tăng cường áp lực thì nước nhược tiểu nhất định phải nhịn nhục mà theo. Trong một nước nhược tiểu có những bề tôi tăng sưu cao thuế nặng và trưng thu trong phạm vi chức quyền của mình, họ mang hết của cải trong kho nhà nước ra, chẳng kể gì đến của cải trong nước bị thiếu hụt, cứ khom lưng uốn gối đi

cầu xin nước lớn, trông đợi ở nước lớn, rồi thúc ép dụ dỗ vua, đưa ra những đòi hỏi; thậm chí họ còn bí mật tư thông với nước thù địch, mời mọc kẻ thù đem quân áp sát biên cương tạo nên tình thế căng thẳng, còn chính họ ở bên trong lại cưỡng ép vua, chạy theo những ham muốn riêng của cá nhân. Đã thế còn nhiều lần tiếp nhận các sứ giả của nước mà mình đã tư thông, để cho các sứ giả đó tán dương tầm quan trọng của mình trước mặt vua, khiến vua lo sợ bối rối, đó gọi là ngoại giao bốn phương, cũng tức là việc bề tôi giả mượn kẻ ngoại giao để cấu kết thông đồng với các lân quốc xung quanh nhằm làm tăng thêm địa vị của mình, vua chúa vì thế bị che lấp, bức hiếp, không thể phòng bị một cách thấu đáo được (Bát gian) ⁽¹⁾.

Giải thích :

Trong thời buổi cạnh tranh nhau quyết liệt, một nước nhược tiểu chỉ có thể đi tôn thờ nước lớn mạnh bằng thái độ rụt rè, thận trọng nhằm tránh cho binh lực hùng mạnh của nước lớn rình rập nơi biên ải với ý đồ chinh phục mình. Thế thì tại sao không tự lực tự cường để tăng cường thực lực của mình. (?)

Bề tôi mà tự tư tự lợi thì thường chẳng lo lắng gì đến lợi ích của đất nước, lại đi tư thông với các nước láng giềng, thật chẳng còn đạo nghĩa gì đáng nói trong trời đất này nữa. Có rất nhiều nước thường đi lại ở chốn riêng tư với bọn gian thần ở nước láng giềng, (thực hiện) những âm mưu lật đổ. Nếu vua chúa không kiểm tra đôn đốc cẩn thận để phòng trước thì cuối cùng nhất định bị diệt vong.

2. Thực lực lớn mạnh sẽ có người tới triều cống

Vùng đất Thạch đầu rộng tới cả ngàn dặm vuông cũng không thể được coi là phì nhiêu giàu có, tượng gỗ nhiều đến cả vạn pho cũng không được coi là cường thịnh. Vùng đất Thạch đầu

(1) "Bát gian" có nghĩa là tám loại hành vi gian manh, vi phạm pháp luật, là thiên thứ 9 trong Hàn Phi Tử. Nội dung chính của thiên này nói về việc vua chúa cần phải đi sâu tìm hiểu những hành vi gian trá của bề tôi để tìm cách đề phòng.

không phải là không rộng lớn, số tượng gỗ không phải là ít nhưng không thể nói đó là giàu có cường thịnh, bởi vì Thạch đầu là nơi không thể làm ra lương thực, điều đó cũng chẳng khác gì có ruộng đất mà không khai khẩn thì cũng như vùng Thạch đầu vậy. Nho sinh và hiệp khách không tòng quân, để lập công mà cũng được quý trọng hiển vinh ⁽¹⁾ thì điều đó cũng như có dân chúng mà không biết đường sai bảo thì cũng như con rối vậy. Chỉ biết rằng vùng Thạch đầu và những pho tượng gỗ chẳng mang lại lợi ích gì cho nhà nho ⁽²⁾ mà không biết rằng thương nhân, Nho sinh hiệp khách cũng chẳng khác gì vùng đất không thể khai khẩn trồng trọt được, chẳng khác gì những con rối không thể sai bảo được. Bởi vậy chỉ biết một mà không biết hai, thì sẽ không hiểu được rằng sự vật có thể có tác dụng qua lại lẫn nhau.

Cho nên vua chúa của những nước ngang sức với ta dù có thích đạo nghĩa của chúng ta thì chúng ta cũng không thể bắt họ tiến công và xưng thần. Các quý tộc được phong hầu trong nước dù trong bụng không chống lại những hành vi của ta thì ta cũng phải bắt họ mang lễ vật tới dâng ta. Bởi vậy có thực lực lớn mạnh thì sẽ có kẻ tới triều cống, thực lực mà nhỏ yếu thì phải đi cống nạp người ta, chính vì lý do đó những vua chúa tài giỏi sáng suốt thường vẫn chăm lo bồi dưỡng sức mạnh cho mình (Hiển học).

Giải thích :

“Hiển học” là tác phẩm quan trọng của Hàn Phi Tử phê phán học thuyết của hai phái Nho gia và Mặc gia. Đất nước muốn giàu mạnh thì phải bắt đầu từ việc cày cấy và đánh giặc. Nho sinh và hiệp khách (tức một phái trong Mặc gia) lại không chịu theo hai công việc này, làm ảnh hưởng tới việc cố sức cho tinh thần của người nông dân và chiến sĩ. Bởi vậy ở đây xuất phát từ

(1) Nguyên văn là “thương quan”, có người giải thích rằng đó là những thương nhân dùng tiền mua tước vị, Trần Khải Thiên hiểu sai là “thương giả”, lấy nghĩa tương đối liên tục.

(2) “Tri họa... bất tri họa...” kiểu câu này cũng thường thấy trong thiên “Cổ phần”. Các bản cũ nhầm thành “họa tri...”, ở đây sửa lại theo Cổ Quang Kỳ.

quan điểm thực dụng đã trực tiếp công kích và gạt bỏ cái gọi là “vùng đất không thể khai triển và trồng trọt, những người dân không thể sai bảo được”. Đó là quan điểm “Công dụng” đã che lấp cả những nhận định về các giá trị khác. Từ nhu cầu bức thiết làm tăng trưởng thực lực để mưu cầu sự phú cường mà bàn tới sự giao tiếp quốc tế, có thể thấy rằng dựa hoàn toàn vào thực lực để phân biệt sự mạnh yếu lớn nhỏ thì có gì đáng nói đâu. Cho nên thực lực của nước lớn tương đương với ta, ngang cơ ta thì cho dù nói chuyện đạo nghĩa, có tính hữu nghị sâu xa nồng thắm cũng không có gì phải triều cống ta, vì họ không thể bị áp bức và lăng nhục. Ngược lại, một nước nhỏ binh mọn tướng hèn thì không thể không triều cống nước lớn, bởi lẽ với sự khống chế của đối phương dù có (dám) giận cũng không dám nói. Và thế là Hàn Phi Tử đã qui kết thành nguyên tắc trị cường là “Vụ lực” (tức là đi cầu xin thực lực).

3. Sự phú cường bắt đầu từ nội chính

Quần thần bàn bạc về chính sách ngoại giao nếu không chia thành hai phe “hợp tung” và “liên hoành” thì cũng nhân có mối thù với nước khác mà mượn sức mình để trả thù riêng. “Hợp tung” là liên hợp nhiều nước nhược tiểu lại để đánh một nước mạnh. “Liên hoành” là tôn thờ một nước mạnh để đánh dẹp các nước nhược tiểu khác⁽¹⁾, cả hai cách làm đó đều không phải là kế sách hay có thể bảo vệ sự toàn vẹn đất nước. Những người chủ trương “liên hoành” đều nói: “Không theo nước lớn thì sẽ bị kẻ địch xâm phạm, sẽ gặp tai họa”. Nếu theo nước lớn tất phải có biểu hiện thực tế⁽²⁾ tức là phải đem dâng bản đồ nước mình, giao ấn tín các quan lại hành chính cho người ta. Dem dâng bản đồ thì

(1) “Hợp chúng nhược dĩ công nhất cường” (liên hợp nhiều nước yếu để đánh một nước mạnh), nguyên văn trong các văn bản cũ có sự lẫn lộn giữa hai chữ “cường” (mạnh) và “nhược” (yếu), không phù hợp với thực tế lịch sử, nay sửa lại theo bản của Vu Bình.

(2) Nguyên văn trong các văn bản cũ là “sự đại vị tất hữu thực”, “hiệu tĩ nhi thịnh binh”, theo cách nói của Du Việt thì lược bỏ hai chữ “Vị” và “binh”.

đất đai của mình sẽ bị cắt bớt, giao ấn tín đi thì sẽ hạ thấp uy tín của đất nước. Đất đai bị tiêu diệt, sức mạnh của đất nước bị hao mòn, chính trị sẽ bị hỗn loạn. Đi theo nước lớn thực hiện liên hoành chẳng thấy cái hay ở đâu đã thấy đất đai bị mất, nền chính trị cũng bị làm cho rối loạn. Những người chủ trương hợp tung thì lại nói : “Không cầu viện các nước nhược tiểu để đánh nước lớn thì sẽ bị mất tín nhiệm với các nước khác. Mất đi sự tín nhiệm của các nước khác thì chính nước mình sẽ gặp nguy hiểm, mà nước đã gặp nguy hiểm thì địa vị của vua chúa cũng bị hạ thấp. Đi cầu viện các nước nhỏ tất phải có những biểu hiện thực tế, tức là phải huy động quân đội để đối địch các nước lớn. Vấn đề đặt ra là đi cầu viện nước nhỏ thì chưa chắc đã giữ được nước, còn đối địch với nước lớn thì chưa chắc đã không có chuyện sơ xuất. Một khi có chuyện sơ suất thì sẽ bị nước lớn kèm kẹp áp chế. Cứ thử xua quân ra ư ? Quân sĩ sẽ nếm mùi thất bại. Lui về phòng thủ ư ? Thành trì sẽ bị công phá. Đi cầu viện nước nhỏ, thực hiện hợp tung chẳng thấy cái hay ở đâu đã thấy đất đai bị mất, quân đội bị đánh bại.

Vì vậy đi theo nước mạnh thì phải cho bề tôi lợi dụng quyền lực của nước ngoài để có được quan cao chức trọng, còn đi cứu viện nước nhỏ thì phải cho bề tôi dựa vào chút quyền trong nước để có được cái gì đó có lợi với nước ngoài, như vậy đất nước chẳng được lợi ích gì, chỉ có bề tôi được phong thêm đất và nhiều bổng lộc. Uy tín của vua tuy bị hạ thấp nhưng uy tín của bề tôi lại được nâng cao; lãnh thổ của quốc gia tuy có bị cắt giảm nhưng gia sản riêng của bề tôi lại phong phú thêm, khi việc đã thành, bề tôi sẽ dựa vào thực quyền, được trọng vọng lâu dài, nếu sự việc có đổ bể thì bề tôi sẽ mang theo của cải mà từ chức để về sống an nhàn. Vua chúa tin nghe theo lời của bề tôi dù sự việc chưa giải quyết xong thì quan tước bổng lộc đã được nâng cao, công việc làm hỏng cũng chẳng hỏi tội hay trừng phạt. Vậy thì một vài thuyết khách đã thuyết phục được vua bằng lý lẽ thì ai mà chẳng muốn may

mắn có được sự giàu có bằng những lời lẽ đầu cơ trục lợi ? Đất nước sở dĩ bị tàn phá tiêu vong, vua sở dĩ chẳng may bị vong mạng, bởi tin nghe theo những lời lẽ rỗng tuếch phù phiếm của bọn lắm chuyện nhiều lời. Tại sao vậy ? Là vì vua không thể phân biệt được rõ ràng đâu là lợi ích riêng, đâu là lợi ích chung, không thể xem xét điều tra xem những lời nói đó có phù hợp xác đáng không. Xong việc rồi lại không chắc chắn thì hành việc thưởng phạt cho thích đáng.

Bề tôi đều bảo rằng : “Việc ngoại giao nếu thành công lớn có thể thống nhất được thiên hạ, nếu thành công nhỏ cũng có thể giữ được nước mang lại ổn định cho dân. Nếu thống nhất được thiên hạ thì có thể tấn công kẻ thù, giữ yên cho dân cho nước, khiến người ta không có cách gì đánh mình, đất nước có cường thịnh mới đánh được địch, nếu chính trị ổn định mới làm cho người khác hết đường đánh mình. Ổn định và giàu mạnh không thể có được bằng ngoại giao mà điều quyết định là nền chính trị trong nước. Nếu bây giờ không thi hành pháp luật và sử dụng phép tắc từ nội chính mà cứ đi trở tãi thông minh khôn khéo về ngoại giao thì không thể đạt được mục đích là ổn định và giàu mạnh”.

Tục ngữ có câu : “Ổng tay dài thì khi mùa may dễ thấy đẹp, có của cải tiền bạc nhiều thì khi thực hiện ý định dễ thông đồng bén giọt”. Điều đó có nghĩa là có chỗ dựa, điều kiện ưu việt thì dễ dàng thu xếp mọi chuyện. Cho nên đất nước mà giàu mạnh ổn định thì dễ dàng định ra được những kế mưu hay, đất nước mà yếu kém hỗn loạn thì khó mà có được những dự tính hay. Ở nước Tần lớn mạnh, đã mười lần thay đổi sách lược mà rất ít khi bị thất bại, còn ở nước Yên nhỏ bé yếu ớt, chỉ một lần thay đổi sách lược cũng khó thành công. Đó chẳng phải do những người thừa hành ở nước Tần đều thông minh cả, còn những người thừa hành ở nước Yên đều ngu dốt cả, mà vấn đề ở chỗ trong hai nước thì một nước ổn định, còn nước kia hỗn loạn, chẳng qua các điều kiện

không giống nhau mà thôi.

Bởi vậy Chu tách khỏi Tần rồi tham gia mặt trận hợp tung chỉ một năm đã bị thôn tính, nước Vệ tách khỏi nước Ngụy tham gia mặt trận liên hoành⁽⁴⁾ chỉ nửa năm đã bị diệt vong, đó là do hợp tung đã tiêu diệt nước Chu, liên hoành đã làm tiêu vong nước Vệ ! Nếu hai nước Chu, Vệ không vội vàng tính chuyện hợp tung và liên hoành mà trước hết hãy lo chỉnh đốn chính trị trong nước, thực thi pháp luật và cấm lệnh cho rõ ràng chính xác, đáng thưởng thì phải thưởng, đáng phạt thì phải phạt, ra sức khai phá đất đai, tích lũy của cải vật chất, giáo dục nhân dân, không tiếc hy sinh, thà chết để giữ vững thành trì xóm ấp thì nước khác muốn cướp đoạt đất đai của họ cũng rất ít có cơ may. Tiến đánh nước họ mà bị thương vong nhiều, thì dù một nước có cả muôn cỗ binh xa cũng không dám để đội quân của mình chiếm đóng lâu dài ở nơi chân tường thành kiên cố để rồi cho kẻ thù lớn mạnh nắm được nhược điểm của mình rồi thừa cơ đánh lại, đó mới chính là sách lược không để bị mất nước. Đem vứt bỏ sách lược đó mà đi làm cái việc dẫn tới tất yếu diệt vong, đó chính là sai lầm của bậc làm vua chúa vậy ? (Ngũ đố).

(*) Tung hoành : ngang dọc, chỉ những thủ đoạn ngoại giao.

Hợp tung : theo chiều dọc mà liên hợp với nhau. Tào Tần là chính khách hùng biện thời Chiến Quốc, ông chủ trương chính sách hợp tung, khiến 6 nước hợp nhau lại để cự lại nhà Tần.

Liên hoành : Theo chiều ngang mà liên hợp với nhau. Trương Nghi chủ trương chính sách liên hoành, tức là liên hợp 6 nước lại để tôn thờ nhà Tần, về sau chính sách liên hoành đặc thắng.

(3) Vào thời Chu Nam Xích Vương thì Đông và Tây Chu được chia ra để trị ở đây chỉ Đông và Tây Chu. Vô công của Tây Chu hợp tung với chư hầu. Tần Vương giận dữ tiến đánh Tây Chu, cuối cùng thì vô công của Tây Chu bị khuất phục. phải đem 35 ấp và 3 vạn dân hiến cả cho Tần.

(4) Vệ là thuộc quốc của Ngụy, vốn là một trong những nước hợp tung. Điều Hàn Phi Tử nói tới ở đây có thể là Vệ đã phản lại Ngụy giữa chừng để đến hồi bị mất nước.

Giải thích :

Đây là đoạn viết quan trọng của Hàn Phi Tử nhằm công kích những người thuộc phái “tung hoành”, từ đó đem ra những mặt thiếu sót trong ngoại giao. Ông cho rằng phải bắt đầu từ nội chính. Phái “tung hoành” thích bàn tới những chính sách ngoại giao cần áp dụng cho đất nước. Vì vậy mà Hàn Phi Tử gọi là những “ngôn đàm giả”. Bài viết đã trình bày những chủ trương của phái “tung hoành” và những sai lầm có thể có của chủ trương đó, qui kết cho học thuyết của tung hoành gia chỉ làm lợi cho bọn gian thần, suy cho cùng vẫn là vua chúa chưa thể điều tra giám sát được, không thể áp dụng khôn khéo việc thưởng phạt.

Đoạn thứ ba đã chỉ ra rằng ngoại giao chỉ là cái ngọn, còn nội chính mới là gốc rễ. Ổn định, tự cường là điều kiện cơ bản để thống nhất thiên hạ. Phải mang hết sức để lo việc nội chính, nội chính không tách rời chủ nghĩa pháp trị và sự minh định pháp luật, cấm lệnh. Có thưởng phải có phạt, đó là nguyên tắc cơ bản, cộng với sách lược dựa vào nông nghiệp và đánh giặc để phú cường, khai phá đất đai; ra sức mưu cầu sự giàu sang, huấn luyện quân đội; ra sức mưu cầu sự lớn mạnh. Đó là mô hình thu nhỏ của tự cường, một nước nhỏ không được phép phạm sai lầm dù nhỏ, nước lớn không được coi thường, bởi lẽ qua thời kỳ tự chủ tự cường bản thân đã có thực lực đáng kể, đó là con đường tự chủ chắc chắn, cũng là biện pháp để tránh sự diệt vong, mưu cầu sự tồn tại phát triển trong thời đại tranh giành nhau bằng thực lực giữa các nước đầy những biến động thời bấy giờ.

Tung hoành gia là một trong năm thứ một (ngũ đồ), xem qua lý luận phê bình đả kích của Hàn Phi Tử ta thấy không những nó đầy khí thế và sáng khoái, phần đối chiếu nghiêm chỉnh thỏa đáng mà luận cứ cũng đầy đủ sức thuyết phục. Từ những tẽ đoạn từ việc liên hợp theo kiểu tung hoành, ông đã công khai nói ra lòng dạ của phái tung hoành và những dẫn chứng lịch sử về phái tung hoành đầy nhanh quá trình diệt vong của đất

nước. Liên hiệp theo kiểu tung hoành không thể áp dụng được điều đó đã quá rõ ràng, hơn nữa ông đã nêu ra lý luận về pháp trị của mình càng dễ được tin phục, hèn chi mà Tần Thủy Hoàng xem xong đã phải khen ngợi không hết lời.

4. Muốn giàu mạnh thì phải coi trọng công dụng

Bậc ma chúa ngày nay nói chung thích những cuộc tranh luận không thiết thực, lại còn tôn trọng những hành vi xa lạ ít hiệu quả. Như vậy mà muốn mưu cầu sự giàu mạnh cho đất nước thì không thể được. Khổng Tử, Mặc Tử là những thánh nhân học nhiều hiểu biết rộng, giỏi thuyết lý, rất trí tuệ, nhưng Khổng Tử, Mặc Tử lại chưa bao giờ làm ruộng cào cò, thế thì có ích lợi gì cho đất nước? Còn như Tăng Sâm, Sở Thu là những người tu hành hiếu thuận lòng dạ trong sạch ít ham muốn, nhưng Tăng Sâm, Sở Thu không hề đánh trận phá thành, như vậy có ích lợi gì cho đất nước? Một người dân bình thường có mỗi tư lợi về mặt cá nhân, bậc vua chúa cai trị cả nước có mỗi công lợi về mặt quốc gia. Không cày cấy mà được nuôi dưỡng đầy đủ, không nhậm chức mà được danh tiếng vẻ vang, đó là mỗi tư lợi của cá nhân; ngăn cấm giảng dạy và học tập học thuật ⁽¹⁾, cản trở mưu cầu tư lợi của cá nhân, mọi sự ban thưởng tước vị bổng lộc đều lấy công lao lớn nhỏ làm tiêu chuẩn cân nhắc, đó là mỗi công lợi của vua chúa. Giả sử thi hành pháp luật mà lại suy tôn học thuật thì người dân sẽ chần chừ không quyết thi hành pháp luật, điều đó khó tránh khỏi. Ban thưởng cho những người có công lao là để động viên mọi người dân, nhưng nếu lại tôn trọng những đức hạnh riêng không hợp với công dụng thì người dân khó tránh khỏi lười biếng trong những công việc làm ruộng, đánh giặc và sản xuất. Tôn

(1) Nguyên văn là "túc văn học", "Văn học" có khi gọi tắt là "văn". Định nghĩa về nó từ cổ chí kim không giống nhau, cổ nhân thì thiên về ý nghĩa học thuật, trong các sách của Hàn Phi Tử thì lại chỉ chung tất cả học thuật, thi thư điển tịch mà các nhà nho nghiên cứu và học tập. Thuật ngữ mà Luận ngữ nói tới như "Văn học... tử du hạ" cũng mang ý nghĩa đó. Quả thật khoa "ngôn ngữ" của Tử Cống nhấn mạnh ý nghĩa của văn từ và ngôn ngữ, là định nghĩa của người đời sau về từ trường và văn học thuần túy.

sùng học thuật nên làm dao động tâm trí tôn trọng pháp luật của người dân. Tôn sùng đạo đức riêng tư nên làm phân hóa sự tương thường có liên quan đến công lao thành tích, như vậy mà còn mơ tưởng đến sự giàu mạnh của đất nước là điều không thể làm được. (Bát thuyết).

Giải thích :

Hàn Phi Tử cho rằng đất nước giàu mạnh là mục tiêu chung để vua chúa và dân chúng đồng tâm hiệp lực. Tất cả vì sự giàu mạnh. Ngoài hai công việc là làm ruộng và đánh giặc ra, ông đều phủ nhận những giá trị khác của thánh hiền về mặt học thuật và tu thân, đó là những quan điểm nảy sinh bởi ông ở vào thời kỳ đặc biệt cấp bách, bởi chủ nghĩa công dụng hẹp hòi. Trong hoàn cảnh rối ren đó quả thật nó có thể thu được hiệu quả mau chóng trong thời gian ngắn. Tính thực dụng của chủ nghĩa quân phiệt chính là ở chỗ này, nhưng ông chỉ tính đến những lợi ích trước mắt của một nước quân chủ dựa vào nông nghiệp và chiến tranh, chưa thể đề cập tới những giá trị của học thuật và đạo đức, làm cho học thuyết của ông xét cho cùng đã có những hạn chế rất lớn.

5. Nhân nghĩa chỉ có thể nói chơi mà thôi

Trẻ em chơi nhà chòi, chúng lấy đất cát làm cơm, lấy bùn nhão làm thức ăn, lấy những mẩu gỗ vụn để làm thịt. Dù chúng chơi đến say mê nhưng đến tối nhất định phải về nhà ăn cơm, bởi vì thứ cơm bằng đất cát, thức ăn bằng bùn chỉ có thể để chơi chứ không thể giúp chúng khỏi đói khát được. Những lời tán dương tuyên truyền từ thượng cổ suy cho cùng dù có dễ nghe nhưng lại chẳng có gì thiết thực, ngợi khen nhân nghĩa của đấng tiên vương, nhưng không thể lấy đó để cai quản đất nước, đó cũng là những thứ để chơi mà thôi, chẳng có gì thực dụng cả. Ngưỡng mộ nhân nghĩa nhưng đất nước lại khó tránh khỏi suy yếu hỗn loạn. Như các nước Hàn, Triệu, Ngụy đó, họ không ngưỡng mộ nhân nghĩa mà đất nước lại được ổn định cường thịnh, còn như nước

Tàn đày, vậy mà họ vẫn chưa thống nhất được thiên hạ, chưa xưng đế được, đó là thứ chính trị của ông chưa được vận dụng một cách hoàn toàn lý tưởng. (Ngoại trừ thuyết tả thượng).

Giải thích :

Đoạn viết này là lý luận trị quốc được thể hiện bằng những câu chuyện thường ngày. Bọn trẻ chơi nhà chòi là chuyện bình thường, mọi người cũng chỉ coi đó là trò chơi, không thể coi đó là thật. Chuyện này được đem ra ví với đạo nhân nghĩa, thì đạo nhân nghĩa đó cũng chỉ có thể nói để mà chơi chứ không thể vận dụng nó một cách thực tế vào lịch sử. Về mặt này, căn cứ vào lịch sử tiến hóa tùy cơ ứng biến, mặt khác cũng là biểu hiện của chủ nghĩa thực dụng. Phần cuối bài viết lấy việc cai trị đất nước của nhà Tần làm viễn cảnh, lấy lý luận của Pháp gia hoàn chỉnh hơn làm chỗ dựa, nói theo nghĩa rộng thì toàn bộ lý luận chính là sự ca ngợi đế vương.

6. Sính thư yến thuyết làm sao tin được

Ở Sính đô (đô thành của nước Sở thời Chiến Quốc) có người viết thư cho tướng quốc nước Yên, lúc đó là ban đêm nên ánh sáng lơ mờ, ông liền nói với người cầm đèn cầy : “nâng đèn cầy lên”; ngọn đèn được nâng cao thêm, vì vậy mà không ngờ viết thêm hai chữ “Cử chúc” (nâng đèn lên), đó chẳng phải là nội dung ông định viết trong thư. Quan tướng quốc nước Yên nhận được thư bèn đoán rằng : “cái gọi là “cử chúc” có lẽ là ý nghĩa gì đó được tôn sùng và trong sáng lắm, mà cái được tôn sùng và trong sáng đó tức là cần phải tuyển chọn nhân tài, đất nước được cai quản tốt”. Cai quản rồi lại cai quản, nhưng đó đâu phải là ý của người Sính đô định viết trong thư đâu. Một số học giả bây giờ (thời Hàn Phi Tử) phần nhiều đều như vậy. (Ngoại trừ thuyết tả thượng).

Giải thích :

Hàn Phi Tử mượn tích “Sính thư yến” để nói về những câu chuyện cổ xưa của các học giả; ông nhận thấy rằng một số học giả

thường có thái độ gán ép khiến cưỡng đối với những sách cổ, còn phóng đại thêm nói bừa rằng nó rất có đạo lý, nhưng phần nhiều đó chỉ là sự gán ghép, không chắc đã là ý nghĩa vốn có trong các sách cổ, nếu vậy thì làm sao có thể cả tin được ?

7. Không thể thu nạp sự đốt nát thất học

Hai học phái nổi tiếng ở đời là Nho gia và Mặc gia. Người có học vấn cao nhất của Nho gia là Khổng Khâu, người có học vấn cao nhất của Mặc gia là Mặc Dịch. Từ sau khi Khổng Tử (tức Khổng Khâu) chết đi thì Nho gia gồm có các phái như Tử Trường, Tử Tư, Nhan Thi, Mạnh Thi, Tất Điều Thi, Trọng Lương Thi, Tôn Thi, Lạc Chính Thi ⁽¹⁾. Từ sau khi Mặc Tử (tức Mặc Dịch) chết đi Mặc gia gồm có các phái như Tương Lí Thi, Bách Phu Thi, Linh Đương Thi ⁽²⁾, cho nên sau khi Khổng Tử và Mặc Tử chết đi thì Nho gia chia làm tám phái, Mặc gia chia thành ba phái. Họ thường có thái độ ca ngợi (nhân tố tích cực) hoặc loại bỏ (nhân tố tiêu cực) đối với các học thuyết. Mặt khác ⁽³⁾ họ đều nói mình là chân truyền của Khổng Tử và Mặc Tử. Khổng Tử và Mặc Tử đều không thể sống lại, lấy ai để đoán định rằng các học phái của đời sau ai đúng ai sai ? Khổng Tử, Mặc Tử đều ca ngợi vua Nghiêu vua Thuấn, nhưng thái độ áp dụng hay vứt bỏ của họ đều không giống nhau, họ đều tự nhận mình là chân truyền của Nghiêu, Thuấn. Nhưng Nghiêu, Thuấn không thể sống lại, lấy ai để thẩm định rằng học thuyết của ai trong phái Nho, Mặc đời sau là chân thực ? Thời Ân, Chu cách nay đã hơn bảy trăm năm, thời

(1) Trong các phái của Nho gia thì phái Nhan thi có người cho là Nhan Hôi, nhưng Khổng môn (chỉ Khổng Tử) có tới tám đệ tử họ Nhan. Nhan Hôi tuy có tài, nhưng tiếc rằng chết sớm, cách nói này không phải là không có nghi vấn. Trọng Lương thi tức là Trọng Lương Tử là người hiểu lễ nghĩa biết làm thơ. 1. người của học phái gồm Tăng Tử và Tử Hạ. Tôn thi tức là Tôn Khanh. Lạc Chính thi có thể là đệ tử của Tăng Tử là Lạc Chính Tử Xuân.

(2) Bách phu thi, trong nguyên văn là "tướng", nay cải cách chính theo đệ tử của Mặc Tử là Tôn Di. Tương Lí Thi tức là Tương Lí Càn, là Bắc phái. Đương Lăng thi là Mặc phái ở Miền Nam.

(3) Nguyên văn là "thủ xả tướng phản bất đồng", nay sửa lại theo Vương Tiên Thuận.

Ngu Hạ cách nay cũng đã hơn hai ngàn năm đã khó mà thẩm định được tính chân thực hoặc ngụy tạo của học thuyết Nho, Mặc; thế mà nay lại muốn thẩm định lại học thuyết của Nghiêu, Thuấn có cách đây đã ba ngàn năm ⁽¹⁾, thiết tưởng thật không thể khẳng định một cách chắc chắn được. Không có bằng chứng và kinh nghiệm mà kết luận thì đó là ngu xuẩn; đã không thể kết luận được mà lại đem nó ra làm căn cứ thì đó là lừa dối. Cho nên việc viện dẫn một cách rõ ràng chính xác những đạo lý của tiên vương, khẳng định một cách chắc chắn những sự tích của tiên vương, nếu không phải là ngu xuẩn thì cũng là lừa dối. Những học thuyết ngu xuẩn, lừa dối; những hành vi mâu thuẫn, lừa dối không thể là thứ mà bậc vua chúa anh minh chấp nhận. (Hiển học).

Giải thích :

Thiên “Hiển học” của Hàn Phi Tử dùng để bác lại học thuyết của hai phái Nho, Mặc, tiến tới đề ra học thuyết Pháp gia của mình. Ở đây trích lục đoạn đầu tiên. Có thể coi đây là thủ pháp sắc bén nhất của ông, về cơ bản đã làm lung lay tính đáng tin cậy trong lập thuyết của hai phái Nho, Mặc. Hãy tạm gác lại không bàn tới phần nghị luận của tác phẩm dù nó ra sao thì thủ pháp đó quả thật lợi hại. Hàn Phi Tử cho rằng tám phái của Nho gia và ba phái của Mặc gia đều có chủ trương riêng, không phải là một, rốt cuộc thì có cái đúng có cái sai, thật khó mà luận định. Nhưng hai phái Nho, Mặc đều tôn sùng Nghiêu và Thuấn, những gì mà họ nói ra cũng không giống nhau, suy cho cùng thì cái thật cái giả cũng khó mà luận định. Nho gia tôn sùng Chu Công; nhà Ân, nhà Chu cách đó đã bảy trăm năm, Mặc gia tôn sùng Hạ Vũ Vương; thế nhưng nhà Hạ, Ngu cách đó đã hơn hai ngàn năm. Phải, trái, thật, giả đã rất khó mà chứng thực được. Học thuyết (đạo) của Nghiêu, Thuấn có sớm hơn nữa thì càng không có cách

(1) Thời Nghiêu, Thuấn cách thời Hàn Phi Tử không tới ba ngàn năm, ở đây là con số ước lượng.

gi mà thẩm tra, kết luận. Bởi vậy ông cho rằng không thể chứng nghiệm và khẳng định, mà dựa vào sự lưu truyền từ người này qua người khác, từ nơi này qua nơi khác mà nói rằng : “không ngu thì cũng bịa đặt”.

Tinh thần chứng minh bằng thực tế có liên quan đến các Pháp gia đối mặt với hiện thực, cũng có liên quan đến những luận đoán khách quan của các Pháp gia khi nói về hoàn cảnh lúc đó. Bởi vậy, để có được sự tùy cơ ứng biến với thời đại và thực lực đầy đủ, thì không nên dùng tới học thuyết Nho, Mặc, mà nên bàn tới “luận thế chi bị” một cách thiết thực.

Nhưng tinh thần của Khổng Tử, Mặc Tử, chưa hề chịu ảnh hưởng bởi việc bị Hàn Phi Tử chỉ trích là “học thuyết ngu dốt và bịa đặt”. Sự tích về Nghiêu, Thuấn cứ được truyền từ đời này sang đời khác, tất nhiên nó đã có được thêm phần nhuận sắc; hai phái Nho, Mặc đã lý tưởng hóa nó, lấy đó làm thần tượng để noi theo, nhưng như thế cũng chưa đủ, bởi vì việc lý tưởng hóa Nghiêu, Thuấn chính là nói tới tinh thần Nho, Mặc. Cũng bởi sự vĩ đại của học thuyết Nho, Mặc, chúng ta nghiên cứu học thuật thời tiền Tần tất phải phê phán nhận định phải trái một cách khách quan, có vậy mới không làm lẫn lộn lý lẽ mọi chuyện.

8. Ổn định cường thịnh là vốn liếng để làm vua

Các vị vua chúa đời nay nói chung thường vẫn thích nghe những lời nói dễ nghe khi bàn luận, mà chẳng cần tới sự xác đáng thiết thực. Họ cũng thích những tiếng tăm hào huyền trong hành sự mà chẳng cần tới hiệu quả thực tế. Vì vậy muôn dân trong thiên hạ khi nói năng trao đổi đều mong sao ăn nói cho dễ nghe chứ không cần sát hợp thực dụng. Bởi vậy người viển viễn tiên vương, nói chuyện nhân nghĩa đầy cả triều đình, chính trị khó tránh khỏi hỗn loạn. Việc lập thân hành sự đều đua nhau coi trọng sự thanh cao, chẳng kể gì việc đó chẳng mang lại hiệu quả gì cho đất nước. Cho nên những người tài trí mưu lược lui về ở ẩn

chốn thâm sơn cùng cốc, từ bỏ mọi bổng lộc tước vị. Vậy mà binh lực quốc gia vẫn khó tránh khỏi suy yếu. Tại sao lại như vậy ? Chính là vì : những thứ mà dân chúng ca ngợi, những thứ mà vua đài ngộ trọng dụng đều là những học thuyết làm cho đất nước hỗn loạn.

Ngày nay mọi người dân trong nước đều bàn luận về chính trị, nhà nào cũng có sẵn những bộ luật của Quán Trọng, Thương Ưởng, nhưng đất nước ngày càng bị bần cùng, đó là tại những người bàn suông về việc cày cấy thì nhiều mà người thực sự cầm cuốc vun trồng thì lại ít. Dân trong nước đều bàn luận về binh pháp, nhà nào cũng có sẵn những bộ binh thư của Tôn Vũ, Ngô Khởi, nhưng binh lực của đất nước ngày càng yếu kém, đó là tại những người bàn suông về đánh trận thì đông mà người thực sự mặc giáp ra trận đánh giặc thì quá ít ỏi. Cho nên bậc vua chúa anh minh phải bỏ nhiệm công việc theo thực lực của họ, không thể nghe theo những lời nói suông của họ, động viên khen thưởng thành tích làm việc của họ, kiên quyết ngăn cấm những lời nói và việc làm vô tích sự. Có vậy người dân sẽ mang hết tâm trí sức lực, không tiếc hy sinh để cùng vua lo việc chung.

Cày cấy trồng trọt là công việc rất vất vả tốn sức, nhưng người dân vẫn làm, bởi họ muốn sau này có thể vì thế mà làm giàu, đánh trận là công việc rất nguy hiểm, nhưng người dân vẫn chấp nhận, bởi họ muốn sau này có thể vì thế mà vinh hiển phú quý. Cứ như những người nghiên cứu học thuật, tập tành ăn nói họ chẳng nếm mùi khổ cực của công việc đồng áng nhưng vẫn được hưởng sự giàu có, chẳng hề trải qua những nguy hiểm của chiến trận nhưng vẫn được sự tôn vinh vinh hiển phú quý. Vậy thì ai mà chẳng muốn làm ? Bởi vậy mà có hàng trăm người làm công việc trí óc, thì chỉ có một người chịu dùng sức lực. Người làm việc trí óc nhiều thì pháp chế sẽ bại hoại; người dùng sức lực ít thì đất nước sẽ bị bần cùng, đó chính thực là nguyên nhân làm cho xã hội hỗn loạn.

Cho nên một nước có bậc vua chúa anh minh cai quản, không cần tới những sách cổ như Thi, Thư, mà phải lấy pháp luật làm tài liệu giảng dạy, khỏi cần tới lời nói của tiên vương để lại, mà phải sử dụng quan lại làm thầy; không nên cho rằng những kiếm khách vi phạm pháp luật, khoe tài là những người đúng mánh can đảm có thể thu nạp, mà phải coi giết giặc mới là đúng cam. Mọi người dân trong nước có điều gì bàn bạc thì nhất định phải tuân theo những qui định của pháp luật, làm việc gì nhất định phải làm sao cho phù hợp với công dụng, những người có can đảm đều tình nguyện xin góp sức tham gia quân đội. Có như vậy thì khi thái bình vô sự đất nước sẽ giàu có, một khi có chiến tranh thì binh lực sẽ cường thịnh. Đó chính là (cái) vốn liếng để xưng vương với thiên hạ của bậc vương giả. Đã có đủ điều kiện để xưng vương, mà lại khéo giải quyết những mối hiểm khích mà kẻ thù có thể lợi dụng, thì việc lập nên những công tích vượt cả Ngũ đế, sánh với Tam Vương ⁽¹⁾ chắc chắn phải từ những phương pháp đó mà có.

Giải thích :

Mọi người đều biết Hàn Phi Tử đã từng công kích học thuyết Nho gia, bởi thế mà qua nhiều thời đại đã có không ít độc giả viết bài phê phán bài bác Hàn Phi Tử. Thế nhưng việc Hàn Phi Tử chống lại cách viện dẫn tiên vương chỉ xuất phát từ cách suy nghĩ lạnh lùng và khách quan, ông không hề phủ định những thành tích chính trị đã có của Ngũ đế, Tam Vương. Cho nên ông khẳng định việc làm theo lý luận của mình, có thể chuẩn bị đủ điều kiện để xưng vương, nếu vận dụng khôn khéo thì thậm chí có thể lập nên thành tựu chính trị còn huy hoàng hơn cả của Ngũ đế, Tam vương.

Đoạn viết này trong thiên “Ngũ đồ”, nằm trong phần đầu có nội dung phê bình “Ngũ đồ” (năm loại sâu mọt) kiểu như “tung

(1) “Tam Vương” ở đây chỉ Đại Vũ (nhà Hạ); Thành Thang (nhà Thương); Văn Vương (nhà Chu).

hoành gia”, có thể coi đây là kết luận nhỏ của cả bài. Dựa vào quan điểm công dụng, ông chống lại nhà Nho, cho rằng họ chẳng giúp được gì cho sự ổn định chính trị. Kỹ xảo “bài tử đối ngẫu” được vận dụng rất thành công. Thực ra ý nghĩa tổng hợp khái quát của toàn bài sẽ là : Phàm là những lời nói và hành động không thực dụng đều chẳng giúp ích gì cho sự ổn định trị cường đất nước; đã không mang lại lợi ích thì không phải là công dân lí tưởng.

Nếu quan sát từ góc độ lạc quan hơn, Hàn Phi Tử thấy rằng lý luận của Pháp gia đã có những ảnh hưởng thực tế, nhưng mọi người lại chỉ bàn lí luận suông, không chịu đưa ra thực hiện. Ở đây lại phải trông cậy vào các vua chúa, phải triệt để lấy “công dụng” làm tiêu chuẩn đánh giá việc khen thưởng hay ngăn cấm. Vua chúa cần hiểu được bản tính con người là lo lợi cho riêng mình, cần phải cho những người có công cày-cấy và đánh giặc có được những lợi ích thỏa đáng, cũng không nên trọng đãi các nhà nho, để tránh cho việc gián tiếp thúc đẩy người dân trốn tránh những công việc vất vả nguy hiểm là cày cấy và đánh giặc, rồi tranh nhau đi học học thuyết Nho gia. Công việc đồng áng có thể làm cho đất nước giàu mạnh, còn học thuật thường bị các nhà nho đem ra nghị luận về pháp chế. Nói về tính bức thiết của pháp luật nghiêm minh với sự ổn định phú cường của đất nước, Hàn Phi Tử đã có đủ lý do để phản đối việc trọng đãi nhà Nho và học thuyết mà họ giảng dạy học tập. Ông chủ trương cứ để cho các quan lại dạy bảo người dân làm quen với pháp luật là đủ; giống như Thương Ưởng, ông chủ trương động viên dân hăng hái chiến đấu vì sự nghiệp chung, nghiêm cấm đấu đá lẫn nhau. Với sự dẫn dắt của nguyên tắc cao nhất về pháp luật, toàn dân tập trung tâm trí sức lực, mọi nỗ lực đều hợp với công dụng thực tế của đất nước, nếu thế có lẽ nào lại không ổn định cường thịnh ? Đó đích thực là điều kiện của bậc vương bá.

HAI : CHỦ TRƯỞNG PHÁP TRỊ CỦA HÀN PHI TỬ

I — LUẬT PHÁP CÔNG MINH SẼ LOẠI BỎ ĐƯỢC TƯ LỢI

Tác dụng của luật pháp được thể hiện trên nguyên tắc công bằng, xử lý những chuyện rắc rối giữa người với người phải theo tiêu chuẩn khách quan, để giữ gìn trật tự xã hội. Con người ta khó tránh khỏi tự tư tự lợi, pháp luật lại là những khuôn phép mực thước mà mọi người có thể noi theo. Bậc vua chúa anh minh phải bồi dưỡng cho thần dân quan niệm lo cho lợi ích chung trước đã rồi sau hãy lo cho lợi ích riêng, có tinh thần tôn trọng pháp luật, yêu quý tập thể, như thế mới có thể thu được hiệu quả của pháp trị.

1. Xác định rõ ranh giới giữa công và tư

Đạo lý trị quốc của các vua chúa thông minh tài giỏi là phải xác định rõ ranh giới giữa công và tư, qui định rõ pháp chế, loại bỏ chuyện ân nghĩa cá nhân. Vua chúa có mệnh lệnh, nhất định đòi hỏi dân phải thi hành; có điều cấm nhất định phải đòi hỏi thần dân ngừng lại không được làm nữa, đó là những điều khoản qui định của quốc gia được thi hành công khai do vua chúa đề ra. Phải làm những việc phù hợp với lợi ích riêng tư của cá nhân, nói điều tín nghĩa hẹp hòi với bạn bè, không được động viên khích lệ bởi những ban thưởng của vua, không biết ngăn ngừa bởi những trừng phạt của vua, đó là những tín điều riêng tư của bề tôi. Những tín điều mang tính cá nhân riêng tư đó mà được lan truyền ra thì sẽ gây hỗn loạn. Những điều khoản của quốc gia mà

được thực thi rộng rãi thì sẽ ổn định. Cho nên giữa công và tư nhất định phải có ranh giới. Bề tôi có lòng tư lợi riêng nhưng cũng biết thực hiện những điều khoản qui định của đất nước, coi trọng việc tu thân (sửa mình) có hành vi đáng hoàng chính trực, làm quan mà không thiên vị, đó chính là thực tế thần dân đã thực thi những điều khoản qui định của quốc gia. Chạy theo những ham muốn riêng của cá nhân, có những hành vi bỉ ổi để cho mình được an toàn, gia đình được lợi, đó là bụng dạ tư lợi của thần dân. Có được bậc vua chúa tài giỏi sáng suốt ngồi trên ngai vàng thì bề tôi sẽ từ bỏ lòng dạ tư lợi đó, để thực hiện những điều khoản qui định của đất nước. Nếu vua chúa hôn mê dâm loạn mà ngồi trên ngai vàng thì bề tôi sẽ bất chấp những qui định của nhà nước, làm việc theo lòng dạ tư lợi.

Cho nên lòng dạ của quần thần và vua chúa không giống nhau, vua chúa tìm cách nuôi dưỡng bề tôi, bề tôi tìm cách tôn thờ vua chúa, mối quan hệ qua lại giữa vua và tôi hoàn toàn là sự tính toán hơn thiệt. Cái gì có hại cho mình nhưng có lợi cho đất nước thì bề tôi không chịu làm, cái hại cho đất nước ⁽¹⁾ nhưng có lợi cho bề tôi thì vua chúa không chịu làm. Cứ lấy tình hình của bề tôi ra mà nói đã có hại cho thân mình thì chẳng có lợi gì. Cứ lấy tình hình của vua chúa ra mà nói đã làm hại đất nước thì không thể yêu quý bề tôi. Mối quan hệ giữa vua và tôi là đối xử qua lại với nhau bằng sự tính toán. Con người có lòng dạ tư lợi, đến lúc giáp mặt với tai họa khó khăn thì lại không biết tiếc hy sinh, dốc hết tâm trí sức lực, như vậy hoàn toàn do sự ràng buộc kim chế của pháp lệnh. Cho nên các tiên vương ⁽²⁾ cần phải định rõ ban thưởng để khuyến khích động viên, định rõ hình phạt

(1) "Hại quốc" trong bản cũ ghi là "phú quốc", ý nghĩa của câu văn không thể liên tục, ở đây cải chính theo Vương Tiên Thuận.

(2) "Tiên Vương" từ này xuất hiện nhiều lần trong thiên "Sức tà" mâu thuẫn với việc Hàn Phi Tử chống lại sự "viện dẫn tiên vương". Nhưng nội dung mà thiên "sức tà" này luôn nêu cao lại hoàn toàn là tư tưởng Pháp gia, chẳng hạn như sửa "tiên vương" thành "minh quân", như vậy không có gì phải nghi ngờ nữa.

nghiêm minh để răn đe. Nếu ban thưởng và hình phạt mà chính xác rõ ràng thì dân sẽ dốc lòng dốc sức, không quản ngại hy sinh; làm được như vậy thì binh lực sẽ cường thịnh, vua được tôn vinh. Còn nếu như hình phạt và ban thưởng không rõ ràng thì người dân không có công lao gì cũng cầu mong được lợi, khi phạm tội cũng mong được tha tội, như vậy binh lực của đất nước sẽ yếu kém, vua chúa cũng ở vào vị thế thấp kém, bị áp bức và lăng nhục. Cho nên có thể nói rằng công và tư phải được phân chia cho rõ ràng; pháp luật và những điều cấm phải được nghiên cứu xem xét kỹ càng trước khi ban hành.

(Súc tà) ⁽¹⁾

Giải thích :

Hàn Phi Tử cho rằng bản tính con người là mưu lợi cho riêng mình, bề tôi có lòng dạ tư lợi, nhưng nếu khéo biết vận dụng pháp chế rõ ràng chính xác để tăng cường kim chế ràng buộc thì họ cũng biết chấp hành những qui định của đất nước. Vì lợi ích của công chúng mà kềm chế được những ham muốn riêng của cá nhân, hoàn toàn trông vào các vua chúa có biết áp dụng thưởng phạt cho khéo léo để đạt được hiệu quả động viên khen thưởng và ngăn cấm hay không. Điều đó còn có thể ảnh hưởng tới sự yếu mạnh của đất nước cũng như sự tôn trọng hay hạ thấp địa vị của vua chúa nữa.

2. Tôn trọng công pháp có thể làm cho đất nước giàu mạnh

Không có nước nào cường thịnh mãi mãi được, cũng không có nước nào cứ yếu kém mãi mãi. Quan lại chấp pháp mà kiên cường, không bề cong pháp luật để theo lợi riêng thì đất nước sẽ cường thịnh; còn nếu quan lại chấp pháp mà nhu nhược, bề cong

(1) "Súc tà" là thiên thứ 19 trong Hàn Phi Tử. "Súc" tức là trang điểm, sửa soạn; nội dung chính của thiên này là muốn nhấn mạnh rằng vua chúa cần phải xác định rõ pháp luật và cấm lệnh để chấn chỉnh những hành vi gian tà vi phạm pháp luật của bầy tôi.

pháp luật để chạy theo lợi riêng thì đất nước sẽ yếu kém.

Trong thời đại hiện nay biết gạt bỏ tính toán riêng làm việc theo công pháp thì nhân dân được yên vui, đất nước được thái bình; biết gạt bỏ những hành vi thiên vị, tôn trọng công pháp thì binh lực cường thịnh, quân thù sẽ yếu đi. Vua chúa cai quản quần thần, nếu biết tôn trọng pháp luật để xem xét chuyện được mất thì bề tôi cũng quyết không lừa gạt vua bằng những phương pháp gian manh quỷ quyệt giả tạo. Vua chúa nghe ngóng xem xét những việc ở xa thì có thể có được tiêu chuẩn cân nhắc đánh giá chắc chắn để xem xét lại cái được cái mất, nếu vậy thì bề tôi không thể nào lừa gạt vua bằng những thủ đoạn lừa dối.

Nếu vua chỉ dựa vào lưu danh (danh tiếng hảo huyền) mà nhận định là có tài năng rồi tiến dụng thì bề tôi đều sẽ xa lánh vua, ngầm ngầm kéo bè kéo cánh mưu lợi riêng. Còn nếu như vua dựa vào bè cánh và sự tiến dần thì sẽ tuyển chọn và đề bạt những người làm quan cho mình, thế thì nhân dân sẽ tìm cách ngoi lên, dựa dẫm lẫn nhau chứ không biết tôn trọng và thi hành pháp luật. Cho nên quan lại được bổ nhiệm không phải là những người có tài năng thực thụ thì đất nước nhất định bị hỗn loạn. Dựa vào những lời tán dương ca tụng mà ban thưởng, dựa vào những lời nói xấu mà xử phạt, nếu vậy những kẻ ưa thích ban thưởng, ghét xử phạt đều bất chấp công pháp⁽¹⁾, sẽ dùng đủ mọi phương thuật để mưu đồ cho lợi ích riêng, cùng nhau kéo bè kéo cánh mưu lợi riêng, che giấu cho nhau, lừa gạt che dấu cả vua.

Một nước nằm trong quỹ đạo chính trị thì chắc chắn nhân dân sẽ tôn trọng pháp luật nhà nước, không dùng tới những phương thuật của riêng mình, một dạ một lòng, chỉ mong chờ được vua chúa bổ nhiệm sai khiến. (Hữu độ)⁽²⁾

(1) Nguyên văn là "thích công pháp", chữ "pháp" vốn là chữ "hành", cải chính theo Vương Tiên Thuận.

(2) "Hữu độ" là thiên thứ 6 trong Hàn Phi Tử, nội dung chính nhằm nhấn mạnh việc trị quốc bằng pháp luật. "Độ" là pháp luật, pháp thuật.

Giải thích :

Bốn đoạn văn ở đây vốn không liên tục, vì phần lập ý không liền nhau, để tiện cho bạn đọc ở đây có ý gom lại để cùng thưởng thức. Bộ luật công bằng mà dân chúng cùng tôn trọng, nếu có mâu thuẫn với những phương thuật mưu lợi riêng thì nên lấy phương pháp làm tiền đề chính. Vua chúa khảo sát sự trung thành hay gian trá, sự giỏi giang hay hư hỏng của bề tôi bằng pháp luật thì có tiêu chuẩn phải tuân theo, không bị ảnh hưởng bởi dư luận khen chê, cũng có thể ngăn chặn triệt để những tệ đoan trong đó bề tôi câu kết bề phái dựa dẫm vào nhau; đưa chính trị đi vào quỹ đạo chính thống, làm cho đất nước ổn định cường thịnh.

3. Pháp lệnh có thể uốn nắn những hành vi lệch lạc vi phạm pháp luật.

Đất nước định ra pháp lệnh thì phải dùng nó để loại trừ những cái bất hợp pháp và lòng tư lợi; pháp lệnh được thi hành rộng rãi khắp nơi, mọi hành vi lệch lạc đều bị tiêu trừ. Chính tâm lý thiên vị lệch lạc là nhân tố gây nhiều loạn pháp chế. Nhưng những người có học lại có tâm tư riêng, coi trọng học thuật của cá nhân, sống ở chốn hang động hoặc gởi đất nằm sương hoặc mượn cố để ở ẩn, biết suy xét sâu xa, nếu nghiêm trọng thì họ cũng sẽ quả trách những chính sách hiện hành, mà nhẹ nhàng thì cũng đầu độc hay mê hoặc dân chúng. Vua chúa không tăng cường ngăn cấm mà lại suy tôn họ bằng những danh hiệu cao quý, chăm lo cho họ bằng lợi ích thực tế, làm như vậy chẳng khác nào làm cho kẻ không có công lao thành tích gì mà vẫn được vinh hiển phú quý, kẻ chẳng phải chịu cực khổ vất vả mà vẫn giàu có. Như vậy thì người có học vốn mang sẵn tâm tư, họ coi trọng học thuật cá nhân, làm sao không suy nghĩ sâu xa, gắng sức để làm những việc ranh ma quỷ quái, phỉ báng pháp lệnh để có được sự khác đời khác người. Phàm những kẻ quấy rối vua chúa, đi ngược lại thế tục đều là những người coi trọng học thuật cá nhân. Cho nên tác

phẩm “bản ngôn” của Pháp gia có viết rằng : “Làm việc theo lòng tự lợi thì hỗn loạn, làm việc theo công pháp thì ổn định”. Các bậc vua chúa ngồi trên ngai vàng nếu không nắm được phương thuật để trị quốc thì những người thông minh sẽ dám nói ra những lời lẽ trái pháp luật, người hiền đức sẽ dám mang trong lòng ý niệm trái với pháp luật. Vua có những ân huệ bất hợp pháp thì bề tôi cũng có những ham muốn bất hợp pháp. Những người có tiếng tăm là tài giỏi đức độ thì lập thuyết giảng học, họ vẫn thường chê bai pháp lệnh của nhà nước. Vua chúa không biết ngăn cấm mà lại suy tôn họ, điều đó chẳng khác nào bảo người dân chẳng cần nghe theo mệnh lệnh của nhà vua, chẳng cần tôn trọng pháp luật nhà nước. Nếu đúng như vậy thì những người được coi là “hiền giả” với tiếng tăm lẫy lừng lại không hề phục vụ đất nước; những kẻ gian không tôn trọng pháp luật vẫn cứ được giàu có nhờ ban thưởng. Bởi vậy các vị vua chúa ngồi trên ngai vàng sẽ chẳng có cách gì khống chế những lời nói và việc làm bất hợp pháp của họ nữa. (Ngụy sử) ⁽¹⁾.

Giải thích :

Trong bài viết tác giả vẫn dùng hai chữ “pháp”, “tư” để lập luận so sánh. “Tư” dùng để chỉ những lời nói hành vi lệch lạc nằm ngoài phạm vi pháp luật, không phù hợp với lợi ích chung của đất nước. Nội dung chính của nó là “Làm việc mà chạy theo lòng dạ tư lợi thì sẽ (hỗn) loạn, giải quyết công việc theo công pháp thì sẽ ổn định”. Từ quan điểm về “công pháp” ông cũng phê bình cả phái cao đạo ⁽²⁾ của Đạo gia được coi là “hiền”, “tri” và các nho sinh lập thuyết giảng học thời đó; gián tiếp kêu gọi phải bồi dưỡng những công dân lý tưởng biết “nghe theo bề trên, tôn trọng pháp luật”.

(1) “Ngụy sử” là thiên thứ 46 trong Hàn Phi Tử. “Ngụy” có nghĩa là “trái ngược, tương phản”. Nội dung chính của thiên này là nói về những cái mà vua tôn sùng quý trọng, dân mong muốn đều là những đạo lý đi ngược lại với việc trị quốc.

(2) “Phái cao đạo” là phái được nhiều tiếng khen trong Đạo gia (“cao đạo” nghĩa đen là “bước cao”).

4. Thái tử cũng phải nghiêm chỉnh tôn trọng pháp luật

Sở Trang Vương có việc liên khẩn cấp cho gọi thái tử. Pháp luật của nước Sở quy định rằng xe không được chạy tới Trí môn⁽¹⁾. Khi thái tử vào cung lại gặp ngay lúc trời mưa to, sân ngập đầy nước, thái tử liền dạn phải đánh xe tới Trí môn. Quan Đình Lý⁽²⁾ canh giữ ở đó liền ra cản lại, nói rằng : “cho xe chạy tới Trí môn là bất hợp pháp !” rồi vung roi quất ngựa, quan Đình Lý gĩa cây trường thương đâm ngựa, chặt đứt đoạn gỗ cong ở đầu xe, giết luôn cả người đánh xe.

Thái tử tức lắm, liền vào cung khóc và tố cáo với quốc vương rằng : “Phụ vương phải nhất định giết chết viên Đình lý kia, rửa cho con nỗi hèn này !”. Sở Vương ung dung thông thả nói : “Viên Đình lý này đã chẳng nể mặt ông vua già như ta để thi hành pháp luật của nhà nước lại còn tha cho thái tử; hắn cũng chẳng phải nịnh bợ ông vua tương lai như con mà phụ thuộc vào con, đó thật là một người hiền tài ! Đó thật là một bề tôi giỏi biết tôn trọng pháp luật !”. Và rồi hạ lệnh thăng chức cho viên quan Đình Lý nọ lên hai cấp, rồi mở cửa hậu cung bắt thái tử đi ra theo lối đó, còn nhắc nhở thái tử rằng : “Về sau chớ coi thường pháp luật nhà nước mà tùy tiện vượt qua Trí môn nữa”. (Ngoại trừ thuyết hữu thượng).

Giải thích :

Câu chuyện này nhấn mạnh trật tự của nhà nước, phải lấy pháp luật bình đẳng khách quan làm chỗ dựa chung, không thể để chen lấn tình cảm riêng tư, cho nên Thái tử phạm pháp, quan Đình Lý xử phạt theo pháp luật : chặt đứt khúc gỗ cong trước cang xe, giết người đánh xe. Sở Vương hiểu được tính chất tôn

(1) Trí môn là cửa giữa ở phía nam của Cung đình chư hầu, cửa kho ở bên ngoài, cửa đi lại ở bên trong, còn gọi là “Trung khuyết” (Vòng lâu ở cửa chính giữa cung).

(2) “Đình lý” là người canh gác bảo vệ kiểm luôn việc giữ gìn pháp lệnh ở ngoại triều (nơi nghị nghị dành cho các bề tôi vào yết kiến vua).

nghiêm của pháp luật nhà nước đã đặc cách thăng thưởng cho quan Đình lí, biểu thị quyết tâm thực thi pháp luật một cách quán triệt. Tương truyền rằng người nói tới trong mẩu truyện này là Sở Trang Vương, hèn chi mà ông có thể trở thành một trong những bá vương thời xuân thu. Đó là quan niệm đối với tính chất đột phá trong xã hội quý tộc thời cổ.

5. Ngô Khởi đuổi vợ

Ngô Khởi là danh tướng thời Chiến Quốc. Một hôm ông đưa ra cho vợ xem một dải lụa rồi bảo : “Nàng dệt lại cho ta một dải lụa, phải dài, rộng như thế này”. Dải lụa đã dệt xong, Ngô Khởi đem dải lụa cũ ra so thấy dải lụa vợ dệt không vừa ý. Ngô Khởi nói : “Ta bảo nàng dệt lụa, đã dặn kỹ phải như vậy, giờ thấy chẳng vừa ý ta chút nào cả, tại sao vậy?”. Vợ ông trả lời : “Vật liệu như nhau, nhưng thiếp đã bỏ thêm công sức, thêu thêm đường biên cho nó đẹp”. Ngô Khởi nói : “Đó không phải là việc ta giao cho nàng làm” ⁽¹⁾. Rồi dặn vợ thu xếp hành trang, vắt dải lụa đó lên người vợ, dẫn trả về nhà mẹ đẻ. Ông nhạc của Ngô Khởi đòi ông phải đón vợ về, ông không chịu, nói rằng : “Ở nhà con, nói một là một hai là hai, nhất định phải làm theo qui định” (Ngoại trừ thuyết hữu thượng).

Giải thích :

Thái độ đối xử với vợ của Ngô Khởi theo cách nhìn hiện đại mà xét thì quả thật là vô tình, không hiểu được lẽ đời. Nhưng ông là một nhà quân sự, cũng là một pháp gia, điều ông coi trọng là lệnh đã ban ra thì phải thi hành. Thời cổ lại là thời mà xã hội coi đàn ông là trung tâm, người vợ tuy đã mang hết tâm sức ra để làm đẹp tấm lụa, trông rất có nghệ thuật, và nàng cũng rất yêu chồng, chẳng hiểu sao tâm tư của Ngô Khởi lại không như vậy ? Ông là người muốn quán triệt lý tưởng của mình bắt đầu từ việc

(1) Nguyên văn là “phi ngữ dã”, ở đây sửa lại thành “phi ngô ngôn dã” theo tác giả người Nhật là Thái Điền Phương.

“tề gia”. Cách làm của vợ theo ông là không thể tha thứ được. Vì “luật pháp” mà không kể gì đến tình cảm riêng tư giữa vợ và chồng, đó cũng là điểm quan trọng mà mẫu chuyện này muốn nói tới.

II. THỬ PHÂN TÍCH VỀ THIÊN “ĐỊNH PHÁP”

Thiên “định pháp” có lập ý đơn giản cô đọng dễ hiểu, sử dụng từ ngữ thận trọng rõ ràng; từ những mặt này có thể thấy dụng ý sâu xa của Hàn Phi Tử đối với định nghĩa và những sửa đổi bổ sung về bộ luật. Trong “Tiên Tần yếu tịch giải đề cập kỳ độc pháp” Lương Khải Siêu nhận định đây là thiên quan trọng nhất. Sau đây chúng ta sẽ thử xem đoạn văn ngắn sắc bén này, để một mặt tìm hiểu lý luận chủ yếu cùng coi trọng pháp và thuật mặt khác tìm hiểu tài viết văn của Hàn Phi tử thể hiện trong bút pháp tinh tế, kết cấu chặt chẽ.

1. Định nghĩa về “Pháp” và “Thuật”

Có người đặt ra câu hỏi : “Ngôn luận của hai phái Thân Bất Hại và Công Tôn Ưng ⁽¹⁾ phái nào cần thiết hơn quan trọng hơn cho việc cai quản đất nước ?” Trả lời rằng : “Điều đó không thể lường tính đánh giá được. Một người không được ăn mười ngày thì sẽ chết, mùa đông giá lạnh mà không mặc quần áo thì sẽ chết cồng. Nếu muốn hỏi hai việc ăn và mặc cái nào quan trọng hơn đối với con người thì có thể nói rằng không thể thiếu thứ nào cả, đó đều là những điều kiện cần có để duy trì cuộc sống và sinh mạng con người. Ngày nay Thân Bất Hại chủ trương “dụng thuật”, nhưng Công Tôn Ưng lại chủ trương “Hành pháp”. Cái gọi là “Thuật” chính là trao quan chức theo tài năng của người đó đòi hỏi họ hoàn thành nhiệm vụ thực tế dựa vào danh vị của quan

(1) Công Tôn Ưng tức là Thương Ưng, ông vốn là công tử con mẹ kế, người nước Vệ. Do cùng họ với Vệ Hưu nên gọi là Công Tôn Ưng, còn có tên là Vệ Ưng. Về sau ông sang Tần giúp Tần Hiếu Công biến pháp, được phong là Thương, hiệu là Thương Quân, còn gọi là Thương Ưng.

chức. Năm quyền sanh sát trong tay, đôn đốc nhắc nhở theo tài năng của quần thần, việc này phải do vua chúa quyết định. Cái gọi là “pháp” chính là pháp lệnh do quan phủ công bố một cách rõ ràng hình phạt nhất định phải được dân chúng ghi nhớ không được thay đổi. Việc khen thưởng phải dành cho những người nghiêm chỉnh tôn trọng pháp luật, việc trừng phạt phải dành cho những người vi phạm pháp lệnh, việc này phải do bề tôi tuân thủ. Vua chúa ngồi trên ngai vàng mà không có “Thuật” thì sẽ sinh ra tệ nạn; bề tôi ở bên dưới mà không có pháp thì sẽ sinh loạn. Trong hai thứ đó đều không thể thiếu thứ nào cả, đều là công cụ thống trị mà bậc đế vương cần phải có”.

Giải thích :

Thân Bất Hại và Thương Ưởng mỗi người đều có vai trò quan trọng của mình. Hàn Phi tử theo phái Pháp gia, nên ông chủ trương “Hành pháp, dụng thuật” hỗ trợ lẫn nhau. Từ định nghĩa của thiên “Định pháp” mà xem xét thì “pháp” và “thuật” vốn là những từ đối lập nhau. “Pháp” là những nguyên tắc công khai, những qui định mà thần dân phải tôn trọng; “thuật” là những quyền mưu bí mật, là thứ chỉ có vua chúa dùng đến. Đối tượng của “pháp” là tất cả thần dân, còn “thuật” là thứ vua chuyên dùng để đối phó với bề tôi.

2. Chỉ dùng “pháp” hoặc “thuật” đều không phải là lý tưởng

Có người lại hỏi rằng : “Chỉ có “thuật” mà không có “pháp”, hoặc chỉ có “pháp” mà không có “thuật” đều không thể được, tại sao vậy ?”.

Trả lời rằng : “Thân Bất Hại là phụ tá đại thần của Hàn Chiêu Hầu. Hàn là nước được tách ra từ nước Tấn, pháp luật vốn có của nước Tấn chưa bị bãi bỏ, pháp luật mới có của nước Hàn đã ra đời, pháp lệnh của các vua chúa đời trước còn chưa thu hồi, pháp lệnh của vua chúa đời sau đã được ban bố. Thân Bất Hại

chưa thể chỉnh đốn lại pháp luật, thống nhất lại làm một, thì những việc gian tà đã tăng lên. Cho nên khi thần dân nước Hàn thấy pháp luật cũ và pháp luật đời trước có lợi cho mình liền theo pháp luật và pháp lệnh đó. Pháp luật cũ và mới thường xung đột, trái ngược nhau; pháp lệnh trước và sau cũng thường mâu thuẫn quay lưng lại với nhau. Vậy thì Thân Bất Hại tuy đã bỏ ra không biết bao nhiêu tâm trí sức lực để phụ tá Hàn Chiêu Hầu vận dụng thuật trị quốc, mà bọn gian thần ⁽¹⁾ vẫn có thể ngấm ngầm lợi dụng và làm bậy, biện hộ cho mình cách giải quyết gian dối bằng những lời lẽ hoa mỹ. Bởi vậy mà với nước Hàn lớn mạnh có cả muôn cổ binh xa, trải qua 17 năm gắng công gắng sức nhưng vẫn không thể làm cho nước Hàn thành đạt trong nghiệp bá vương, đó là do vua khi còn sống tuy bên ngoài có áp dụng thuật trị quốc, nhưng trong quan phủ thì pháp lệnh lại không được tu chỉnh thường xuyên.

“Khi Công Tôn Ưởng còn cai quản nước Tần đã đề ra biện pháp trong đó ai tố cáo kẻ gian sẽ được thưởng, ai vu cáo sẽ bị trừng phạt ⁽²⁾ lấy đó để nhắc nhở dân chúng phải khai báo đúng sự thật. Ông định ra chế độ cứ mười nhà hoặc năm nhà liên kết bảo vệ lẫn nhau và giám sát lẫn nhau, có kẻ gian việc gian mà không kiểm tra khai báo thì bị xử phạt như nhau. Ông ban thưởng hậu hĩ mà vẫn giữ chữ tín và đáng tin cậy, hình phạt nặng mà vẫn phải được thi hành. Bởi vậy người dân nước Tần trong thời bình thì gắng hết sức làm lụng, dù một nhọc cực khổ vẫn không nghỉ ngơi; trong thời chiến thì đuổi đánh kẻ thù, chẳng quản gì nguy hiểm, không thoái lui, cho nên nước Tần giàu có, binh lực mạnh. Nhưng vua chúa không có phương thuật biện

(1) “Gian” trong Hàn Phi Tử dùng để chỉ những lời nói và việc làm bất hợp pháp. “Gian thần” dùng để chỉ bầy tôi không tôn trọng pháp luật làm những việc phạm pháp.

(2) “Tọa” là xử phạt theo tội danh, “phản tọa” là tội danh vu cáo cho người khác gán cho người đi vu cáo. “Thiết cáo tọa nhi trách kỳ thực, liên thập ngũ nhi đồng tội” là chính sách rất nổi tiếng của Thương Ưởng. Nguyên văn của Hàn Phi Tử được đối chiếu công phu tỉ mỉ, hàm ý lại rất phong phú xúc tích.

minh những hành vi gian tà của bề tôi, nếu vậy thành quả của sự phú cường chỉ bị bề tôi lợi dụng để tranh giành quyền lợi mà thôi. Chờ đến lúc Hiếu Công và Thương quân chết, Huệ Vương lên nối ngôi⁽¹⁾, tân pháp của Tần còn chưa bị bại hoại, Trương Nghi⁽²⁾ liền lợi dụng thực lực giàu mạnh của nước Tần để mưu lợi riêng với hai nước Hàn, Ngụy. Sau khi Huệ Vương chết, Vũ Vương lên ngôi, Cam Mậu cũng đã lợi dụng sức mạnh của Tần để chiếm đoạt những mối lợi riêng ở Đông Chu. Sau khi Vũ Vương qua đời, Chiêu Nhương lên kế vị, Nhương hầu Ngụy Nhâm vượt qua biên giới hai nước Hàn, Ngụy tiến về phía Đông đánh Tề, qua năm năm nước Tần chẳng thêm được một tấc đất còn ông ta thì thu được đất phong của Đài ấp. Ứng Hầu Phạm Thư⁽³⁾ tiến đánh Hàn, qua tám năm cũng thu được đất phong ở Nhữ Nam. Từ đó về sau, những đại thần chấp chính mà Tần tin dùng đều là những người như Ứng Hầu, Nhương Hầu cả. Bởi vậy thắng trận rồi thì nâng 'cao địa vị của các đại thần, mở rộng đất đai, phong ấp riêng của bề tôi cũng được xây dựng, đó là do vua không có phương cách riêng để khảo sát gian tà. Thương Quân tuy đã bỏ ra công sức gấp cả chục lần để tu chỉnh pháp luật của mình, nhưng quần thần vẫn lợi dụng nó để lo thu vén lợi ích cá nhân. Vì vậy dựa vào binh lực hùng hậu của nước Tần lớn mạnh trong suốt mấy chục năm nhưng vẫn không thể làm nên sự nghiệp của đế vương đó là do quan phủ tuy có nỗ lực tu chỉnh pháp luật⁽⁴⁾ nhưng vua tại vị lại không thể vận dụng được phương cách ấy.

-
- (1) Thương Quân tức là Thương Ưởng, trong phần trước gọi là Công Tôn Ưởng, ở đây có sự thay đổi cách gọi, cũng là một trong những kỹ xảo viết văn của cổ nhân. Sau khi Huệ Vương lên ngôi thì Thương Ưởng mới bị giết, để cho tiện ở đây có nói tới cả Hiếu Công, không nên hiểu sai ý nghĩa vì từ ngữ đã sử dụng.
- (2) Trương Nghi là người nước Ngụy, làm khanh tướng thời Tần Huệ Vương, ông đề xướng sách lược "liên hoành", phân hóa sáu nước, làm cho sáu nước riêng rẽ đều tôn thờ nhà Tần.
- (3) Phạm Thư là người nước Ngụy, ông đã dùng mưu kế "viễn giao cận công" (giao thiệp với các nước ở xa, đánh các nước ở gần) để thuyết phục Tần Chiêu Vương, làm lễ tấn phong cho các khanh tướng, được phong là Ứng, xưng là Ứng Hầu.
- (4) "Pháp tuy cần sức Vu quan", trong nguyên văn thì "tuy" viết là "bất", ở đây dựa theo Cổ Quảng Ký có cải chính sự hiểu lầm đó.

Giải thích :

Hàn Chiêu Hầu dùng Thân Bất Hại trong suốt mười mấy năm, chư hầu không dám dòm ngó nước Hàn là do vua tôi nước Hàn có được thành tích về chính trị tốt nhất. Tần Hiếu Công dùng Thương Ưởng để biến pháp, đặt nền móng cho nước Tần giàu mạnh. Hàn Phi Tử đưa ra những ví dụ thực tế lịch sử là Thân Bất Hại và Thương Ưởng, nêu lên được nguyên nhân làm cho nước Hàn ổn định nhưng không làm nên nghiệp bá vương, nước Tần xưng bá nhưng không làm nên nghiệp đế vương, tất cả đều do không thể cùng một lúc sử dụng cả pháp và thuật. Tác phẩm của ông sâu sắc, luận cứ phong phú, lý lẽ tỉ mỉ chu đáo, quy nạp có sức thuyết phục.

3. Học thuyết của Thân Bất Hại và Thương Ưởng chưa thật hoàn thiện.

Có người lại hỏi rằng : “Nếu vua sử dụng “thuật” của Thân Bất Hại các quan lại chấp hành “pháp” của Thương Quân thì làm như vậy có được không ?

Đáp rằng : “Thuật” của Thân tử không phải tất cả đều hoàn thiện, “pháp” của Thương Quân cũng không thể coi là hoàn mỹ. Điều mà Thân Tử từng nói là “Xử lý sự vụ” cũng không thể vượt quá chức quyền của mình được. Những công việc nằm ngoài chức quyền của mình thì dù có biết rõ cũng không thể nói ra”. Điều đó có nghĩa là biết rõ người khác có tội lỗi mà không tố giác với vua để vua kiểm tra giám sát bằng nhân quan của người trong nước, nên không thể nhìn rõ sự việc bằng họ được. Bề tôi ngày nay biết được việc gì cũng không dám nói, vậy thì vua còn biết nhờ cậy ai để làm tai mắt cho mình nữa ?

Pháp lệnh của Thương Quân có ghi rõ “Chém được một đầu giặc thì ban thưởng tước vị thêm một cấp”⁽¹⁾, kẻ muốn làm quan

(1) Pháp luật nhà Tần có qui định : “Trảm nhất thủ giặc, tước nhất cấp” về sau thành điển cố, và vì thế gọi đầu giặc đã bị chặt đứt là “thủ cấp”.

thì thưởng cho chức quan được nhận lãnh bổng lộc năm mươi thạch. Chém được hai đầu giặc thì thưởng cho tước vị thêm hai cấp, nếu muốn làm quan thì thưởng cho chức quan được lãnh bổng lộc 100 thạch". Sự thăng tiến chức quan và tước vị được phối hợp với công lao chém đầu giặc. Nếu có một pháp lệnh nói rằng "Người có công chém đầu giặc mà để cho họ đi làm thầy thuốc hoặc làm thợ thì căn nhà không thành, bệnh tật cũng không chữa trị được. Hai bàn tay thợ cần khéo léo nhanh nhẹn, có kỹ thuật về chuyên môn. Thầy thuốc cần biết bào chế thuốc thang, nay lại bắt các chiến sĩ có công chém đầu giặc đi làm việc đó, như vậy đâu có phù hợp với tài năng của họ. Giải quyết việc quan cần phải có trí mưu và tài năng chém đầu giặc cần có dũng khí và sức mạnh. Cho những người cày có dũng khí và sức lực mà lập được công lao đi giải quyết việc quan vốn đòi hỏi mưu trí và tài năng thì chẳng khác nào bắt những chiến sĩ lập được công bằng việc chém đầu giặc đi làm thầy thuốc và thợ thuyền. Cho nên có thể nói : "Học thuyết của hai ông Thân Bất Hại và Thương Ưởng về hai mặt "pháp" và "thuật" đều không thật hoàn thiện".

Giải thích :

Đoạn đầu đã bàn tới vấn đề cùng sử dụng "pháp" và "thuật". Vậy nếu dung hợp cả "pháp" của Thương Ưởng và "thuật" của Thân Bất Hại để áp dụng thì thật là lý tưởng. Hàn Phi Tử lấy đó để nói về lập thuyết của Thương Ưởng và Thân Bất Hại vẫn còn khuyết điểm cần được ông sửa chữa bổ sung. Do vậy có thể thấy rằng ông đã dung hợp được tư tưởng của các bậc hiền tài trước đó, bằng những suy nghĩ kỹ lưỡng, có thêm nhận thức mới và vì vậy mà ông mới trở thành nhân vật quan trọng của Tập Đại Thành Pháp gia. Sự vĩ đại của ông cũng chính là ở đây. Một mặt có tác dụng bày tỏ không thể ngờ tới, mặt khác vẫn có tính chất thuyết phục trong biện luận của ông.

Thân tử chú ý đến việc phân chia chính quyền coi nhẹ việc

khen thưởng, cáo gian, thế thì không thể vận dụng phương thuật vô vi một cách đầy đủ được. Và một điều nữa không thể thực hiện được là : Bản thân ở trong chốn thâm cung mà lại có thể hiểu rõ hết mọi sự việc trong nước, pháp lệnh của Thương Ưởng có làm lẫn sơ suất, chưa biết chú ý tới tài năng và tính cách có tương hợp với nhau được hay không. Để cho dễ hiểu, trước tiên Hàn Phi Tử đem chuyện dùng sĩ chém đầu giặc lập công ra ví với việc họ không làm được thầy thuốc và nghề thợ rồi sau đó đi vào vấn đề chính, thật tự nhiên, phân tích mổ xẻ thấu đáo.

Nếu nhìn từ kết cấu toàn thiên, các câu trả lời có tầng thứ rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, lựa chọn tư liệu và bố cục đều rất khéo. Trước đây người Tây Hán khi viết chính luận thường mô phỏng bắt chước Hàn Phi Tử, thì ra bản thân nó có lý để tồn tại.

III. ĐỊNH CHẾ PHÁP LUẬT

Xã hội biến thiên, bản tính con người là mưu lợi riêng. Hàn Phi Tử nhận định rằng chỉ có pháp luật mới bảo vệ được trị an xã hội, mới loại bỏ được lòng tư lợi quá đáng của mọi người, pháp luật trở thành chuẩn mực cao nhất của việc trị quốc. Vậy định chế pháp luật có những nguyên tắc nào ?

1. Pháp luật phải thành văn và được công bố

Quản Tử nói : “Nói (chuyện) ở trong phòng thì tất cả mọi người ở trong phòng đều nghe thấy lời người nói; nói (chuyện) ở chốn miếu đường thì mọi người ở trong miếu đều nghe được lời người nói. Cứ thế mà làm thì có thể trở thành thánh vương của thiên hạ ⁽¹⁾

Hàn Phi Tử bác bỏ điều đó và nói : “Điều mà Quản Trọng gọi là “nói chuyện trong phòng, trong miếu đường thì tất cả mọi người ở trong đó đều nghe thấy... “Ông cho rằng những lời mà

(1) Lời của Quản Tử cũng thấy có trong thiên “Mục dân” của Quản Tử so với trích dẫn của Hàn Phi Tử chỉ là đại đồng tiểu dị.

nhân vật lãnh tụ này nói nhất định không chỉ là lời nói về ăn uống vui chơi đàm tiếu mà nhất định phải là những chuyện liên quan đến đại sự. Cái quan trọng lớn lao của bậc làm vua chúa không phải là “pháp” thì phải là “thuật”.

“Cái gọi là “pháp” là bộ luật thành văn được biên soạn in ấn cẩn thận, do quan phủ định ra, được công bố cho tất cả mọi người đều biết. Còn cái gọi là “thuật” là toàn bộ những biện pháp được giữ kín trong lòng vua được dùng để tham khảo dung hợp các sự việc, không để sai khiến bề tôi một cách kín đáo bí mật. Cho nên, tốt nhất là pháp luật phải càng rõ ràng rành mạch càng tốt, dân chúng mới thi hành được. Còn “thuật” ư ? Đó là điều không thể hiển hiện ra được, để bề tôi nhìn trộm được, vua mới để dùng nó để sai khiến quần thần. Vì vậy bậc vua chúa tài giỏi anh minh khi nói về pháp lệnh thì ngay đến người dân thấp kém nhất cũng đều nghe ra, không chỉ có những người trong chốn miếu đường mà thôi. Nếu vua vận dụng phương thuật thì ngay cả các thế thiếp yêu quý nhất, hay các cận thần được sủng ái hầu cận bên vua cũng không ai biết được, càng không thể để những người trong phòng nghe được, điều mà Quân Tử nói chẳng phải là những ngôn luận phù hợp với pháp thuật.

(Nạn tam) ⁽¹⁾

Giải thích :

Đoạn viết này tương tự như đoạn một của thiên “định pháp”, nội dung nhằm định nghĩa về pháp thuật đồng thời so sánh những chỗ khác nhau của nó. Xét riêng về tư tưởng pháp trị thì pháp luật là thứ đã thành văn bản được công bố, bởi vậy nó phải được toàn dân đều biết, ngay cả người dân bình thường nhất cũng phải hiểu. Cho nên nói : pháp luật càng rõ ràng nổi bật càng tốt.

(1) Trong Hàn Phi Tử có thiên “nạn”, “nạn” có nghĩa là biện bác, chất vấn, ông chọn từ những câu chuyện và lời nói trong truyền thuyết lịch sử làm đề tài để biện bác, nói về lý luận trị quốc và làm chính trị của Pháp gia. Vì thiên này dài, chia làm các thiên 1,2,3,4, mỗi thiên lại chia làm nhiều tiết. Bài này là tiết thứ tám trong thiên “nạn tam” và cũng là thiên cuối cùng.

Thời cổ người ta lấy “lễ” để ràng buộc giới quý tộc, sĩ đại phu; lấy hình phạt để đối phó với dân thường. Pháp luật mang sẵn tính giai cấp và tính cần mẫn, nó bao gồm luôn cả lễ và hình. Sau thời Xuân Thu, chế độ phong kiến lung lay, pháp luật cũng có sự cải biến. Nước Tấn đúc vạc, Trịnh Tử Sản đúc hình thư, Đặng Tích thi hành “trúc hình”, Lý Khôi soạn ra pháp kinh, Thương Ưởng thi biến pháp, tất cả đều là những cách làm thuận theo thời thế, đột phá tính giai cấp và tính cần mẫn. Tập đại thành của Hàn Phi Tử vì vậy mà càng có thêm lý luận cụ thể.

Cái gọi là “tội hình pháp định chủ nghĩa” cũng phải dựa vào pháp luật thành văn được công bố mới phán định được tội trạng và hình phạt phải chịu. Trong nguyên văn của “nạn tam” Quản Tử đã nhấn mạnh về sự thẳng thắn vô tư và cởi mở với mọi người của các chính trị gia; Hàn Phi Tử thì lại lấy đó để tán dương quan điểm pháp và thuật. Sự suy nghĩ quan sát của hai ông không thật tương đồng, đó chính là điều chúng ta cần biện minh.

2. Pháp luật cần tường tận rõ ràng

Sách vở nếu còn quá mơ hồ thiếu rõ ràng thì các đệ tử phải tìm tòi suy nghĩ về ý nghĩa của nó, qua đó mà xem xét đối chiếu. Pháp lệnh nếu còn quá sơ lược thì mọi người dân phải cùng nhau tranh luận ⁽¹⁾ mỗi người góp thêm ngôn từ. Cho nên sách vở của thánh nhân nhất định phải có luận thuyết chính xác, rõ ràng. Pháp lệnh của bậc vua chúa anh minh nhất định phải nêu được các sự việc và dẫn chứng tiêu biểu một cách cụ thể, tỉ mỉ, bằng mọi suy nghĩ của các cá nhân mà tìm ra được điều hơn lẽ thiệt của sự việc, đó là công việc ngay cả người có hiểu biết cũng cảm thấy khó khăn. Dựa vào những dư luận và lời nói có trước đó để xem xét và răn đe về những hiệu quả về sau, đó là công việc mà ngay đến cả kẻ ngu đần cũng cảm thấy dễ dàng. Bậc vua chúa anh minh nắm được những công việc mà người ngu đần cũng làm

(1) Trong nguyên tác là “Pháp tình nhi dân tụng giãn”(pháp luật mà ngắn gọn).

được, không yêu cầu quá nghiêm khắc đối với những công việc mà ngay đến người tài trí cũng cảm thấy khó ⁽²⁾, cho nên vua chẳng cần phải bận tâm suy nghĩ, chẳng cần phải cực nhọc vất vả, mà đất nước vẫn được cai quản tốt.

(Bát thuyết)

Giải thích :

Pháp lệnh đã thành văn và được công bố là để tránh chuyện ba phải, được chăng hay chớ trong đó mọi người dân lợi dụng kẽ hở của pháp luật mà dựa thế leo lên hoặc chỉ cầu mong ở sự may mắn, làm mất đi ý nghĩa thực tế của pháp luật đã được đặt ra. Vì thế mà pháp luật cần phải tường tận rõ ràng. Mọi tình huống có liên quan, phải quyết đoán ra sao đều phải ghi rõ; các sự việc chứng cứ có liên quan đều phải liệt kê ra hết. Làm như vậy thì mọi người dân mới có chỗ để mà tuân theo, các quan lại nắm và thực thi pháp lệnh để ràng buộc dân chúng, giữ gìn trị an cũng sẽ dễ dàng hơn.

3. Pháp lệnh cần phải thuận theo thời thế mà tùy cơ ứng biến

Bản tính bẩm sinh của mọi người là ghét sự cực khổ vất vả mà thích sự an nhàn thoải mái, mà an nhàn thoải mái thì bỏ phí cơ nghiệp, cơ nghiệp bị bỏ phí thì đất nước sẽ không thể quản lý được, mà đã không thể quản lý được thì tất sinh loạn. Sự ban thưởng cũng như hình phạt không thể áp dụng cho mọi người dân thì chắc chắn sẽ đi đến chỗ tuyệt diệt, vô vọng. Cho nên muốn có hiệu quả cao nhưng khó phát huy sức mạnh, thì không thể nào trông đợi hiệu quả cao đó được. Muốn thực hiện tốt việc pháp trị nhưng lại gặp khó khăn trong việc thay đổi những điều khoản qui định thì dân nhất định sẽ loạn, không thể trông đợi vào việc quản lý tốt được. Vì vậy cai quản dân chúng mà chẳng có

(2) "Bất trách trí giả chỉ sở nạn", trong đó "bất" trong nguyên tác là "dĩ", ở đây cải chính lại do

qui tắc chắc chắn không thay đổi : chỉ có pháp luật mới là chuẩn mực ⁽¹⁾ cho công việc quản lý đất nước. Pháp lệnh phải có sự chuyển hóa sửa đổi theo diễn biến của thời đại, có vậy mới quản lý đất nước tốt được; biện pháp chính trị phải phù hợp với thời đại có vậy mới mang lại hiệu quả. Vì vậy, người dân thật thà chất phác chỉ cần bằng sự giáo hóa, danh dự, khen thưởng nhắc nhở và ngăn cấm là có thể cai quản được. Thối đời tôn sùng sự khôn ngoan xảo trá thì phải dùng hình phạt để ràng buộc răn đe, mọi người dân mới theo. Thời đại thay đổi mà pháp lệnh đổi thay thì chắc chắn sinh loạn; kẻ khôn ngoan nhiều mưu mẹo quá đông ⁽²⁾ mà cấm lệnh không sửa đổi thì chắc chắn sẽ bị suy yếu. Nên thánh nhân cai trị dân thì pháp lệnh đổi thay cùng với thời đại, mọi điều ngăn cấm cũng sẽ phải cải biến cùng với sự khôn ngoan lắm mưu nhiều kế của con người.

(Tâm độ) ⁽³⁾

Giải thích :

Hàn Phi Tử chủ trương nhìn thẳng vào hiện thực, trực tiếp trừu lược những biện pháp chính trị thích hợp. Hoàn cảnh thời đại nếu có chuyển biến thì vấn đề cần giải quyết tất nhiên cũng không giống nhau, biện pháp cần thi hành cũng cần phải sửa đổi mới thích hợp và có hiệu quả được. Cho nên nói rằng : “Pháp vu thời chuyển tắc trị, trị vu thế nghi tắc hữu công”.

Hàn Phi Tử cũng tin rằng hoàn cảnh xưa và nay không giống nhau, cổ nhân thì chất phác, có thể cảm hóa được bằng

(1) “Trị dân vô thượng, duy pháp vi trị”, trong nguyên văn là “duy trị vi pháp”, cải chính theo giải thích của Vương Tiên Thận.

(2) “Năng chúng nhi cấm bất biến giả tiêu”, trong nguyên văn “năng chúng tác” thành “năng trị chúng”. Theo Vương Tiên Thận thì ông chủ trương bỏ bớt chữ “trị”. Ý nghĩa của chữ “năng” thì theo cách giải thích của Trần Kỳ Thu trong “trí xác đa đoan” thì hợp lý hơn.

(3) Thiên “tâm độ” là thiên thứ 54 trong Hàn Phi Tử. nó có nghĩa là qui tắc chuẩn mực của lòng dân, trong đó chủ trương để mọi người dân hiểu được pháp lệnh và mọi điều ngăn cấm một cách thực sự từ đáy lòng, đó mới là việc làm căn bản trong việc cai quản đất nước.

nhân nghĩa; đối với những người khôn ngoan quý quyết thì phải ràng buộc họ bằng pháp lệnh nghiêm minh. “Danh giáo” và “hình phạt” chính là biện pháp giữ gìn trị an áp dụng cho các đối tượng khác nhau. Nó vốn chẳng có gì gọi là cao thấp hay hay dở, chỉ đơn thuần là thấy nó có phù hợp hay không mà thôi.

4. Pháp luật cần phải thống nhất và ổn định

Thích dựa vào tài trí riêng của cá nhân để sửa đổi pháp chế, lấy tình cảm riêng tư của cá nhân mà làm đảo lộn lẽ công bằng, pháp lệnh và các điều khoản ngăn cấm mà cứ sửa đổi tùy tiện, thay đổi liên tục thì đó chính là dấu hiệu dẫn tới diệt vong (vong trung) (1)

Người làm thợ mà cứ thay đổi công việc luôn, một người làm công việc điều hành mà cứ nay thay mai đổi không chừng thì chắc chắn không có hiệu quả. Công việc của một người mà mỗi ngày bớt làm đi nửa ngày thì mười ngày gom lại đã mất đi năm ngày công. Công việc của một vạn người mà mỗi ngày bớt đi nửa ngày làm thì mười ngày gom lại đã mất đi năm vạn ngày công. Nói như vậy nếu thay đổi công việc liên tục, số người làm càng đông sẽ tổn thất càng lớn.

Pháp lệnh đã thay đổi thì cái lợi cái hại của việc thưởng phạt cũng sẽ thay đổi theo, quan hệ giữa lợi và hại thay đổi thì người dân cũng sẽ theo đó mà thay đổi. Cứ như thế thì sẽ khó tránh khỏi điều phải thay đổi nghề nghiệp, cho nên cứ suy luận theo lý lẽ đó việc cưỡng bức sử dụng sức dân, các công việc được giao cho mà cứ thay đổi liên tục thì rất ít có hiệu quả; những đồ vật quý được cất giữ mà cứ nay dời mai đổi thì rất dễ bị hư hao mất mát. Nấu nướng một con cá nhỏ mà cứ đảo qua lật lại thì sẽ làm mất vẻ đẹp của nó. Cai quản một đất nước rộng lớn mà cứ

(1) Thiên “vong trung” là thiên thứ 15 trong Hàn Phi Tử. Trong thiên này có liệt kê 47 dấu hiệu biểu hiện dẫn tới sự mất nước, trong thiên miêu tả một trong những dấu hiệu đó.

nay thay mai đổi pháp lệnh thì dân chúng sẽ khổ vì nổi không biết theo cái gì. Bởi vậy bậc vua chúa nắm được đạo lý thì tôn sùng sự hư tĩnh, coi trọng công việc của mình, không tùy tiện thay đổi pháp lệnh. Cho nên nói rằng : “Cai quản một nước lớn cũng giống như công việc nấu nướng chế biến một con cá nhỏ, phải thanh tịnh vô vi” (1)

(Giải lão) (2)

Giải thích :

Trong thiên “Định pháp”, Hàn Phi Tử đã cảm khái cho Thân Bất Hại vì không thể có được mệnh lệnh thống nhất, khiến bọn gian thần có cơ hội lợi dụng những khe hở của luật pháp. Thiên “vọng trưng” nhận định rằng pháp lệnh mà tùy tiện, thay đổi, sẽ còn cái hoạn nạn, khốn khó của nổi mất nước, ý nghĩa luôn xuyên suốt.

Bản tối pháp lệnh phải có sự sửa đổi cùng với hoàn cảnh thời đại, đó là nguyên tắc lớn. Một khi đã sửa đổi việc lập pháp, thì sau khi thành văn bản và được công bố thì không thể vô cơ mà thay đổi luôn, bởi vì pháp lệnh là nguyên tắc chuẩn mực mà cả nước phải tuân theo, nó phải được thống nhất, ổn định, mọi người dân mới hiểu được, có thể tôn trọng thì hành và không có gì nghi vấn. Cho nên việc không thể tùy tiện thay đổi pháp lệnh nói tới ở đây không hề mâu thuẫn với pháp lệnh hiện hành, nó phải tuân theo thời thế mà có sự sửa đổi, và chính đó là sự khác nhau của các nội dung đã nêu ra.

(1) Xem chương thứ 60 trong Lão Tử.

(2) Thiên “giải lão” là thiên thứ 20 trong Hàn Phi Tử là tác phẩm có sớm nhất giải thích về Lão Tử còn lưu giữ được hiện nay, nhưng trong đó vẫn có một phần nhỏ nhận thức chủ quan của Hàn Phi Tử, không thật phù hợp với ý nghĩa vốn có. Trong đoạn này ngoài nội dung “quí tĩnh” thì phần nói về pháp lệnh có chủ trương không sửa đổi tùy tiện, đó luôn là tư tưởng của Pháp gia.

Trong “giải lão” này có viện dẫn lời của Lão Tử để nêu cao đạo lý rằng không thể tùy ý thay đổi, nó không hề dính dáng tới ý nghĩa mà Lão Tử đã nói bởi vì Lão Tử không hề nói tới pháp luật — điều mà ông thường xúc động nhiều và than thở, mà chỉ dừng ở sự hoàn thiện của lễ tiết, đó là điểm cần chú ý.

5. Pháp luật cần phải dễ hiểu để thi hành

Bậc vua chúa tài giỏi anh minh định ra sự ban thưởng đều là những việc mà với khả năng của mọi người dân đều có thể làm được, định ra hình phạt đều là những việc mà trong phạm vi năng lực của mọi người dân có thể tránh được. Cho nên người hiền tài được khuyến bảo sẽ nỗ lực làm hết trách nhiệm để được khen thưởng, tuyệt nhiên không có cái họa như Ngũ Tử Tư lập được công mà vẫn bị giết. Kẻ bất tài cố gắng tránh né bị xử phạt, ít phải tội, tuyệt nhiên không có sự đòi hỏi vô lý. Việc đó cũng giống như người mù không đến nỗi rơi xuống khe suối sâu ở nơi bình địa, kẻ ngu đần dốc lòng bảo vệ cái đạo lý thanh tịnh sẽ không đến nỗi rơi vào hoàn cảnh nguy hiểm.

Như vậy quần thần từ trên xuống dưới sẽ có thể ghi nhớ chuyện ơn nghĩa tận đáy lòng.

Cổ nhân nói : “Cái tâm của mọi người rất khó hiểu, vui giận rất khó mà lường”. Cho nên lấy dấu hiệu để chỉ rõ sự phân biệt âm luật của lỗ tai, lấy pháp chế để dạy bảo tâm linh, định công luận tội.

Có ông vua lại vứt bỏ ba phương pháp để thực hiện mà đi áp dụng cách đánh giá cảm tính đi đôi với những tình cảm vui buồn giận hờn thất thường, như vậy khó mà hiểu hết những cái tốt xấu của bề tôi. Cứ theo cách đó mà làm thì ông vua ngồi trên ngai vàng luôn giận bề tôi không chịu nghe theo hiệu lệnh; còn bề tôi ở dưới luôn oán giận vua vui giận không chừng. Ông vua cai quản bày tôi với lòng đầy oán giận thì thật là một việc nguy hiểm biết chừng nào ?

Dấu hiệu mà vị vua tài giỏi đặt ra có thể dễ thấy được, Cho nên Ước pháp của ông có thể ra đời; Giáo điều mà ông đặt ra dễ thấy dễ hiểu, nên lời nói của ông có tác dụng; pháp chế mà ông định ra dễ thực hiện được, nên hiệu lệnh thông suốt. Cả ba thứ được xác lập, người ở trên không có bụng riêng thì quần thần ở dưới có thể cai quản người dân theo pháp lệnh. Điều đó chẳng khác gì người đi bộ nhìn thấy cột mốc sẽ biết tiến lên hay lùi lại; người thợ mộc cứ theo đường chỉ mực đã nẩy mà đục đẽo; người thợ may cứ may theo kiểu quần áo đã cắt. Làm như vậy thì vua ở trên ngai vàng không đến nỗi tự ý xử phạt theo ý riêng không theo pháp lệnh; quan nhỏ ở dưới làm việc theo pháp luật cũng không đến nỗi vì ngu dốt mà bị chết chém. Bậc hiền minh ngồi trên ngai vàng ít câu giận, kẻ ở dưới tận trung lại ít phạm tội.

Nếu vua chúa định ra pháp luật mà mọi người dân rất khó thực hiện được, lại xử phạt nặng thêm một cách không thương tiếc đối với người dân không đủ khả năng, bề tôi có sở trường không thể thi thố mà phải đi làm những việc mà mình không làm nổi, thì điều đó vô hình trung đã kết thành nguyên nhân của oán hận. Bề tôi cần cù chịu khó làm lụng, vua lại an ủi vỗ về thêm. Bề tôi buồn phiền thương tiếc, thì vua lại không thương tiếc, khi vui thì tán dương kẻ tiểu nhân, người hiền tài và kẻ bất tài đều được ban thưởng; khi giận dữ thì nguyên rửa vua, làm cho những người thanh liêm và kẻ phạm tội đều bị sỉ nhục như nhau, cho nên bề tôi sẽ có ý đồ phản bội vua (dụng nhân).⁽¹⁾

Giải thích :

Hàn Phi Tử chủ trương rằng thuận theo tính tình của con người để định ra việc thưởng phạt. Con người ta do có tâm lý tính toán cho riêng mình, muốn được ban thưởng mà tránh hình phạt, bởi vậy có thể dùng thưởng phạt để đạt được tác dụng khen

(1) Thiên "Dụng nhân" là thiên thứ 27 trong Hàn Phi Tử, nói về một số nguyên tắc về việc khéo dùng người của vua chúa.

thường động viên và ngăn cấm, nhưng nó cần phải dễ hiểu và dễ thi hành, nếu không sẽ mất cả ý nghĩa : Hàn Phi Tử hiểu rằng giữa vua và tôi có mối xung đột giữa lợi và hại, cho nên ông chủ trương vua phải lấy tiêu chuẩn nhất định để dùng người thi hành công việc, việc lập pháp có thể chú ý đến bề tôi, nó phải dễ hiểu và dễ thực hiện, có thể khiến cho trên dưới có quan hệ hài hòa để đạt được mục đích là củng cố nền thống trị. Trước kia rất nhiều người cho rằng chính sách tàn bạo của Tần Thủy Hoàng là do học thuyết Pháp gia tạo thành, thực ra Hàn Phi Tử đã chủ trương rằng lập pháp phải dễ hiểu dễ thi hành, không thể là chuyện hà khác nữa.

IV. THỰC THI PHÁP LUẬT

1. Pháp luật là qui tắc chuẩn mực của mọi hành động

Bậc vua chúa anh minh đòi hỏi ở quần thần của mình không thể đứng ngoài pháp lệnh, tùy ý tăng thêm tội theo ý riêng của cá nhân, không thể đứng ngoài pháp lệnh tùy ý miễn giảm tội dựa theo ý riêng của cá nhân... Mọi chuyện ban thưởng xử phạt đều phải làm theo pháp lệnh. Pháp lệnh nghiêm minh là để ngăn chặn tội lỗi và gạt bỏ tình riêng. Hình phạt nghiêm khắc là dùng để quán triệt pháp lệnh trừng phạt cảnh cáo kẻ dưới. Người thợ mộc khéo léo tuy chỉ bằng mắt mình mà có thể nhìn ước lượng được chuẩn mực cho thích hợp, thế nhưng ông ta vẫn cứ phải lấy thước để làm chuẩn. Người hiểu biết ở lớp trên tuy có thể hành sự hợp với qui định bằng trí tuệ nhạy bén của mình, nhưng họ vẫn cứ lấy phép tắc của tiên vương làm ví dụ để so sánh. Cho nên mực đã nẩy, những đầu mẩu gì cong queo cũng phải đẽo hoặc chặt bỏ. Thước thẳng bằng gỗ ở đúng vị trí, những chỗ gồ ghề nổi lên thì phải gọt đi. Khi cân mà một bên đòn cân nhô lên, bên nào nặng thì phải giảm bớt để bù cho bên nhẹ. Khi dùng dấu để đóng, bên nhiều thì phải chuyển sang bên ít. Bởi vậy dùng phép tắc để cai trị đất nước chẳng qua là công việc thấy gì hợp pháp thì

làm, không hợp thì không làm, tất cả đều như vậy cả.

Pháp lệnh quyết không thể vì quyền lực và trách nhiệm mà uốn cong pháp lệnh hoặc hòa theo, đường mực quyết không thể vì cây gỗ cong mà theo. Pháp lệnh được ban hành, người thông minh cũng không thể thêm thắt ngôn từ, người dúng cảm cũng không dám tranh luận. Xử phạt kẻ có tội dù là đại thần có chức có quyền cũng tránh sự hiềm nghi. Ban tặng cho những người làm việc thì dù là người bình thường cũng không thể bỏ qua. Cho nên sửa chữa những lỗi lầm của vua, truy cứu đến cùng những hành vi gian tà của bề tôi, chỉnh đốn cục diện hỗn loạn, giải quyết những vấn đề tồn đọng, dư thì cắt bỏ, cái gì không đủ thì bổ sung thêm, thống nhất những qui tắc hành động của mọi người dân, không có gì tốt bằng pháp chế.

Giải thích :

Thước thợ, dây mực, thước thẳng bằng, cân đều là loại khí cụ đo lường tiêu chuẩn, Hàn Phi Tử lấy nó để ví với pháp luật trị quốc; chủ trương lấy nguyên tắc công bằng khách quan làm tiêu chuẩn cho cả nước tuân theo; mọi hành động đều có chỗ dựa, quan lại thi hành pháp lệnh cũng phải tuân theo pháp lệnh. Như vậy thì những kẻ làm điều ác có số phận đặc biệt cũng không thể lợi dụng quyền thế trốn tránh lưới pháp luật, người dân thường mà làm việc thiện thì lãnh thưởng theo pháp luật. Ngược lại, chỉ cần tuân theo pháp luật, làm tròn bổn phận của mình thì pháp luật sẽ là chỗ bảo đảm chắc chắn nhất cho toàn dân, không ai có thể vu cáo hãm hại gây thêm tác hại một cách tùy tiện, đó là tư tưởng đáng quý trọng biết mấy.

2. Mọi người bình đẳng trước pháp luật

Tấn Văn Công hỏi Hồ Yểm rằng ⁽¹⁾ “Quả nhân đem rượu ngon thức nhắm tốt tặng cho khắp quần thần dưới trướng, chỉ để

(1) Hồ Yểm tên chữ là Tử Phạm, là cậu của Văn Công, còn gọi là Cửu Phạm, theo Văn Công lưu lạc 19 năm, có công rất lớn.

lại một ly rượu một đĩa thức nhắm ở trong cung cho mình. Rượu vừa mới nấu xong, không chờ nó lắng trong đã đem chia cho người ta, gia súc vừa mới làm thịt đã đem nấu nướng rồi mời người ta ăn chẳng để lại một miếng thịt sống. Ta giết thịt con bò cũng không chỉ để một mình hưởng nhất định ban tặng cho trăm họ trong thành; đem tất cả quần áo mà người ta dâng tiến mà chị em đã may trong một năm trời ban tặng hết cho quan quân trong quân ngũ mặc. Làm như vậy có đủ sai khiến mọi người dân đánh giặc vì ta không ?”.

Hồ Yểm nói : “Chưa đủ”

Văn Công lại hỏi : “Ta nói lòng việc thu thuế ở các cửa khẩu quan trọng và các thành phố lớn, giảm nhẹ hình phạt, có đủ để cho trăm họ nghe ta sai khiến không ?

Hồ Yểm nói : “Chưa đủ”

Văn Công lại hỏi : “Trong dân có nhà đang chịu tang ta sai quan lang trung đi thăm hỏi; có kẻ phạm tội ta miễn xá cho, kẻ bần cùng không sống nổi ta chu cấp cho. Như vậy đã đủ để cho trăm họ nghe theo sự sai khiến của ta, vì ta mà đánh giặc không ?

Hồ Yểm nói : “Không được”

Văn Công trầm ngâm suy nghĩ rồi nói : “Nói vậy cách của ta vẫn không thể thực hiện được. Xin hỏi rốt cục ta phải làm thế nào mới có thể buộc trăm họ nghe ta sai khiến, đánh giặc vì ta đây ?”

Hồ Yểm nói : “Rất đơn giản, cần phải làm cho họ không thể không vì vua mà xông pha đánh giặc”

Văn Công nói : “Làm thế nào để có thể khiến họ không thể không đánh giặc vì ta ?”

Hồ Yểm trả lời rằng : “Việc gì nên thưởng thì phải thưởng thật sự, việc gì đáng xử phạt thì phải xử phạt, thì đại thể có thể

buộc trăm họ đánh giặc vì ngài !”

Văn Công nói : “Mức độ của hình phạt tới giới hạn nào ?”

Hồ Yểm trả lời rằng : “Sự hình xử của pháp luật phải cho công bằng, cho dù người thuộc họ hàng thân thích ngài yêu mến mà phạm pháp ngài cũng không thể né tránh được sự hiềm nghi, phải xử phạt theo pháp luật.

Văn Công nói : “Được”

Ngày hôm sau, Văn Công ra lệnh đi săn, hẹn rằng phải tập hợp vào buổi trưa, ai quá hẹn không đến sẽ lấy quân pháp ra mà xét xử. Kết quả có một người mà Văn Công yêu mến gọi là Điền Hiệt quá hẹn mới tới, quan chấp pháp yêu cầu xử phạt theo tội. Văn Công khóc trong lòng vô cùng buồn thương. Quan nói : “Xin cứ làm theo pháp lệnh”. Thế là đem Điền Hiệt ra chém ngang lưng để mọi người được biết và tỏ rõ tính hiệu lực xác thực của pháp lệnh⁽¹⁾. Từ đó về sau, trăm họ đều kính sợ pháp luật, không dám tùy tiện, mọi người đều nói : “Vua yêu mến quý trọng Điền Hiệt như thế, Điền Hiệt phạm pháp vẫn cứ bị xử tội chết theo pháp luật, chúng ta chẳng có quan hệ gì với vua thì cứ an phận và tôn trọng pháp luật là hơn cả !”

Văn Công thấy trăm họ đều biết nghe theo pháp lệnh, có thể bắt họ đi đánh giặc, liền khởi binh tiến đánh Nguyên Thành, đánh được (thành) rồi đánh dẹp luôn nước Vệ phá tan ruộng nương tông miếu của nước Vệ, hạ được năm thành; tiến đánh Dương Phần thắng được nước Quắc, thảo phạt nước Tào, xuống phía Nam vây đánh Trịnh, dỡ bỏ Trường Thành dùng để quan sát, giải thoát mối nguy cho nước Tống, quay lại đánh nhau với người nước Sở ở ngay trong thành, đánh thắng lớn quân Sở. Đại quân trở về tới Tiễn Thê xây dựng cung vua, nghinh đón Chu Vương,

(1) Nguyên văn là “Trảm Điền Hiệt chi tích” phạm nhân bị chém ngang lưng phải quì trên hình cụ cho nên gọi là “Trảm tích”. Sự việc về Điền Hiệt thì trong tác phẩm Hi Công năm thứ 28 có ghi chép khác.

liên kết với chư hầu cùng tôn thiên tử; liên kết với Trịnh Bá ở Hằng Dung, đem tù binh của Sở dâng cho Chu Vương. Tóm lại Tấn Văn Công vừa ra quân liền liên tiếp lập được 8 công lớn. Sở dĩ ông làm được như vậy không có nguyên nhân nào khác, chẳng qua là nghe theo mưu kế của Hồ Yểm thì hành hình phạt nghiêm khắc, lấy ví dụ tiêu biểu là Điền Hiệt bị chém ngang lưng để trăm họ biết mà cảnh giác, biết nghe theo pháp lệnh.

(Ngoại trừ thuyết hữu Thượng)

Giải thích :

Bài viết này ghi lại chuyện Tấn Văn Công trước khi xưng bá có cùng với cậu là Hồ Yểm nghiên cứu vấn đề : “Làm thế nào đủ để sai khiến dân đánh giặc”. Qua bàn bạc kỹ lưỡng Hồ Yểm nói với Văn Công phải làm cho bằng được “Tín thưởng tất phạt” “Bất trị thuyết thân quý, pháp hành sở ái”.

Văn Công nghe theo lời của Hồ Yểm, kết quả là mượn chuyện Điền Hiệt phạm pháp, nên đau thương mà xử phạt theo pháp luật, để cho trăm họ hiểu được tính chất nghiêm túc và quán triệt của pháp luật, và thế là ai nấy đều tuân theo pháp luật. Tinh thần đó được vận dụng trong tác chiến cuối cùng cho phép Văn Công trở thành bá.

“Bất tị thân quý pháp hành sở ái”

Điều cần nhấn mạnh đó là tinh thần bình đẳng của pháp luật. Qui định của pháp luật cần phải phối hợp quán triệt trong thực tiễn, nếu không thì dù pháp luật tốt đến mấy cũng chẳng có tác dụng gì.

Vua chúa cũng cần phải có quyết tâm thi hành pháp trị, không vì tình riêng của cá nhân hoặc ảnh hưởng của thế lực cũ của họ hàng thân thích của vua mà có sự thay đổi. Bởi vì cái đáng quý của tinh thần pháp trị là ở chỗ đã phá tính giai cấp của xã hội phong kiến quý tộc trước kia; trước pháp luật thì người người

bình đẳng, tư tưởng tiến bộ này chính là tinh hoa có được từ sự chế nghi theo thời thế của Pháp gia. Theo đà tiến bộ không ngừng của loài người, tinh thần bình đẳng càng tiêu biểu cho nền văn minh.

Trong bài trước có viết : “Xử phạt những người mắc phải lỗi lầm thì cho dù là kẻ đại thần quyền quý cũng không thiên vị né tránh, ban thưởng cho người làm việc thiện thì cho dù là một người bình thường cũng không bỏ qua”. Và còn nữa “Minh pháp khử tư” pháp luật nghiêm minh loại bỏ cái riêng tư.

3. Tính chất phổ biến và tính tuyệt đối của pháp luật

Bậc thánh nhân cai quản đất nước không dám trông chờ trăm họ có thể chịu sự cảm hóa về thiện và đức của mình, mà phải bằng một hệ thống pháp luật để kìm chế họ, khiến cho họ không dám làm điều xằng bậy. Trông chờ trăm họ chịu sự cảm hóa bằng đạo đức của mình thì khắp cả nước tìm không ra nổi chục người. Lấy pháp luật để ràng buộc mọi người không dám làm điều xằng bậy thì có thể khiến hiệu lệnh với dân cả nước như một. Người giải quyết những công việc hành chánh cần phải vận dụng hàng loạt những biện pháp hữu hiệu đối với đa số người, mà không dùng đến luật pháp chỉ hữu hiệu đối với một số người. Bởi vậy bậc vua chúa anh minh không coi trọng việc cảm hóa bằng đạo đức mà phải coi trọng pháp trị.

Lấy ví dụ như cứ nhất định phải đòi lấy cây tre thẳng để làm mũi tên thì muôn đời cũng không thành; cứ nhất định đòi cho được cây gỗ tròn láng để làm bánh xe thì muôn đời cũng không có bánh xe. Trời sinh ra cây tre rất thẳng hoặc cây gỗ rất tròn, qua một trăm đời cũng không chắc xuất hiện lấy một lần, nhưng con người trên thế giới đều có xe để đi, có mũi tên để bắn chim bay, rốt cuộc là tại sao ? Đó chính là vì dùng công cụ để uốn nắn những cây tre và gỗ cong queo. Tuy ngẫu nhiên cũng có thể có cây tre rất thẳng, cây gỗ rất tròn (do trời sinh ra), nhưng

người thợ giỏi lại không hề coi trọng nó. Tại sao vậy ? Bởi vì khách đi xe không chỉ có một người, tên bán ra không chỉ có một mũi. Tuy nhiên cũng có người dân có thể tự mình làm được mà không cần dựa vào chuyện thưởng phạt khuyến khích hay ngăn cấm. Nhưng bậc vua chúa tài giỏi anh minh cũng không hề coi trọng họ, tại sao vậy ? Bởi vì luật pháp nhà nước không thể không có, đối tượng cần quản lý không chỉ là một người, cho nên bậc vua chúa có đạo thuật không áp dụng hành vi từ thiện như cảm hóa bằng đạo đức chạy theo cái ngẫu nhiên, mà phải thi hành việc pháp trị có hiệu lực chắc chắn.

(Hiển học)

Giải thích :

Ở đây giải thích lý do coi trọng pháp trị mà không cần tới cảm hóa bằng đạo đức, đó là do chính trị xét về mặt rộng, cần phải đòi hỏi có hiệu quả phổ biến và tất nhiên, đối tượng là toàn thể dân chúng, chứ không phải là một thiểu số người ưu tú hướng thiện. Cảm hóa bằng đạo đức chỉ có công hiệu mang tính cục bộ, ngẫu nhiên, pháp trị lại có thể thống nhất lời nói và hành động của toàn dân, cũng có thể đòi hỏi dân chúng phải tuân theo pháp lệnh, đem so sánh thì vẫn coi pháp trị là rất phù hợp với nhu cầu thực tế.

Hàn Phi Tử không hề phủ định đạo đức, chỉ có điều là ông suy nghĩ một cách lạnh lùng đến nỗi không thể dựa vào đạo đức; ông không phủ nhận rằng có nhiều người dân lương thiện, nhưng đối tượng của chính trị là toàn thể dân chúng thì cần phải chú ý đến mọi loại người. Bởi vậy nguyên nhân mà ông chủ trương pháp trị ngoài sự diễn biến của thời thế, phải tùy cơ ứng biến ra thì pháp trị còn có thể đạt được hiệu quả phổ biến và tuyệt đối. Đó cũng là nhân tố quan trọng.

4. Dem một tòa thành để dẫn độ một kẻ tù trốn trại

Thời Vệ Tự Công, có kẻ tù phạm chạy trốn sang nước Ngụy

(chẳng hiểu) vì cơ duyên nào mà hần lại chữa bệnh cho Vương Hậu của Ngụy Nhượng Vương. Vệ Tự Công hay tin cử người đi giao thiệp, đòi chi 50 lượng vàng để dẫn độ tên tù phạm đó. Đi lại năm lần bảy lượt, Ngụy Vương đều không đáp ứng. Cuối cùng Vệ Tự Công liền lấy Thành Tả Thị làm điều kiện trao đổi. Quan thần đều khuyên can, nói : “Đem một tòa thành để đổi lấy một tên tù trốn trại liệu có nên chăng ?”

Vệ Tự Công trả lời : “Đây không phải là chuyện mà các người có thể hiểu được. Bàn về trị quốc bất cứ chuyện nhỏ nhất nào đều phải xử lý cho cẩn thận, rối loạn thường do những chuyện nhỏ diễn biến mà nên, không nhất định phải bắt đầu từ chuyện lớn.

Pháp chế không được xác lập, kẻ đáng tội chết không thể chắc chắn thi hành thì dù có mười tòa thành như Tả Thị cũng chẳng có ích gì. Nếu pháp chế được xác lập tội đáng chết có thể chắc chắn được thi hành, thì dù mất đi 10 tòa thành như Tả Thị thì cũng chẳng hại gì”. Những lời nói đó của Vệ Tự Công tới tai Ngụy Vương, Ngụy Vương nói : “Vua nước Vệ có tài trị quốc nên ta không thể để cho ông ta làm như vậy được, đây là chuyện chẳng lành”. Thế rồi cho xe chở tên tử tù kia đưa về nước Vệ, đem dâng phạm nhân một cách vô điều kiện, cũng chẳng cần lấy bất cứ phí tổn hoặc thành trì nào cả.

(Nội Trừ Thuyết thượng)

Giải thích :

Để bảo vệ sự tôn nghiêm của pháp luật, mong muốn cho việc thưởng phạt được thi hành chắc chắn, Vệ Tự Công đã không tiếc gì khi đem một tòa thành để trao đổi lấy một tên tù phạm. Chuyện dẫn độ kẻ tù phạm tuy là nhỏ, lấy chuẩn mực tối cao của đất nước mà nói thì đó là một chuyện lớn, vì sự việc có liên quan đến vấn đề giữ gìn và tôn trọng pháp luật sau này của toàn dân, cũng là vấn đề có ảnh hưởng đến sự ổn định chính trị, sự giàu

mạnh của đất nước. Hèn chi mà nói rằng “Dù 10 thành Tả thị mà có thể đổi được một sự tôn trọng pháp luật kỷ cương sự tôn nghiêm của pháp luật có thể giữ gìn được thì cũng xứng đáng”

5. Nói tới lý trí là nói pháp trị

Phong tục xã hội thời cổ và hiện nay không giống nhau, thời đại mới và thời đại cũ cũng cần áp dụng những biện pháp chính sách không giống nhau. Nếu cần áp dụng chính sách khoan hòa để cai quản người dân trong thời rối ren ⁽¹⁾ thì chẳng khác gì không có dây cương và roi ngựa mà đòi điều khiển con ngựa hoang hung hãn không được thuần dưỡng, đó là cái hại của việc không tường tận trong công việc. Ngày nay Nho gia, Mặc gia đều nói : “Tiên vương yêu quý khắp cả mọi người dân, đối xử với dân như cha mẹ với con cái ⁽²⁾. Làm sao biết được điều đó ? Họ đều nói như thế này : “Khi quan tư pháp thi hành hình phạt, vua ngừng tấu nhạc nghe lời tâu, phán quyết tử hình vua đau lòng đến rơi nước mắt”. Đây là ví dụ được nêu lên từ trước đến nay về việc tiên vương yêu dân.

Giả sử cho rằng quan hệ vua tôi có thể thân mật như quan hệ cha con thì đất nước nhất định sẽ được cai quản tốt, từ đó mà suy luận thì đó phải là người cha hiền từ, người con hiếu để trong thiên hạ không còn những người cha hoặc những người con bất tài bất hiếu nữa. Tính tình của con người không có gì chân thành thiết tha hơn cha mẹ yêu quý con cái, cha mẹ đều yêu con cái thế nhưng gia đình chưa hẳn đã vui vẻ hài hòa. Vậy thì vua tuy có yêu quý thần dân của mình thì chắc gì đã không sinh phản loạn ? Yêu thương dân thì dân đâu chắc đã cai quản tốt được ?

(1) Nguyên văn là : “Cấp thế chi dân”, “Cấp thế” là dùng để chỉ thời kỳ bất thường căng thẳng rối ren. Hàn Phi Tử ở vào thời kỳ “Cấp thế” của thời kỳ sau cùng thời Chiến Quốc, học thuyết của ông được hình thành từ những suy tưởng về thời kỳ căng thẳng rối ren tùy cơ ứng biến đó.

(2) Nguyên văn là : “Tiên vương Kiêm ái thiên hạ, tác thị dân như phụ mẫu”. Có thể dựa vào sưu tập và giải thích của Trần Kỳ Du và thêm vào ba chữ “Chi thị tử ý nghĩa sẽ rõ ràng hơn.

Và lại chấp hành hình phạt theo pháp luật nhà nước, vua vì vậy mà rớt nước mắt, đó chỉ là biểu hiện lòng nhân từ của vua chứ không phải là biện pháp trị quốc. Rớt nước mắt nhưng không tự nguyện dùng hình phạt, đó là lòng nhân từ của vua, thế nhưng trên thực tế lại không thể không dùng hình phạt là pháp luật của đất nước. Tiên vương đặt pháp luật lên trên hết một cách có lý trí, chưa từng chiều theo tình cảm nhân từ kiểu rớt nước mắt của mình mà tùy tiện xá miễn. Từ đó có thể thấy nhân từ không thể dùng trị quốc, điều đó đã quá rõ ràng.

(Ngũ đồ)

Giải thích :

Ở đây nêu lên lý do thực tế để so sánh giữa pháp trị và nhân trị :

Thứ nhất : dựa vào lý do lịch sử tiến hóa tùy cơ ứng biến với thời cuộc, cho rằng hoàn cảnh lúc đó đã khác với thời cổ, thời kỳ bất bình thường căng thẳng rồi ren, người ta gian dối phức tạp quyết không thể có thể giải quyết được bằng chính sách khoan hòa.

Thứ hai : tiền đề của nhân trị tất phải khẳng định rằng con người có thể được cảm hóa bằng đạo đức : cha nhân từ con hiếu thảo muôn nhà yên vui. Hãy mở rộng tình yêu trong gia đình thành tình yêu giữa vua và tôi. Vấn đề đặt ra chính trị là việc quản lý tuyệt đối và phổ biến, tình cảm giữa cha và con chưa hẳn đã hài hòa, quan hệ vua tôi cũng chưa chắc đã được như quan hệ cha con.

Thứ ba : Hàn Phi Tử dùng ngôn luận của hai phái Nho, Mặc để chống lại học thuyết của hai phái đó dùng thuật ngữ mà họ gọi là “Dĩ tử chi mao, công tử chi thuẫn”.

Tiên vương tuy trong bụng không chịu nổi khi thấy bề tôi cũng bị xử phạt, thậm chí khó chịu đến nỗi không ăn nổi cao

lượng mỹ vị, không muốn nghe những khúc nhạc êm tai, nước mắt đã tuôn rơi nhưng kết cục đó là lòng thương xót ở chốn riêng tư. Để bảo vệ duy trì pháp luật kỷ cương nhà nước bậc tiên vương thường vẫn buộc các quan lại hành pháp xử quyết phạm nhân một cách có lý trí. Điều đó nhấn mạnh rằng tình cảm con người không can dự vào pháp luật kỷ cương. Công lý và tình riêng cần phải phân minh. Từ đó có thể thấy người làm chính trị cần phải lạnh lùng, khách quan mà lại công bằng chính trực, tác dụng của pháp trị ở mặt này còn thiết thực hơn nhân trị.

6. Dùng pháp trị là lợi ích đem lại lâu dài cho dân

Thời cổ có câu tục ngữ nói rằng : “Giải quyết chính trị cũng giống như việc gội đầu vậy”. Tuy lúc gội đầu bị rụng tóc nhưng vẫn cứ phải gội. Nếu tiếc rẽ sợ rụng tóc mà quên mất lợi ích của việc mọc thêm tóc mới thì đó là không biết quyền nghi ứng biến đó thôi.

Lấy kim bằng đá để chích mụn nhọt trị bệnh, nếu vì sợ đau sợ khổ không dùng kim chích, không uống thuốc, vậy thì sức khỏe mãi mãi không khá lên được, bệnh sẽ không bao giờ khỏi được.

Cả gia đình kinh doanh sản xuất, mọi người ai ai cũng chịu được đói lạnh, cần cù chịu khó động viên giúp đỡ nhau cho dù có gặp binh đao nước lửa hay đói rét hoang phế cũng có đủ áo ấm để mặc, thức ăn ngon mà dùng chắc chắn phải là người trong gia đình đó.

Yêu thương nhau bằng chuyện ăn ngon mặc đẹp, lấy việc thể hiện ân huệ bằng sự yên ổn vui vẻ, một khi gặp cảnh đói rét đem bán cả vợ con, chắc chắn cũng là người trong gia đình đó. Cho nên đạo lý của hành pháp là chịu đau khổ lúc đầu nhưng về lâu dài sẽ có lợi. Tình hình của việc thực hành nhân nghĩa là yên vui một cách tạm bợ nhưng cuối cùng lâm vào cảnh quần bách.

Thánh nhân cân nhắc điều hơn lẽ thiệt nhằm thu được lợi ích to lớn⁽¹⁾. Bởi vậy áp dụng phương thức pháp trị là nén đau thực thi uy quyền, khắc khổ từng trải và có kinh nghiệm mà vứt bỏ mảnh khoe thương dân, nhân nhượng vô nguyên tắc của nhân trị.⁽²⁾

(Lục phản)⁽³⁾

Giải thích :

Bản tính mưu lợi riêng của con người là cơ sở lý luận của Hàn Phi Tử, ở đây đề cập đến những người làm chính trị có vận dụng trí tuệ, dẫn dắt mọi người mở rộng tầm mắt không chỉ chú ý đến lợi ích tạm thời trước mắt mà phải suy nghĩ đến phúc lợi trong tương lai lâu dài. Vì lợi ích lâu dài, dù cho trong hiện thực có chịu những đau khổ và tội lụy thì đó là việc đáng làm. Nếu chỉ chăm lo cho sự yên vui trước mắt, mặc cho nước chảy bèo trôi cuối cùng sẽ bị đào thải, lúc đó thì hối hận vì ban đầu mình đã không làm khác đi.

Làm chính trị cũng giống như gội đầu vậy, thường sẽ có sự loại bỏ, cũng giống như chữa mụn nhọt, uống thuốc đắng vậy, vẫn luôn phải chịu khổ đau. Điều đó ví như mọi người cũng phải chịu tội lụy cho lợi ích lâu dài, thực ra làm bất cứ việc gì mà chẳng phải trải qua giày vò mới có được thành công ?

7. Thương nhiều phạt nặng

Phàm là thưởng phạt thì phải có tác dụng nhất định, đó là để khen thưởng những việc thiện và ngăn cấm những hành vi gian tà. Ban thưởng hậu hĩ mọi người sẽ thiết tha mong có được công lao thành tích mà mình muốn lập nên. Hình phạt phải thật nặng thì người dân sẽ khẩn thiết đòi ngăn cấm những hành vi

(1) "Cầu kỳ đại lợi" trong bản Kiển Đạo ghi là "Xuất kỳ đại lợi"

(2) "Khi nhân chi tương liên", theo cổ Quảng kỳ thì Hàn Phi Tử đã hiểu và sửa sai.

(3) Thiên "lục phản" là thiên thứ 46 trong Hàn Phi Tử, đoạn đầu đề cập đến 9 mâu thuẫn trái ngược giữa việc thưởng phạt của nhà nước với việc khen chê của cá nhân. Vì vậy lấy nó làm tựa đề. Những điều nói tới trong bài đều là đạo lý thưởng phạt.

gian manh mà mình chán ghét. Phàm là người những muốn thủ lợi thì chắc chắn sẽ căm ghét sự tổn hại. Sự tổn hại trái với lợi ích. Đối với những chuyện trái với điều mình mong ước thì làm sao mà không chán ghét ? những người cầu mong sự ổn định nhất định sẽ căm ghét sự rối loạn, rối loạn là trái với sự ổn định, cho nên những ai thực sự mong muốn ổn định thì ban thưởng cho họ phải thật hậu hĩ. Những kẻ thù bị căm ghét tột độ thì hình phạt dành cho chúng nhất định phải thật nặng. Hình phạt nặng không phải là nhằm vào người có tội mà phải dựa pháp luật của bậc vua chúa anh minh. Nó tất phải như vậy. Giết một kẻ hung thủ giết người cướp của không chỉ trừng phạt riêng người đó mà thôi. Nếu chỉ trừng trị kẻ giết người này thì đó là trừng trị người đã chết. Xử phạt một tên ăn trộm, chẳng phải là xử phạt riêng nó mà thôi, nếu chỉ xử phạt người đáng bị phạt thì đó là xử phạt một kẻ khổ dịch phạm tội nhẹ ⁽¹⁾. Cho nên nói rằng xử phạt nặng một kẻ gian phạm tội mà ngăn cấm được mọi người trong nước làm chuyện xấu đó chính là biện pháp giúp cho xã hội ổn định; kẻ bị xử phạt nặng phải là những kẻ trộm cắp và bọn hung thủ cướp giết. Người đáng được nhắc nhở động viên yêu thương chính là đông đảo bà con tốt bụng. Có được lãnh tụ sẵn lòng muốn quốc gia trị cường thì hà tất phải do dự trong việc nên hay không nên dùng hình phạt nặng ? Ban thưởng hậu hĩ không chỉ là ban thưởng cho công lao của một người mà còn ban thưởng khuyến khích mọi người trong cả nước làm theo pháp luật. Người được ban thưởng vui với việc được thưởng, người chưa được thưởng cũng ước ao có được công lao sự nghiệp của người được thưởng, làm như vậy cũng như khen thưởng cho công lao của một người mà khuyến khích được dân chúng trong cả nước. Những lãnh tụ có lòng mong muốn đất nước được tự cường hà tất phải do dự nên

(1) "Đạo và tặc" ý nghĩa xưa nay có khác nhau "Tặc" theo cổ nhân có nghĩa là hại người cướp của. Gần giống như "cường đạo" của người đời sau. "Đạo" theo cổ nhân vốn là trộm cắp gần giống như "kẻ trộm" "kẻ cắp" của người đời sau. Ở đây do cấu trúc văn học thì có thể thấy được ý nghĩa của nó.

hay không nên ban thưởng hậu hĩ !

Còn như ngày nay có người không hiểu chính trị đều nói : “Hình phạt nặng làm tổn thương người dân, hình phạt nhẹ đủ để ngăn cấm hành vi gian tà, hà tất phải dùng hình phạt nặng ? Đó là cách nói của người không hiểu rõ cách đạo trị mà thôi. Dùng hình phạt nặng có thể ngăn cản được hành vi phạm tội, hình phạt nhẹ không chắc đã ngăn cản có hiệu lực những hành vi phạm tội mà hình phạt nhẹ có thể ngăn cản thì cũng có thể ngăn chặn một cách hữu hiệu khi dùng hình phạt nặng. Cho nên người ngồi trên ngai vàng dùng hình phạt nặng mà những hành vi gian manh hoàn toàn không còn nữa; hành vi gian tà hoàn toàn mất đi tích thì còn gì làm tổn thương cho người dân nữa ?

Cái gọi là hình phạt nặng là để cho kẻ gian thấy được lợi ích có được do phạm tội là nhỏ bé mà hình phạt của người ngồi trên ngai vàng thì nặng nề. Người dân không muốn vì cái lợi nhỏ bé mà bị xét xử tội nặng thêm nên những hành động gian trá chắc chắn có thể loại trừ. Cái gọi là hình phạt nhẹ chỉ là để cho kẻ gian cảm thấy rằng lợi ích có được do phạm tội rất lớn mà việc xét xử phạt của những người bề trên dành cho họ lại nhẹ nhàng; thêm muốn những lợi ích lớn lao coi thường việc phạm tội nên những hành vi gian manh không thể ngăn chặn được. Các bậc tiên thánh thời cổ có câu ngạn ngữ nói rằng “Một người không ngã té ở trên núi mà lại té ngã trên gò đất nhỏ” Núi trông thấy cao lớn, khi người ta leo lên sẽ cẩn thận xem chừng; gò đất trông thì thấp bé, người ta sẽ khinh xuất chủ quan. Bây giờ áp dụng hình phạt nhẹ nhàng, người dân tất sẽ coi thường phạm, thêm lỗi lầm, nếu người dân đã phạm tội mà không bị lên án thì pháp lệnh sẽ mất hiệu lực ⁽¹⁾. Cho nên nói hình phạt nhẹ nếu không làm nhiều loạn đất nước thì cũng là giảng bầy người dân, đó mới thực sự làm tổn hại đến trăm họ vậy.

(Lục phần)

(1) Nguyên văn là “Thị khu quốc nhi khi chỉ dã” là muốn nói tăng thêm đã diệt vong của đất nước. Nguyên do của sự diệt vong chính là ở chuẩn mực tối cao của việc trị quốc, tức là pháp luật đã hoàn toàn mất hiệu dụng, dẫn đến rối loạn bất an.

Giải thích :

Thường phạt là hai vấn đề lớn của pháp luật, tác dụng của nó là nhằm khuyến khích điều thiện ngăn cấm điều ác, rốt cuộc làm thế nào mới có thể đạt được mục đích này ? Ngoài việc phải thi hành pháp luật ra, Hàn Phi Tử cho rằng ban thưởng hậu hĩ chỉ mới đủ để khuyến làm điều thiện, hình phạt nặng mới đủ ngăn cấm làm điều gian.

Hai phái Nho, Mặc đều chủ trương hình phạt nhẹ. Hàn Phi Tử cũng nhân đó mà bàn luận so sánh. Ông cho rằng mục đích của hình phạt nặng là ngăn ngừa kẻ gian, chỉ cần không phạm pháp; hình phạt nặng là sự đảm bảo đối với mọi người dân lương thiện, bởi vì hình phạt nặng có tác dụng răn đe ngăn ngừa đối với bọn đạo tặc, còn những hoài nghi lo lắng rằng “Làm tổn thương cho người dân” Ông chủ trương rằng để bảo vệ trị an của xã hội cần phải coi trọng những biện pháp cụ thể hữu hiệu. Nếu hình phạt nặng mà có tác dụng hữu hiệu để loại trừ những hành vi gian tà thì cần phải áp dụng.

Từ giải thuyết ví von (ví dụ) tới luận đoán rằng “hình phạt nhẹ làm tổn thương người dân”, bạn đọc có thể thấy được nét đặc sắc của Hàn Phi Tử : lý lẽ thấu đáo, ngôn từ thông suốt sống động và sắc bén.

8. Ngô Khởi phá trạm gác của Tần nói thưởng thì thưởng

Ngô Khởi làm tướng ở vùng Tây Hà thời Ngụy. Nước Tần có trạm gác nhưng nằm sát ngay biên giới Tây Hà, Ngô Khởi muốn phá, nếu không phá nó đi thì sẽ rất có hại cho việc cày cấy. Phải phá nó đi ! Trạm gác thì quá nhỏ lại không có lý do điều động quân sĩ trong nước, thế là Ngô Khởi đem cái cày xe dựng ở ngoài cổng phía Bắc, hạ lệnh rằng “Nếu ai chuyển cái cày xe này tới ngoài cổng phía Nam thì sẽ thưởng cho người ấy ruộng đất tốt nhất, nhà cửa tốt nhất”. Mọi người đều rất đắn đo, chẳng có ai

làm việc đó, mãi về sau mới có người dám chuyển các cang xe đó đi. Ngô Khởi lập tức ban thưởng như đã hứa. Chẳng bao lâu ở ngoài cửa phía đông lại thấy bày 10 đầu đầu đỏ, ra bố cáo rằng : “Nếu có ai chuyển được số đầu đỏ này tới ngoài cửa đông thì được ban thưởng như giao ước ban đầu”. Mọi người tranh nhau đi chuyển đầu đỏ.

Ngô Khởi nhắm chừng thời cơ đã chín mười liền ra lệnh rằng : “Ngày mai sẽ tiến đánh trạm gác của nước Tần, nếu ai leo được lên trước sẽ cho người ấy làm quan đại phu, chỉ một buổi sáng đã hạ được trạm gác đó.

(Nội trữ thuyết thượng)

Giải thích :

Câu chuyện này có phần giống với cách làm của Thượng Ương ở thời kỳ đầu biến pháp, muốn cho mọi người dân (nước) Tần hiểu rằng lệnh đã ban ra thì tất phải thi hành. Ngô Khởi là nhà binh ông coi trọng chữ tín, lệnh đã ban ra thì phải thi hành, nói thưởng là thưởng, cổ vũ sĩ khí, trọng việc trọng thưởng tất sẽ có người dũng cảm. Quả nhiên đã đạt được mục đích là hạ được trạm canh của Tần. Tác dụng của việc ban thưởng không phải nhỏ.

9. Việt Vương tập cho dân chữa cháy

Việt Vương hỏi quan đại phu là Văn Chung rằng “Ta muốn đánh dẹp nước Ngô người xem có được không ?”

Văn Chung nói : Có thể được. Chúng ta ban thưởng hậu hĩ mà xác thực, không có sai sót; hình phạt nghiêm khắc mà chắc chắn được thi hành, đó là điều không có gì phải bàn nữa. Nếu bệ hạ muốn tìm hiểu tình hình, thử nổi lửa đốt cung thất xem ? và thế là châm lửa đốt cung thất, chẳng có ai đến chữa cháy cả. Việt Vương bèn ra lệnh : “Người dân nào chữa cháy nếu bị chết sẽ ban thưởng như chết vì chiến đấu giết giặc, chữa cháy mà không bị

chết được thưởng như người đã chiến thắng kẻ địch; người không chữa cháy bị phạt tội như người thua trận đầu hàng giặc”.

Mọi người lấy thuốc chống lửa thoa khắp mình, mặc quần áo đã thấm nước và xông vào đám cháy để dập lửa. Bên tả có 3000 người, bên hữu có 3000 người. Từ đó hiểu được rằng việc thưởng phạt mà được áp dụng một cách hợp lý thì thực sự đã nắm chắc được điều kiện để thắng lợi tuyệt đối vậy.

(Nội trừ Thuyết thưởng)

Giải thích :

Việt Vương tập huấn là chuyện thường nghe, muốn đánh dẹp nước Ngô phải xem chừng người dân có hăng hái đánh trận hay không. Văn Chung đã chỉ cho Việt Vương rằng chỉ cần thử xem hiệu quả của việc thưởng phạt là đủ. Ở đây đã tổng hợp được việc “Ban thưởng hậu hĩ, hình phạt nặng nề” và “Thưởng phạt nghiêm minh” là phụ thuộc mức độ nặng nhẹ, được khẳng định và có tính quán triệt. Chữa cháy trở thành bài diễn tập, tập dượt cho nhân dân của Câu Tiễn. Việt Vương chỉ có thể báo được thù rửa được nhục dựa vào kết quả của toàn thể vua tôi ra sức tự cường, cũng là minh chứng cho hiệu quả của sự thưởng phạt.

10. Phạt có hiệu quả hơn thưởng — Lỗ Ai Công chữa cháy.

Để tiện cho việc săn bắn, người nước Lỗ đã nổi lửa đốt cháy ao đầm ⁽¹⁾. Lúc đó đang có gió Bắc, ngọn lửa lan sang phía Nam dần dần không thể khống chế được nữa, lâu rồi e rằng sẽ cháy đến tận kinh thành ⁽²⁾. Ai Công sợ lắm, tự dẫn đầu đoàn người đi chữa cháy. Tới nơi có lửa cháy, tả hữu chẳng thấy một ai, tất cả

(1) Thời cổ khí săn bắn thường phóng hỏa đốt rừng chim muông thường vì thế mà sợ hãi tháo chạy, có thể săn bắn được nhiều động vật.

(2) Nguyên văn là : “Khủng thiêu quốc” “quốc” có thể chỉ “trong thành” “trong thành quách” cũng chỉ “đô thành”. Ai Công chỉ huy tại chỗ nên gọi là “đô thành” thì hợp lý hơn.

đều đã đi đuổi dã thú cả, mà ngọn lửa ngày càng lớn, không thể dập tắt ngay được. Thế là Ai Công đi yết kiến Khổng Tử ⁽¹⁾ hỏi ông có cách gì hay có thể giải quyết việc này. Khổng Tử nói : “Những người đi săn đuổi theo dã thú một cách vui vẻ hứng thú nhưng không bị xử phạt, những người đi chữa cháy thì vất vả cực khổ nhưng không được thưởng. Đó chính là nguyên nhân không dập tắt được lửa đấy !”

Ai Công nói : “Ngài nói rất có lý”.

Khổng Tử nói : “Khi sự việc cấp bách thì không kịp ban thưởng. Nếu những người chữa cháy đều ban thưởng vậy thì tài sản của cải của cả nước cũng không đủ để ban thưởng cho mọi người, xin bệ hạ chỉ cần dùng quyền xử phạt là đủ !”.

Ai Công nói : “Được”

Khổng Tử liền ra lệnh “những ai không chữa cháy sẽ bị xử phạt như tội đầu hàng giặc, những người đuổi theo chim muông dã thú thì bị xử phạt như tội lén vào sân bắn trộm ở khu vực cấm”.

Mệnh lệnh còn chưa được truyền khắp các nơi thì lửa đã được dập tắt.

(Nội Trừ Thuyết thượng)

Giải thích :

Thưởng và phạt vốn là hai vấn đề lớn của việc thi hành pháp trị, cần phải thực hiện cùng một lúc đồng thời cùng sử dụng cả hai mặt làm cho trăm họ từ chỗ chạy trốn tránh cái hại đi đến chỗ làm được việc thiện, trừ được cái ác mọi người ai ai cũng tôn trọng pháp luật, đất nước được ổn định cường thịnh. Nhưng nếu ở vào tình trạng khẩn cấp thì không thể bắt đầu từ thưởng, chỉ đơn thuần dùng hình phạt quả thật lúc đầu cũng có thể thấy được công hiệu ngay tức thì.

(1) Hàn Phi Tử khi nói về Khổng Tử phần nhiều gọi tên chữ của ông là “Trọng Ni”. Những lời bàn của Khổng Tử mà ông chọn ra đều phù hợp với những nghị luận mà ông cần có.

Cũng giống như việc “dùng sào thấy bóng” vậy. Đoạn này nói về chuyện Lỗ Ai Công dùng phương pháp mà Khổng Tử nêu ra là chỉ dùng hình phạt thôi quả nhiên đã mau chóng dập tắt được lửa, cứu vãn được mối nguy cấp hoạn nạn, biện pháp thích ứng tạm thời rất đáng để chúng ta nghiên ngẫm suy nghĩ. Khổng Tử đã từng làm quan tư khấu ở nước Lỗ. Công lao và thành tích chính trị khá tốt. Học thuyết Nho gia coi trọng việc cảm hóa bằng đạo đức, nhưng cũng không hoàn toàn nói rằng không dùng hình phạt. Kinh Dịch đã nói : “Tiên Vương dùng những hình phạt nghiêm minh để chấn chỉnh lại pháp luật kỷ cương”. Bởi vậy mẩu chuyện này của Hàn Phi Tử thật là thấu tình đạt lý. Nhưng có điều là những tư liệu có liên quan đến Khổng Tử được tuyển chọn trong Hàn Phi Tử phần nhiều là những tư liệu mà Hàn Phi Tử cho rằng đủ để nói lên lý luận chính trị của mình, như đoạn này là sự tương hợp của những ý kiến chính diện, như trong “Nạn thiên” sẽ có quá nhiều quan điểm cơ bản, có liên quan đến sự khác nhau giữa Nho gia và Pháp gia. Ông tiến thêm một bước phê bình và nêu ra cách nhìn của mình. Tình hình đó chúng ta nên phân biệt cho rõ.

11. Hình phạt nặng có lý — Đổ bỏ tro than mà bị chặt tay.

Pháp lệnh của triều đình nhà Ân qui định rằng : “Nếu ai đem tro còn lại sau khi nấu cơm xong đổ ra đường nơi công chúng đi lại thì sẽ bị chặt tay” ⁽¹⁾. Tử Cống cho rằng phạt như vậy là quá nặng, tới hỏi Khổng Tử rằng : “Cái tội vất bỏ tro là quá nhỏ, hình phạt chặt tay lại quá nặng Cổ nhân sao lại nhấn tâm đến như vậy ?

(1) Cổ nhân nấu ăn bằng củi, tro than còn lại vẫn còn nóng, thậm chí còn tàn lửa, tùy tiện đổ bỏ ra ngoài đường cái, người đi chân đất hoặc mang giày cỏ (cổ nhân chưa có giày da) mà đạp phải thì đi không nổi nữa. Nếu tro bị vướng vãi lung tung bay vào mắt cũng là chuyện rất khó chịu.

Khổng Tử giải thích rằng : “Người Ân hiểu được đạo lý cai trị dân đó ! Đổ bỏ tro trấu ra ngoài đường, tàn lửa có thể làm bỏng chân những người qua đường, tàn lửa bị gió thổi bay tung sẽ che cản mắt tầm nhìn của người qua đường. Một khi đã làm bỏng chân người đi đường hoặc tàn lửa bay vào mắt người đi đường, người ta nhất định phát cáu thì khó mà tránh khỏi chuyện đánh nhau. Đã đánh nhau thì không chừng gia tộc với gia tộc lại bênh nhau sẽ thành cuộc đấu giữa các gia tộc đại qui mô, ba đời cha con cháu của cả họ tộc tàn sát lẫn nhau ⁽¹⁾, điều đó mới thật nghiêm trọng !

Từ hậu quả này mà xem xét, cứ tùy tiện đem đổ bỏ tro than, quả thật là nguyên nhân khiến gia tộc tàn sát lẫn nhau vậy ! Cho dù có chặt tay người đó thì cũng được. Và lại hình phạt nặng nề là cái mà mọi người nói chung đều căm ghét. Còn việc không tùy tiện vứt bỏ tro than là việc mà mọi người nói chung đều dễ dàng làm được. Để cho mọi người dân đều làm những việc dễ dàng này tránh gặp phải những tai họa không đáng có, đó chính là đạo lý cai trị dân vậy.

(Nội trừ Thuyết thượng).

Giải thích :

Ở bài này đã mượn lý do Khổng Tử giải thích với Tử Cống về hình phạt nặng của người Ân, Hàn Phi Tử nêu lên lý luận không ngại hình phạt nặng.

Nhà nho coi trọng việc cảm hóa bằng đạo đức, khẳng định tính thiện của con người, tin rằng có thể học hỏi làm như Nghiêu Thuấn. Bởi vậy đối với kẻ phạm tội vẫn cứ chỉ chú ý đến việc dành cho họ một cơ hội sống mới mà chủ trương hình phạt nhẹ.

(1) Xã hội nông nghiệp thời cổ, quan niệm về gia tộc rất nặng nề, người cùng gia tộc thường sống chung một làng, chung sức chung lòng trông coi giúp đỡ nhau. Nếu ngẫu nhiên có chuyện nhỏ gì xảy ra thì người của cả gia tộc sẽ đấu đá với người của gia tộc khác, làm tới cùng, thậm chí không hiểu vì sao mà hai gia tộc còn giết hại lẫn nhau để trả thù nữa.

Tử Cống là học trò giỏi của Khổng Tử, có tài ứng đối chất vấn, ông lại cho rằng hình phạt “vứt bỏ tro thì bị chặt đứt tay” là quá nặng. Đoạn giải thích của Khổng Tử thật ra là trí tuệ của những suy nghĩ lạnh lùng được biểu lộ ra của Hàn Phi Tử. Vứt bỏ tro tuy là việc nhỏ, nhưng tai họa có thể dẫn đến lại rất lớn. Từ hậu quả mà nói về hành vi thì cần phải ngăn chặn những sự tùy tiện riêng tư, những tập quán không kể gì đến công đức, như vậy thì dùng hình phạt nặng để răn đe ngăn chặn. Không ai muốn bị chặt đứt một bàn tay, điều đó thật đơn giản, không đổ tro than là xong, đó là một việc rất dễ làm vậy !

12. Khen chê phải thống nhất với pháp luật.

“Nho sinh dựa vào học thuật làm nhiều loạn pháp luật; Hiệp sĩ ⁽¹⁾ dựa vào võ thuật mà xúc phạm tới lệnh cấm, nhưng vua vẫn trọng đãi họ, đó chính là nguyên nhân gây ra hỗn loạn !

Kẻ vi phạm pháp luật thì phải bị tăng tội, nhưng các tiên sinh ⁽²⁾ lại dựa vào thứ học thuật gây nhiều loạn pháp luật được tôn trọng, thu dùng kẻ vi phạm lệnh cấm bị lên án, những hiệp sĩ lại dựa vào thứ “kiếm thuật” để xúc phạm lệnh cấm được dung dưỡng của vua, cái mà pháp luật cần bài trừ vẫn là thứ mà vua đang áp dụng, kẻ quan lại đáng giết vẫn là bọn được vua dung dưỡng. Cứ như vậy dù cho có 10 ông hoàng đế cũng không thể cai quản đất nước tốt được.

Người chặt được đầu giặc có thể được ban thưởng, nhưng vua thì lại sùng bái những phẩm hạnh cá nhân như nhân từ bác ái. Người đánh cướp được thành trì có thể được nhận tước vị bổng lộc, nhưng vua cũng lại tin phục và quý trọng những học thuyết vô dụng. Áo giáp cứng cùng với binh khí sắc bén là đề dân

(1) “Hiệp sĩ” trong nguyên văn thì “Hiệp” để chỉ một học phái của Mặc gia, chuộng khí tiết hành động dũng cảm đầu dao, không ngại xúc phạm lệnh cấm.

(2) “Tiên sinh” chỉ “Nho” các nho sinh giảng dạy học thuật, có quan hệ giữa thầy trò giữa tiên sinh và đệ tử.

chúng chuẩn bị phòng chống quốc nạn, nhưng vua lại coi trọng những trang sức của cải và văn nhân mũ cao áo dài. Làm cho đất nước giàu có thì phải dựa vào các chiến sĩ, nhưng vua thì chỉ sùng bái những người thuyết giảng và học tập học thuật, vui dập những người tôn kính vua, tôn trọng giữ gìn pháp luật, đi nuôi dưỡng những người như du hiệp kiếm khách, biện pháp và hành động theo kiểu đó, muốn cho quốc gia ổn định cường thịnh là điều không thể được. Khi đất nước thái bình, cung cấp nuôi dưỡng những văn nhân hiệp sĩ, khi có quốc nạn thì lại phải dùng đến những binh sĩ mặc giáp. Những kẻ được nuôi dưỡng và cung cấp trong thời bình không phải là hạng người cần dùng đến khi cấp bách, những người cần dùng tới khi cấp bách lại không phải là những người được nuôi dưỡng chu đáo trong thời bình.

Bởi vậy những người làm ruộng hay đi chiến trận thì lại sống tạm bợ lười biếng, các văn sĩ du hiệp lại ngày một đông thêm, đó chính là nguyên nhân rối loạn của đất nước vậy (Ngũ đồ).

Giải thích :

Nếu theo pháp luật, việc đáng được thưởng nhưng lại bị vui dập đè nén, việc đáng phạt nhưng lại được tôn sùng thì pháp lệnh không thể quán triệt được.

Hàn Phi Tử chống lại học thuyết của hai phái Nho Mặc. Phần trên đã nêu ra hai lý do là : cần phải tùy cơ ứng biến dựa vào sự tiến hóa của lịch sử. Nhà nước phải chú trọng thực lực, không thể nói chuyện nhân nghĩa suông. Chuyện ở đây, bàn tới là vấn đề “Pháp”. Nho sinh và hiệp sĩ, một thì làm nhiều loạn pháp luật, một thì xúc phạm lệnh cấm. Xét về tính chất tôn nghiêm của pháp luật thì thật là “Tội nặng ác nhiều”. bởi vậy Hàn Phi Tử chống lại việc vua trọng đãi những người của hai phái này. Từ những qui định pháp luật mà xem xét, phải khen thưởng những người làm ruộng cũng như những người đánh giặc. Những người

được vua trọng đãi một cách thâm lén trong chốn riêng tư thì lại là những người mâu thuẫn với chính sách “Canh chiến phá cường”. Như vậy không những không thể khuyến khích nhà nông và chiến sĩ nỗ lực sản xuất, hăng hái diệt địch, họ không được coi trọng mà còn vì vậy mà sinh ra sống tạm bợ, biếng nhác. Đó cũng là quan điểm về công dụng, có thể tham khảo thêm bài viết trước.

V. GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Hàn Phi Tử nhận thấy rằng hiệu quả của giáo dục pháp trị còn lớn hơn so với giáo dục về tình yêu thương, vì thế mà quý nặc thành học thuyết chính trị như thích hợp thực dụng, thường nhiều phạt nặng.

1. Người dân sợ uy quyền mà phục tùng pháp lệnh

Ngày nay có những đứa con không thành tài, cha mẹ giận dữ la mắng nó, nó không hối cải, các bậc cha chú trong làng khiển trách nó cũng chẳng chút động lòng ⁽¹⁾, thầy giáo dạy bảo nó nó cũng chẳng chịu chuyển biến. Tình yêu tha thiết của cha mẹ, đức hạnh của bậc cha chú, trí tuệ của thầy giáo, thiện ý ba phía tác động tới nó, rốt cuộc chẳng động được sợi lông tơ của nó. Quan lại trong Châu Nha cầm quân viện dẫn pháp lệnh để truy tìm kẻ gian nó mới sợ mà sửa chữa những tính nết cũ của nó, thay đổi những cử chỉ hành vi cũ của nó. Cho nên tình yêu của cha mẹ không đủ để dạy dỗ con cái cho tốt được, cần phải dựa vào quan phủ thi hành những hình phạt nghiêm khắc, đó là do người dân vốn được yêu chiều thì kiêu căng buông thả, sợ uy quyền thì sẽ phục tùng.

(1) Nguyên văn là “Hương nhân thủy chi” “Hương nhân” tức là các bậc bô lão trong làng, là bậc trưởng giả trong làng. Trong xã hội nông nghiệp thời cổ, người đồng tộc thường sống chung với nhau, các bậc lão niên, trung niên phần đông có danh vọng, răn dạy con em trong làng rất có tác dụng.

Bởi vậy mà tường thành có cao tới 8 trượng ngay cả Lâu Quí⁽¹⁾ cũng không vượt qua nổi vì tường quá dốc. Núi cao cả ngàn trượng, người nuôi dê bị thọt chân cũng dễ dàng lên đó mà chăn thả vì sườn núi thoải thoải⁽²⁾. Cho nên bậc vua chúa anh minh vẫn thường lập pháp thì nghiêm chỉnh, hành pháp thì nghiêm khắc. Thấy tấm vải dài 6 thước người ta thường không nỡ bỏ đi, hai ngàn bốn trăm lượng vàng đang được nung chảy trong lò thì bọn trộm cắp cũng không dám lấy. Không biết chắc rằng sẽ không có gì hơn nên đã không dứt bỏ mười mấy thước vải, còn nếu biết chắc là bị bồng tay thì đã không nhặt lấy 2400 lượng vàng. Cho nên vị vua anh minh nhất định phải thi hành hình phạt thật nghiêm. Bởi vậy việc ban thưởng tốt nhất là thưởng cho thật hậu hĩ và việc gì đáng thưởng thì phải thưởng, khiến người được thưởng cảm thấy được lợi, còn hình phạt thì tốt nhất là phải cho thật nặng, và cái gì đáng phạt thì nhất định phải phạt, khiến cho người bị phạt thực bụng thấy sợ. Pháp luật tốt nhất là phải thống nhất và không được thay đổi, khiến cho người dân có được nhận thức rõ ràng chính xác. Cho nên vua thi hành việc ban thưởng không tùy tiện thay đổi, chấp hành hình phạt không sơ suất trong việc miễn tha. Sự ban thưởng có vinh dự sẽ phát huy được tác dụng, sự lên án phải đi đôi với hình phạt⁽³⁾, vậy thì bất kể là người tài giỏi hay không tài giỏi đều sẽ dốc hết sức để làm việc.

(Ngũ đồ)

(1) Lâu Quí, là dũng sĩ thời cổ, con trai của Ngụy Văn Hầu.

(2) Nguyên văn là "Phả đường dị mục" trong "Hàn Phi Tử tân thích" của Doãn Đồng Dương thì "Đê cái vẫn là đê cái", có nghĩa là nó bậc, mục nó.

(3) Nguyên văn là "Dự phụ kỳ thưởng, hủy tùy kỳ phạt", "Dự" có nghĩa là tán dương, "hủy" có nghĩa là dè nén, quở mắng. Một vinh một nhục được dùng để phối hợp vận dụng với việc thưởng phạt.

Giải thích :

Đoạn viết này nói về vấn đề giáo dục thiếu niên không thành tài, tình yêu thương không thể cảm hóa được, uy lực của pháp luật mới làm cho họ thay đổi tính nết sửa đổi hành vi. Nói cách khác, Hàn Phi Tử tin rằng bằng việc giáo dục nhân dân tôn trọng pháp luật có thể đạt được hiệu quả, cũng từ quan điểm này ông đưa ra lý luận quan trọng về việc thưởng phạt : “Thưởng mực như hậu nhi tính, sử dân lợi chi, phạt mực như trọng nhi tất, sử dân úy chi, pháp mực như nhất nhi cố, sử dân tri chi”.

(Thưởng chi bằng cho hậu hĩ mà chắc chắn, khiến dân được lợi, hình phạt chi bằng nặng mà đúng khiến dân phải sợ, pháp luật chi bằng thống nhất và cố định, khiến dân hiểu được.)

“Dự phu kỳ thưởng, hủy tòng kỳ phạt” : khen phải đi đôi với thưởng, chê phải đi đôi với phạt, đều dùng kiểu câu có vẻ đối rất chỉnh có sức thuyết phục khi đưa ra những chủ trương quan trọng của mình. Mục đích của ông là ở chỗ muốn toàn thể dân chúng không phân biệt người tài hay người bình thường đều có thể hết lòng vì nước, quảng đại quần chúng nhân dân là tối thượng, còn về các phần tử đặc biệt cũng phải có phương án xử lý. Cho nên chúng ta không thể nói Hàn Phi Tử chống lại sự giáo dục về lòng nhân ái, phủ định sự giáo dục về lòng nhân ái, điều cần lưu ý ở ông là phải phối hợp các tính chất “Phổ biến” và “Tất nhiên”, nếu vậy thì không thể không dùng pháp trị.

2. Tình thương không thể giải quyết được mọi vấn đề.

Một người mẹ hiền đối với đứa con thơ yếu ớt của mình thì tình yêu thương ấy là vô bờ bến không một ai có thể sánh được. Nhưng nếu đứa con có hành vi gian tà bất chính thì phải cho nó học thầy, mắc phải bệnh ác tính thì phải đưa nó đi tìm thầy thuốc chữa trị. Nếu không đi tìm thầy để học, thì sẽ dần thân hình pháp, không tìm thầy thuốc để chữa trị thì có thể chết vì

bệnh. Người mẹ tuy yêu con cái tha thiết nhưng không có cách gì giúp nó phần chấn lên được từ hình phạt, phục hồi sức khỏe từ bệnh tật. Nói như vậy điều thật sự có thể bảo toàn đứa con lại không phải là lòng yêu thương của người mẹ. Tình cảm giữa người mẹ và con cái là tình yêu thương; quyền mưu kế và sự tùy cơ ứng biến giữa vua và tôi là sự tính toán, người mẹ không thể đem tình thương yêu ra bảo toàn cho gia đình, vua làm sao có thể đem tình thương yêu ra để bảo toàn đất nước ? Bậc vua chúa anh minh có thể không hiểu và bằng cách nào đó giành được phương thuật để làm cho đất nước giàu mạnh. Như vậy có thể giành được mọi thứ mà mình muốn. Cần thận nghe ngóng thấu hiểu chính trị, chính là phương pháp làm cho đất nước giàu mạnh. Qui định một cách rõ ràng và chính xác pháp luật và cấm lệnh của đất nước, nghiên cứu tỉ mỉ những kế mưu quan trọng của đất nước. Pháp lệnh rõ ràng và xác thực, vậy thì đâu còn mối lo biến loạn từ bên trong. Kế mưu mà thích hợp thì cũng sẽ không có còn tai họa bị bắt bị giết từ bên ngoài.

Từ đó mà xét thì cái để bảo tồn quốc gia không phải là nhân nghĩa. “Nhân” là yêu thương ban ơn coi nhẹ của cải vật chất; “Bạo” là tâm tình lãnh đạm khắc nghiệt, coi thường cái chết. Yêu thương vị tha thì không nhẫn tâm, coi nhẹ của cải vật chất thì dễ ban ơn, tính tình lãnh đạm khắc nghiệt thì biểu lộ lòng căm ghét bề tôi, coi nhẹ cái chết thì giết hại bữa bãi. Trong lòng bất nhẫn sẽ tìm mọi cách buông tha kẻ đáng bị xử phạt, thích ban ơn, người được ban ơn thì thường chẳng có công lao thành tích gì. Lòng căm ghét lộ ra thì bề tôi sẽ oán giận vua, giết hại nhau bữa bãi, người dân sẽ phản bội lại. Cho nên người có lòng nhân ái mà ngồi trên ngai vàng, người dân ở dưới sẽ ăn nói và hành động bữa bãi không biết sợ là gì, dễ vi phạm pháp luật và cấm lệnh, sống tạm bợ cho xong chuyện cầu may, cầu mong được thưởng mà chẳng có công trạng gì. Nếu kẻ bạo hành mà ở trên ngai vàng thì sẽ tự mình ban bố pháp lệnh, quần thần sẽ xa lánh, nhân dân oán

giận, vì thế mà sinh ra tâm lý phản bội. Cho nên “Nhân” và “Bạo” đều là hành động làm cho mất nước, không thể có đủ cái ăn cho mọi người vậy mà lại đi khuyên người đói cứ ăn đi, làm như vậy không thể cứu sống được người đang bị đói khát, không dọn sạch được cỏ dại để sản xuất lương thực mà lại khuyên người ta phải đem của ra bố thí, ban thưởng cho người ta, làm như vậy không thể làm cho nhân dân giàu có (đầy đủ). Các học giả ngày nay không coi trọng nghề nông mà thích những chuyện vụn vặt vô dụng ⁽¹⁾ bàn những chuyện thánh nhân không hề có thực một cách trí trá ⁽²⁾ để xoa dịu nhân dân, đó là cách nói của người không lo chuẩn bị cơm nước mà chỉ nói suông khuyên người đang đói khát ăn cơm, bậc vua chúa anh minh sẽ không chấp nhận được điều đó.

(Bát thuyết)

Giải thích :

Bài viết này đã nói lên rằng : Quá trình trưởng thành của một đứa trẻ bình thường, có những hành vi lệch lạc cần phải mời thầy giáo dục, có bệnh tật hiểm nghèo phải mời thầy thuốc chữa trị. Lòng thương yêu của người mẹ hiền là vô bờ bến nhưng không hoàn toàn giải quyết được vấn đề. Nói thêm về việc trị quốc thì không thể dựa vào lòng nhân ái mà tất phải trừng trị đến nơi đến chốn, phải xác định rõ những điều nghiêm cấm trong pháp luật suy xét sâu rộng, nói cách khác thì đó là sự vận dụng pháp luật để cai quản đất nước một cách thông minh và có hiệu quả, nhằm nhấn mạnh tính kết quả và tính lý trí của pháp luật, đi công kích và bài xích cái gọi là sự không thỏa đáng của “nhân” và

(1) “Mạt túc” vấn đề về công thưởng. Hàn Phi Tử cho rằng nghề nông là gốc, công thưởng chỉ là nghề ngọn, nói theo nghĩa rộng thì ngoài nông nghiệp và đánh giặc ra thì các nghề khác đều chẳng có ích gì cho sự giàu mạnh của đất nước, đều là những nghề ngọn.

(2) Hàn Phi Tử cho rằng nhiều sự tích của thánh nhân thượng (do) học phái Nho. Mặc tồ về để nói về học thuyết của mình chưa chắc đã chân thực. Xin đọc kỹ phần đầu thiên “Hiển học”.

“bạo”, vì đó là những thứ tình cảm, mỗi cái đều có chỗ lệch lạc của nó, không như pháp trị vừa công bằng thỏa đáng lại thực tế thiết yếu. Chẳng hạn như muốn cho nhân dân giàu có thì khai khẩn đất hoang, tăng gia sản xuất là biện pháp căn bản, bổ thí của cải, ban phát chỉ là sự cầu xin tha thứ, từ đó mà xét Hàn Phi Tử vẫn rất coi trọng thực tế.

3. Lấy pháp lệnh nghiêm ngặt để ngăn cấm người dân làm chuyện xằng bậy :

Những chuyện gian trá phạm pháp, nếu như biết chắc chắn sẽ bị phát giác thì mọi người sẽ tự mình đề phòng và chần chừ lại; nếu biết chắc là sẽ bị tội chết thì sẽ ngừng tay không dám làm nữa. Ở nơi kín đáo khó phát hiện mà đem bày những đồ tế nhuyễn quý giá thì cho dù chưa từng lấy cắp thì cũng khó tránh khỏi việc phải do dự có nên lấy hay không; giữa nơi chợ búa đông người qua lại nhộn nhịp mà đem treo cả trăm lượng vàng ⁽¹⁾ thì dù là kẻ trộm lành nghề cũng không dám thò tay lấy. Vì không bị phát giác thì ở nơi kín đáo cũng không thể không lấy cho bằng được, nếu biết chắc chắn sẽ bị phát hiện thì dù kẻ trộm trộm cũng không dám lấy trộm trăm lượng vàng được treo ở giữa chốn chợ búa nhộn nhịp. Cho nên bậc chúa anh minh trị vì đất nước phải sắp đặt thật nhiều quan lại để trông coi giữ gìn, ngăn chặn thần dân phạm pháp, đã phạm pháp thì phải xử nặng thêm. Cai quản nhân dân dựa vào lệnh nghiêm ngặt để nghiêm cấm họ làm chuyện xằng bậy, không dám hy vọng hoàn toàn vào người dân liêm khiết tự trọng, biết tự kiềm chế mình không làm việc xấu. Lòng yêu thương con cái của người mẹ hơn người cha nhiều lần, — mệnh lệnh của người cha được quán triệt tới cử chỉ hành vi của con cái hơn người mẹ cả chục lần, mệnh lệnh quán triệt tới cử chỉ hành vi của dân lớn hơn cả người mẹ hàng vạn lần. Cha mẹ vun đắp đầm ấm thấm nhưng mệnh lệnh không được tôn trọng và thi

(1) Nguyên văn là : “Huỳnh bách kim vu thi” Thời Tần qui định một dật (24 lượng) bằng một kim, thời Hán lấy một cân một kim, giá trị bằng khoảng một vạn tiền.

hành, quan lại áp dụng nghiêm khắc nhưng người dân lại nghe theo hiệu lệnh, hiệu quả của sự uy nhiệm và đầm thắm có tốt có xấu từ đó có thể đoán định được, nhưng bậc làm cha mẹ có những tác động đối với những mong đợi của con cái : mong cho chúng có lợi an toàn trong lập thân, hành sự thì mong cho chúng tránh xa những việc tội lỗi. Vua đối với dân khi có quốc nạn thì đòi hỏi dân phải hy sinh, khi yên ổn thái bình thì đòi hỏi dân hết sức. Cha mẹ với tình yêu thương sâu nặng thường tìm cách thu xếp cho con cái mình vào nơi an toàn có lợi, nhưng mệnh lệnh của họ thì con cái lại không nghe theo, vua đối với dân chẳng có lòng yêu thương nào ⁽¹⁾ lại đòi hỏi dân ra sức phục vụ quên mình, thế mà mệnh lệnh của vua được mọi người nghe theo. Bậc vua chúa anh minh hiểu được đạo lý đó nên không dùng dương mà lại cần tăng thêm quyền thế và sự uy nghi. Bởi vậy người mẹ với lòng nhân ái sâu nặng hiền từ hòa nhã dễ gần gũi ⁽²⁾ thì phần đông con cái lại không nên người. Đó là do họ đã lấy “Tình yêu thương” để quản lý giáo dục con. Người cha chẳng có biểu hiện tình yêu gì nhiều lại dạy con bằng roi vọt, con cái phần đông đều nên người. Đó là do có sự quản lý và giáo dục nghiêm khắc cả.

(Lục phản)

Giải thích :

Pháp gia có dụng ý : Đi tìm một chế độ hoàn thiện, khiến mọi người không thể phạm pháp, không dám phạm pháp, bởi dưỡng đạo đức của mọi người bằng pháp trị. Phương pháp của họ là : có thật nhiều quan lại để cảnh giới giữ gìn, khiến người dân không thể nào phạm pháp, một khi đã phạm pháp thì xử phạt tùy theo tội nặng nhẹ khiến người dân không dám phạm pháp, tin

(1) Nguyên văn là “Quan dĩ vô ái lợi” chữ “lợi” nên hiểu là thêm ra dôi ra. Nguyên văn là “Mẫu hậu ái xử” Trong phần giải thích của Trần Kỳ Thu cho rằng nên viết là “Mẫu hậu ái xử tử” trái ngược với câu dưới là “Phụ bạc ái giáo xuy”.

(xuy : dạy dỗ bằng roi vọt)

chắc vào hiệu quả phổ biến là tất yếu của pháp trị có tác dụng thiết thực còn hơn là trông chờ vào mọi người dân tự kiềm chế mình.

Có thể đọc thêm phần 2,3,4 để tham khảo. Chẳng cứ lấy việc mà nói, nếu cứ kêu gọi thần dân hãy nêu cao lòng công đức để sắp xếp lại những lộn xộn đối với việc đó, thì chi bằng tăng cường khả năng cảnh giới nghiêm cấm những việc sai trái. Pháp trị có thể bồi dưỡng đạo đức chung cho mọi người, tôn trọng luật pháp chính là đạo đức.

Hàn Phi Tử thường đem tình yêu của người mẹ ra so sánh. Chúng ta cần lưu ý rằng người phụ nữ thời cổ không hiểu biết gì, giải quyết công việc khó tránh khỏi tầm nhìn hạn hẹp, tình yêu của họ đối với con cái thường là tình cảm yếu đuối và nuông chiều, đối với con cái quả thực hại nhiều hơn lợi. Phải nhìn nhận như vậy mới có thể có được sự hiểu biết sâu sắc về Hàn Phi Tử.

Tình yêu thương vẫn là chỗ dựa tinh thần để bảo vệ tình mẫu tử, ai nói đó là sai được ?

BA : LÝ LUẬN VỀ DÙNG THUẬT CỦA HÀN PHI TỬ

I — TÍNH CHẤT ĐẶC BIỆT CỦA THUẬT

“Pháp” và “Thuật” vốn là những danh từ tương đối. Trong quá khứ Thương Ưởng coi trọng pháp, Thân Bất Hại coi trọng thuật. Hàn Phi Tử nhận thấy rằng người làm vua của một nước cần phải kết hợp vận dụng Pháp và Thuật.

Một mặt cần có pháp luật được công bố rộng khắp cho mọi người đều biết, giao trách nhiệm và yêu cầu thần dân phải làm tốt việc tôn trọng giữ gìn pháp luật, mặt khác phải có sự mưu trí linh hoạt thích ứng với mọi hoàn cảnh mà mình có được, có thể tự mình cai quản quần thần, cả hai mặt bổ sung, phối hợp với nhau mới có thể đạt được mong muốn là sự trị an phú cường. Thuật là pháp thuật của Vua được dùng để đôn đốc cai quản quần thần một cách bí mật, cho nên nó càng kín đáo bất ngờ càng tốt. Hàn Phi Tử rất coi trọng việc dùng thuật, vì vua cần phải sai khiến các quan, sau đó là đôn đốc nhắc nhở các quan cai quản dân chúng mới phù hợp với sự đòi hỏi của mình được. Ông nhận thấy rằng giữa vua và tôi ai cũng đều có tính toán riêng của mình, lòng dạ con người là chỉ lo cho riêng mình, vua nhất thiết phải dùng tới thuật, mới có thể ngăn ngừa dân chúng và bề tôi mưu lợi riêng, làm rối loạn kỷ cương, tiến tới đôn đốc nhắc nhở quần thần hết lòng với cương vị đảm trách. Khiến họ thực sự mưu cầu phúc lợi cho đất nước, tăng cường hiệu lực hành chính.

1. Trị nước phải có phương thuật

Tạo Phụ ⁽¹⁾ đang làm cỏ ngoài đồng thấy có hai cha con ngồi trên xe chạy qua, con ngựa bỗng hoảng sợ không chịu đi nữa, người con bước xuống dắt ngựa, cha bước xuống đẩy xe, họ xin Tạo Phụ đẩy xe giúp họ. Tạo Phụ là người đánh xe giỏi. Ông thu dọn đồ đạc không làm cỏ nữa trèo lên xe, xếp tất cả công cụ lên, đỡ hai cha con lên xe. Và ông bắt đầu kiểm tra lại dây cương cầm roi ngựa, còn chưa ra tay mà ngựa đã tung vó chạy.

Nếu Tạo Phụ không biết đánh xe thì dù có mang hết sức mạnh ra, dù cực khổ hết sức để đẩy xe giúp thì ngựa cũng không chịu tiến lên. Ngày nay bản thân đã đi ẩn dật mà mình lại ngồi lên xe chở theo luôn dụng cụ, còn có ân huệ với cha con nhà kia, đó là mặt hay của việc có nghệ thuật điều khiển được xe vậy ! Cho nên đất nước cũng như con ngựa của vua vậy, không có nghệ thuật để cai quản đất nước, bản thân tuy cực khổ vất vả mà vẫn khó tránh khỏi hỗn loạn, có phương thuật mà cai quản đất nước thì bản thân an nhàn vui vẻ mà lại có thể đạt được hiệu quả của bậc đế vương.

(Ngoại trừ thuyết hữu hạ)

Giải thích :

Bài viết này ví đất nước như cỗ xe, uy thế của vua cũng như con ngựa. Bậc vua chúa có phương thuật cũng giống như người giỏi đánh xe, có thể cai quản tốt đất nước một cách nhẹ nhàng thoải mái, bản thân an nhàn mà có thể đạt được vị thế của bậc đế vương.

(1) Tạo Phụ người đánh xe thời cổ, ông đánh xe đưa Chu Mục Vương đi tuần tới các nước ở phía tây, Mục Vương thích đến nỗi không muốn trở về nước nữa. Tử Yển Vương làm phản, Chu Mục Vương chỉ trong một ngày đi gặp được ngàn dặm đường, cuối cùng diệt được Tử và đem Triệu thành giao cho Tạo Phụ. Từ đó có dòng họ Triệu.

2. Mật Tử Tiễn trị lý Đơn Phụ

Mật Tử Tiễn cai quản xứ Đơn ⁽¹⁾. Hữu Nhược ⁽²⁾ trông thấy ông ta liền hỏi : “Sao ông gầy ốm như vậy ?” Mật Tử Tiễn nói “Vua không chê ta là xấu xa bất tài, cho ta cai quản xứ Đơn Phụ, việc quan cấp bách, thấy buồn lo trong dạ gầy ốm đi lúc nào không biết nữa” Hữu Nhược nói : “Ngày xưa ông Vũ đánh cây đàn có 5 dây, ngâm những bài thơ Nam Phong thế mà thiên hạ thái bình, còn như Đơn Phụ là xứ bé nhỏ như vậy, cai quản nó mà buồn phiền, nếu cai quản cả thiên hạ thì biết làm sao ? Bởi vậy có phương thuật trị quốc, người ngồi trên triều đình thần thái an nhàn nhưng có thể cai trị tốt đất nước, tâm thân tuy ốm o gầy mòn mà vẫn cứ vô dụng !

(Ngoại trừ thuyết Tả Thượng)

3. Vận dụng phương thuật cần bí mật bất ngờ

Phàm là việc cai quản thiên hạ, nhất định phải thuận theo tính tình của con người, tính tình con người có yêu thích, có căm ghét cho nên việc thưởng phạt có thể được áp dụng, ngăn cấm và pháp lệnh có thể được xác lập, phương cách trị quốc hầu như đã có đủ cả, vua nắm quyền bính trong tay mà cũng cố uy thế, cho nên có lệnh là được thi hành, có ngăn cấm người dân sẽ không dám vi phạm. Quyền bính là chỗ dựa để điều khiển chuyện sinh sát, uy thế là cái vốn liếng để áp đảo mọi người. Nếu không có một chế độ ổn định đối với những việc thăng thưởng và bãi truất bề tôi, thì quyền bính của vua sẽ bị tổn hại. Quyền được ban phát nếu cứ khư khư cùng với bề tôi ôm giữ thì uy thế của vua sẽ bị phân hóa. Cho nên bậc vua chúa anh minh biết nghe ngóng dư luận quyết không thể mang trong lòng tình cảm thiên vị. Bàn

(1) Mật Tử Tiễn là đệ tử của Khổng Tử, tên là Bất Tề Đơn Phụ là một thành nhỏ của nước Lỗ.

(2) Hữu Nhược là đệ tử của Khổng Tử, còn gọi là Hữu Tử, kiến thức rộng, yêu thích cổ đạo. Sau khi Khổng Tử chết, các đệ tử đối đãi ông như với Khổng Tử.

tính công việc quyết không thể chỉ thích chuyện vui vẻ êm tai. Bởi vậy nghe ngóng dư luận mà không tham khảo kiểm nghiệm từ nhiều phía thì quyền thế sẽ bị bọn quần thần phân hóa. Phương thuật thông minh mưu lược ⁽¹⁾ nếu không giỏi vận dụng thì vua sẽ bị bề tôi làm cho khốn quẫn. Cho nên bậc vua chúa anh minh thực thi chuyện thưởng phạt phải chí công vô tư, rõ như ban ngày vậy. Vận dụng phương thuật ⁽²⁾ phải bí mật bất ngờ như quỷ thần vậy. Thưởng phạt đã công minh chính trực rõ ràng như ban ngày thì dân chúng không còn đảng nào mà bài bác phê bình nữa. Dụng thuật mà bí mật bất ngờ như quỷ thần thì bề tôi không còn cách gì theo đó mà đầu cơ trục lợi nữa ⁽³⁾.

(Bát kinh) ⁽⁴⁾

Giải thích :

Bài viết này nhấn mạnh việc vua thuận theo nhân tình xác định việc thưởng phạt. Đã có thuật, pháp lệnh mới có thể thực hiện thông suốt không gặp trở ngại. Có thuật thì uy quyền và địa vị của vua mới được củng cố, việc hành pháp phải chí công vô tư, việc dùng thuật phải kín đáo bất ngờ. Nhưng sự vận dụng thuật vẫn có phép tắc tương đối công bằng xác đáng nhất định. Nghe ngóng dư luận, không theo tình cảm riêng tư, tham khảo những ý kiến và chứng cứ khách quan từ nhiều phía, đó đều là những biện pháp rất quan trọng để thẩm tra sắp xếp các quan lại. Những điều bàn về thuật của Hàn Phi Tử lại càng tỏ ra đáng quý trọng.

(1) "Trí thuật" trong bản Hán đạo ghi là "t. lược" vẫn theo bản năng của Vu Bình. Triệu bản và Lăng bản thì chép là "thuật" như vậy Tỷ đốc thỏa đáng hơn.

(2) Nguyên văn là "Dụng nhân dã quỷ" theo Trần Khái Thiên dịch thành "dụng thuật dã quỷ".

(3) Nguyên văn là : "quỷ tắc bất nhân", bản trước Tống thì "Nhân" chép là "khôn", đến đời Minh có bản chọn lọc của Quách Bình lại trở lại cách gọi "nhân" có ý : bề tôi. Không có cách gì dựa dẫm để đầu cơ che lấp, dùng chữ "nhân" thỏa đáng hơn.

(4) Bát kinh để chỉ 8 phương pháp không thể thay đổi của vua dùng để giải quyết chính sự. Toàn bài đều nói đến lý luận quan trọng của việc dùng thuật. Bát kinh là thiên thứ 48 trong Hàn Phi Tử.

II — VÔ VI LÀ NGUYÊN TẮC CHUNG CỦA CÁCH DÙNG THUẬT

1. Tuân thủ pháp luật thì trách nhiệm mới hoàn thành

Bậc vua chúa chính là những người giữ yên pháp chế, xem xét bề tôi có làm được việc hay không. Thường chỉ nghe nói rằng quan lại dù tham ô thác loạn nhưng vẫn có những người dân giữ được đức hạnh tiết tháo, chứ không hề nghe thấy nói rằng dân loạn mà lại có quan lại chỉ biết thanh liêm mà không biết lo cho thiên hạ; cho nên bậc vua chúa anh minh hiểu rằng chỉ cần cai quản quan lại cho tốt, khỏi cần phải phiền lụy tới thần thánh để cai trị dân.

Những người đi lay cây nếu chỉ biết lôi kéo lá cây thì chỉ nhọc thân mệt xác mà chẳng lay động được cả cây. Nếu nắm thân cây mà lay qua lay lại thì tất cả lá cây đều lay động hết. Đứng bên vực sâu mà lay lắc thân cây thì chim chóc sợ hãi mà vỗ cánh bay cao, cá cũng sợ hãi hoảng hốt mà lặn xuống sâu. Người giỏi giăng lưới bắt cá chỉ cần kéo rê lưới, giăng lưới ra cả đàn cá sẽ chui vào trong lưới. Nếu cứ nhất nhất nắm lấy từng mắt lưới mà bắt được cá thì sẽ cực khổ mà khó khăn không chừng. Quan lại là những người cai quản dân chúng cũng như giăng lưới để đánh cá; cho nên bậc vua chúa anh minh chỉ cần cai quản các quan lại cho tốt, không cần phải bao phí tinh thần sức lực để cai trị dân chúng.

(Ngoại trừ thuyết hữu hạ)

Giải thích :

Vận dụng phương thuật cố nhiên là phải bí mật bất ngờ, nhưng cũng có những nguyên tắc cơ bản. “Vô vi”, theo quan niệm của Hàn Phi Tử thì đó là một thứ phương thuật được chuyển hóa từ tư tưởng Đạo gia. Pháp là qui tắc cho toàn dân thi hành, dùng thuật cũng cần phải giữ gìn tôn trọng pháp luật. Có như vậy mới

có sự tuân phục. Vua đặt ra pháp chế, đôn đốc nhắc nhở các quan cai trị dân chúng, đòi hỏi bề tôi phải đạt được hiệu quả chắc chắn đó chính là thứ “Vô vi” của Hàn Phi Tử, nó không giống với sự hoàn toàn hư không tĩnh lặng, chẳng làm nên trò trống gì của Lão Tử. Nắm lấy điểm quan trọng, vậy thì lưới giăng ra thì mắt lưới sẽ hiện rõ, nắm được điều mấu chốt thì việc nhỏ sẽ nắm được, có thể yên tâm mà chờ đợi thành quả, đó là sự vận dụng cao nhất của thuật.

2. Lấy một người chống lại muôn người

Người đi chữa cháy lại chỉ cầm chai lọ đựng rượu mà đập lửa thì chỉ là một kẻ bị người khác sai bảo. Nếu như thôi thúc người ta bằng roi vọt thì có thể điều khiển cả vạn người, mọi người đều nghe theo sự sai bảo, cho nên bậc thánh nhân thông minh không tự mình đi quản lý những người dân hèn mọn, vị vua anh minh không tự mình giải quyết (xử lý) những chuyện vụn vặt.

(Ngoại trừ thuyết hữu hạ)

Giải thích :

Thuật vô vi coi trọng việc nắm lấy nguyên tắc cơ bản, áp dụng một cách rộng rãi để xử lý mọi sự việc. Cho nên nói rằng vua chúa không tự mình làm những việc vụn vặt, vì vua có thể sắp xếp cho bề tôi theo ngôi thứ để phụ trách, vua chỉ cần đôn đốc những người phụ trách chủ yếu là được.

3. Hư tĩnh vô vi

Quyền uy của vua không cần phải thể hiện ra ngoài, tức là không cần phải có gì cả. Mọi việc đều chia ra cho văn võ bá quan, quyền bính chủ yếu được đặt trong tay vua. Thánh nhân nắm được quyền bính chủ yếu, văn võ bá quan từ bốn phương sẽ lui tới đem sức lực ra phục vụ. Vua chỉ cần đối xử với họ một cách bình thân, họ sẽ tự thể hiện tài năng của mình. Văn võ bá quan khắp

nơi tự giữ cương vị của mình rồi thì vua sẽ có thể quan sát được mọi hoạt động của họ bằng sự bình thản tĩnh lặng; quần thần quanh vua đã được sắp đặt đâu vào đấy thì vua cứ việc mở rộng cửa để đón những chính kiến và chính tích. Sự vật đã có sự sắp đặt đâu vào đấy, con người được sử dụng thích đáng, vua tôi đều ở vào địa vị thích hợp, nên trên dưới yên ổn, có thể chẳng cần phải làm gì cả. Điều đó cũng giống như cứ để cho gà gáy báo trời sáng, bắt mèo săn chuột, quần thần đều trở hết tài năng của mình, vua ở trên ngai vàng có thể yên vị vô sự. Nếu vua chỉ muốn biểu hiện sở trường đặc biệt của mình thì sự việc sẽ rất khó mà giải quyết cho ổn thỏa. Vua mà kiêu ngạo, khoa trương, tự cao tự đại, chỉ thích biểu hiện năng lực của riêng mình thì văn võ bá quan ở bên dưới sẽ tự tô son trát phấn cho mình để lừa gạt vua. Nếu vua mà thích khoe khoang tài nói năng và trí tuệ của mình thì văn võ bá quan sẽ dựa vào đó mà thừa cơ lấy lòng vua, như vậy ảnh hưởng qua lại giữa vua và tôi sẽ là đảo ngược lẫn nhau, đất nước sẽ không thể cai quản nổi. (Dương xác) ⁽¹⁾

Giải thích :

Bài viết này nói về vua nên nắm lấy quyền bính chủ yếu phải thủ tính “Vô vi” để các bề tôi trở hết tài năng của mình, vua sẽ có thể không phải làm gì cả. Còn nếu vua thích biểu lộ để bề tôi thấy được nhược điểm của mình, họ sẽ đối trá khéo che đậy lừa gạt vua làm những việc vi phạm pháp luật, lúc ấy thì nước sẽ loạn.

4. Dựa vào pháp luật

Người làm vua nếu muốn tự mình đôn đốc giám sát các quan thì vua sẽ không đủ thời gian, tinh thần và sức lực cũng sẽ không

(1) Dương xác là thiên thứ 8 trong Hàn Phi Tử, hai chữ Dương xác các bản cũ chép là “Dương quyền”. Ở đây sửa lại theo cách nói của nhiều người. Nội dung chính của thiên này là ứng dụng lý luận của đạo gia để nói lên việc vua dụng thuật như thế nào, suy cho cùng Dương xác là ý nghĩa chủ yếu, vấn đề bản luận tới chính là những nguyên tắc quan trọng của vua

đủ. Và lại nếu vua quan sát bằng mắt, thì bề tôi sẽ tô vẽ diện mạo bên ngoài, nếu vua nghe ngóng bằng tai thì bề tôi sẽ uốn sửa giọng nói, nếu vua biện minh bằng trí lực của mình thì bề tôi sẽ khéo nói năng bằng đủ lý lẽ.

Tiên vương ⁽¹⁾ nhận thấy rằng : con mắt, lỗ tai, trí óc đều không đủ để hiểu được thực tình của bề tôi, nên tài năng phải dẹp sang một bên không thể hiện được, mà dựa vào thưởng phạt để thẩm định việc thưởng phạt. Cái mà vua nắm được đều là những nguyên tắc quan trọng, cho nên pháp luật tuy giản lược mà mọi người dân không dám xúc phạm. Vua có thể một mình điều khiển khắp nơi khắp chốn, người thông minh tài trí không có cách gì làm chuyện gian dối màu mè, người nham hiểm không thể nịnh bợ được, kẻ gian tà bất chính không thể dựa dẫm, dù ở nơi xa xôi vạn dặm cũng không dám lật lọng thay đổi trong lời lẽ, kẻ gìn giữ như quan cận thị lang trung cũng không dám tô điểm để che đậy cái xấu cái tốt hoặc giấu giếm tội lỗi, từ những đại thần quý trọng của triều đình cho đến người hèn kém đói rách đều không dám vượt quá chức phận. Cho nên vua xử lý công việc không thành vấn đề nữa mà thời gian cũng dư dật thoải mái. Đó chính là do vua nắm được quyền thế, hiểu được hành pháp dụng thuật nên mới được như vậy !

(Hữu Độ)

Giải thích :

Tài trí của vua có hạn, không thể chăm lo giải quyết mọi sự vật trong thiên hạ, hơn nữa bề tôi lại quen với những việc dòm ngó ý hướng của vua, dối trá quỷ quyệt che đậy, cho nên tốt nhất là nắm được những nguyên tắc quan trọng, tôn trọng pháp luật

(1) Thiên "Hữu độ" có nội dung hoàn toàn phù hợp với tư tưởng của Hàn Phi Tử, vì nhu cầu lý luận Hàn Phi Tử chống lại những chủ trương pháp tiên vương của các nhà nho. Nhưng thiên "Hữu độ" lại thường đề cập tới "tiên vương"; đó là một mâu thuẫn nhỏ nhưng suy nghĩ lại thì vẫn xuyên suốt, quý độc giả không nên vì từ mà hỏng cả nghĩa.

nhất định, vận dụng những phương pháp xét chọn lọc, buộc văn võ bá quan đều phải yên phận thủ thường, hết sức kiềm chế trong cương vị của mình. Từ đoạn viết này có thể chủ trương cùng một lúc sử dụng pháp, thuật, thế của Hàn Phi Tử.

5. Vua không cần tự mình làm những công việc vụn vặt

Điền Anh ⁽¹⁾ làm khanh tướng nước Tề, có người nói với Tề Vương rằng : “Công việc tính toán thu chi của cả năm mà không giành thời gian mấy ngày để tự mình nghe và xét đoán thì không có cách nào hiểu được sự ngay gian, tốt xấu của các quan lại”. Tề tướng nói : “Được, ta cần thử xem”.

Điền Anh nghe nói Tề Vương có ý muốn đó, vội vàng mời Tề Vương nghe người trình báo, Tề Vương nghe theo. Điền Anh lệnh cho các quan lại chuẩn bị sẵn các biên lai chứng từ còn có cả những thứ để đong đếm như đấu, thạch, thăng ⁽²⁾ Tề Vương tự mình nghe kể toán báo cáo, ăn sáng xong ngồi nghe tiếp, quên cả ăn cơm tối. Điền Anh lại thỉnh thị rằng : “Quyết toán là một công việc lớn mà chúng thần đã cố gắng thức suốt cả năm không dám lười biếng. Nếu đại vương có thể nghe báo cáo thâu đêm suốt sáng thì có thể khuyên bảo được quần thần. Tề Vương nói : “Được”. Chẳng bao lâu sau Tề Vương đã mệt mỏi đến nỗi ngủ mất, các sử quan lấy dao đánh dấu vào các con số thống kê trên sổ sách đấu thạch ⁽³⁾. Tề Vương tự mình nghe xong nhưng lại làm rối tinh cả lên.

(Ngoại trừ thuyết hữu hạ) ⁽⁴⁾

(1) Điền Anh là cha của Mạnh Thường Quân (Điền Văn) là khanh tướng thời Tề Tuyên Vương.

(2) “Khu” nguyên văn là “tham”, Thái Điền Phương chủ trương sửa là “khu” là đơn vị đo lường của nước Tề, tương đương với 16 thăng.

(3) Thời cổ dùng dao khắc chữ lên trên thẻ tre, nên gọi là dùng dao để xóa tư liệu.

(4) Trần Khởi Thiên chủ trương dựa vào ý nghĩa câu văn “Ngoại trừ thuyết tả thượng ngũ”.

Giải thích :

Đoạn viết này mượn câu chuyện Tề Vương nghe báo cáo về kế toán để chứng minh rằng vua không thể tự làm những chuyện vụn vặt, tốt nhất là giao trách nhiệm cho bề tôi, nếu không sẽ chỉ làm trò cười mà thôi.

6. Những việc giao phó cho văn võ bá quan thì không cần tự vua giải quyết

Nguy Chiêu Vương muốn tự mình làm phán quan, nói với Mạnh Thường Quân ⁽¹⁾ rằng : “Quả nhân muốn làm phán quan”. Mạnh Thường Quân nói : “Đại Vương muốn làm phán quan, tại sao không tự học pháp luật trước đi đã ?”. Chiêu Vương bắt đầu học những sách về pháp luật, đọc được mười mấy trang thì ngủ gục. Chiêu Vương nói : “Những sách về pháp luật này ta thật không thể đọc được”. Một ông vua của cả nước không thể tự nắm lấy quyền bính mà lại đi làm việc mà bề tôi phải làm thì làm gì mà chẳng ngủ gục !

(Ngoại trừ thuyết hữu hạ) ⁽²⁾

Giải thích :

Quốc vương nắm quyền bính cất cử văn võ bá quan làm việc, đó là nguyên tắc chính dụng thuật của vua, nếu bản thân làm vua mà lại muốn làm những việc mà văn võ bá quan phải làm thì tinh thần sức lực chắc chắn sẽ không đủ, Nguy Chiêu Vương chính là một ví dụ.

7. Đánh trận không cần có vua tự thân thống lĩnh

Tề Nhượng Công đánh nhau với người nước Tề ở Trác Cốc. Thế trận của người Tống đã bày xong, người Sở còn chưa kịp qua

(1) Mạnh Thường Quân — Điền Văn : công tử quý tộc nổi tiếng ở nước Tề, từng làm tướng ở Tề. Sau khi Tề Dấn Vương diệt được Tống càng thêm kiêu ngạo buông thả muốn trừ khử Mạnh Thường Quân. Mạnh Thường Quân kinh hoàng sợ hãi, chạy sang nước Ngụy. Ngụy Chiêu Vương cất nhắc dùng ông làm khanh tướng.

(2) Điều này tương đương với điều 5. xem kỹ thêm nguyên văn.

sông hết, Hữu Tư Mã là Câu Cường ⁽¹⁾ vội tới trước mặt Nhượng Tống tâu rằng : “Quân nước Sở đông, người của chúng ta ít, nhân lúc quân của họ mới qua sông được một nửa, còn chưa kịp chấn chỉnh đội ngũ, thế trận chưa bày xong xin ra lệnh đánh ngay bây giờ nhất định có thể đánh bại được họ”. Nhượng Tống nói : “Ta có nghe người quân tử nói rằng : “Không làm hại thêm người bị thương, không bắt những người già đầu bạc, không nên khiêu chiến với một đội quân chưa được sắp thành đội ngũ, chưa bày xong thế trận”. Như hôm nay khi mà quân Sở còn chưa qua sông hết mà đã tiến đánh họ, đó là việc làm tổn hại đạo nghĩa, cứ để người Sở họ qua sông hết, bày xong thế trận hãy tiến đánh họ. Hữu Tư nói : “Làm như vậy thật là chẳng thương gì đến trăm họ ở nước Tống, lòng dạ của mình không thể chú ý một đạo lý mà thôi !”. Nhượng Công quát rằng : “Người nào không trở về quân ngũ thì ta sẽ xử phạt theo quân pháp !”. Hữu Tư đành phải vội vàng mau chóng trở về quân ngũ. Cho đến khi người Sở đã sắp xong đội ngũ, bày xong thế trận, Tống Nhượng Công mới ra lệnh nổi trống tiến quân. Kết quả là quân Tống đại bại, Nhượng Công bị thương ở bắp đùi ba ngày sau thì chết.

Đó là một tai họa mang đến do việc chỉ biết ngưỡng mộ làm điều nhân nghĩa mà không biết tùy cơ ứng biến. Nếu nói rằng mọi việc đều phải trông vào quốc vương tự mình chủ trì người dân mới nghe theo thì chẳng khác nào là buộc vua phải gia nhập đội quân đánh giặc, phải xung phong hăm trận thì người dân mới chịu tham gia chiến trận. Thế thì chẳng nguy hiểm cho vua lắm sao, bất ổn cho dân lắm sao ?

(Ngoại trừ thuyết tả thương)

(1) Hữu Tư mã, tả truyện gọi là đại Tư mã có nghĩa là đại tướng quân, đại nguyên soái. Câu Cường tức là công tử Mục Di.

Giải thích :

Do chỉ chú ý đến đạo nghĩa mà Tống Nhượng Công đã thua trận ở Trác Cốc, bản thân mình cũng bị thương mà chết, sự nghiệp bá vương ngăn ngòi cũng kết thúc. Hàn Phi Tử là người coi trọng thực tế, ông mượn câu chuyện về Tống Nhượng Công để nói rõ về hai đạo lý : một là đánh trận không thể nói chuyện đạo nghĩa, nhân nghĩa, là quan điểm lịch sử tiến hóa của Hàn Phi Tử. Ông nhận thấy rằng trong các cuộc chiến tranh không phù hợp với yêu cầu thời đại trên thế giới thì nhất là đạo nghĩa không thể là chỗ nương tựa, thậm chí ông còn chủ trương “Binh Lát yếm trá” (trong việc quân không ngại sự dối trá), khách quan mà nói thì lời của ông là khá sâu sắc.

Hàn Phi Tử còn muốn nói tới một thứ đạo lý khác, đó là lý tưởng chính trị đế vương của ông. Vua là lãnh tụ tối cao của một nước, có địa vị hết sức quan trọng, cũng hết sức tôn quý, làm ruộng và đánh giặc tuy là hai hành động chính để phú cường, người dân phải hết lòng hết sức chăm lo việc làm ruộng và đánh giặc. Chức trách của vua là cất đặt quan lại để cai quản người dân, chỉ cần nắm chắc lấy trọng điểm là đủ.

8. Hiệu quả cảm hóa bằng đạo đức của vua Thuấn chỉ có hạn.

Nông phu ở Lịch Sơn xâm chiếm ruộng nương của người khác, ông Thuấn tới đó cùng làm ruộng với họ, một năm sau, các nông phu đều học hỏi được việc nhường nhịn, vấn đề tranh chấp ruộng nương không còn nữa.

Ngư dân ở Hoàng Hà tranh chấp nhau vì chuyện ngư trường, ông Côn tới đó cùng họ đánh cá, một năm sau các ngư dân đều hiểu được phải kính trọng nhường nhịn người lớn tuổi, sự tranh chấp về ngư trường cũng giải quyết.

Đồ gốm mà thợ ở Đồng di làm ra rất thô thiển, ông Thuấn tới đó cùng làm đồ gốm với họ, một năm sau họ cũng thấy được tầm quan trọng của lòng tin và danh dự, đồ gốm làm ra trở nên tinh xảo và bền.

Trọng Ni than rằng : “Làm ruộng, đánh bắt cá, làm đồ gốm đều không phải là chức trách của ông Thuấn thể mà ông Thuấn không từ khó nhọc. Có thể nói ông Thuấn là bậc nhân giả chân chính vậy ! Vậy mà ông tự làm những việc cực khổ để dẫn dắt người dân học tập hướng thiện, đó đều là sức mạnh của thánh nhân cảm hóa mọi người bằng đức hạnh vậy ! Có người thỉnh giáo các nhà nho rằng : “Lúc ấy ông Nghiêu đang làm gì ?” Các nhà nho trả lời : “Ông Nghiêu làm thiên tử”. Lại nói rằng : “Trọng Ni tán dương ông Nghiêu là thánh nhân, kết cục ra sao ? Thánh nhân đi minh sát điều phải trái, bản thân lại ở địa vị cao sang sẽ dễ cho khắp nơi trăm họ từ bỏ những hành vi gian manh. Nếu nhà nông, ngư dân không tranh chấp, đồ gốm làm ra tinh xảo, thì trăm họ đã hoàn thiện lắm rồi, ông Thuấn cần gì phải cảm hóa bằng đạo đức nữa, ông Thuấn đã uốn nắn những phong tục thời thượng cổ chứng tỏ ông Nghiêu còn thiếu sót. Nếu thừa nhận ông Thuấn là hiền đức thì phải loại bỏ sự cảm hóa bằng đạo đức của ông Thuấn. Điều đó là không thể tồn tại được ⁽¹⁾ và lại ông Thuấn mỗi năm sửa đổi (uốn nắn) một phong tục xấu, ba năm mới sửa đổi được ba việc, ông Thuấn chỉ có một mình, tuổi thọ của ông có hạn, những sai sót khắp ở thế gian thì lại nhiều vô hạn, những việc mà ông Thuấn làm được cũng thật là quá ít ỏi.

Việc thưởng phạt có thể buộc người dân khắp nơi phải tôn trọng. Ra lệnh rằng : “Việc gì hợp với chuẩn tắc thì sẽ có thưởng, không hợp với chuẩn tắc thì sẽ bị xử phạt”. Mệnh lệnh được ban bố vào buổi sáng thì buổi tối người dân sẽ sửa đổi những hành vi không phù hợp với tiêu chuẩn. Chỉ cần 10 ngày khắp nơi trong nước đều có thể ngăn nắp đầu vào đấy, đầu cần phải đợi tới một năm trời ? Ông Thuấn không biết khuyên vua Nghiêu dùng thưởng phạt, mà lại tự mình đi tới tận nơi để cảm hóa bằng đạo đức, như vậy chẳng phải là thiếu phương thuật ư ? Hơn nữa tự

(1) Phần dưới bài này có một đoạn nói có vẻ mâu thuẫn. Khi bàn luận giải thích trong thiên “Nam thế” sẽ nói kỹ hơn.

mình khổ cực để sau đó cảm hóa nhân dân là việc mà Nghiêu Thuấn khó mà làm cho tốt được. Nắm được uy thế, ra lệnh cho khắp thiên hạ ⁽¹⁾ là việc mà ông vua bình thường cũng có thể làm được. Muốn cai quản thiên hạ mà lại bỏ việc dễ đi làm việc khó thì không thể để bàn luận về đạo lý làm chính trị.

(Nạn nhất)

Giải thích :

Bài viết này trước hết kể thêm về sự vĩ đại của ông Thuấn tự mình cảm hóa bằng đạo đức, lại đề ra thêm phần phủ định, chủ trương “Vô vi”, cho rằng nắm được uy thế, ra lệnh cho thiên hạ, thi hành việc thưởng phạt một cách nghiêm khắc thì có thể đạt được hiệu quả thống nhất hành vi của nhân dân trong thời gian ngắn. Thỉnh giáo nhà nho, thực ra là Hàn Phi Tử mượn chuyện đó để chứng minh luận điểm của mình. Có hai điểm đáng chú ý : Nghiêu Thuấn là thần tượng thánh hiền mà các nhà nho sùng bái, Hàn Phi Tử thì lại cho rằng Khổng Tử tán dương hiệu quả của việc cảm hóa bằng đạo đức của ông Nghiêu. Đó là do ông đề xướng nền chính trị quân vương, tôn quân thì tự nhiên sẽ coi thường bề tôi. Không chủ trương vua chúa ban ơn giải hóa cho trăm họ. Kì thực Hàn Phi Tử tin rằng hiệu quả của việc cảm hóa bằng đạo đức là có hạn, tiến trình cũng chậm chạp, không bằng hình phạt có thể chinh đốn từng bước đi của người dân trong thời gian ngắn. Bằng sự bài bác đối với những sự tích thời cổ, Hàn Phi Tử đã phát huy lý luận về dụng thuật.

9. Cân phải ủy nhiệm những quan chức trọng yếu để cai quản người dân

Một buổi sáng Tử Hân bước chân ra khỏi nhà qua vùng phụ cận cửa Đông Trường Lý thì nghe có tiếng khóc của đàn bà, Tử Hân liền ra hiệu cho phu xe dừng xe lại, lắng nghe tiếng khóc.

(1) “Lệnh hạ” có một số bản lại chép là : “Kiểm hạ” đó chính là : “Sửa đổi (cải chính) những khuyết điểm, sai lầm của dân”.

Một lát sau, Tử Hân cho sử quan đi bắt người đàn bà kia về rồi thẩm vấn kỹ càng, kết quả là người đàn bà đó chính là một hung thủ đã tự tay giết chồng.

Về sau người đánh xe có hỏi Tử Hân : “Sao ngài lại biết được trong chuyện này có nghi vấn ?” Tử Hân nói : “Bởi vì lần trong tiếng khóc của người đàn bà đó là sự lo sợ. Theo lẽ thường thì đối với người mà họ thương yêu người ta sẽ lo buồn cho người thân bị bệnh hoạn, lo sợ khi người đó sắp chết, và sẽ đau xót khi người thân qua đời. Thế mà nay người đàn bà đó khi khóc chồng chết, tiếng khóc lại chẳng có gì tỏ ra đau xót mà lại tỏ ra sợ hãi, cho nên ta biết trong việc này nhất định có gian tình”.

Có người (tức Hàn Phi Tử) nói rằng : “Tử Hân xét xử như vậy quả thật là không cần thiết. Nếu tất cả những hành vi gian manh phạm pháp cứ nhất định phải đợi ông xem xét nghe ngóng mới biết được thì những vụ việc phạm pháp được phát hiện ở nước Trịnh chắc chắn sẽ rất ít. Không giao việc cho các quan tư pháp trực tiếp thẩm tra xét xử các vụ án, không áp dụng phương pháp khảo sát từ nhiều phía, không thể hiện được luật pháp mà lại chỉ dựa vào tài thính mắt tinh của mình trở hết tài trí để tìm hiểu điều tra mọi chuyện gian trá, đó chẳng phải là quá thiếu phương thuật hay sao ? Và lại sự vật thì muôn màu muôn vẻ, còn trí óc của một người lại có hạn, dựa vào trí óc có hạn đó thì không thể hiểu hết được sự vật muôn màu muôn vẻ đó, cho nên phải áp dụng những nguyên tắc quan trọng chủ yếu để giải quyết mọi việc. Dân chúng ở dưới thì đông đảo mà các quan ở trên lại quá ít, thiếu số không thắng nổi đa số, nên phải ủy thác cho những người quan trọng làm công việc cai quản dân chúng ⁽¹⁾. Như vậy không mệt thân nhọc xác mà mọi việc đều được giải quyết, không hao tổn trí óc mà mọi việc gian trá đều bị phát giác.

(1) “Nhân vật dĩ trị vật”, “nhân nhân dĩ trị nhân” đó là nội dung chính của bài viết này, trước hai câu này đều có một số chú thích về văn tự lẫn nội dung chính, ở đây lược bớt đi.

Người Tống có câu ngạn ngữ này : “Bất cứ con chim sẻ nào bay qua tầm nhìn của Hậu Nghệ ⁽¹⁾ thì nhất định Hậu Nghệ sẽ bắn trúng”. Câu nói đó nói về Hậu Nghệ có phần khoa trương thực tế. Nếu giăng lưới khắp nơi thì làm sao chim sẻ thoát được. Muốn phát giác những truyên gian trá cũng có thể giăng lên cả tầm lưới lớn thì dù một kẻ tội phạm dù hòng trốn thoát. Không sửa sang lưới ⁽²⁾ mà lại lấy suy nghĩ của mình làm cung tên, như thế thì Tử Hân cũng chỉ là kẻ lừa gạt mà thôi. Lão Tử nói : “Trị quốc bằng tài trí là tai họa đất nước” ⁽³⁾ Chính Tử Hân đã mắc phải sai lầm này”.

(Nạn Tam)

Giải thích :

Vị tướng tài giỏi của nước Trịnh là Tử Hân chỉ nghe mà đoán ra được chuyện gian trá của người đàn bà nọ, đó chỉ là tình cờ mà ông gặp được, qua đó thể hiện sự nhạy bén đặc biệt của mình, nhưng như thế không có nghĩa là hoàn toàn dựa vào phương pháp này để giải quyết các vụ án. Nhưng Hàn Phi Tử lại mượn câu chuyện này để nói về cách phân chia trách nhiệm theo kiểu “nhân vật trị vật” “nhân nhân trị nhân” (giải quyết sự vật theo sự vật, cai trị con người theo con người) và toàn bộ những phương thuật chặt chẽ và pháp thuật vua chúa dùng để “đi thiên

(1) Hậu Nghệ là một thiên xạ thời cổ, là vua của xứ Hữu cùng, cướp ngôi của Hạ tướng, sau bị Hàn Trục giết, trong câu chuyện truyền thuyết thì Hằng Nga là vợ của Hậu Nghệ, đã ăn vụng linh dược rồi bay lên cung trăng.

(2) Nguyên văn là “bất tu kỳ lý”. ở đây “lì” có thể hiểu là quan coi ngục, nhưng xét về ý nghĩa toàn bài từ đầu tới cuối thì có thể hiểu theo cách lý giải của Trần Khải Thiên mà sửa lại là “bất tu kỳ la”, theo cách suy luận của pháp gia thì đó là toàn bộ phương thức “coi thiên hạ là thiên la địa võng, khiến kẻ gian hết đường trốn tránh”.

(3) Trong chương thứ 65 của Lão Tử có ghi “đĩ trí trị quốc, quốc chi tặc”, ý muốn nhấn mạnh điều đáng quý trọng của những phẩm chất thật thà đơn hậu, các thánh nhân muốn dẫn dắt dân chúng khôi phục những gì thuần khiết chất phát có từ trước, và phải hòa hợp thuận theo tự nhiên, nên không đòi hỏi dân chúng phải biết sáng suốt nhìn xa trông rộng và nhanh nhẹn khéo léo, nhằm tránh những việc gian trá khó bề cai trị, vì những việc đó sẽ trở thành tai họa cho đất nước.

hạ tổ vông la” (lấy thiên hạ làm lưới bảo vây). Trong việc phân chia trách nhiệm, vua chỉ cần cất đặt những người quan trọng nhất, có được chế độ chặt chẽ thì vua có thể “chẳng phải làm gì cả” (Vô vi) mà mọi người trong thiên hạ đều vắn trong tay mình. Đó chính là sự vận dụng phương thuật “Vô vi” của vua chúa.

10. Vua chúa muốn an hưởng thành quả, bề tôi phải mang hết tâm trí

Cái “đạo thuật” của một ông vua anh minh là buộc bề tôi phải mang hết tâm trí sức lực ra, vua căn cứ vào sự xét đoán của họ mà quyết đoán sự việc, như vậy vua sẽ có được trí tuệ vô cùng vô tận. Muốn cho những người hiền tài cống hiến tài năng của họ một cách đầy đủ thì vua phải sử dụng họ theo đúng tài năng của từng người, như thế vua sẽ có được tài năng vô cùng tận. Một khi đã có được công lao thành tích rồi thì vua sẽ có được đức tài và sự sáng suốt, nếu có sai sót thì bề tôi sẽ gánh tội lỗi, vì vậy vua sẽ có tiếng tăm tốt lưu truyền khắp nơi. Tuy vua không nhất định phải giỏi hơn bề tôi nhưng vẫn có thể làm thầy của bề tôi tài giỏi; vua tuy không nhất định phải có trí tuệ hơn bề tôi tài giỏi nhưng vẫn có thể làm khuôn mẫu làm cho bề tôi có trí tuệ. Bề tôi thì đem công sức ra phục vụ, còn vua thì hưởng thụ những thành quả mà họ mang lại, đó chính là lẽ thường tình của bậc vua chúa tài giỏi.

(Chủ đạo)

Giải thích :

Ở đây đề cập đến nguyên tắc thuật vô vi của vua chúa, đó là do khéo dùng tài năng trí tuệ của bề tôi, buộc bề tôi phải mang hết sức lực và tâm trí ra phục vụ. Bởi vì chính họ là sự tụ họp của những anh tài nên mọi việc không thể không giải quyết một cách hoàn hảo, mọi thành quả lại quy tụ vào danh hiệu đẹp đẽ của vua chúa, người thành công vẫn là vua chúa.

11. Tập hợp tài trí của muôn người, gặt hái lấy thành quả chung

Sức mạnh của một người không thể thắng sức mạnh của muôn người, trí khôn của một người không thể hiểu hết được muôn vạn sự vật. Từ đó có thể thấy : Vận dụng trí óc của một mình vua không thể bằng dựa vào trí lực của tất cả mọi người trong nước. Vua chúa chỉ biết dựa vào thái độ chủ quan, ước đoán thấy xác đáng thì tự mình chịu vất vả cực nhọc, nếu không xác đáng thì tự mình nhận lãnh mọi sự sai sót mất mát. Các vua chúa thiếu năng lực thì dồn hết trí khôn và sức lực của mình ra, các vua chúa bình thường khéo vận dụng sức mạnh của bề tôi, bậc vua chúa tài giỏi thì khéo tận dụng trí óc của bề tôi. Cho nên muốn thực sự cai quản đất nước cho tốt thì khi có việc gì xảy ra phải tập trung trí tuệ của quần chúng, phải trưng cầu mọi sách lược rồi tập hợp bàn tạc cân nhắc để đi đến quyết định. Nếu không lắng nghe ý kiến từ mọi phía thì mọi sự tính toán bên trong sẽ trái ngược với những gì xảy ra trước mắt, sẽ không còn cách gì để phân biệt được đâu là “trí” đâu là “ngu” nữa. Nếu không tập trung bàn bạc để cân nhắc quyết định thì nhiều việc sẽ bị kéo dài hoặc bị gác lại rồi cuối cùng vua cứ thường dựa vào cảm nhận cá nhân để cân nhắc quyết định theo chủ quan. Lắng nghe được hết mọi ý kiến thì sẽ không bị rơi vào bước đường cùng của người khác. Cho nên vua chúa khuyến khích bề tôi can gián, nếu những lời can gián mà chính xác thì phải vui vẻ tiếp nhận. Bởi vậy khi bày tỏ bày tỏ ý kiến của mình thì nhất định phải được ghi chép làm căn cứ. Khi đã tập hợp được những người tài trí thì sau khi xảy ra sự việc cần phải có sự phối hợp kiểm chứng thêm, nếu đã tập trung được nhiều người tài trí thì sau khi đã có hiệu quả rõ ràng cần phải có luận định thêm, thành công hay thất bại đều phải có chứng cứ, việc thưởng phạt phải được thi hành kết hợp với việc định công luận tội. Công việc mà thành công thì vua chúa vẫn gặt hái được thành quả, còn nếu mọi kế hoạch và tính toán mà thất bại thì bề tôi sẽ gánh chịu mọi tội lỗi.

Giải thích :

Điều quan trọng của đoạn văn này là ở câu “Vu kỳ dụng nhất nhân, bất như dụng nhất quốc” (dùng tài trí sức lực của một người — ở đây chỉ vua chúa, sao bằng dùng tài trí của mọi người trong cả nước). Vua chúa tầm thường thì dốc hết tài trí và sức lực của chính mình, đó là cách tự mình khoa trương; vua chúa bình thường thì khéo dùng sức mạnh của bề tôi, như vậy là đã biết định ra việc thưởng phạt, quần thần sẽ không dám làm biếng, coi thường. Còn bậc vua chúa tài giỏi thì khéo tận dụng trí tuệ của bề tôi, như vậy là đã biết tập trung trí tuệ của quần chúng để lo những việc có ích, mọi việc đều có thể được giải quyết ổn thỏa. Cách lập ý này giống với những gì đã nói tới trong thiên chủ đạo của đoạn trước, tập trung được trí tuệ và sức mạnh của nhiều người thì tất nhiên nếu có tội lỗi sẽ do bề tôi gánh chịu, vua chúa thâu lượm được thành quả chung, người thành công vẫn là vua chúa !

12. Chỉ có “Vô vi” mới có thể thăm dò tình hình thực tế của bề tôi

Thân Tử (tức Thân Bất Hại) nói : “Lời nói cần phải thận trọng, vì bề tôi sẽ nói dựa theo đó ! Cử chỉ hành vi cần phải thận trọng, vì bề tôi sẽ bắt chước theo đấy ! Nếu vua biểu lộ rằng mình có trí tuệ thì bề tôi sẽ che giấu vua. Còn nếu biểu lộ rằng mình không có trí tuệ thì bề tôi sẽ phỏng đoán ý vua. Vua có trí tuệ thì bề tôi sẽ che giấu tình hình thực tế, còn vua không có trí tuệ thì bề tôi sẽ tự tiện giải quyết công việc. Cho nên nói : “Chỉ có để yên không làm gì cả mới có thể suy đoán được tình hình thực tế của bề tôi”.

(Ngoại trừ thuyết hữu thượng)

Giải thích :

Do lợi ích của vua và bề tôi không giống nhau nên bề tôi thường thăm dò (dòm ngó) ý của vua, tìm mọi cách làm vừa lòng vua để mưu cầu lợi lộc cho mình, thậm chí nghiêm trọng hơn còn

che đậy lừa gạt vua, làm cho vua phạm sai lầm trong lời nói và việc làm, làm ảnh hưởng đến sự trong sáng của nền chính trị và sự cường thịnh của quốc gia. Bởi vậy Hàn Phi Tử chủ trương rằng vua chúa không nên có những việc làm sơ suất, không nên tùy tiện biểu lộ sự yêu ghét của mình, như vậy bề tôi sẽ không có cách gì dòm ngó được, sẽ an phận thủ thường, tôn trọng và thi hành pháp luật.

13. Hãy tự giấu mình

Tề Tuyên Vương nhờ có Đường Dị Tử dạy cho mình cách bắn cung ⁽¹⁾, có hỏi rằng : “Khi người ta lấy sợi tơ buộc vào mũi tên để bắn chim thì phải chú ý nhất điều gì ?”. Đường Dị Tử nói : “Cần phải sửa soạn nơi ẩn nấp cho mình thật cẩn thận ⁽²⁾”. Tề Tuyên Vương hỏi : “Thế là nghĩa làm sao ?”. Đường Dị Tử trả lời : “Giống chim chóc nhìn người ta bằng hàng chục con mắt, còn con người chỉ nhìn chim chóc bằng hai con mắt, như vậy tại sao không thu xếp cho mình nơi ẩn nấp cho thật cẩn thận chu đáo ?”.

Tề Tuyên Vương nói : “Để cai quản thiên hạ có khác gì việc này ? Vua chúa hiện giờ xem xét dân chúng cả nước bằng hai con mắt, dân chúng dò xét vua bằng muôn ngàn con mắt, nên làm thế nào để lo liệu cho mình nơi ẩn nấp ?”. Đường Dị Tử trả lời : “Ông trưởng lão họ Trịnh có câu nói rằng : “Hư tĩnh vô vi, vô sở tác vi, vô sở biểu hiện” (yên lặng chẳng làm gì cả, chẳng biểu lộ gì cả), làm như vậy thì có thể giấu mình được”.

(Ngoại trừ thuyết hữu thượng)

Giải thích :

Bài viết này từ chuyện người đi săn tìm nơi ẩn nấp để quan sát chim bắn tới việc vua cần phải biết giấu mình, để tránh vấp

(1) “Dặc Xạ” là cách bắn cung trong đó người ta dùng mũi tên có buộc dây tơ để bắn chim.

(2) Ở đây chỉ loại kho tàng dùng để tích trữ lương thảo, cũng dùng để chỉ nơi ẩn nấp và chứa đồ ăn thức uống cho người đi bắt chim. Người đi săn bắn chim phải nêu mình để tránh lộ mục tiêu, mục tiêu ở đây chỉ nơi ẩn nấp.

vô bá quan dòm ngó. Như vậy bí mật chính là “hư tính vô vi” đó cũng chính là thủ đoạn khống chế bằng sự vận dụng thuật vô vi vào chính trị, qui tụ đạo gia về với tự nhiên.

14. Một tiếng kêu kinh động cũng là thủ đoạn sử dụng thuật vô vi

Ba năm trước khi cầm quyền, Sở Trang Vương ⁽¹⁾ chưa hề ban bố một mệnh lệnh nào, chưa hề giải quyết một chính sự nào cả. Quan Hữu Tư Mã cầm quân theo hầu Sở Trang Vương bèn ra câu đố vua, ông nói : “Có con chim ở một gò đất phía Nam, ba năm không xòe cánh, cũng chẳng bay, chẳng kêu; cứ âm thầm chẳng có tiếng kêu gì, đó là chim gì vậy ?”. Sở Trang Vương nói : “Ba năm không xòe cánh là để chờ lông cánh mọc đủ, không bay không hót là để quan sát thái độ của thần dân. Tuy nó không bay nhưng một khi nó đã bay thì nhất định tới tận trời xanh, tuy nó không kêu, không hót nhưng một khi đã hót thì nhất định làm kinh sợ người nghe, người không phải lo lắng, ta hiểu ý người rồi”.

Nửa năm qua, Sở Trang Vương tự mình lắng nghe và quyết định chính sự, ông gạt bỏ nhiều sự việc, tiến hành nhiều biện pháp, giết 5 đại thần, tuyển chọn 6 ẩn sĩ, mọi người trong nước được thái bình.

Sở Trang Vương cất quân đi đánh dẹp nước Tề, đánh bại quân Tề ở Từ Châu, Sở Trang Vương còn đánh thắng cả nước Tấn ở Hà Duy, tập hợp các chư hầu ở nước Tống. Vậy là ông xưng bá trong thiên hạ. Trang Vương không vì cái nhỏ mà để mất cái lớn, nên đã đạt được tiếng tăm lừng lẫy, không sớm bộc lộ ý đồ của mình nên đã thành công.

(1) Sở Trang Vương là một trong ngũ bá thời Xuân Thu, ông ở ngôi được 32 năm, đã từng dòm ngó Đông Chu, tiếng tăm uy thế lan xa. Câu chuyện này trong sử ký Sở Thế gia cho rằng Ngũ cử khuyên con Sở Trang Vương, còn trong thiên “trọng ngôn” của Lã Thị Xuân Thu thì nói Thành Công Dã khuyên can Sở Trang Vương, trong thiên “tân trật tạp sử” thì lại nói là Thế Khính khuyên can.

Vì vậy trong chương 11 của Lão Tử viết rằng “những khí cụ quan trọng không thể nhanh chóng mà có được, âm thanh vang dội không phải lúc nào cũng phát ra được.

(Dụ lão) ⁽¹⁾

Dụ Lão là thiên thứ 21 của Hàn Phi Tử mượn những chuyện lịch sử cổ kim để trình bày rõ ràng hơn tư tưởng Lão Tử. Trong tư tưởng Lão Tử, trọng điểm là ở những so sánh chứng minh, điều mà Hàn Phi Tử biểu đạt là tư tưởng pháp gia của mình, thường không giống ý nghĩa của Lão Tử.

Giải thích :

Trong đoạn viết “Dụ Lão thiên” có viện dẫn Lão Tử để liên hệ tới việc người làm vua muốn nên đạo được thì phải thâm trầm tĩnh mặc quan sát nhiều hơn nữa. Ông không hề biểu lộ những tình cảm yêu ghét giận hờn, khiến bề tôi không có đường nào dò xét tâm lý của ông; nhưng ông lại có thể thấy rõ những tình cảm sâu kín của họ, rồi tổng hợp những gì có được nhờ sự quan sát thâm lặng của mình, có thể có được ảnh hưởng mạnh mẽ vang dội, có cuộc cách tân lớn. “Thuật” Vô vi cũng là một vận dụng của triết học Lão Tử, hoàn toàn là thủ đoạn của pháp gia.

III — THƯỜNG THỨC VÀ PHÂN TÍCH VỀ THIÊN “NHỊ BÌNH”

“Nhị bình” là thiên thứ bảy trong Hàn Phi Tử gồm những đoạn văn ngắn chuyên bàn về việc thường phạt, toàn thiên chỉ có ba đoạn, mỗi đoạn đều có trọng điểm của nó, phân nghị luận và dẫn chứng được vận dụng xen kẽ, sinh động và có sức thuyết phục, cũng là một trong những tác phẩm quan trọng của Hàn Phi Tử.

(1) “Đại khí văn thành, đại âm hy thanh” (bảo vật không thể muốn là có ngay được, âm thanh lớn hiếm có) theo Lão Tử thì vốn nghĩa nói tới “đại dao chí quang chí đại” bao gồm tất cả mọi thứ, Hàn Phi Tử là một ví dụ khác.

1. Quyền thưởng phạt không thể bị bề tôi giành mất

Cái mà bậc vua chúa anh minh dùng để sai khiến bề tôi chẳng qua hai thứ quyền bính mà thôi. Cái gọi là hai thứ quyền bính chính là hình phạt và ban thưởng. Thế nào gọi là hình phạt và ban thưởng ? Giết hàng loạt gọi là hình phạt, tặng thưởng gọi là ban thưởng. Kẻ làm bề tôi sợ bị xử tội chết mà ham muốn được ban thưởng, cho nên vua chúa đã tự mình nắm được quyền ban thưởng xử phạt thì quần thần sẽ sợ sự răn đe của vua mà chạy theo sự dụ dỗ của vua, còn với một số bọn gian thần trong nước thì lại không phải như vậy : đối với những người mà họ chán ghét thì giành lấy quyền xử phạt từ tay vua để xử phạt nặng thêm, đối với những người mà họ ưa thích thì họ giành lấy quyền ban thưởng từ tay vua để khen thưởng khuyến khích thêm. Ngày nay (thời Hàn Phi Tử) những người làm vua nói chung không hề biết rằng mình nắm trong tay mối đe dọa và sự dụ dỗ bằng hình phạt và ban thưởng, mặc cho bề tôi tự ý giải quyết chuyện thưởng phạt, nếu vậy thì người trong cả nước sẽ đều sợ kẻ bề tôi đó mà coi thường vua; qui thuận kẻ bề tôi đó mà xa lánh vua. Đó tai họa của việc vua tự đánh mất quyền ban thưởng xử phạt.

Cái mà con cọp dùng để khuất phục con chó chính là nanh vuốt; nếu để cọp mất đi nanh vuốt, đem nó cho con chó sử dụng thì cọp sẽ bị chó khuất phục.

Vua chúa cai quản văn võ bá quan bằng thưởng phạt; Những bậc làm vua chúa ngày nay từ bỏ quyền ban thưởng xử phạt để mặc cho văn võ bá quan sử dụng, vậy thì vua chúa sẽ lại bị văn võ bá quan thao túng.

Ngày xưa Điền Thương⁽¹⁾ cầu xin ở vua tước vị và bổng lộc

(1) Điền Thương tức là Trần Hằng, là cháu sáu đời của Điền Thành Tử, là kẻ chuyên quyền nước Tề, đã giết hại Giân Công. Tới Điền Hòa là đời thứ 9, cuối cùng được phong làm chư hầu.

mà làm ơn cho quần thần, đối với bên dưới thì lấy đầu to giác lớn⁽¹⁾ để đóng lương thực cho trăm họ, đó là do Tề Giân Công bị mất đi cái quyền lớn được ban thưởng mà để cho Điền Thường sử dụng, bởi vậy Tề Giân Công cuối cùng bị sát hại. Tử Hân⁽²⁾ nói với vua Tống rằng “Khen thưởng, ban tặng là điều mọi người dân ưa thích, ngài nên tự mình làm, hình phạt chết người là thứ mà mọi người dân chán ghét, xin để bề tôi đảm đương”. Và thế là vua Tống đã bị mất đi cái quyền lớn được xử phạt mà để Tử Hân làm, bởi vậy vua Tống cuối cùng bị bức hiếp. Điền Thường chỉ dùng quyền ban thưởng mà Giân Công bị giết hại, Tử Hân chỉ dùng quyền xử phạt mà vua Tống bị bức hiếp. Ngày nay một số người làm quan lại dùng luôn cả hai quyền ban thưởng và xử phạt, vậy thì mỗi nguy hiểm đối với vua chúa nói chung càng nghiêm trọng hơn cả với Giân Công và vua Tống. Các vị vua chúa kết cục bị bức hiếp hoặc giết hại, bị che giấu mọi bề đồng thời mất cả hai quyền ban thưởng và xử phạt để cho các quan sử dụng, nếu sinh mạng của họ không bị nguy hiểm, đất nước không diệt vong thì đó là điều chưa hề có từ trước đến nay !

Giải thích :

Hai thứ quyền lực “hình” (hình phạt) và đức (ban thưởng) trong phần nghị luận trước hết nói về hình phạt, nhưng trong “hình thưởng trung hậu chi chí luận” của Đông Pha triều Tống cũng nói tới “hình phạt”, “hình” và “đức” có lẽ là từ thường dùng của người Đông Chu.

Bậc vua chúa thuận theo nhân tình mà định ra việc thưởng phạt, thực ra là muốn gây tác dụng khuyến dụ và răn đe, để đạt được hiệu quả của pháp trị, nhưng quyền thưởng phạt nhất định

-
- (1) Đầu là một học. Điền Thường làm cho đầu, học lớn hơn để ban thưởng ân huệ hậu hi cho trăm họ.
- (2) Tử Hân, người mà trong sách của Hàn Phi Tử nói tới là một đại thần chuyên quyền, bức hiếp vua. Ngoài ra còn có Tử Hân khác là quan đại phu giỏi ở Tống thời Xuân Thu, là người cùng tên.

phải do vua chúa tự mình nắm lấy, nếu không nhất định nó sẽ rơi vào tay các đại thần quyền quý, sẽ lại có cái họa chém giết, bức hiếp. Nghị luận trước rồi ví von so sánh ở phần sau, lại có thêm những chứng cứ và ví dụ có thực của lịch sử, lý lẽ rõ ràng, mộc mạc hồn hậu.

2. Sử dụng thuật hình danh để thực hiện việc thưởng phạt

Bậc làm vua chúa muốn ngăn cấm những hành vi gian trá thì phải sử dụng thuật hình danh để thẩm tra xem xét giữa danh nghĩa và thực tế có phù hợp với nhau không ? cái gọi là hình danh thì lời nói việc làm là một, người làm quan văn hay võ trính bày ngôn luận của mình, vua dựa vào lý lẽ của họ mà giao chức trách và công việc để đôn đốc và nhắc nhở họ đạt được hiệu quả cần có. Nếu như hiệu quả đó phù hợp với chức năng và công việc, việc làm phù hợp với lời nói thì ban thưởng, hiệu quả đó không phù hợp với lời nói thì phải có xử phạt.

Về sau quần thần có lời nói khoa trương mà hiệu quả thấp thì cần phải có xử phạt, không phải xử phạt vì hiệu quả họ đạt được thấp mà xử phạt vì họ có lời nói không phù hợp với kết quả thực tế. Quần thần có lời nói ít nhưng hiệu quả lớn cũng phải xử phạt, không phải vì người ta không thích hiệu quả lớn mà vì cái hại của sự không phù hợp giữa danh nghĩa và thực tế còn nghiêm trọng hơn là hiệu quả lớn có được, cho nên phải xử phạt.

Trước kia, có một lần Hàn Chiêu Hầu uống rượu say, trong lúc mơ mơ màng màng đã để nguyên cả quần áo mà ngủ, quan trông coi áo mũ cho vua trông thấy, sợ Chiêu Hầu bị cảm lạnh, vì thế lấy chăn đắp lên mình Chiêu Hầu. Chiêu Hầu tỉnh dậy rất vui mừng hỏi tả hữu rằng : “Ai đã đắp quần áo thêm cho ta vậy ?”. Tả hữu trả lời rằng : “Quan trông mạo”. Thế là cùng một lúc Chiêu Hầu xử phạt cả quan trông coi mũ mào và quan trông coi

quần áo⁽¹⁾. Chiêu Hầu xử phạt quan trông coi quần áo là vì cho rằng người đó lơ là chức trách và công việc, xử phạt người trông coi mũ mào là vì cho rằng người đó đã vượt quá chức trách, không phải vì Chiêu Hầu không sợ cảm lạnh mà chỉ vì ông cho rằng cái hại của việc vượt quá chức trách còn nghiêm trọng hơn cả việc mình bị nhiễm lạnh.

Cho nên nguyên tắc dung dưỡng bề tôi của bậc vua chúa anh minh là : các quan văn hay võ đều không được vượt quá chức trách cương vị của mình để lập công tích, không được có lời nói bày tỏ không khớp với việc làm. Vượt quá cương vị thì phải xử tội chết, lời nói không khớp thì phải xử tội nặng thêm. Cứ như vậy thì người có cương vị có thể giải quyết được công việc của mình. Lời nói bày tỏ đều có thể phù hợp với cương vị, phù hợp với việc làm, như vậy quần thần sẽ hết cách kéo bè kéo cánh bao che cho nhau.

Giải thích :

“Thuật” vốn là sự tài trí của vua chúa được sử dụng một cách lạng lế kín đáo không nói ra được, nhưng cũng có những phép tắc công khai có thể tuân theo, vì vậy học thuyết của Hàn Phi Tử mới có giá trị. Sự qui định rõ ràng bằng văn bản của việc thưởng phạt thuộc về phạm vi của “pháp”, qui định như thế nào việc thưởng hoặc phạt đó lại là tác dụng của “thuật”. “Hình danh” tức là phương thuật đòi hỏi thực chất phải phù hợp với danh nghĩa, là biện pháp để tập trung sự công bằng và xác đáng, cứ như lời nói và việc làm mà xét thì cái gì đúng thì thưởng,

(1) Nguyên văn : “Quan nhân kiêm tội diêm y vua diêm quan” (Vua nhân dịp bắt tội cả quan trông coi quần áo và quan trông coi mũ mào cho vua), có người chủ trương theo ý nghĩa nhiều mặt của nó thì sửa “vụ” thành “sát”. Thực ra ý nghĩa của “tội” rất rộng, ở mức nghiêm trọng nhất cũng có nghĩa là “sát”, trong đoạn cuối có nói “Việt quan tắc tử bất đường tác tội” (Quan mà vượt quá quyền hạn chức trách thì tội chết, không làm trọn bốn phần thì bị tội), cũng có thể coi đó là những văn bản bổ sung cho nhau, nhẹ thì tăng tội, nặng thì xử tội chết.

không đúng thì phạt. Có điều là luật hình danh của Hàn Phi Tử còn một đòi hỏi khá nghiêm khắc, nó bao hàm cả nguyên tắc : “bất việt chức cầu công, đồ tuyệt kiểu hạnh cầu tiến”. Cho nên việc quan coi mũ tự ý đắp quần áo thêm cho Chiêu Hầu, không những chẳng được ban thưởng mà còn bị xử phạt. Điều này có phần không giống với quan niệm về pháp luật hiện đại, ông Vương Văn Ngũ đã từng phê bình, ông cho rằng : “dại bội nhân tình” (hết sức trái nhân tình) “bất cận nhân tình chi nghiêm hình” (hình phạt nghiêm khắc không hợp với nhân tình) nhưng nếu để hiểu được ý nghĩa sâu sắc trong cách lập ngôn của Hàn Phi Tử, thì sẽ biết rằng sự đòi hỏi nghiêm khắc của ông vẫn có hệ thống mạch lạc và nhất quán của nó.

3. Không biểu lộ tùy tiện ham muốn để tránh lâm lấn trong thưởng phạt

Bậc vua chúa có hai mối họa : dùng người hiền tài thì bề tôi sẽ mượn danh vẻ hiền tài để bức hiếp vua; dùng người bừa bãi, mọi việc sẽ thất bại, không thể thành công được. Bàn về chuyện vua ưa thích kẻ hiền tài, quần thần sẽ tỏ vẻ hành vi của mình cho vừa lòng vua, vậy thì tính tình đích thực không thể hiện ra, nếu thực tình không thể hiện ra thì vua sẽ chẳng có ích gì phân biệt được cái xấu tốt của bề tôi. Cho nên Việt Vương thích dũng sĩ thì nhiều người dân sẽ coi nhẹ cái chết. Sở Linh Vương thích người có lưng eo thì trong triều đình sẽ có nhiều kẻ bề tôi sẽ bớt ăn chịu đói bụng để giữ dáng vẻ đó. Tề Hoàn Công hay ghen, mà lại hiếu sắc nên Thục Tiêu đã tự hiến để mình được trông coi các cung nữ. Tề Hoàn Công thích thưởng thức các loại khâu vị, nên Dịch Nha đã giết con đầu lòng của mình rồi đem thịt dâng vua ⁽¹⁾ Yếu Vương thích được tiếng là hiền đức nên Tử Chi cố ý tỏ ra

(1) Theo khảo chứng của Dương Thụ Đạt thì Dịch Nha có thể không là người nước Tề. Tập tục của những nơi man rợ thì có chuyện ăn thịt con trai trưởng của mình, nếu thấy ngon ngọt thì đem dâng cho vua, chuyện này có thể xem trong thiên “Lỗ Văn” của Mặc Tử.

không chịu nhận sự nhường ngôi của vua ⁽¹⁾, vì vậy vua chúa tỏ ra chán ghét cái gì thì quần thần sẽ che dấu những cái đó, vua chúa tỏ ra ham muốn cái gì thì quần thần sẽ khoe khoang tài năng, vua chúa tỏ ra ham muốn thì sự biểu hiện thái độ của bề tôi cũng có chỗ dựa dẫm. Cho nên Tử Chi là kẻ giả mượn danh nghĩa người hiền để chiếm đoạt ngôi vua. Thục Điêu, Dịch Nha là những người dựa vào lòng ham muốn của vua mà xâm phạm vua. Xét cho cùng Yên Vương Thường chết trong đám hỗn loạn của nước Yên, Tề Hoàn Công chết rồi mà không có ai chôn cất, thì thể để thối rửa trên giường đến nổi sinh giòi, bò ra ngoài cửa.

Việc đó do đâu ? Đó chính là mối họa của bậc vua chúa đã biểu lộ lòng ham muốn cũng như ghét bỏ để cho bề tôi lợi dụng. Vì tính nết của bề tôi thì không chắc gì họ phải yêu quý vua chúa của mình, mà chỉ là vì lợi ích to lớn của bản thân họ mới phụng sự vua chúa của mình. Như ngày nay, vua chúa không che dấu tấm chân tình của mình, không giấu kín mạnh mẽ mọi sự việc mà cứ để bề tôi có chỗ dựa để chiếm đoạt quyền lợi địa vị của mình, thì những quần thần muốn làm Tử Chi, Điền Thường cũng chẳng khó gì. Cho nên nói rằng : “Bậc vua chúa từ bỏ sự ham thích, từ bỏ sự chán ghét, không biểu lộ sự tùy tiện, quần thần sẽ thể hiện rõ bản chất thực thà vốn có của mình”. Quần thần thể hiện được bản chất vốn có, thì vua chúa sẽ không bị che giấu nữa.

Giải thích :

Bởi cái lợi và cái hại của bề tôi không giống nhau, nếu vua chúa có gì yêu ghét và ham muốn thì quần thần thường rào trước đón sau, dẫn tới việc làm cho vua chúa phán đoán sai lệch, thường phạt lung tung, thậm chí mất nước. Nhằm tránh để bày tôi dòm

(1) Trong “Ngoại trừ thuyết hữu hạ” có chép rằng Phan Thạc kết đảng với Tử Chi, làm mê hoặc Yên Vương, nói rằng Tử Chi không thể chấp nhận việc nhường ngôi, có thể chấp nhận giao đất nước cho họ, kết quả vì vậy mà Tử Chi tự tiện trong chính sự của đất nước, nước Yên đại loạn, người Tề tiến đánh Yên, Yên Vương chết trong đám loạn quân.

ngó, đó cũng là một trong những thuật vô vi quan trọng.

Hàn Phi Tử đã đưa ra nhiều ví dụ thực tế nhằm tăng cường luận điểm của mình, khiến mọi người phải giật mình. Thực ra, những kẻ bề tôi chiếm đoạt ngôi vua như bọn Tử Chi, Điền Thường cố nhiên là đáng căm giận, vua chúa không thể vận dụng thuật một cách khéo léo để đề phòng bề tôi chiếm đoạt ngôi vua, cũng không thể tránh được điều dữ đó. Khả năng quan sát đó của Hàn Phi Tử quả thật là có chỗ hơn người, thiên “Nhị Bính” có kết cấu chặt chẽ, nghị luận sâu sắc, luận cứ phong phú, văn chương trau chuốt, từ thiên này có thể nhìn thấy một cách tổng lược nét đặc sắc của Hàn Phi Tử.

VI. THỰC CHẤT PHẢI PHÙ HỢP VỚI DANH NGHĨA

Hàn Phi Tử coi trọng sự vận dụng thuật hình danh, coi trọng việc thẩm tra phối hợp một cách kỹ lưỡng, tỉ mỉ, cái gọi là “thực chất phải phù hợp với danh nghĩa” cứ theo chữ nghĩa mà xét thì là : cứ theo danh vị, họ có mà đôn đốc nhắc nhở họ đạt được hiệu quả thực tế tương xứng. Ở đây có một số vấn đề : căn cứ vào giả thuyết để tìm ra luận chứng. Vua đôn đốc nhắc nhở quần thần, xem xét thành tích của họ nhất định phải đòi họ có lời nói đi đôi với việc làm, thực chất phải phù hợp với danh nghĩa, tuân theo pháp lệnh luận định được công tội thì quyết định được việc thưởng phạt. Đó là những phép tắc có thể được tuân theo một cách công khai và được phát huy từ sự tài trí sẵn có của riêng vua. Nó làm cho cái gọi là “thuật” vốn bí mật có thể được vận dụng một cách công bằng xác đáng, mang một tinh thần tham chứng thực nghiệm rất phong phú, nó cũng đã trở thành phương pháp hay có thể tham khảo cân nhắc cho việc thẩm tra sắp xếp quan chức của người đời sau.

1. Tham khảo và tổng hợp giữa danh và thực, thăm tra xét kỹ

“Đạo” là bản thể của muôn loài, là chuẩn tắc của điều phải, điều trái. Cho nên bậc vua chúa tài trí anh minh nắm lấy bản thể của muôn loài thì sẽ biết rõ căn nguyên của sự vật; nắm được chuẩn tắc của điều phải trái thì sẽ biết được đầu mối của cái xấu cái tốt. Cho nên cứ chờ đợi một cách khiêm tốn và yên lặng để cho danh nghĩa tự nó tỏ rõ, để cho sự việc tự nó xác định. Khiêm tốn sẽ có thể biết được tình hình đích thực của sự vật, yên lặng sẽ có thể biết được tính chính xác của hành động, có ai đề xuất ý gì thì phải bắt họ chứng tỏ sự phù hợp với thực tiễn, có ai đảm nhận công việc thì cần bắt họ phải tự giải quyết công việc cho phù hợp với chủ trương của họ. Việc làm và lời nói phải được tham khảo tổng hợp lại, cùng chung giải quyết. Vua chúa có thể chẳng phải động tay động chân mà lời nói và công việc đều tỏ rõ tính chân thật của nó. Vua chúa cần có trong mình tất cả, phải che dấu hình dạng và tông tích. Giấu kín tình cảm thật, bề tôi sẽ không có cách gì dòm ngó; không biểu lộ trí tuệ, không biểu lộ tài năng thì bề tôi sẽ không có đường nào suy đoán. Giữ vững chủ trương của mình để xem xét lời nói và việc làm có phù hợp với mình không, nắm vững quyền bính một cách cẩn thận, đoạn tuyệt với những tham vọng của bề tôi, dẹp bỏ những ý đồ của bề tôi, không để cho người khác có ham muốn chiếm đoạt chính quyền.

Đạo của vua chúa thật là to lớn khôn lường, thật là sâu không thể suy đoán được, lấy thuật hình danh để tham khảo và phối hợp đôn đốc, nhắc nhở. Nó đòi hỏi có sự phù hợp giữa danh nghĩa và thực tế (danh và thực), lấy pháp luật để kiểm tra kiểm nghiệm kỹ càng. Nếu có người vượt quá pháp luật, danh không phù hợp với thực, tự ý làm những chuyện xằng bậy thì phải giết đi, như thế trong nước mới không có gian tặc.

Đạo lý của người làm vua chúa là lấy sự yên lặng và khiêm

tổn nhún nhường làm của báu. Vua chúa không cần phải nói gì cả, nhưng quần thần sẽ phải đáp ứng bằng những lời lẽ tốt lành; vua chúa không ràng buộc bề tôi nhưng những việc làm tốt lành của bề tôi sẽ không ngừng tăng thêm. Trong lời nói quần thần đã có sự tăng tiến thì vua cứ nắm lấy phù tiết (vật làm tin của vua khi đi sứ hay điều binh khiển tướng), vua chúa lấy phù tiết đối chiếu với quyền lực, đó chính là căn cứ để thi hành việc thưởng phạt. Bởi vậy quần thần tuân thủ chủ trương của họ, vua dựa vào chủ trương của họ mà giao cho họ chức vụ, theo chức vụ thì phải đòi hỏi họ đạt được kết quả tương xứng. Nếu kết quả mà phù hợp với lời nói của họ thì thưởng. Ngược lại nếu những việc họ làm không phù hợp với chức vụ, chức vụ của họ không phù hợp với lời nói thì phải xử tội chết. Biện pháp của bậc vua chúa anh minh là khiến cho bề tôi không thể đưa ra những lời nói không xác đáng hoặc không phù hợp với hành vi của họ.

Giải thích :

Bài viết này được viết lại từ “thiên chủ đạo”. “Chủ đạo” là đạo lý về “hư tính vô vi” của đạo gia, là phương thuật phát huy quyền cai quản chung của bậc làm vua. Ở đây có bàn tới việc vua yên lặng không phải làm gì cả, chỉ cần “đồng hợp hình danh, thẩm nghiệm pháp thức” một cách khách quan, đòi hỏi bề tôi phải có danh phù hợp với thực, lời nói phải phù hợp với việc làm. Hơn nữa vua phải dựa vào đó để định rõ việc thưởng phạt. Cho nên cái gọi là “hữu tính” trong thiên này không giống với việc thuận theo tự nhiên của Đạo gia chân chính, đó là nguyên nhân mà Pháp gia vận dụng một cách linh động học thuyết của Đạo gia.

Trong đoạn viết này Hàn Phi Tử bàn tới việc giấu kín tình cảm yêu ghét của mình, giống như trong đoạn cuối của thiên “nhị bính”, có thể tham khảo được.

(1) “Ngôn dĩ ứng tác chấp kỳ khế”, “khế” là khế ước (cam kết), nắm được khế ước thì có thể dồn đốc nhắc nhở mọi người thực hiện nhiệm vụ của mình.

Đoạn hai của thiên “Dương xác” cũng có phần lý luận giống với cách lập ý của bài này ở đây không nhắc lại nữa.

2. Phát ngôn hay không phát ngôn đều phải có sự nhắc nhở vì trách nhiệm

Bậc làm vua chúa có khi bị bề tôi mê hoặc bởi một việc gì đó, có khi bị bề tôi che dấu bằng lời nói hoặc việc làm. Bề tôi phát ngôn tùy tiện thường rất ít bằng cử trong giải quyết công việc. đem một chuyện nào đó ra mà lừa gạt vua, vua bị mê hoặc, không thể điều tra cho rõ được, mà còn tán dương họ. Như vậy bề tôi sẽ lại gây ra những sự rắc rối để thao túng vua. Điều đó gọi là dụ dỗ lừa gạt vua bởi những sự việc, người bị dụ dỗ lừa gạt bởi sự việc đó thì sẽ bị hoạn nạn khôn khó tránh buộc.

Bề tôi tâu trình chi tiêu dự toán rất ít, đến lúc thực sự làm việc thì chi phí cần tới lại rất nhiều. Dù họ có công lao thì lời tấu trình của họ cũng không được coi là thật thà ngay thẳng có thể chấp nhận được. Kẻ nói năng không thật thà ngay thẳng, có tội lỗi thì cho dù công việc có được giải quyết thành công cũng không được ban thưởng, như thế thì quần thần sẽ không dám trau chuốt ngôn từ để dụ dỗ mê hoặc vua nữa.

Đạo lý làm vua chúa thì phải để cho lời nói trước mặt của bề tôi được chứng minh bằng sự thật sau đó, những việc làm sau đó cần phải được thống nhất với lời nói trước mặt. Nếu trước sau có mâu thuẫn không khớp thì công việc tuy được giải quyết thành công cũng nhất định phải định rõ tội trạng của họ, đó gọi là “nhiệm hạ”. Bề tôi sắp đặt chính sự thay cho vua nhưng lại sợ người khác phê bình bèn nêu ra những giả thiết trước như : “Nếu có ai bàn tán chuyện này chuyện nọ thì họ chính là những người ghen ghét với công việc đó”. Vua thì tin lời họ, sẽ không nghe ý kiến của quần thần, quần thần cũng lo lắng, do dự về những lời nói đó, không dám bàn tán về chuyện này nữa. Trong tình hình như vậy, thì trung thần không được tin dùng, chỉ còn bọn tôi tớ nịnh bợ lại được trọng dụng. Bị bề tôi che giấu bằng mọi lời nói, vua sẽ bị bề tôi điều khiển.

Đạo lý làm vua chúa là đòi hỏi lời nói của bề tôi nhất định phải phù hợp với sự thật, nếu không nói ra thì nhất định phải vận hỏi nguyên nhân họ trốn tránh công việc. Lời nói không có đầu đuôi, biện luận không thể kiểm chứng được thì phải đôn đốc nhắc nhở họ nói năng phải phù hợp với thực tế; bảo vệ địa vị quyền lực cao cả bằng sự im lặng trốn tránh trách nhiệm, nếu họ làm như vậy thì phải truy tìm lý do của việc trốn tránh công việc và im lặng. Bậc làm vua nhất định phải cho bề tôi biết rằng : nói năng phải có đầu có đuôi, phải đôn đốc nhắc nhở phù hợp sự thật; nếu không nói ra, thì cần phải truy cứu xem tại sao họ nhận lấy hay từ bỏ công việc, làm như vậy quần thần sẽ không dám tùy tiện phát ngôn bừa bãi, sẽ không dám trốn tránh trách nhiệm bằng cách im lặng. Phát ngôn và không phát ngôn đều cần phải được đôn đốc nhắc nhở.

Giải thích :

Vấn đề mà thiên “nam diện” nói tới cũng là “thuật” để chế ngự quần thần của vua. Bài này là một đoạn trích nói về việc đôn đốc nhắc nhở cho hợp với sự thật. Bề tôi phát ngôn cũng vậy, không phát ngôn cũng vậy, đều phải được đôn đốc nhắc nhở thêm, lời phát ngôn phải thuyết phục khả thi, người im lặng thì phải truy cứu xem xét tại sao họ tiếp nhận hoặc từ bỏ công việc. Chỉ có làm như vậy, quần thần mới không phát ngôn tùy tiện nữa, cũng không thể thoái thác trốn tránh trách nhiệm được nữa.

Có một số bề tôi lừa gạt che giấu vua bằng những ngôn từ trau chuốt khoa trương, có khi giả mượn sự việc đầu đó, có khi lợi dụng câu chuyện của miệng, còn nếu vua vận dụng được một cách triệt để phương thuật kiểm tra thực tế thì âm mưu quỷ kế của họ sẽ không thể thực hiện được. Vua cũng không đến nỗi bị bề tôi thao túng nữa, quần thần phát ngôn hay không phát ngôn đều phải được truy cứu trách nhiệm, đâu còn có cảnh ngồi không ăn bám, tham ô uốn cong pháp luật nữa ?

3. Vua chúa không thăm tra xem xét, kẻ sĩ thực thi pháp thuật mới bị hại

Phàm những kẻ quyền quý cầm quyền thường rất ít người được sự tin nhiệm và sủng ái của vua, vậy mà họ có quan hệ rất quen thuộc và thân thiết với vua, đến mức họ rào đón được ý của vua. Những loại người như vậy thì bản thân họ có quyền cao chức trọng, bổng lộc được hiển quý, vậy cánh lại nhiều mà dân trong cả nước đều ca tụng công đức của họ. Thế thì những người có sách lược và phép tắc rõ ràng muốn thực bụng được gặp vua nhưng bản thân họ đã không có được sự tin yêu, tình thân cũng như ân trạch gì từ xa xưa, lại lo uốn nắn làm thay đổi tâm lý uốn khúc lệch lạc của vua bằng lời nói của pháp thuật, điều đó trái với ý của vua. Địa vị của họ thấp kém, cô độc, một thân một mình, lại không có vây cánh. Một người không thân thích mà so tài với một người được vua tin yêu thì không thể thắng được.

Người mới đến chống lại người đã từng quen thuộc với nhà vua thì không thể thắng được, người đi ngược lại ý tưởng nhà vua, đối chọi với người đồng cảm với vua thì sẽ không thể nào thắng được; người có thân phận địa vị thấp kém chống chọi với người quyền cao chức trọng cũng sẽ không thắng nổi. Một miệng đấu khẩu với cả nước thì cũng sẽ bị thất bại ⁽¹⁾. Người có sách thuật sử dụng pháp lý một cách sáng suốt đã chuẩn bị đưa ra năm điều kiện không thể giành thắng lợi được vậy thì muôn năm không được gặp mặt nhà vua. Còn đại thần cao quý dựa vào năm điều kiện để giành được thắng lợi, và ngày đêm sáng chiều đều có thể một mình nói chuyện với nhà vua, vậy thì những người có sách lược trị nước sáng suốt dựa vào đâu để được tiến thân? Nhà vua lúc nào mới được giác ngộ? Cho nên những điều kiện dựa vào để không thể dành được thắng lợi với những sự việc đang tồn tại

(1) Người có pháp thuật chỉ có một cái miệng, còn đại thần quyền quý được dân cả nước ca tụng công đức của họ.

trong triều đình là hai hình thể không cùng tồn tại, vậy thì những người có chiến lược trị nước sáng suốt sao không bị nguy hiểm cho được ? Trước tình hình đó, những vị đại diện có quyền thế bèn dùng cách đổ tội, vu cáo cho những người có sách thuật pháp trị sáng suốt, dựa vào pháp công để giết lại họ. Nếu không dùng được lời vu khống để ngang nhiên trị tội, thì cũng phải người lên đi giết hại ông ta. Cho nên những người có sách thuật pháp trị sáng suốt mà lại không được ở cạnh nhà vua thì nếu không bị sát hại cũng bị ám sát.

Những kẻ kết bè kéo cánh, bưng bít nhà vua, bẻ cong đạo lý đem lợi ích riêng tư cho các quan đại thần thì nhất định sẽ được tín nhiệm ⁽¹⁾. Đối với bọn người trên, các vị đại thần sẵn sàng dựa vào quyền lực của mình để cho họ chức cao danh vọng dù cho họ có công rất nhỏ. Cho nên bọn người bưng bít vua chúa bỏ dỡ bọn quyền quý này, nếu không được quyền cao chức trọng thì cũng được nắm giữ trọng trách khác. Ngày nay, bậc vua chúa với những người có sách lược sử dụng pháp luật sáng suốt không có sự nghiên cứu kỹ lưỡng mà đã ra lệnh giết chết; đối với bọn người bỏ dỡ được các quan lại triều thần tiến cử không đợi đến lúc có công đã ban cho tước lộc. Như vậy thử hỏi những người có sách lược trị nước sáng suốt có dám đương đầu với mỗi nguy hiểm để đề xuất ý kiến của họ hay không ? Bọn bè tôi gian tà có chịu tự rút lui để từ bỏ lợi ích của họ hay không ? Chính vì vậy mà uy quyền của nhà vua ngày càng bị thu hẹp, thế lực riêng của bọn quyền quý thì ngày càng lớn mạnh (cô phần).

Giải thích :

Hàn Phi Tử đã từng nhiều lần can gián Hàn Vương, bị bọn đại thần quyền quý cản trở nên gặp nhiều nguy hiểm. Sách “cô phần” nói về những người có pháp thuật sáng suốt, tức ông thuật

(1) Trọng nhân tức là những bậc quyền quý đang cầm quyền chỉ có lợi ích riêng tư, coi thường phép nước. Chữ “trọng” là chỉ quyền thế, “trọng nhân” là chỉ người có quyền thế.

lại các việc làm của bản thân. Những người có pháp thuật luôn phải đấu tranh với bọn quyền quý, giống như rơi vào vòng bão táp, cuối cùng thoát không khỏi số phận bị sát hại, tất cả chỉ là do nhà vua không thể vận dụng được phương thuật trị nước — Hàn Phi Tử cho rằng nguyên nhân nhà vua bị bưng bít, quyền thế bị suy yếu là do nhà vua đối với người gián thuyết thì đem giết mà không chịu lắng nghe ý kiến của họ, đối với bọn không có công mà đã ban thưởng tước lộc.

Pháp gia là các nhà cải cách tân tiến, còn bậc quyền quý đại thần là đám quý tộc có thế lực, hai bên khác nhau rất xa về chủ trương, thế lực. Bọn đại thần quyền quý lo củng cố thế lực của mình và tìm cách loại trừ các người thuộc phái pháp gia bằng tất cả mọi thủ đoạn. Từ đoạn văn trên đã có thể nhận ra chân tướng của sự việc. Cho nên ta có thể lý giải tại sao Hàn Phi Tử gọi thiên này là “cô phân”.

4. Nếu nhà vua không thăm sát kỹ càng thì những bậc hiền trí sẽ bị bài xích.

Phàm là các nhà pháp thuật đều khó thực thi được hoài bão của họ. Không phải chỉ ở các nước lớn có vạn cỗ xe, mà ngay cả các nước nhỏ có ngàn cỗ xe cũng như vậy. Những người thân cận bên nhà vua không phải ai cũng thông minh, vậy mà đối với mọi bề tôi, nhà vua đều cho rằng họ thật sự sáng suốt và đều muốn nghe ý kiến của họ. Như vậy việc nhà vua bàn bạc nghiên cứu ý kiến của đám cận thần, khác nào cùng với người ngu đần bàn chuyện của người thông minh.

Những người bên cạnh nhà vua không phải tất cả đều là bậc hiền đức. Nếu như nhà vua cho rằng mọi thần tử của mình đều là người hiền đức và muốn bàn chuyện đạo nghĩa với họ, như vậy là đi bàn bạc với đám cận thần về hành vi của các bề tôi khác, thì khác nào nói chuyện của những người hiền đức với bọn người bất lương. Những kế hoạch của người thông minh lại do những kẻ

ngu muội quyết định, hành vi của người hiền đức lại do bọn bất lương phê phán, cho nên bậc tài trí hiền đức đều cảm thấy bị sỉ nhục, còn những phán đoán và kết luận của nhà vua cuối cùng đều sai lầm, không xác thực. Trong số thần tử muốn được quan tước, có một số người vốn có được tu dưỡng, họ muốn tự khẳng định mình bằng sự liêm khiết, có một số người vốn có mưu trí, họ muốn dựa vào tài hùng biện của mình để thăng quan tiến chức, chứ họ không muốn dùng tiền tài của cải đi bỏ đỡ bọn người đương chức. Họ muốn làm việc quang minh chính đại bằng sự liêm khiết hoặc tài hùng biện của mình chứ không muốn bằng cách vi phạm pháp luật. Cho nên những người này đều không đi bỏ đỡ đám cận thần của nhà vua cũng không chịu sự nhờ vả riêng tư của đám người kia. Còn bọn cận thần của vua, hành vi của họ không hề thanh liêm như Bá Di, cái mà họ muốn không nhận được là tiền tài của cải được đưa đến cho họ, thì nhất định công dụng hữu ích của những người thông minh hiền đức sẽ bị phủ định và lập tức các lời vu cáo và phỉ báng sẽ nổi lên như ong. Những người có mưu trí và tài hùng biện bị loại trừ không được dùng đến, còn tài mất của nhà vua thì bị bưng bít. Cho nên không dựa vào công lao có ít hay nhiều để quyết định về hành vi và trí tuệ của con người, không dùng biện pháp tổng hợp để thẩm đoán tội danh mà lại chỉ đi nghe lời của bọn cận thần thân tín, thì nhất định cuối cùng nhà vua sẽ chẳng thể lưu lại ngôi báu, còn bọn người tham lam ngu dốt sẽ dần chiếm được quyền hành. (Cổ Phần)

Giải thích :

Ở đây nói về việc pháp thuật không để đem ra thực thi, mấu chốt ở chỗ nhà vua không thể triệt để dùng pháp thuật. Hành vi và lời nói của các bậc hiền triết tuy rất có ý nghĩa và rất đáng tin cậy, nhưng luôn luôn hình thành bầu không khí không tốt đẹp đối với những cận thần của vua và những tả hữu của các quan đang tại chức. Càng nguy hơn là những kẻ cận thần của vua

không phải tất cả đều là bậc tài trí mà phần nhiều là kẻ tiểu nhân. Những người hiền trí muốn lập thân xử thế bằng chính tài đức của mình thì bọn cận thần của vua lại không chịu chấp nhận họ. Nếu họ không chịu luôn cúi thì bọn cận thần của vua lại nói xấu họ. Nếu chỉ mỗi một mình vua thì không đưa ra được các phương sách, mà vua không biết tổng hợp và thực nghiệm các phương sách do các nhà pháp gia đưa ra, lại không có sự thẩm định chính xác, kết quả thì nhà vua bị bùng bít, còn những kẻ quanh nhà vua thì toàn là loại người không có tài năng và hèn hạ, vậy thì thử hỏi nhà vua còn có tiền đồ hay sao ?

5. Phải dựa vào danh nghĩa thực tế để thử nghiệm thì mới khiến bề tôi tuân theo pháp luật mà thi hành chức trách của mình

Phàm là bọn gian thần không tuân theo pháp luật đều muốn làm vừa lòng vừa ý vua, để mong được vua tin dùng và yêu mến. Vì vậy hễ vua thích gì thì bề tôi theo đó mà tán tụng, vua ghét gì thì theo đó mà bề tôi nói xấu. Theo bản tính tự nhiên thông thường của loài người, nếu thấy hợp với riêng mình thì hòa nhau cùng ca ngợi, nếu thấy không hợp với ý mình thì hòa nhau phê phán, khi thì tiến cử người này, lúc bài xích kẻ khác. Sở dĩ như vậy là do nhà vua không có biện pháp để chế ngự bề tôi; cũng không vận dụng cách thức kiểm tra bề tôi xem chức danh của họ có phù hợp với việc làm để từ đó thẩm định lại chính xác đám bề tôi. Vì vậy, nếu thấy ai đó hợp với mình bèn tin vào lời nói của họ, thì đó là nguyên nhân thần tử được sung ái để dằng lừa dối nhà vua để đạt được lợi ích riêng tư của họ.

Nếu là một bề tôi chân chính có phương sách trị nước, thì phải có lời nói phù hợp với pháp luật; Đối với bề trên thì làm sáng tỏ pháp chế của vua, đối với cấp dưới thì không chế không để cho bọn gian thần phạm pháp, từ đó mà phụng sự cho nhà vua, góp phần giữ yên nước nhà. Vì vậy có thể trình bày trước nhà vua những lời lẽ để giữ vững pháp luật, thường phạt phải được thi

hành chính xác sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ. Một ông vua có thể hiểu được xác thực phương thuật của thánh nhân, thì sẽ không bị nghe theo mọi lời dèm pha của người xấu, sẽ biết tuân theo sự thực để luận định phải trái và dựa vào sự kiểm nghiệm thực tế để thẩm định các lời tâu bẩm, thì đám bè tôi thân cận sẽ biết rằng nếu giả dối xảo trá sẽ không có lợi ích gì cho bản thân, họ nhất định sẽ suy nghĩ như thế này : “Nếu ta không vứt bỏ hành vi vì lợi ích riêng tư mà phạm pháp để hết lòng phụng sự cho nhà vua, trái lại còn đi cấu kết bè đảng, ca ngợi kẻ xấu, dèm pha người tốt, mà lại còn muốn có lợi lộc, thì chẳng khác nào lưng đeo một ngàn cân mà lại bị rơi vào giếng sâu thăm thẳm ⁽¹⁾ muốn tìm được đường sống thì không bao giờ có được”. Còn văn võ bá quan biết rằng nếu cầu lợi với kẻ gian thần thì chỗ đứng của họ sẽ không vững vàng, nên họ nhất định sẽ nghĩ như thế này : “Ta nếu không dựa vào những người liêm khiết để thi hành phép nước, mà lại đi dựa vào bọn người tham ô để đi bè cong pháp luật, cầu lợi cho mình, điều đó chẳng khác nào trèo lên đỉnh núi cao rồi bị rơi vào vực sâu hiểm trở mà lại muốn tìm được con đường sống thì khó mà đạt được”. Đạo lý của sự yên lành và nguy hại đã rõ ràng như vậy, thì kẻ thân cận của nhà vua sao lại có thể dùng những lời lẽ rỗng tuếch để mê hoặc nhà vua, bá quan làm sao có thể dám tham lam bức hại người dân ? Cho nên một khi bè tôi tỏ ra trung thành thì nhà vua sẽ không còn bị bùng bít, các bậc quan lại sẽ thi hành chức trách của mình một cách nghiêm minh chứ không nghĩ đến việc báo ân báo oán. Đó chính là biện pháp của Quân Trọng dùng để trị vì nước Tề.

Giải thích :

Ở đây có hai đoạn, đoạn một nói rõ : Bè tôi vì chiều theo ý thích của thần tử nên được vua yêu mến và tin cậy, đến lúc đó họ lợi dụng mối quan hệ thân thiết với nhà vua để tiến cử người mình yêu thích, bài xích người mình chán ghét, bùng bít nhà vua,

(1) “Quân” là đơn vị đo lường thời cổ, một quân bằng ba mươi vạn cân, nghĩa bóng chỉ gánh nặng.

ảnh hưởng đến việc thưởng phạt và trị vì đất nước. Tất cả những điều đó là do nhà vua không kiểm nghiệm bằng thực tế, không thẩm đoán cẩn thận.

Đoạn hai nói đến việc chỉ cần nghiên cứu kỹ càng và có sự thẩm định trong thực tế, nghiên cứu một cách khách quan mặt mạnh mặt yếu của bề tôi. Đến khi ấy các quan lại trong triều biết rằng gian dối xảo trá chẳng có ích gì, họ bèn vứt bỏ mọi mưu mô gian xảo, ai cũng đều chăm lo giữ đúng phép nước, tận tâm với chức trách của mình, đó chính là mục đích Hàn Phi Tử muốn nhà vua hãy biết dùng thuật để trị nước. Từ đó dễ thấy rằng việc dùng phương sách sử dụng người đúng với tài năng đích thực của người ấy, và việc bỏ qua cách thức này thì kết quả khác nhau xa.

6. Hành tham quỳ ngũ (phương thuật khảo sát tỉ mỉ và tinh táo đối với quần thần)

Tham ngũ tức là đạo lý về cách thức quan sát bày tỏ một cách tinh táo và tỉ mỉ, đó là khảo sát tỉ mỉ nhiều phương diện có thể phát hiện người hiền tài trong đám bề tôi, cho đám bề tôi khảo sát lẫn nhau thì có thể phát hiện cái thật cái giả, những điều sai sót trong đám bề tôi. Muốn khảo sát kỹ càng phải biết cách phân tích các lời nói; Khi cho bề tôi khảo sát lẫn nhau, cần phải có yêu cầu nghiêm ngặt ⁽¹⁾ nếu như không bắt bẻ các lời nói, thì bề tôi có lúc dùng lời phù phiếm để xúc phạm nhà vua; nếu như không yêu cầu phải nghiêm túc, thì bề tôi sẽ kết bè đảng gian tà, bưng bít nhà vua.

Như vậy đủ để hiểu rõ nhiều điều về công tội của bề tôi; yêu cầu nghiêm ngặt sẽ không thể bỏ sót người hiền và kẻ gian, sẽ không làm liên lụy đến đám đông vô tội ⁽²⁾.

(1) Nguyên văn "Quỳ ngũ tất ngộ", "Ngộ" ở đây là tức giận, nghĩa ở đây là trách cứ, nghiêm khắc.

(2) Nguyên văn "Ngộ chi tiên, bất cập kỳ trung", "Tiên" (mặt trước) có khi đọc là "tiển" (cái kéo) có nghĩa là cát.

Còn về cách thức quan sát hành vi và lời nói của người khác. Khi phải có cách thống trị thích đáng và cụ thể đối với bọn người kết bè kéo cánh làm lợi cho riêng mình và khen thưởng những người biết tuân theo pháp luật, trừng phạt những ai nếu biết kẻ gian mà không tố cáo, tội đó bằng với tội của kẻ gian. Còn đối với lời nói của kẻ khác, phải phối hợp các sự việc rồi đem đối chiếu với các điều kiện thiên thời, địa lợi, nhân hòa, sau đó thẩm định lại bốn điều kiện trên, thấy phù hợp thì mới kết luận đó là ác hay người hiền tài.

Cần phải lắng nghe ý kiến của nhiều người để hiểu rõ thực chất tình hình. Phải cố áp dụng thái độ cư xử khác nhau, thay đổi sự ban phát ân trạch để khảo sát thái độ trung hay gian của bề tôi. Cần phải có những chứng cứ cụ thể khi xảy ra sự việc mới khảo sát được các sự việc bí mật khó thẩm tra. Phân công mỗi người một chức trách chứ không kiêm nhiệm để ai cũng thấy rõ chức vụ chuyên môn của mình. Nhớ dặn những sứ giả ở xa kinh đô phải dò xét quá trình của những bề tôi còn nhiều điều nghi vấn lúc ở xa nhà vua, để hiểu rõ được quá khứ của ông ta. Đặt bề tôi ở cạnh nhà vua để dò xét tâm địa của họ. Đặt bề tôi ở xa nhà vua để thấy có sự biểu hiện của ông ta lúc ở bên ngoài. Nắm rõ các sự việc trong thư tịch để tìm biết bí mật của bề tôi, ra một số mệnh lệnh giả để bộc lộ rõ các hành vi thấp kém đê hèn của bề tôi. Cố ý nói ngược lại với điều vua nghĩ để kiểm nghiệm lại bề tôi những vấn đề nghi vấn về họ. Từ nhiều sự việc khác nhau để tìm ra những sự việc gian trá không hợp pháp. Lập ra chế độ kiểm tra để theo dõi các quan có hành vi độc đoán chuyên quyền. Chỉ trích các sự việc sai lầm để rà xét lại các hành vi gian trá của bề tôi. Ban bố rõ các pháp lệnh để làm cho các bề tôi tránh được tội lỗi. Dùng thái độ khiêm tốn nhún nhường để quan sát bộ mặt chân chính hay âm mưu của bề tôi. Tuyên bố những tin tức nghe được để vạch trần những bí mật mà bề tôi không chịu thổ lộ. Cố ý tạo ra sự tranh chấp để làm tiêu tán bè đảng của kẻ gian. Đi sâu

vào am hiểu một sự việc để trong lòng chúng thần có sự cảnh giác. Cố ý để lọt ra ngoài các ý kiến khác nhau để làm thay đổi tình cảm và cách nhìn của bề tôi. Lời nói và việc làm của bề tôi, nhìn bề ngoài chưa xác định được đó là công hay tội, thì cần phải kiểm nghiệm qua thực tế, sau đó mới quyết định. Khi vạch ra sai lầm của bề tôi, thì phải nêu rõ nguyên nhân rồi nghiêm khắc trách phạt. Nếu biết rõ tội trạng của bề tôi thì phải chiếu theo pháp luật để trừng trị, như vậy bề tôi mới không còn dám phạm pháp, uy tín của nhà vua mới được xác lập. Bí mật phái người đi điều tra để tìm hiểu thực chất tình hình. Nên tìm cách phân tán các nhóm quan lại để họ không còn kết bè đảng gian tà. Bí mật giao việc cho các thuộc hạ của các quan để họ theo dõi các quan có hành vi gì mờ ám hay không. Nhưng nếu việc dùng người thuộc hạ như vậy mà bị phát hiện thì chẳng còn có hiệu quả.

(Bát kinh)

Giải thích :

Phương pháp khảo sát điều tra của “tham ngũ” cần phải tham khảo ý kiến từ nhiều mặt, phải khảo sát chân thật từ nhiều khía cạnh, rồi tổng hợp lại các luận cứ, cộng thêm sự phán đoán để đi đến quyết định thì việc thưởng phạt mới có đầy đủ tính khách quan.

Nhưng việc vận dụng thuật “tham ngũ” cũng có nhiều kỹ xảo và mưu kế rất đặc biệt, như đề cập ở đoạn cuối, bao gồm các biện pháp khảo sát của nhà vua kể cả phải dùng các âm mưu xảo trá. Trong các học thuyết từ bên trong và bên ngoài của Hàn Phi Tử, có nhiều câu chuyện để làm ví dụ nói rõ các điều đã nêu để bàn kỹ về cái thuật để khảo sát mọi sự việc. Từ đó chúng ta mới phát hiện ra rằng Hàn Phi Tử đã đưa ra các lập luận giúp vua để đề phòng bọn bề tôi làm các việc gian trá, mờ ám một cách chu đáo biết bao. Tóm lại sự khảo nghiệm một cách khách quan, tổng hợp, so sánh các lời nói, thì lý luận của Hàn Phi Tử về lời nói

phải đi đôi với việc làm đạt được sự chân thật một cách khoa học. Ông rất đáng được các độc giả đời sau ca ngợi. Nhưng phương thuật mà “Bát kinh” đề cập đến có cả sự bí mật quyền mưu, bao gồm cả một vài chủ trương của pháp trị khó tránh được, đó là thiếu sót không thể không nói đến.

7. Chạm khắc một con khỉ trên đầu mũi gai nhọn.

Yên Vương rất thích các đồ vật có chạm trở tinh tế. Có một người nước Vệ đến yết kiến Yên Vương nói rằng mình có thể chạm khắc được ⁽¹⁾ con khỉ trên mũi gai nhọn. Yên Vương rất vui mừng bèn đem mảnh đất ba mươi dặm ⁽²⁾ cho ông ta làm bổng lộc. Yên Vương nói rằng : “ta muốn nhìn xem con khỉ mà nhà người khắc lên đầu gai nhọn”. Người nước Vệ kia bèn bảo rằng : “nếu bệ hạ muốn xem thì nửa năm không được vào hậu cung gặp phi tần mỹ nữ, không được uống rượu và ăn thịt, đợi lúc mưa vừa ngớt, mặt trời mới nhô lên, trong khoảnh khắc nửa sáng nửa tối thì mới nhìn thấy được con khỉ khắc trên mũi gai nhọn”. Yên Vương tuy cung phụng cho người nước Vệ, nhưng mãi mà vẫn không nhìn thấy được con khỉ khắc trên mũi gai nhọn kia.

Có một người thợ sắt nước Trịnh nói với Yên Vương rằng : “Hạ thần là người điêu khắc các loại công cụ, theo kinh nghiệm của hạ thần thì bất cứ một đồ vật nhỏ bé tinh vi nào muốn dùng một công cụ để khắc được lên trên đó thì dụng cụ để điêu khắc phải nhỏ hơn đồ vật để điêu khắc. Nay mũi gai nhọn bé nhỏ như vậy tất không có mũi dao nào có thể khắc lên đó được, vậy theo lẽ thường thì mũi gai ấy không thể là vật dùng để điêu khắc. Nay đại vương hãy bảo vị khách quý kia thử dùng công cụ để điêu khắc để khắc thử xem cuối cùng ông ta có khắc được con khỉ lên trên mũi gai nhọn kia không thì sẽ rõ”.

(1) Cúc : tức cây táo chua có nhiều gai.

(2) Sáu dặm vuông gọi là một thặng. cho người nước Vệ 30 dặm vuông là biểu thị rất ưu đãi.

Yên Vương ngẫm nghĩ và thấy rằng lời nói của người thợ sắt kia có lý, bèn phái người tìm người nước Vệ kia đến và bảo ông ta : “Quý ông muốn dùng đầu gai nhọn để khắc con khỉ lên đó, vậy không biết ông dùng dụng cụ gì để điều khắc ?”. Người nước Vệ trả lời rằng : “Bẩm, hạ thần dùng một loại dao chuyên dùng để điều khắc”. Yên Vương bèn nói : “Trẫm muốn xem con dao ấy”. Người nước Vệ nói : “Xin cho tôi về nước để đem dao lại”. Nói xong bèn vội chuồn biệt tăm.

Giải thích :

Trong câu chuyện của Andecxen “áo mới của hoàng đế” viết về việc có hai tên lừa bịp đến giả vờ mang cho vua quần áo mới, kỳ thực chúng chẳng dùng loại vải nào cả, còn nhà vua thì trần như nhộng diễu hành trên đường phố, bị đám trẻ con ngày thơ bóc trần sự thật. Câu chuyện trên đây của sách “ngoại trừ thuyết tả thượng” cũng gần giống như vậy.

Trong cuộc sống bao giờ cũng có những lời nói dối trá, thực ra nếu nhà vua dùng cách thức kiểm tra lời nói có đi đôi với việc làm hay không, thì bọn người lường gạt kia không giấu nổi tung tích và nhà vua cũng không đến nỗi làm trò cười cho thiên hạ. Người nước Vệ kia biết chắc rằng nhà vua không thể chịu được nửa năm mà không vào hậu cung, không ăn thịt uống rượu, cho nên ông ta mới đặt điều kiện mà biết chắc chắn rằng nhà vua không thể nào thực hiện được điều ấy, và đương nhiên ông ta sẽ được bổng lộc hậu đãi. Còn sự suy đoán của người thợ sắt rất có sức thuyết phục, rất thực tế, cho nên chỉ cần kiểm tra lại giữa lời nói và việc làm là ta có thể vạch trần được lời nói hoang đường của người nước Vệ kia.

8. Ngựa trắng vẫn là ngựa ⁽¹⁾ — sự luận lý vẫn không thắng nổi sự thật.

(1) “Bạch mã phi mã” vốn là luận đề của Công Tôn Long, và chủ trương của Nghệ Duyệt cũng như vậy. Cái chính của chủ trương đó là : ngựa là chỉ về một ý niệm khái quát, bao gồm ngựa có tất cả mọi màu sắc, riêng ngựa trắng là chỉ một loài ngựa có màu trắng cho nên ngựa trắng không phải là ngựa.

Nghệ Duyệt là người nước Tống là một nhà hùng biện, ông chủ trương ngựa trắng không phải là ngựa, khẩu khí của ông rất hay, nhiều người ở Tắc hạ ⁽¹⁾ nước Tề đều không đối đáp lại được ông ta. Có một lần, ông ta cười một con ngựa trắng đi qua cửa ải, ông ta phải theo quy định mà chịu nộp thuế, không thể tranh cãi được với người gác cửa rằng ngựa trắng không phải là ngựa. Cho nên chỉ dựa vào lời hứa không có thể bác bỏ được biện sĩ của cả một nước, nhưng khi có sự kiểm nghiệm của thực tế, cứ chiếu theo người thực việc thực mà thi hành, thì ngay đến cả một viên quan coi cửa chức tước bé nhỏ cũng không gạt nổi anh ta (ngoại trừ thuyết tả thượng)

Giải thích :

Sự tranh luận của các học giả đương thời vốn có giá trị về mặt logic học, ví dụ “ngựa trắng không phải là ngựa” đã giúp người ta phân biệt giữa “hình thể” và “sắc thể”. Về mặt hình thể mà nói, “hình” và “sắc” là hai khái niệm khác nhau, cho nên ngựa trắng không phải là ngựa, bởi vì ngựa có thể là ngựa đen, ngựa hồng ngựa vàng... Nhưng lý luận thuộc lĩnh vực logic học lại không thể vận dụng được trong cuộc sống thực tế. Pháp lệnh đã quy định cười ngựa qua cửa ải phải nộp thuế, như vậy thì ngựa trắng cũng là một loại ngựa, dù cho Nghệ Duyệt có biện luận giỏi đến đâu, có áp đảo được các vị học giả ở Tắc hạ, thì trong cuộc sống thực tế vẫn phải thừa nhận : ngựa trắng vẫn là ngựa, cho nên đến lúc đó ông ta không cần bàn cãi gì nữa, cứ theo qui định mà nộp thuế.

Phái Pháp gia yêu cầu thực tế, lời nói phải được việc làm chứng minh, cho nên “ngựa trắng không phải là ngựa” không phải loại biện luận thực tế.

(1) Tắc hạ : nước Tề có một cửa ải là cửa Tắc. Tề Tuyên Vương là người thích các học giả luận bàn về học thuật và tranh luận với nhau nên đặt cho học giả tên là đại phu, đồng thời lập công quán dưới núi Tắc để các học giả tập trung lại đó bàn luận, những học giả đó gọi là Tắc hạ tiên sinh.

9. Người dạy “Đạo trường sinh bất lão” đã chết.

Có một vị khách khoác lác với Yên Vương rằng ông ta có cách luyện để trường sinh bất lão, Yên Vương bèn phái người đến học với ông ta. Người được phái đi học chưa xong thì vị khách kia đã lăn ra chết. Yên Vương nổi giận đem bề tôi của mình giết chết. Yên Vương nào có biết đâu rằng kẻ lường gạt chính là vị khách kia nên mới đem bề tôi của mình giết chết về tội học chưa xong đạo “trường sinh bất lão” thì người khách kia đã chết. Vì tin vào mê tín mà đem giết chết bề tôi của mình, thật là tai họa do việc không điều tra kỹ càng thực tế. Hơn nữa, điều mỗi người lo lắng nhất định là bản thân họ, thế mà vị khách kia không thể làm cho mình khỏi chết thì làm sao khiến cho Yên Vương trường sinh bất lão ? (Ngoại trừ thuyết tả thượng).

Giải thích :

Yên Vương tin vào lời khoác lác của vị khách mà không chịu khảo sát thực tế đến nỗi cái chết của kẻ lường gạt kia vẫn không thức tỉnh được sự mê tín của ông mà lại còn giết oan bề tôi của mình, thật là hoang đường ! Thực ra, chỉ từ cái chết của vị khách kia có thể chứng minh ngược lại rằng phương pháp trường sinh bất lão mà ông ta khoác lác là một thủ đoạn lừa bịp.

10. Vẽ ma quỷ là dễ nhất

Có một người khách vẽ tranh cho vua Tề, vua Tề hỏi ông ta : “Vẽ cái gì khó nhất” Ông ta trả lời : “Vẽ chó và ngựa khó nhất” Vua lại hỏi : “Vẽ gì dễ nhất ?” Ông ta trả lời : “Vẽ ma quỷ dễ nhất”.

Phàm loài như chó và ngựa, ai cũng biết vì sớm tối luôn thấy trước ở mắt nên nhìn thấy mãi rồi quen, vì vậy không thể vẽ sai được, còn ma quỷ là vật vô hình, chưa ai nhìn thấy bao giờ cho nên muốn vẽ thế nào cũng được, vì vậy nên dễ vẽ (Ngoại trừ thuyết tả thượng)

Giải thích :

Mọi vật nếu có chứng cứ của thực tế khách quan, thì không thể làm qua quít được vì vậy vẽ chó ngựa rất khó vì không thể tùy ý muốn vẽ thể nào cũng được. Còn những vật vô hình không nhìn thấy rõ, chỉ dựa vào sự tưởng tượng để hư cấu, chẳng ai biết vẽ như vậy là có chỗ nào sai, nên ma quỷ là dễ vẽ nhất.

V. THÍNH NGÔN CHI PHƯƠNG THUẬT (PHƯƠNG PHÁP NGHE)

Vua chúa là người thống lãnh chế ngự quần thần, bản thân vua chúa quyền cao chức trọng, nên bề tôi không tránh khỏi tâm lý cầu cạnh, vì vậy họ thường nói những lời giả dối không thực. Cho nên khi nghe bề tôi trình bày, nhà vua cần phải để tâm cẩn thận, nếu không rất dễ bị bề tôi bùng bít sự thực — Vì vậy ở đây không thể không bàn đến thuật lắng nghe.

Đại thể là như thế này, khi nghe bề tôi trình bày thì vua phải trầm mặc, không cử động, không cắt ngang lời người đang nói. Sau đó dùng phương pháp kiểm chứng lại xem lời nói đó có đúng với thực tế hay không, để từ đó phát hiện ra người hiền tài, trị vì đất nước.

1. Kết hợp giữa yên lặng lắng nghe rồi quan sát kỹ

Phương pháp lắng nghe và kiểm chứng lời nói là vua cần phải căn cứ vào lời nói của bề tôi rồi từ đó yêu cầu lời nói của họ phải phù hợp với việc làm trong thực tế. Cho nên cần phải thẩm tra khảo sát danh phận rồi mới quyết định chức vị, rồi phải dựa trên danh phận mà phân công việc. Phương pháp khảo sát lời nói là không để lộ ra ý nghĩ tình cảm của mình, giống người uống rượu ngà ngà say im lìm không nói không rằng. Bề tôi phải tự mình phân tích lời nói, vua bèn dựa vào lời nói ấy để hiểu được họ. Lời nói của bề tôi có điều đúng điều sai, nhưng nhà vua chớ ngắt lời nói của họ, cứ để họ trình bày hết lượt. Bản chất của thuật nghe là khiêm nhường, yên lặng, không làm việc khác, sau

khi nghe xong mới tổng hợp đối chiếu để tìm ra bản chất của sự việc. Tìm hiểu sự việc trong thực tế rồi đem chúng so sánh đối chiếu, tổng hợp và tập trung suy nghĩ. Qui nạp tất cả sự việc lại thì có thể hiểu được chân tướng của sự việc.

Giải thích :

Điều căn bản của thuật lắng nghe các lời nói là phải biết yên lặng lắng nghe, rồi dùng thêm cách khảo sát thực tế kỹ càng để đối chiếu so sánh, kiểm nghiệm lại lời nói xem có phù hợp với thực tế hay không, như vậy bề tôi mới không dò đoán được ý tứ của nhà vua, nên không dám dùng lời lẽ hoang đường để lường gạt nhà vua, như vậy thần tử mới tuân theo phép nước, an phận với chức vị của mình, khiến cho việc trị nước được dễ dàng, lành mạnh.

2. Khảo sát thực tế từ nhiều phương diện rồi tỉnh táo phán đoán

Vua khi nghe người khác nói, nếu như không có sự kiểm chứng lại từ nhiều phương diện, thì đến khi trách cứ bề tôi sẽ không có căn cứ. Đối với lời nói của bề tôi nếu như không xem xét xem nó có phù hợp với thực tế hay không thì bề tôi sẽ dùng tà thuật để chống đối, bưng bít nhà vua. Nói về ngôn ngữ, thông thường thì nhiều người cùng nói một lúc thì đáng tin cậy. Cùng một sự việc không chân thực, nếu như chỉ có mười người nói thì còn nghi ngờ, nhưng nếu có 100 người cùng nói thì ai cũng tin, từ đó khiến cho cả ngàn người cùng bị mê hoặc theo. Một người nói áp a áp ứng, thì lời nói dễ bị nghi kỵ, còn một ngàn người biết cách ăn nói lưu loát để làm cho người khác tin tưởng, thông thường bọn gian thần muốn che giấu nhà vua bèn dựa vào sự hỗ trợ của những người cùng bề đảng, mượn lời nói của họ để chiếm lòng tin của vua, dùng mọi sự việc dường như tốt đẹp để che đậy mưu kế của họ. Làm vua phải biết kiềm chế bản thân, biết kiềm chế sự nóng giận, chỉ khi kết quả của sự kiểm chứng phù hợp với

thực tế thì lúc đó mới không phải nghi ngờ, nếu không thì quyền thế của vua sẽ bị bọn gian thần lợi dụng để làm công cụ cướp đoạt quyền hành cho riêng mình. Một ông vua có phương pháp đường lối cai trị đất nước, thì sẽ biết cách khảo sát những điều nghe được, rồi đem tổng hợp lại, xem xét xem nó có tác dụng ở điểm nào, đợi đến khi xác định công hiệu của lời nói lớn hay nhỏ thì lúc đó việc thưởng phạt mới có căn cứ. Có như vậy thì triều đình không cần phải nghe luận bàn những điều không phù hợp với thực tế. Những người đảm nhiệm công việc, nếu như tài trí không đủ để đảm nhiệm công việc được phân theo chức trách, thì bãi miễn chức vụ, thu hồi ấn tín. Đối với những người khoắc lác thì vua cần nghiên cứu kỹ sự tình, điều tra nếu thấy lời nói không đi đôi với việc làm thì phải trách mắng thật nặng. Nếu như không có nguyên do đặc biệt nào khác, kết quả việc làm không giống như với lời nói, đó chính là đã lừa gạt nhà vua, thì cần phải tăng mức hình phạt. Nếu như lời nói phù hợp với thực tế thì bọn gian thần kéo bè đảng không thể tâu bẩm được gì với nhà vua.

— Phương pháp thông thường để khảo sát lời nói, những bậc bề tôi trung trực thường không tránh được sự hiềm khích, họ đem những sự việc gian trá tâu lên nhà vua, nói rộng ra mọi khía cạnh để nhà vua tự lựa chọn lấy một vấn đề. Nếu nhà vua không tường tận sự việc, thì kẻ gian sẽ có chỗ dựa để vu cáo. Một ông vua sáng suốt, nếu như nghe những lời nói làm xúc động lòng người mà trong lòng cảm thấy thích thú, thì cần phải xem xét lại các lời nói đã được nghe xem có xác thực hay không. Nếu là lời phỉ báng mà trong lòng vua cảm thấy tức giận, lúc ấy cũng phải kiểm tra lại xem lời nói ấy có đúng hay không. Còn nếu cần ra quyết định xử lý các lời nói ấy thì hãy để cho sự thích thú hoặc tức giận lắng xuống, khi đã bình tĩnh rồi mới thận trọng xem xét các lời nói ấy. Như vậy khi bề tôi có tâu bẩm gì, lời họ ca ngợi hoặc phỉ báng có đúng với thực tế hay không, đó là lời nói vì việc công hay xuất phát từ lợi ích riêng tư thì đến lúc này sẽ được

kiểm nghiệm. Bề tôi thường thích nêu ra nhiều ý kiến để tỏ rõ sự đa mưu túc trí, đến khi được vua chọn một phương án thì cũng để họ tránh được tội lỗi. Cho nên đến một lúc kia bề tôi đưa ra nhiều ý kiến khác nhau, sẽ ảnh hưởng đến sự lựa chọn chính xác của nhà vua đối với các lời đề nghị. Vì vậy vua phải cấm bề tôi không được cùng lúc đưa ra nhiều ý kiến khác nhau mà chỉ được khẳng định một ý kiến. Dem kết quả được biểu hiện đối chiếu với lời nói trước đây xem có phù hợp hay không thì có thể biết được bề tôi ai là người giả trá, ai là người thành thực. Phương pháp nghe của một ông vua sáng suốt là không để cho bề tôi trình bày hai ý kiến mập mờ, mà nhất định chỉ cho phép họ chỉ có một phương án và họ phải dám chịu trách nhiệm về lời nói của họ. Họ không được tự tiện thích gì nói nấy, mà phải có sự thẩm định xác đáng thì mọi sự việc bất hợp pháp sẽ không còn phát sinh nữa (Bát Kinh, tham ngôn)

Giải thích :

Đây là một đoạn trong “Bát Kinh” bàn cách trị nước của vua có liên quan đến thuật “Tham ngôn”. Ở đây nhấn mạnh việc khi vua nghe người khác nói thì phải khảo chứng nhiều mặt trong thực tế mới có thể nhận biết mưu kế của bọn gian thần cấu kết bề đảng nhưng lại giả dạng chính trực. Lúc nhà vua vui sướng hay tức giận cũng đều phải biết kiềm chế bản thân, bình tĩnh để phán đoán tình hình, xử lý công việc. Nếu không sẽ bị bọn gian thần lợi dụng để đạt được mục đích nói xấu hay ca ngợi người khác.

Chỉ khi nào sử dụng lý trí để quan sát sự việc một cách khách quan, qua kiểm nghiệm thực tế mới có thể làm cho mọi người tin theo pháp luật, loại trừ được bọn gian tà luồn lọt.

3. Phải tổng hợp quan sát nhiều phương diện.

Bậc minh chủ không làm những việc mình chưa tham khảo kỹ, khi nghe tin, không được bỏ qua tin ở xa, tin ở gần cũng cần phải được lưu ý để khảo sát trong ngoài có gì sơ xuất. Phải phán

xét những lời nói giống nhau và khác nhau để phân biệt các bề đảng. Phải tìm nhiều luận chứng để khảo nghiệm các lời nói xem có phù hợp với tình hình thực tế hay không. Lấy các hành vi, sự việc sau này của bề tôi đối chiếu với các lời nói trước đây xem có phù hợp không. Chiếu theo pháp luật để trị vì dân chúng, phải biết tổng hợp quan sát nhiều phương diện, rồi thẩm tra lại cho kỹ càng. Mỗi loại khen thưởng phải phù hợp với công lao. Kẻ nào mắc tội thì phải bị trừng trị theo pháp luật, nhất quyết không miễn trừ cho bất cứ một ai, có như vậy thì các hành vi gian tà phạm pháp mới không có chỗ tồn tại. (Bị nội)

Giải thích :

Hàn Phi Tử cho rằng con người ta vốn bản tính tự tư tự lợi, các hoàng hậu thứ phi thường liên kết với đám bề tôi gian thần cũng chỉ vì quan hệ đến quyền lợi riêng tư, vì quyền uy danh lợi họ luôn có ý đồ ám hại nhà vua cho nên nhà vua cần phải đề cao cảnh giác, ngoài việc không được ăn những thứ chưa ăn qua hoặc những thức ăn không rõ lai lịch, thì còn phải nghe ý kiến của bề tôi, phải quan sát hành vi của họ; tốt nhất phải dùng phương pháp khảo sát cẩn thận rõ ràng, kiểm chứng nhiều phương diện trong thực tế để từ đó chiếu theo pháp lệnh mà thi hành một cách khách quan, chỉ có như vậy mọi nguy cơ mới được giải trừ.

4. Có người ngồi trước bếp che khuất ngọn lửa

Thời Vệ Linh Công, Di Tử Hà là trang nam tử khôi ngô rất được vua yêu mến nên ông ta độc đoán, tự tiện làm mọi việc. Có một người hề lùn khi tiếp kiến nhà vua đã nói rằng : “Mộng của thần ứng nghiệm rồi”. Vệ Linh Công hỏi đó là mộng gì ? Người hề lùn ⁽¹⁾ bèn trả lời “Thần nằm mộng thấy chiếc lò trong bếp đang có lửa, vừa lúc thần lại được gặp bề hạ”.

(1) Thủ Nho là người lùn, thường làm trò hề cho vua. Họ thường đem lời cười cợt đối với bọn người hay đến tâu bẩm với vua. Người hề trong câu chuyện có lẽ cũng là một người lùn cận của vua Vệ Linh Công.

Vệ Linh Công nghe xong bất giác tức giận quát rằng : “Nói láo”. Vua bèn nói : “Ta nghe nói sắp gặp được vua thì sẽ mộng thấy rồng, sao người sắp gặp quả nhân mà lại mộng thấy bếp”. Người kia chẳng chút sợ hãi đáp rằng : “Nói đến mặt trời, tức ánh sáng chiếu khắp thiên hạ, bất cứ vật nào cũng không che lấp được còn một vị vua thì có thể chiếu khắp nước không còn người nào che khuất được. Vì vậy khi sắp gặp vua mới mộng trông thấy mặt trời. Còn bếp, chỉ vì có người đang nấu đứng trước bếp nên thường người phía sau không thể thấy lửa đang cháy trong lò. Nay mộng của thân là như vậy, nhất định có người nào đang che khuất sự minh sát của bệ hạ rồi. Nay thần có giấc mộng kỳ lạ như vậy, có phải là lời nói như vậy chăng ?” (Nội trừ thuyết thượng)

Giải thích :

Nếu làm vua mà không chịu nghe ý kiến của nhiều người, chỉ nghe ý kiến của vài bề tôi, thì nhất định sẽ có thành kiến, không thể tiếp thụ ý kiến của các thần tử khác. Nếu bị bưng bít lâu ngày thì vua hết cách để nắm được tình trạng của đám bề tôi. Người lùn trong câu chuyện cố ý lấy cái bếp thay thế cho mặt trời, ý muốn nói nếu nhà vua không bị che lấp mới là bậc minh chủ chiếu sáng khắp bốn phương, còn nếu như chỉ nghe lời một Di Tử Hà thì vua chỉ là một bù nhìn bị che khuất. Đây chẳng phải là câu chuyện rất ý nhị ư ?

5. Nhận làm Hà Bá

Có một người nước Tề bảo với vua Tề rằng : “Hà Bá là một vị thần, tại sao đại vương không thể gặp ngài ? Xin hãy để cho thần làm cho đại vương có thể gặp ngài”.

Sau khi được sự chấp nhận của vua Tề, ông ta bèn lập đàn tế thần trên bờ sông, ông ta và nhà vua đứng đợi ở đài cao trên sông. Một lát, một con cá lớn nổi lên quây ở trên sông, anh ta bèn chỉ vào cá nói rằng : “Đó là Hà Bá”. (Nội trừ thuyết thượng)

Giải thích :

Trong câu chuyện này, rõ ràng Tề Vương nhận lầm cá là Hà Bá, người đọc có thể nhận ra ngay là người nước Tề kia vốn là tên bịp bợm. Vua Tề quá tin ở ông ta, nên chỉ nghe mỗi mình ông ta, không đi tham khảo ý kiến của bề tôi khác, nên tiếng xấu này mới lưu truyền mãi.

6. Kẻ bắt tài kiếm danh lợi

Tề Tuyên Vương bảo đội nhạc thối sáo ⁽¹⁾ cùng một lúc. Vì thế nhiều người ở thành nam đến xin vào đội nhạc thối sáo. Tề Tuyên Vương rất vui mừng và đều thu nhận họ. Sau khi Tề Tuyên Vương chết, Mẫn Vương lên nối ngôi, ông chỉ thích gọi từng người đến trước mặt để thối cho ông nghe, thế là các vị ở thành nam kia tìm cách bỏ trốn hết. (Nội trừ thuyết thượng)

Giải thích :

Đội nhạc hợp tấu là cả dàn nhạc đều biểu diễn, còn độc tấu là sự xem xét năng lực của mỗi người. Bọn người ở thành nam ngày thường cùng thối chung với dàn nhạc. Một ngày kia Mẫn Vương muốn nghe riêng tiếng sáo vu của từng người, thế là họ chỉ có chước chuồn là hay nhất. Cách dùng người của vua cũng vậy, ngoài việc khảo sát toàn thể các bề tôi, phải đi sâu vào tìm hiểu thực trạng của mỗi người, nếu không e rằng đám bề tôi đông đúc hàng ngày thực chất chỉ là những người như đám thối sáo ở thành nam mà thôi.

7. Lời lẽ đôn đốc trách nhiệm phù hợp với công dụng

Nếu ai cũng ngu thì người mù không bị phát hiện, nếu ai cũng yên lặng thì không ai biết có người câm. Khi đánh thức họ dậy, bảo họ nhìn, vấn hỏi họ yêu cầu họ trả lời, lúc đó người câm và người mù không thể giấu được. Nếu không nghe lời nói của bầy

(1) Vu là một loại nhạc cụ tương tự như sáo, có 36 lỗ.

tôi thì những người không biết cách làm việc sẽ không bị phát hiện. Không giao công việc cho họ thì những kẻ bất tài sẽ không bị phát hiện. Nghe lời của một người thì phải tìm hiểu xem lời nói ấy có phù hợp với thực tế hay không, giao công việc cho anh ta làm để tìm hiểu khả năng và hiệu suất làm việc của anh ta. Như vậy kẻ bất tài vô dụng sẽ không thể che giấu được. Muốn lựa chọn một lực sĩ mà chỉ căn cứ vào lời họ tự khoe khoang thì sẽ không biết được giữa kẻ tầm thường có khác gì với Ô Hoạch ⁽¹⁾. Nếu như đưa cho họ một cái vại nặng bảo họ nhấc thử thì sẽ biết ngay ai là người mạnh kẻ yếu. Cho nên quan chức chính là cái vại để thử kẻ sĩ có tài năng hay không. Giao chức vụ thực tế cho họ để họ xử lý mọi công việc trong thực tế thì ai ngu hoặc ai trí sẽ phân biệt được ngay. Cho nên phát hiện kẻ bất tài thường từ lời nói vô dụng của họ. Mà muốn phát hiện kẻ bất tài thì căn cứ vào việc họ không thể đảm đương chức vụ.

Nhiều kẻ lời nói không được ai dùng mà lại hay ba hoa, tự cho mình là nhà hùng biện. Chẳng được giao cho nhiệm vụ gì mà lại hay khoe khoang rằng mình là người sáng suốt. Các vua chúa thường bị mê hoặc bởi lời “hùng biện” của họ, bị gạt vì sự “Cao minh” của họ, thế là họ được tôn quý và hiển vinh. Như vậy chẳng khác nào không đợi họ có nhìn thấy đồ vật hay không đã cho họ có thị lực tốt, không đợi họ có trả lời được hay không đã cho họ có tài hùng biện, thế thì làm sao phát hiện được kẻ mù người câm ? Bậc minh chủ nghe lời nói của bầy tôi, nhất định phải xem xét lời nói ấy có đem dùng được hay không, khi xem xét hành vi của bề tôi thì xem hành vi ấy có đạt kết quả gì hay không. Nếu được như vậy thì các học thuyết trống rỗng hủ lậu sẽ không còn được đem ra bàn và các hành vi kiêu căng cũng không có người dùng nó đi tô điểm nữa (Lục thần)

(1) Ô Hoạch là đại lực sĩ đời Tần Vũ Vương, có thể nhấc được ba vạn cân. (Trung Hoa)

Giải thích :

“Minh chủ thính kỳ ngôn tắc trách kỳ dụng, quan kỳ hành tắc trách kỳ công” (Ông vua sáng suốt khi nghe lời nói thì biết lời nói ấy có sử dụng được hay không, xem hành vi thì biết việc làm có kết quả hay không). Đó là trọng điểm của bài viết này. Nghe lời nói thì phải lấy công dụng của lời nói ấy để làm tiêu chuẩn đánh giá một cách thực tế rõ ràng, để bề tôi không còn đưa ra lời lẽ khoác lác mà phải nói những lời nói có thể dùng vào thực tế mới được.

Phái pháp gia chủ trương lấy thực tế làm thước đo kiểm nghiệm chứ không dựa vào các lời nói hư không để quyết định dùng người. Hề nói được, nhìn được thì đó không phải là người cầm người mù, có thể nhắc được vạn cân thì mới là đại lực sĩ, có thể đảm nhiệm tốt được chức vụ mới xứng đáng làm quan, mọi lời dèm pha hay ca ngợi đều không thấy được thực sự công dụng chủ yếu của phái pháp gia trong thực tế chính trị là nguyên tắc người phải xuất phát từ có hiệu quả trong thực tế khách quan.

8. Mua trát Hoàn Châu

Vua Sở hỏi Điền Cưu (môn đệ của Mặc Tử) rằng ⁽¹⁾ Học thuyết của Mặc Tử rất nổi tiếng, ông đã suốt đời làm việc hết mình, vậy mà về phương diện ngôn từ ông không để ý trau chuốt, vì lẽ gì vậy ?

Điền Cưu trả lời rằng : “Vua Tần Bá gả con gái cho công tử nước Tấn ⁽²⁾ trang điểm cho cô dâu nhiều đồ trang sức lại đưa theo 7 cô hầu mặc áo gấm ⁽³⁾. Sau khi đến Tấn thì người nước Tấn lại thích các người tỳ thiếp, còn con gái của Tần Bá bị xem thường. Như vậy có thể nói họ khéo gả các nàng thiếp mà không

(1) Điền Cưu là người nước Tề, theo học thuyết của Mặc Tử

(2) Tần Bá tức Tần Mục Công. Tấn Công tử là Trùng Nhĩ, tức Tấn Văn Công sau này.

(3) “Tùng y Văn chi ánh thất thập nhân”. “ánh” là các cô gái theo hầu người đàn bà xuất giá, sau khi đến nhà trai họ thường ở lại làm thiếp.

khéo gả con gái". Có người nước Sở bán châu báu qua nước Trịnh, để tô điểm cho viên ngọc châu, ông ta đã đặc biệt làm một cái hộp bằng gỗ mộc lan xông hộp bằng gỗ quế tiêu cho thơm, lại dùng ngọc châu điểm tuyết, trang sức bằng ngọc Mai Khôi⁽¹⁾ lót ngọc bằng ngọc Phỉ Thúy. Người nước Trịnh bèn mua chiếc hộp, còn hạt châu đem trả lại ông ta. Như vậy là khéo bán hộp mà lại không khéo bán hạt châu.

Ngày nay một số nhân sĩ thường hay dùng lời nói văn hoa để làm rung động người nghe, còn nhà vua thì bị mê hoặc bởi những lời nói khéo ấy mà quên đi giá trị thực của nó. Như vậy có khác chi việc người Sở bán hạt châu và Tần Bá gả con gái. Lời lẽ của Mặc Tử thì thật là hay nhưng ông không dùng lời văn hoa trau chuốt chính là vì lẽ đó. (Ngoại trừ thuyết tả thượng)

Giải thích :

Sự trang sức nếu quá đáng thường dễ làm cho người ta chú ý đến tiểu tiết mà quên đi bản chất. Giống như chiếc hộp đựng đồ trang sức làm sao đẹp được bằng viên ngọc, các cô gái theo hầu công chúa làm sao sánh được với nàng thiếp. Cho nên học thuật là để phát huy nội dung chứ không thể chỉ quá quan tâm đến việc sử dụng từ ngữ để trau chuốt, nếu không người ta chỉ chú ý đến lời lẽ trau chuốt văn hoa mà bỏ qua ý tứ thâm trầm sâu sắc. Vua nghe bề tôi trình bày thì phải yêu cầu họ dùng lời thiết thực chứ đừng quá màu mè trau chuốt văn vẻ, đó cũng là ý chính của bài này.

9. Điều bằng gỗ không thực dụng bằng đòn xe

Mặc Tử làm một con điều bằng gỗ⁽²⁾ làm ba năm mới xong, vậy mà mới bay được một ngày thì điều đã hỏng. Đệ tử bảo với

(1) "Mai Khôi" tức là đá đẹp, còn gọi là Hắc Vân mẫu thạch, còn các loại hương mộc như mộc lan, quế, tiêu là loại mộc, Mai Khôi và Phỉ Thúy là đá quý.

(2) Điều làm bằng gỗ có thể bay được, đó có thể coi là chiếc máy bay sớm nhất của loài người.

ông rằng : “Tay nghề của thầy thật khéo, thầy có thể làm được điều gỗ bay được”. Mặc Tử than rằng : “Ta không khéo tay bằng người làm ra cái đòn xe ⁽¹⁾ ! Họ chỉ dùng một khúc cây dài, không cần đến hết buổi sáng đã làm xong chiếc đòn xe có thể kéo được 30 thạch, lại đi được xa, sức lại mạnh, thời gian sử dụng lại lâu dài. Còn ta lại làm điều gỗ, ba năm mới làm xong, mới bay được một ngày đã hỏng” Huệ Tử nghe xong câu nói trên bèn bảo : “Mặc Tử đúng là một người có tài nghệ, vì ông cho rằng làm được chiếc đòn xe mới là nghệ thuật tinh xảo, còn làm được điều gỗ chỉ là việc làm của kẻ vụng tay”.

Giải thích :

Quan niệm của Mặc Tử mang tính thực dụng. Con điều làm bằng gỗ mà có thể bay được, vốn là một việc đòi hỏi phải có đôi tay khéo léo, nhưng nếu xét theo quan điểm thực dụng thì điều gỗ đối với con người chẳng có ích gì, làm thì mất nhiều thời gian, sử dụng thì trong chốc lát, thật là không kinh tế. Còn cái xe thì trên thực tế đã giúp người chở đồ vật nặng, đường có xa bao nhiêu cũng đi đến được, dưới mắt của Mặc Tử, chỉ việc làm có lợi cho con người mới gọi là “xảo” (khéo). Ông dựa vào lợi ích thực tế để phân biệt khéo hay vụng. Quan niệm khéo vụng dựa trên lợi ích của con người của Mặc Tử rất đáng được chú ý.

10. Liên hồ vô dụng (Quả bầu cứng chẳng có ích lợi gì)

Nước Tề có một ẩn sĩ tên Điền Trọng ⁽²⁾, người nước Tống là Khuất Cốc gặp ông ta bảo rằng : “Tôi nghe nói chủ trương của tiên sinh là không dựa vào người khác để sống. Nay tôi có một quả bầu, cứng như đá, vừa dày mà lại không xuyên thủng được, tôi muốn đem nó biếu ông. Điền Trọng bảo rằng : “Bầu là giống

(1) “Nghê” : là chốt càng xe.

(2) Điền Trọng tức là Trần Trọng Tử trong sách của Mạnh Tử. Vì ông sống ở Dư Lăng nên gọi là Dư Lăng Trọng Tử.

hiếm và quý ở chỗ là nó có thể dùng để đựng đồ vật. Nay như ông nói quả bầu rất dày, lại không xuyên thủng lỗ được, vậy không thể dùng để đựng đồ vật. Nó lại cứng như đá nên xuyên không thủng để chứa rượu, vậy quả bầu này đối với tôi chẳng có ích gì". Khuất Cốc nói : "Tiên sinh nói rất đúng, vậy tôi sẽ đem quảng nó đi". Sự thực là Điền Trọng sống mà không nương tựa vào người khác thì đối với đất nước cũng chẳng có ích gì, giống như trái bầu cứng như đá vậy.

Giải thích :

Hàn Phi Tử cho rằng trong thời đại tiến hóa, loài người phải sống theo đoàn thể, mỗi người đều phải có nghĩa vụ hết lòng vì đoàn thể. Điền Trọng thuộc phái cao đạo, vốn là một bộ phận của Đạo gia, phái này coi trọng tự lực cánh sinh, không đi lại với người khác. Họ xa rời cuộc sống của cộng đồng, sắc lệnh của vua cũng mặc kệ, phúc lợi của xã hội họ không để ý đến. Loại người này tuy không thành mối họa cho xã hội nhưng đối với nước nhà họ cũng chẳng có ích gì. Đoạn này lấy việc Điền Trọng phê phán đối với bầu cứng, để nghiêm khắc lên án loại người tự tư tự lợi, đối với xã hội đất nước chẳng có ích gì. Đương nhiên quan điểm này xuất phát từ tư tưởng thực dụng.

VI. PHƯƠNG THUẬT DÙNG NGƯỜI

Từ cổ chí kim, những lãnh tụ anh minh, không ai là không biết cách dùng người. Hàn Phi Tử chủ trương nhà nước quản lý tốt đám quan lại, rồi số quan lại này sẽ điều khiển dân chúng. Ông yêu cầu phải làm theo đúng pháp luật, đốc thúc các quan phải đạt được hiệu quả tương ứng với chức vụ, phải dựa vào uy thế để có một phương thức làm cho đội ngũ quan lại được hoàn thiện.

1. Dùng thuật chọn quan lại

Bổ nhiệm người đảm nhận công việc là then chốt của sự tồn vong đối với quốc gia. Không có phương thức tốt để bổ nhiệm bề tôi thì nhất định sẽ bị thất bại. Những người được vua bổ nhiệm, nếu không phải là người có tài đức thì cũng là người tu thân liêm khiết. Nếu đã bổ nhiệm thì phải cho quyền quyết đoán công việc. Người có đạo đức chưa hẳn đã người thông minh. Nay nhà vua khen ngợi sự liêm khiết của họ mà lại bỏ qua việc họ chưa có đủ tài trí, thì những người u mê ngu muội như vậy khi xử lý công việc họ sẽ phán quyết những việc họ cho là đúng, mà thực tế thì trái lại, do đó công việc sẽ rối tung lên. Cho nên nếu không có phương pháp đúng đắn để bổ nhiệm bề tôi thì bổ nhiệm kẻ tài trí sẽ bị lừa gạt, bổ nhiệm kẻ có đạo đức thì công việc sẽ rối loạn. Đó là cái hại của việc không biết cách dùng người.

Phương pháp của ông vua sáng suốt là để cho người thấp kém có quyền phê phán bậc tôn quý. Nếu như thượng cấp có tội mà cấp dưới không tố cáo thì bản thân sẽ bị liên lụy, sẽ cùng bị một tội hình với thượng cấp. Nếu ai tự tố oan cho người khác thì kẻ vu cáo sẽ bị khép vào tội ấy. Cần phải nghe nhiều, xem nhiều để hiểu đúng thực chất sự việc. Khi nghe lời bàn bạc, chớ nên chỉ nghe ý kiến của một người, chỉ để một người truyền đạt mọi tin tức, có như vậy mới không lừa gạt được nhà vua. Phải dựa vào công lao để ban bố khen thưởng, phải thử tài năng để giao chức vụ, phải điều tra nguyên nhân của mọi việc, nếu là người có tài năng thì cần được khuyến khích khen thưởng. Có như vậy người ngu dốt mới không thể đảm đương chức vụ, người tài trí thì không dám gạt lừa nhà vua, việc chính sự sẽ không bị sai sót.

(Bát Thuyết)

Giải thích :

Sự bổ nhiệm quan chức có quan hệ đến việc tồn tại loạn của nước nhà. Tiêu chuẩn dùng người của vua thông thường

mà nói, nếu không dùng người tài trí thì dùng người hiền đức, cả hai tiêu chuẩn đó Hàn Phi Tử đều không tán hành. Theo ông, người tài trí chưa chắc đã có đạo đức, họ thường xuyên mưu mô để lừa gạt nhà vua. Còn người tu thân liêm khiết thì không đa mưu túc trí, phán quyết công việc thường tự cho mình đúng, làm cho sự việc rối tung lên. Cho nên tốt nhất phải có cách chọn lựa một cách thật khách quan. Đó chính là “Tặc đắc nghị quý” (người thấp kém được phê phán người cao quý); Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; đó là “thính vô môn hộ” (không nghe riêng ở một nhà nào) tức là phải biết lắng nghe nhiều ý kiến, đó là “kế công trình năng” (phải tính công lao theo khả năng mà giao việc) tức phải giao công việc và chức tước theo luật pháp, theo khả năng và theo công lao của mỗi người, và cũng dựa vào đó để khen thưởng. Như vậy, tuy không đề ra tiêu chuẩn là “trí” hay “hiền” nhưng mọi người được bổ nhiệm sẽ đều phải có tài trí và đức độ thực sự.

2. Dụng xá tự chủ (Thu dụng hay loại bỏ đều phải tự mình làm chủ)

Vua phải tự mình nắm quyền phế lập. Nước Chu có phiến ngọc, vua Trụ muốn có phiến ngọc ấy mới phái Giao Lịch đi nhận, nhưng Văn Vương không chịu giao, vua Trụ bèn phái Phí Trọng đến yêu cầu thì Văn Vương giao cho. Giao Lịch là người hiền tài còn Phí Trọng là kẻ vô đạo. Vì Châu Văn Vương không muốn người hiền được vua Trụ trọng dụng nên đã giao ngọc cho Phí Trọng. Văn Vương đề bạt Thái Công (Lã Vọng) bên bờ sông Vị là quân sư, đó là vì tôn trọng ông. Còn Văn Vương lại đem ngọc giao cho Phí Trọng, vì mong mỏi ông ta giúp mình tiêu diệt được vua Trụ. Cho nên trong chương 27 của sách Lão Tử có nói rằng : “Không tôn trọng thầy của mình, không yêu mến người mình nhờ cậy mà tự cho mình là thông minh, đó mới thật là lầm lẫn, đó còn gọi là đạo lý “ứng thế ảo diệu” (cách xử thế kỳ lạ).

Khổng Tử khi cai quản ở nước Lỗ, mọi cửa rơi trên đường

đều không có ai nhất để làm của riêng. Tề Cảnh Công cho rằng như vậy là đại họa đối với nước Tề. Lê Thả ⁽¹⁾ nói với Cảnh Công rằng : “muốn loại trừ Trọng Ni dễ như thổi một sợi lông. Tại sao bệ hạ không dùng bổng hậu chức cao để tiếp đãi Khổng Tử, không dâng cho Ai Công ⁽²⁾ một đội vũ nữ để làm mê hoặc nhà vua ? Ai Công mới nhận được đội vũ nữ nhất định sẽ mê mẩn mà bỏ bê chính trị, Khổng Tử nhìn thấy nhất định sẽ can gián, mà ông ta vừa can gián thì nhất định sẽ bị vua Lỗ loại trừ” Cảnh Công nói : “được”. Thế là Cảnh Công lệnh cho Lê Thả chọn một đội vũ nữ 10 người đưa sang nước Lỗ tặng cho Ai Công. Ai Công đắm chìm trong vui thú triền miên, quả nhiên bỏ bê cả triều chính. Khổng Tử can gián nhưng Ai Công không nghe, ông bèn rời bỏ nước Lỗ để đến nước Sở. (Nội trừ thuyết hạ)

Giải thích :

Hai câu chuyện trên đây đều nói về việc tranh chấp giữa các nước. Nước đối địch thường tìm cách phế lập những quan chức lớn của nước đối phương. Bởi vì một bề tôi trung hiền đức của kẻ địch là uy hiếp lớn đối với nước mình, còn gian thần của nước đối địch lại có thể giúp đỡ nước mình trong việc tiêu diệt nước họ, đó là chỗ dựa của nước đối địch. Văn Vương lợi dụng Phí Trọng để ông ta làm nhiễu loạn tâm ý của Trụ Vương. Tề Cảnh Công lập kế để vua Lỗ không dùng Khổng Tử bởi vì Khổng Tử giúp vua Lỗ trị vì được thiên hạ, điều đó làm cho vua Tề cảm thấy bị uy hiếp. Vua dùng người nhất thiết phải nắm lấy quyền phế lập, đó chính là mấu chốt của sự vong tồn của một quốc gia.

3. Nhân tài khí sử

Phải dựa vào tài năng mà bổ nhiệm quan lại. Bậc minh quân lập ra bổng lộc quan chức là để sử dụng người hiền tài, khen thưởng người có công. Cho nên có thể nói rằng hễ là người hiền

(1) Lê Thả trong các tác phẩm thời xưa đều là một tên mượn, họ “Lê” là họ phổ biến.

(2) Theo “sử sự” thì là “Định Công” chứ không phải là “Ai Công”.

tài thì sẽ được bổng lộc dồi dào, quyền cao chức trọng, hễ là người lập được công lao sẽ được quyền cao chức trọng, được trọng thưởng. Muốn bổ nhiệm một người hiền tài làm quan phải ước đoán được năng lực của người ấy, muốn ban cho bề tôi bổng lộc phải xứng đáng, phải phù hợp với công lao của họ, vì vậy người hiền tài không phải phô trương tài năng của mình để phụng sự nhà vua, người có công thì vừa lòng với chức vị của mình để còn được thăng tiến, vì vậy mà mọi việc mới thành công sự nghiệp mới được tạo dựng.

Ngày nay (...) thì không còn được như vậy. Vua không xem xét ngay được việc cất nhắc có phải là người hiền tài hay không, không hỏi xem họ có công lao gì, mà chỉ dựa vào sự tâu bẩm của đám chư hầu quyền thế, chỉ nghe lời tiến cử của đám cận thần rồi bổ nhiệm quan chức. Các bậc cha anh của đại thần xin xỏ nhà vua tước vị bổng lộc rồi đem bán cho người khác để thu tiền của cho riêng mình, lập bè đảng. Vì vậy những kẻ có nhiều tiền của vàng bạc thì mua quan tước để cầu được cao sang quyền quý. Những kẻ nhờ giao du với đám cận thần của vua mà xin xỏ được chức quyền. Những người có công lao thật sự thì không được thăng quan tiến chức. Việc phong sắc chức tước hoàn toàn không dựa vào luật pháp. Vì vậy quan lại đều lơ là công việc, chỉ chuyên lo giao du với đám chư hầu mà quên cả chức phận của mình, luôn để tâm đến lợi ích của bản thân. Kết quả là người hiền tài thì làm biếng, đó chính là cách thức làm cho đất nước sớm bị tiêu vong (bất gian).

Giải thích :

Dùng người phải có chỗ dựa, đó là xem tài năng mà phong quan chức, xem công lao mà phong bổng lộc, kỳ thực đó là cái mà pháp luật gọi là : “Nhân nhiệm nhi thụ quan, tuân danh nhi trách thực”. Nếu không làm như vậy mà chỉ nghe chư hầu, nghe sự xin xỏ của đám cận thần thì vận mệnh đất nước như ngàn cân treo sợi tóc, sớm muộn gì cũng sẽ bị diệt vong.

4. Chuyên nhiệm phân chức (Mỗi người nhận một chức trách rõ ràng).

Trong một nước ổn định thì bề tôi khi đã nhận một chức vụ nào đó sẽ ra sức cống hiến công lao cho đất nước. Khi đã nhận một chức vụ nào đó người ta sẽ biểu hiện tài năng thông qua việc thi hành nhiệm vụ. Khi gánh vác một chức trách thì người đó phải tuân theo pháp luật mà làm việc hết mình. Khi bề tôi nhận một chức vụ phù hợp với năng lực của họ thì họ sẽ hoàn thành nhiệm vụ một cách nhẹ nhàng và tận tâm tận lực để làm việc, chứ không dây dưa bề trễ. Mỗi người giữ một chức vụ, tuyệt đối không giao cho một người quá nhiều chức vụ. Nếu một người giữ nhiều chức vụ thì sẽ dẫn đến nội tình chưa chấp oán hờn, dẫn đến loạn đoạt ngôi giết vua, bên ngoài thì sẽ kêu ca về việc các quan làm việc không hợp với khả năng, không thể đảm trách nhiệm vụ của mình, dẫn đến họa thất bại nhục nhã. Một ông vua sáng suốt sẽ không để cho công việc của các quan lại chống đối, trái ngược nhau, như vậy sẽ tránh được sự tranh cãi giữa các quan. Không để cho một người kiêm nhiệm nhiều chức vụ thì công việc của họ sẽ thuần thực, ưu việt. Mỗi người có một công việc thì càng dễ lập được công lao khác nhau, như vậy sẽ tránh được sự tranh chấp kèn cựa. Khi mỗi người được đặt đúng vào công việc phù hợp với năng lực của mình thì sự tranh luận sẽ lắng xuống, không còn phải so tài xem ai giỏi ai dở, người ta sẽ không còn tìm cách để làm hại người khác, đó chính là cơ sở chính trị tốt đẹp nhất của một nước. (Dụng nhân)

Giải thích :

Trong sách “định pháp” có phần “trị bất đương danh”, trong thiên “nhị bính” có phần “thần bất đắc Việt quan nhi hữu công” đều nhấn mạnh rằng bề tôi ai cũng có chức trách riêng của mình, không thể tự ý vượt quá chức vụ quyền hạn của bản thân. Sách “Dụng nhân” phần đầu cũng có nói rõ bề tôi phải giữ chức vụ phù hợp với tài năng của mình. Khi giao chức trách thì phải có công việc và quyền hạn rõ ràng, một người không kiêm nhiều chức và không kiêm nhiều việc. Điều đó không những để cho vua

trong việc giám sát bề tôi, còn bề tôi thì không thể đùn đẩy công việc và trách nhiệm ai cũng hết lòng lo hoàn thành công việc của mình, mọi người không xung đột với nhau, ai cũng đồng tâm hiệp lực vì đất nước không ai nghĩ đến việc tranh chấp quyền bính, bỏ được họa bề tôi chỉ lo loại trừ nhau. Làm được cái việc ấy không phải là dễ, cho nên mới nói rằng đạt được như vậy thật là một xã hội tốt đẹp.

5. Theo tuần tự đi lên.

Đạm Đài Tử Vũ có dung mạo của người quân tử, Trọng Ni để ý và thấy vừa ý về anh ta. Nhưng tiếp xúc lâu dài với anh ta, Trọng Ni mới phát hiện ra hành vi và hình thức của anh ta không giống nhau, lời nói của Tể Ngã thanh nhã văn hoa, Khổng Tử nghe lọt tai, nhưng tiếp xúc lâu ngày mới phát hiện rằng trí tuệ của anh ta không bằng lời nói của anh ta. Cho nên Khổng Tử bảo rằng : “Coi dung mạo mà chọn người, ta đã làm về Tử Vũ, nghe lời nói để thu nhận người, ta đã làm nơi Tể Ngã”. Người thông minh sáng suốt như Khổng Tử mà còn có lúc nhận lầm người, nay bọn thuyết khách mới thời nay miệng mồm còn khéo léo hơn Tể Ngã, còn năng lực quan sát con người của vua chúa mù mờ hơn Trọng Ni nhiều, hễ thích lời nói của ai đó bèn bổ nhiệm chức tước cho họ, thì sao khỏi lầm lẫn trong công việc. Do đó vua Ngụy nghe tài hùng biện của Mạnh Mào mới bổ nhiệm ông ta, vì vậy mới có cái họa thâm bại ở chân thành Hoa Dương ⁽¹⁾. Vua Triệu nghe lời ba hoa của Triệu Quát mới tin dùng ông ta, vì vậy mới gặp phải thâm họa ở Trường Bình ⁽²⁾. Hai việc đó đều là khuyết điểm của việc chỉ nghe lời khoác lác mà bổ nhiệm.

(1) Năm 34 Tần Chiêu Vương. Tướng Ngụy là Mạnh Mào đánh Hàn, tướng Tần là Bá Khởi cứu Hàn đã đại phá Ngụy quân ở Hoa Dương, diệt 15 vạn quân, Mạnh Mào đại bại. Ngụy phải nhượng đất Tu Vũ và giảng hòa với Hàn, Hoa Dương tức Hoa Hạ, nay thuộc Hà Nam, trong sách sử không nói về Mạnh Mào nổi giết.

(2) Năm 47 Tần Chiêu Vương đã dùng gian kế để Triệu Hiến Thành Vương phế truất Liêm Pha đưa Triệu Quát thống lĩnh quân đội. Triệu Quát có tài ăn nói, là con của Triệu Xa, được phong tập tước. Ông ta bàn về việc quân có bài có bản, nhưng chỉ là người hữu danh vô thực, không phù hợp với việc cầm quân. Kết quả khi tướng Tần là Bạch Khởi ra quân đánh Triệu, Triệu Quát đại bại đầu hàng, 20 vạn quân bị chôn sống ở Trường Bình, làm suy yếu thế lực nước Triệu.

Chỉ nhìn thấy ngọn lửa khi luyện kiếm to hay nhỏ, ngọn lửa có màu xanh hay vàng rồi cho là có tài luyện kiếm hay không, thì ngay cả Chu Giả cũng không thể quyết định kiếm đó là tốt hay xấu. Còn có thể chém chết con ngỗng ở dưới nước, chém ngang con ngựa ở trên cạn, thì ngay cả bọn nô bộc ngu dốt cũng không phải hồ nghi xem kiếm đó sắc hay lụt. Chỉ vạch mồm ngựa xem răng, rồi ngắm nghĩa hình dáng bên ngoài của nó thì ngay như Bá Lạc là người rất giỏi về ngựa cũng không thể quyết định được giá trị của con ngựa. Nhưng nếu thắng ngựa vào xe rồi cho kéo xe chạy, cứ quan sát suốt dọc đường nó chạy, thì ngay đến một tên nô tỳ kém cỏi cũng không thể hoài nghi xem con ngựa đó hay hoặc dở. Nếu chỉ nhìn tướng mạo hay cách ăn mặc của một người, chỉ nghe lời anh ta nói, thì ngay đến cả bậc thánh nhân như Khổng Tử cũng không thể phán đoán được trí tuệ của người đó. Còn nếu giao cho anh ta một chức trách, rồi xem xét năng lực của anh ta, xem thành tích mà anh ta đã đạt được trong công việc, thì ngay đến cả người bình thường cũng có thể biết rõ anh ta là người thông minh hay ngu dốt, cho nên bổ chức quan của một ông vua sáng suốt phải bắt đầu thăng tiến từ một chức nhỏ ở châu quận, còn một vị mãnh tướng thì phải được tuyển chọn từ anh lính tốt đen. Người có công lao nhất định phải được khen thưởng và sự ưu đãi về chức tước bổng lộc có tác dụng khuyến khích động viên. Còn đối với việc thăng quan tiến chức thì chức vụ càng lớn phải càng có tài cai trị. Tước lộc phải có tác dụng động viên khuyến khích, chức vụ là để biết cách điều hành công việc, đó là đạo lý để thống nhất được thiên hạ. (Hiển học)

Giải thích :

Đoạn văn trên nhấn mạnh về việc có một số loại người hữu danh vô thực, vì vậy, muốn hiểu rõ về một con người phải quan sát họ lâu dài, quan sát không vẫn chưa đủ mà phải qua thử thách trong cuộc sống. Ví như việc Chu Giả phán đoán xem kiếm tốt hay xấu, Bá Lạc xem ngựa nào hay ngựa nào dở, nếu thử xem lại

chín mươi lần mà phát hiện không có vấn đề gì vẫn phải chém thử xem kiếm dùng trong thực tế như thế nào, phải đem ngựa mắc vào xe xem nó chạy như thế nào, mới rút ra kết luận. Bậc minh quân dùng người cũng như vậy, chẳng cần bàn xem về danh nghĩa họ là người hiền tài như thế nào, chỉ cần khảo nghiệm qua thực tế xem họ có tài xử lý tốt công việc ở chức vụ của họ hay không, công việc của họ có kết quả tốt đẹp hay không sẽ biết ngay họ có phải là người hiền tài hay không.

VII — CÁCH THỨC QUAN SÁT

Hàn Phi Tử cho rằng địa vị cao quý quyền cao chức trọng của nhà vua là đối tượng để đám quan lại dòm ngó, hầu hết mọi người đều không thật lòng thương yêu nhà vua, mà họ chỉ mong dựa vào vua để cầu được danh lợi cho nên không tránh khỏi dám bày tôi luôn làm điều bộ giả dối trước vua, vì vậy vua cần phải đề phòng. Bài trước đã đề cập đến việc nhà vua phải biết cách bình tĩnh yên lặng khi nghe bề tôi đề đạt ý kiến, phải vận dụng phương pháp đòi hỏi danh nghĩa phải phù hợp với thực chất và tên gọi.

Nghe người khác nói, muốn bổ nhiệm họ phải qua khảo sát toàn diện, phải đòi hỏi người có thể làm được việc. Thực ra khảo sát như đã trình bày ở trên là đủ để đề phòng bề tôi chỉ lấy dáng vẻ giả dối bên ngoài để che đậy thực chất, nhưng Hàn Phi Tử còn nhiều cách để đối phó quan sát sự chân, giả ở đám bề tôi, sau đây là một số câu chuyện.

1. Không để cho bày tôi đoán được ý nghĩ của vua

A — Huyện lệnh Bàng Kính sai một số viên lại đi tuần tra chợ, rồi gọi riêng người đội trưởng trở lại, bảo anh ta đứng bên cạnh mình một lúc nhưng chẳng bảo gì với anh ta, sau đó bảo anh ta tiếp tục đi tuần. Những người cùng đi tuần tra cho rằng huyện lệnh đã có dặn riêng gì với viên đội trưởng nên không tin anh ta

nữa, cuối cùng cả đám không dám làm gì phạm pháp (nội trừ thuyết thượng)

B — Đái Hoan là Thái Tể nước Tống, ban đêm cho gọi cấp dưới vào bảo : “Ta nghe nói mấy tối nay có xe bị kín đi đến nhà của viên cai ngục, người hãy đi dò xét kỹ cho ta”. Người được sai sau khi dò xét thì lại báo cáo rằng : “Chẳng có xe bị kín nào cả, chỉ có mấy người cầm giỏ tre trong đó có đựng quần áo hoặc thức ăn nói chuyện với viên cai ngục, một lát sau cai ngục nhận lấy cái giỏ ấy”. (nội trừ thuyết thượng)

Giải thích :

Ở câu chuyện trên Bàng Kính làm cho đội trưởng đội tuần tra và nhân viên quan sát lẫn nhau để nghi ngờ nhau, từ đó không dám làm điều phi pháp. Thực ra khi gọi người đội trưởng đội tuần tra lại, ông có dặn dò gì đâu.

Câu chuyện thứ 2, Đái Hoan thực ra không dặn người thuộc hạ tìm xem chứng cứ người cai ngục ăn hối lộ, chỉ yêu cầu phải xem xét mấy cái xe bị kín, kết quả là người kia dò xét được hành vi ăn hối lộ của viên cai ngục.

2. Nắm thật rõ ràng sự việc để thẩm vấn bề tôi.

A. Hàn Chiêu Hầu phái kỵ sĩ đi thị sát huyện lý, khi kỵ sĩ trở về, Hàn Chiêu Hầu hỏi rằng : “Có nhìn thấy gì không ?” Kỵ sĩ trả lời : “Không nhìn thấy gì cả” Hàn Chiêu Hầu bèn hỏi : “Tuy nói vậy nhưng cũng phải không thấy gì chứ ?” Người kỵ sĩ bèn trả lời : “Ngoài cửa nam có mấy con nghé con đang gặm cỏ bên vệ đường”. Chiêu Hầu bèn bảo : “Những điều ta hỏi người, người không được tiết lộ với ai, chỉ có ta và người biết việc ấy” Kể đó Hàn Chiêu Hầu bèn hạ lệnh : “Đang lúc mạ đang lên xanh tốt, cấm trâu bò ăn cỏ ở ruộng. Vốn trước đây đã có lệnh này nhưng các quan bản địa không làm hết phận sự, để cho rất nhiều trâu bò vào ruộng ăn lúa của mọi người. Vậy ta ra lệnh các quan bản địa phải điều tra gấp số bò ngựa vào ruộng trình lên cho ta, nếu làm

không được sẽ bị tội nặng”. Thế là ba hướng, đông, tây, bắc cồng thành đều trình lên. Chiêu Hàn bảo : “Vấn chưa đủ”. Các quan đi điều tra mới phát hiện mấy con bò đang ăn lúa phía nam cồng thành. Các quan đều cho rằng Hàn Chiêu Hầu có đôi mắt tinh như thần, việc gì cũng biết hết nên mọi người đều sợ mà không dám làm điều bậy bạ. (nội trừ thuyết thượng)

B. Hàn Chiêu Hầu cắt một móng tay của mình rồi giấu trong bàn tay, tiếp đó ông bảo với bảy tôi rằng ông bị mất một móng tay, bảo phải tìm gấp. Thế là trong đám tá hữu có người đi cắt móng tay của mình dâng cho Chiêu Hầu, từ phương pháp đó ông mới biết rằng đám bề tôi của mình ai là người thành thực, ai là người không thành thực. (nội trừ thuyết thượng)

3. Nói ngược lại để điều tra vấn đề mình đang còn nghi vấn (Đảo ngôn phản sự)

A. Vệ Tự Công phái người giả trang làm lữ khách đi qua cửa ải, người canh cửa ải làm khó dễ, thế là người kia bèn đem tiền hối lộ ông ta, mới được đi qua. Vệ Tự Công bèn cho gọi viên quan canh cửa ải kia lại bảo với ông ta rằng : “Ngày nọ tháng nọ có người khách đi qua cửa ải, phải nộp tiền ông mới cho đi qua”. Người canh cửa ải sợ hết vía, cho rằng Vệ Tự Công phải có đôi mắt thần mới minh sát kỹ càng như vậy.

B. Tử Chi là quan tể tướng của nước Yên, đang ngồi giả bộ nói : “Có phải là có con ngựa trắng chạy qua ngoài cửa phải không ?” Kê tả hữu bèn bảo rằng : “Bẩm không trông thấy gì cả”. Có một người chạy đuổi theo, trở về báo cáo rằng : “Bẩm thật là có con ngựa trắng” Tử Chi đã dùng biện pháp này để biết được kẻ tả hữu ai là người thành thật, ai là người không thành thật. (nội trừ thuyết thượng)

4. Đề phòng bề tôi nắm lấy sự việc để nhiều loạn lời phán đoán của vua.

Như kiểu mượn tay kẻ khác, Sở Vương có ái thiếp tên Trịnh

Tụ, nay lại có thêm một mỹ nữ. Trịnh Tụ dạy bà ta rằng : “Đại vương rất thích mỹ nhân lấy tay che miệng, nếu em gần đại vương, em nhất định nhớ lấy tay che miệng”. Mỹ nhân tiếp kiến đại vương, khi đến bên cạnh nhà vua, nhớ đến lời dặn của Trịnh Tụ bèn che miệng. Sở Vương lấy làm lạ mới hỏi nguyên nhân, Trịnh Tụ thưa rằng : “Điều đó biểu thị cô ấy không thích mùi hôi trên người Đại vương”.

Sau đó có một lần Sở Vương cùng ngồi xe với Trịnh Tụ và mỹ nữ, Trịnh Tụ đã dặn trước những người hầu hạ hai bên : “Nếu đại vương có nói điều gì, các người nhất định phải mau thực hành ngay”. Mỹ nữ đi đến rất gần nhà vua bèn lấy tay che miệng, nhà vua vô cùng tức giận nói : “Hãy xẻo mũi nó”, lập tức người hầu xung quanh bèn lấy dao cắt ngay mũi của mỹ nữ.

Giải thích :

Trịnh Tụ là một người mưu lược, mỹ nữ đã bị đánh lừa, Sở Vương cũng có lúc khó phân được rõ chân tướng của sự việc, cuối cùng cũng bị mắc bẫy. Trịnh Tụ sợ mỹ nữ được sủng ái, chiếm địa vị của mình, thế là nghĩ ra độc kế, cho nên làm vua cần phải tỉnh táo đề phòng để nhận biết sự việc một cách đúng đắn.

5. Cần xem ai dựa vào việc làm mờ ám kiếm lợi (lợi hại hữu phản)

Lúc Hàn Chiêu Hầu ⁽¹⁾ tắm, phát hiện trong nước nóng có cả đá sạn, bèn hỏi : “Nếu như người trông coi việc tắm rửa bị bãi chức thì ai có thể thay thế được” tả hữu trả lời rằng : “Thưa có”. Hàn Chiêu Hầu bảo : “Gọi người ấy đến đây cho ta”. Người kia bèn hăm hở đi đến. Hàn Chiêu Hầu bèn nghiêm mặt mắng rằng : “Tại sao người dám bỏ đá vào nước nóng ?” Người kia sợ mất mặt, ấp úng trả lời rằng : “Muôn tâu nếu người trông coi việc tắm rửa bị bãi chức thì thần có hy vọng được sung vào chức ấy, cho nên mới nghĩ cách hại ông ta bằng cách cố ý bỏ đá dăm vào trong nước nóng.

(1) Nguyên văn là Hy Hầu, tức Chiêu Hy Hầu, tức Hàn Chiêu Hầu.

Giải thích :

Hầu hết các sự việc phát sinh đều có người nhân đó mà kiếm lợi, có người do đó mà bị hại. Khi phát sinh sự việc, nếu như có lợi, theo lẽ thường người chủ quản công việc ấy sẽ được lợi. Nhưng sự việc cũng có chỗ khác lạ là rõ ràng việc tốt nhưng lại không có lợi mà lại còn có hại, khi đó cần phải minh xét. Ai sẽ được lợi nhờ những sự mờ ám ấy ? Người ấy thường là người làm việc bậy bạ. Hàn Chiêu Hầu điều tra ra người đem đá bỏ vào nước nóng, bèn vận dụng ngay lý lẽ này. Có quyền “nội trừ thuyết hạ” khác lại ghi : Trong bát canh mà Hàn Chiêu Hầu ăn có một miếng gan sống, miếng thịt nướng mà tấn Văn Công đang ăn có sợi tóc bị cháy đều là do người giúp việc của đầu bếp gây ra, với hy vọng người đầu bếp bị bãi chức để bản thân được thăng tiến. Vậy làm vua sao có thể không khảo sát kỹ càng mọi việc ?

6. Đề phòng tám loại gian thần

Phàm bề tôi trở thành gian thần, có tám cách :

Thứ nhất là đồng sàng (chung giường) : Quý phu nhân hoặc sủng thần đẹp trai thường nhân khi nhà vua bày yến tiệc vui vẻ, cơi no rượu say, bèn đưa ra lời yêu cầu, bao giờ cũng được nhà vua chấp nhận. Bọn thần tử bèn đem vàng bạc đến hồi lộ để họ mê hoặc nhà vua.

Thứ hai là ở bên cạnh : Bọn hề lùn kếp hát luôn ở bên cạnh nhà vua. Vua chưa ra lệnh đã vâng vâng dạ dạ, lại còn bảo bọn sai dịch tung hô vạn tuế, họ có thể dự đoán được làm ý chỉ của nhà vua, họ còn xem xét hình dáng, nét mặt để được vui lòng chúa. Họ luôn luôn cùng tiến cùng thoái với nhà vua. Hễ vua đưa ra một ý kiến họ liền hưởng ứng, hễ vua đưa ra câu hỏi họ liền trả lời. Nhiều người cùng một lúc đồng thanh đồng điệu với nhà vua để từ đó làm thay đổi tâm trí của nhà vua. Bọn bề tôi, bên trong thì dùng vàng bạc châu báu để hồi lộ họ, bên ngoài thì cấu kết bè đảng giúp bọn gian thần làm điều phi pháp, để họ có thể làm thay

đổi tâm tư của nhà vua.

Thứ ba là loại phụ sứ (cha hoặc quan cận thần) : Đó là công tử con vợ thứ là người được vua thân thích yêu mến hoặc là quan đại thần trong triều đình, là người thường cùng với vua bàn mưu tính kế. Họ luôn ra sức đưa ra mưu kế nên nhà vua luôn nghe họ. Bọn gian thần bèn đem kỹ nữ dâng cho công tử, đem lời đường mật mua chuộc đại thần, để trong lúc luận đàm riêng tư nói giúp họ tăng thêm chức vị, được thêm bổng lộc, để khuyến khích các vị phụ sứ làm việc cho họ.

Thứ bốn là dưỡng ương (nuôi dưỡng tai ương) : Nhà vua thích có cung điện nguy nga tráng lệ, thích gái đẹp, chó khôn, ngựa tốt để mua vui. Bề tôi bèn vắt cạn sức dân để làm đẹp cung thất đền đài, tăng thuế khóa để điểm tô cho mỹ nữ, có chó khôn ngựa hay để làm vừa lòng nhà vua, mê hoặc tâm linh vua. Khi đã làm thỏa mãn được dục vọng của nhà vua, bọn gian thần ở giữa sẽ thu được nhiều tư lợi, đó gọi là nuôi dưỡng mầm họa của đất nước.

Thứ năm là dân manh (mị dân) : Bọn bề tôi làm hao của cải nhà nước để lấy lòng dân, thi hành chính sách ban các ân huệ nhỏ để thu phục lòng dân, khiến cho trong triều lẫn ngoài dân chúng đều ca ngợi họ, dùng cách thức này để che mắt nhà vua hòng đạt được ý đồ của bản thân.

Thứ sáu là du thuyết : nhà vua thường ở trong thâm cung, khó mà được nghe nghị luận ngôn đàm trong thiên hạ, nên rất dễ bị lời nói có lý lẽ làm thay đổi tâm ý. Bọn bề tôi bèn tìm hạng biện sĩ ở các nước chư hầu, hoặc nuôi dưỡng một số kẻ ăn nói giỏi ở trong nước dùng lời nói thao thao bất tuyệt phù phiếm văn hoa để mê hoặc nhà vua.

Thứ bảy là uy cường (uy quyền và sức mạnh) : Nhà vua căn cứ vào lời thị phi hay sự ca ngợi của quần thần và dân chúng để làm tiêu chuẩn của quyền hành, nếu quần thần và bách tính bảo rằng tốt thì vua sẽ cho là tốt, nếu quần thần và bách tính bảo

rằng không tốt thì nhà vua sẽ cho đó là không tốt, bọn quần thần bèn tụ tập quanh mình bọn hiệp khách mang gương, nuôi dưỡng đám hiệp sĩ cảm tử này để tỏ rõ sự uy nghiêm của mình, qua đó báo cho mọi người biết rằng nếu vào hùa với họ thì sẽ có lợi nếu không hỗ trợ cho họ thì thế nào cũng chết. Họ dùng cách thức này để dọa quần thần, bách tính, qua đó mà kiếm lợi cho riêng mình.

Thứ tám là tứ phương (uy hiếp bao vây khắp nơi) : Làm vua của một nước, nếu nước của mình nhỏ thì phải cung phụng nước lớn hơn, nếu binh lực yếu kém thì sợ binh đội của nước hùng mạnh. Những điều mà nước lớn đòi hỏi thì nước nhỏ nhất định phải nghe theo. Nước có cường binh đi đến đâu thì nước yếu nhược phải phục tùng theo. Bọn bề tôi bèn tăng cường thuế má, vét sạch kho tàng dự trữ, vét sạch của cải của nước nhà để đem đi bợ đỡ nước lớn, lại còn mượn uy vọng của nước mạnh để dụ dỗ nhà vua, yêu sách đủ điều, thậm chí còn kích động quân đội của nước mạnh áp sát biên giới để bên trong họ áp chế nhà vua, nếu nhẹ hơn còn nhiều lần dẫn sứ giả của nước lớn đến để dọa nạt nhà vua, làm cho nhà vua sợ hãi. Tám loại này bọn bề tôi thường dùng để rối loạn kỷ cương, vua chúa luôn bị bưng bít, bị ức hiếp đến nỗi mất hết tất cả, cho nên bậc vua chúa không thể không xem xét tỏ tường để phòng bị.

Bậc minh quân đối với các cung tần mỹ nữ cần vui hưởng sắc đẹp của họ, không nên nghe sự thỉnh cầu của họ, không cho họ xin riêng mình cái gì cả. Đối với kẻ tả hữu, khi sai phái họ làm việc gì phải đốc thúc họ cẩn thận, không đợi họ tham dự nhiều lời không thuộc trách nhiệm của họ. Đối với tặc cha anh, đại thân, cần nghe theo ý kiến của họ, xong việc cần phải phối hợp với việc thưởng phạt, không để họ tự ý tiến cử người khác.

Đối với việc thưởng thức các vật phẩm quý báu, cần phải biết xuất xứ của nó, không để cho bề tôi tự ý đem vào hoặc đưa đi để họ không thể truy xét được sở thích của nhà vua. Đối với việc

ban phát ân huệ, thì đem phát của cải ở trong kho hoặc phát lương thực tồn kho phạm là những điều có lợi cho dân đều phải do nhà vua chủ trì, không để cho bề tôi tự mình gia ân cho dân. Đối với các lời du thuyết, dù cho thuyết khách có tăng bậc hay phỉ báng ai đó, nhà vua cũng cần phải sát hạch tài năng cụ thể của họ, tìm hiểu tội trạng của họ, chứ không để cho bề tôi kéo bè kéo cánh bao che lẫn nhau. Đối với những người có sức mạnh trên chiến trường, lập được chiến công, thì dứt khoát phải được khen thưởng. Còn nếu chỉ lo dùng sức mạnh để đánh lộn thì kẻ có tội ấy tuyệt đối không được tha tội, không để cho bề tôi vì việc riêng mà thuê người đi làm việc cho mình.

Đối với các yêu sách của chư hầu, nếu hợp với pháp luật thì làm theo, nếu không hợp với pháp luật thì cự tuyệt, quần thần biết được mọi đòi hỏi của chư hầu không phải bao giờ cũng được đáp ứng thì sẽ không còn kết cấu với chư hầu. Còn chư biết rằng không phải mọi yêu cầu của họ đều được đáp ứng, thì sẽ không còn nghe theo những lời phù phiếm của bọn gian thần để vu cáo nhà vua. (Bất gian)

Giải thích :

Thiên “bất gian” phân tích những việc bọn bề tôi dựa vào để cấu thành việc phi pháp có tám loại, không thể không đáng để xem xét và tìm cách dự đoán để đề phòng. Hàn Phi Tử hy vọng nhà vua có thể nhận rõ gian tình để tỉnh táo nhằm đúng vấn đề, bàn tính đối sách thích hợp, đều là những vấn đề hiện thực thiết yếu mà chúng ta tìm các sự việc cụ thể trong sử sách một cách dễ dàng.

7. Lưu ý đến chó dữ và chuột bày.

Nước Tống có người bán rượu, cân đong cho khách rất đầy đủ, mời chào khách rất kính cẩn, mùi vị của rượu ngọt ngào thơm tho, lá cờ phía trước quán rượu được treo rất cao, nhưng rượu của ông vẫn bán không được, đến nỗi bị chua. Ông ta cảm thấy thật

kỳ lạ, bèn hỏi một người lớn tuổi quen với ông ta ở trong làng tên là Dương Sánh. Dương Sánh nghĩ một lát rồi hỏi : “Chó nhà anh có dữ không ?” Người bán rượu đáp : “Chó rất dữ thế tại sao rượu lại không bán được” Dương Sánh bảo : “Mọi người đều sợ chó của anh đấy. Có người bảo con trẻ cầm tiền xách bình đi mua rượu, vừa mới bước vào quán rượu gặp phải con chó nhe răng ra cắn người, thì hỏi ai mà chẳng sợ. Đó là nguyên nhân rượu bán không được nên bị chua đấy”.

Lại bàn đến chuyện quốc sự, cũng có chuyện chó dữ đấy. Có bậc nhân sĩ vốn có nhiều phương sách, ông ta vốn có hoài bão muốn giúp đỡ nhà vua của một nước lớn có cả vạn binh xa để trị vì đất nước, nhưng đại thần của các nước này giống như các con chó dữ luôn nhe răng cắn người, chính điều đó đã làm cho nhà vua bị chế ngự, bị bưng bít, và bậc nhân sĩ tài ba kia không được trọng dụng.

Tề Hoàn Công hỏi Quản Trọng rằng : “Trị quốc điều đáng lo ngại nhất là gì ?” Quản Trọng trả lời : “Đáng lo ngại nhất là lũ chuột khoét trong thân cây”. Hoàn Công bèn hỏi : “Vì duyên cớ gì ?” Quản Trọng đáp rằng : “Bệ hạ đã trông thấy việc lập xã ấp chưa ? Khi lập xã cần phải trồng cây, trên thân cây thường sơn các loại màu sắc, lũ chuột bèn đục khoét thân cây để vào hang ẩn mình trong ấy, nếu dùng lửa để đốt thì cả khóm cây sẽ bị cháy rụi, còn nếu đổ nước vào, e màu sắc đã sơn phết trên cây sẽ bị bong ra, đó là lý do không bao giờ diệt được lũ chuột. Ngày nay, có một số người bên cạnh vua, ở bên ngoài thì họ mượn uy thế của vua để bòn rút của cải dân chúng, bên trong thì kết bè kéo cánh để bưng bít nhà vua. Họ dò xét tình hình trong cung điện để cung cấp tin tức cho bọn quyền thần. Bên ngoài và bên trong cấu kết với nhau để nắm quyền hành, nhận hối lộ của quần thần bá quan để tích lũy không biết bao nhiêu là của cải. Nếu không giết chúng thì chúng sẽ trắng trợn làm loạn phép nước, còn nếu giết chúng thì sự an toàn của nhà vua không được bảo đảm. Bọn

chúng chính là lũ chuột của nước nhà vậy”.

Cho nên bọn bề tôi nắm giữ quyền bính mà tự động làm càn, nếu ai tỏ rõ bờ dờ bọn chúng thì sẽ có lợi, còn nếu ai không chịu bờ dờ thì sẽ bị hại. Bọn bề tôi đó cũng chính là lũ chó dữ ! Một khi bọn bề tôi chính là chó dữ, luôn nhe răng chực cắn bực nhân sĩ tài giỏi, bọn cận thần của vua lại là lũ chuột, luôn rình mò công việc của vua, lúc đó nhà vua không thể nhận rõ mọi việc, như vậy nhà vua sao khỏi bị bùng bít, nước nhà sao khỏi bị diệt vong.

Giải thích :

“Không giết con chó ấy thì rượu sẽ bị chua” câu chuyện trên đây đã ví bọn đại thần tự tiện chuyên quyền với loại chó dữ, nếu một nước mà có bọn đại thần như vậy, thì nhà vua dù hiền lương, nước nhà dù giàu có cũng không sao phát triển được. “Trị quốc khổ nhất là lũ chuột” ví bọn tả hữu nhà vua như lũ chuột, nhờ sự che chở của vua, chúng luôn cấu kết với bọn quyền quý để uốn cong pháp luật ăn hối lộ. Nếu không giết chúng, chúng sẽ làm đảo lộn pháp luật, còn nếu đem giết lại sợ chúng khống chế nhà vua. Đây là vấn đề rất nghiêm trọng, nhà vua không thể không hiểu rõ để có đối sách thích hợp.

BỐN : HỌC THUYẾT VỀ NHIỆM THỂ CỦA HÀN PHI TỬ

1 — CÓ ĐƯỢC QUYỀN THỂ MỚI TRỊ ĐƯỢC NƯỚC

Học thuyết về nhiệm thể của Hàn Phi Tử gần giống với ý nghĩa về quyền lực chính trị của phương Tây. Vua là người có địa vị cao quý, có uy nghiêm chí tôn, có quyền lực to lớn nhất. Trong sách của Hàn Phi Tử, có lúc gọi là “thể vị”, có lúc gọi là “uy thể”, có lúc gọi là “thể trọng”, đều nói về quyền thống trị hay chủ quyền. Do bản tính của con người là tự tư tự lợi, nên phải có cái thể mới có thể chế ngự mọi diễn biến, phải có thể mới có thể tùy cơ ứng biến, trong quan hệ quốc tế cũng phải so sánh thực lực với nhau, phải có cái thể mới có thể tự lực tự cường. Trong thời kỳ Chiến Quốc, về đối nội, nhà vua phải dùng quyền lực mới mong thống nhất giữ yên đất nước, mới có thể đột phá được sự nhiễu loạn của đám quý tộc phân quyền để tập trung lực lượng mà xây dựng đất nước trong cảnh phồn vinh ổn định, làm cho đất nước phát triển. Phải có thực lực đầy đủ, đất nước phú cường thì mới không sợ sự uy hiếp của bên ngoài, cái gốc của sự nghiệp bá vương mới chắc chắn.

1. Dùng uy quyền của thuật hành pháp

Thánh nhân trị vì đất nước có một biện pháp làm cho mọi người dân phải làm việc cho mình mà lại không cần họ làm việc vì yêu mến nhà vua. Mong đợi mọi người làm việc chỉ vì yêu vua mà nghe theo mệnh lệnh, nếu được như vậy thì chưa phải là điều làm cho đất nước yên ổn, còn như nếu vua có biện pháp làm cho

mọi người răm rắp tuân theo mệnh lệnh mà làm việc, điều đó mới thật an toàn, không có gì phải e ngại nữa cả. Quan hệ giữa vua tôi không phải là quan hệ huyết thống mật thiết, thì nếu có cách thức chân chính để có lợi ích cho bản thân thì bề tôi sẽ hết lòng phụng sự cho thiên tử, còn nếu cách thức chánh trực không được bảo đảm thì bề tôi sẽ luồn lách đi cầu cứu quan trên. Nhà vua anh minh hiểu rõ điều này nên đã đặt ra một quy tắc báo cho toàn dân thiên hạ biết cần phải làm như thế nào thì có lợi, làm như thế nào thì có hại. Có như vậy nhà vua mới không cần phải tự mình dạy bảo bá quan, không cần phải trông coi việc bất gian tà mà đất nước vẫn được ổn định. Làm vua, nhất định không cần phải có cái nhìn thấu suốt mới được coi là minh sát, không cần phải có lỗi tai thính như Sư Khoáng mới được coi là thông tuệ. Nếu như không sử dụng các biện pháp mà chỉ dựa vào mắt mình thì những điều có thể trông thấy được đâu có là bao, điều đó chẳng phải là phương thuật che lấp hay sao ? Không dựa vào quyền thế, chỉ dựa vào tai nghe được thì điều nghe được ấy quá là ít ỏi, như vậy chẳng phải đã bị các biện pháp bưng bít hay sao ? Một nhà vua anh minh phải làm cho tất cả mọi người trong nước đi làm việc cho mình, làm cho tất cả mọi người dân đều là tai mắt của mình. Vì vậy tuy ở thâm cung, nhà vua vẫn biết rõ sự tình của bốn phương, không có một người nào trong thiên hạ có thể bưng bít được nhà vua, lừa gạt được vua, có được điều đó là do đâu ? Là vì các nhân tố của sự hỗn loạn đã bị loại trừ. Áp dụng uy thế sẽ làm cho mất thêm tình, tai thêm thính ! Cho nên giới về sử dụng uy thế thì nước nhà sẽ ổn định, còn không biết dựa vào uy thế thì nước nhà sẽ lâm nguy.

Giải thích :

Nhà vua có thể vận dụng uy thế để hành pháp dụng thuật, khi đã có pháp lệnh hoàn chỉnh sẽ khiến bề tôi phải làm việc mà

(1) Thị lực tốt gọi là minh, thính lực tốt gọi là thông, cái "thông" của Sư Khoáng là thính hơn mọi người.

không được trái lệnh. Nếu tuân theo pháp luật thì sẽ được trọng thưởng, có lợi lộc, còn nếu vi phạm pháp luật sẽ bị phạt bị thiệt hại. Nhà vua chỉ cần giữ uy thế thì bề tôi đều tuân theo pháp luật mà thi hành công việc, lúc đó khắp cả trăm họ đều là tai mắt của nhà vua. Cho nên dù nhà vua không ra khỏi thâm cung mà mọi sự thiện ác gian tà của thần dân đều có thể biết rõ như lòng bàn tay, đó chính là hiệu quả của uy thế.

Sách “Hiển học” có viết : “Bất thị thân chi vị ngô thiện dã, nhi dụng kỳ bất đắc vị phi”, “Cố hữu sử nhân bất đắc bất vị ngã chi đạo, nhi bất thị nhân chi dĩ ái vị ngã dã”, hai câu này ý nghĩa tương tự, đều có nghĩa từ đưa việc dùng người để họ phục vụ cho bản thân mình chứ không phải dùng người vì họ yêu mến mình, hai câu đó đã xuất phát từ lý luận cơ bản là bản tính con người vốn tự tư tự lợi, đồng thời cũng là lý luận có được từ hiệu quả phổ biến của việc cần phải tuân theo pháp luật.

2. Nhân dân sợ uy quyền — Không Tử xưng thần với Lỗ Ai Công.

Nhân dân vốn sợ uy quyền, rất ít người quy phục đạo nghĩa. Không Tử là bậc thánh nhân trong thiên hạ, ông tu dưỡng đạo đức, làm sáng rõ chính đạo, ông đã đi chu du khắp các nước, khắp nơi trong thiên hạ đều thích lòng nhân ở nơi ông, đều ca ngợi cái nghĩa của ông, nhưng đi theo ông và nối nghiệp ông chỉ có 70 người.

Từ đó có thể thấy rằng những người thực sự coi trọng nhân nghĩa rất ít, những người thực thi đạo nghĩa một cách chân chính thật khó tìm. Cho nên thiên hạ to lớn như vậy mà theo nghiệp của Không Tử chỉ có 70 người, còn thực sự thực hiện nhân nghĩa thì chỉ có mỗi mình Không Tử. Lỗ Ai Công là một ông vua hạ đẳng, vậy mà khi ông ta làm vua ở phương Nam, thần dân khắp nước Lỗ không ai là không cung kính xưng tâu với ông ta. Nhân dân vốn sợ uy quyền, uy quyền quả thật rất dễ làm

cho người ta khuất phục. Vì vậy Khổng Tử tuy là bậc hiền đức nhưng cũng chỉ là bề tôi, Ai Công tuy chỉ là một người tầm thường nhưng lại là một ông vua. Khổng Tử không phải qui phục đạo nghĩa của Ai Công mà chỉ sợ uy quyền của ông ta. Cho nên nếu bàn về thành tựu của đạo nghĩa thì Khổng Tử không cần phải phục tùng Ai Công, nhưng nói đến vận dụng uy quyền thì Ai Công có thể khiến cho Khổng Tử phải xưng thần. Ngày nay một số học giả du thuyết, không khuyên nhà vua phải vận dụng uy thế tuyệt đối của mình để giành thắng lợi mà lại bảo rằng “chỉ cần thực thi đạo nghĩa là có thể thống nhất được thiên hạ”. Điều đó cũng giống như yêu cầu bậc vua chúa phải giống như Khổng Tử, đó là việc làm nhất định không thể làm được.

Giải thích :

Hàn Phi Tử tin tưởng rằng chỉ có uy quyền mới có thể trị quốc, thông thường thì bề tôi đối với vua chúa không có quan hệ huyết thống nào cả, chỉ là vì bị sự câu thúc bởi uy quyền mà không thể không phụng sự nhà vua (bởi do sự trói buộc của quyền thế mà không thể không làm việc). Hầu hết dân chúng cũng rất sợ uy quyền, rất ít người qui phục nhà vua vì nhân nghĩa. Ông đã đem Khổng Tử và Ai Công ra làm thí dụ. Nếu nói về nhân nghĩa thì Khổng Tử không nhất thiết phải xưng thần với Ai Công, nhưng bàn đến uy quyền thì Ai Công vẫn là một ông vua, vì vậy Khổng Tử vẫn thi lễ với ông ta với tư cách của bề tôi. Thời xưa, quan hệ vua tôi là một trong tam cương ngũ thường, nó hoàn toàn quyết định bởi địa vị trời cho, và chính từ địa vị này mà sản sinh ra uy thế vốn có, vì vậy lời nói của Hàn Phi Tử có lý do của nó.

II — UY THẾ UY QUYỀN PHẢI DO NHÀ VUA NẮM GIỮ.

Uy thế là để thống trị thiên hạ, là chỗ dựa để sai khiến quần thần. Có quyền thế thì sẽ có được sự tôn quý, còn nếu bị mất quyền thế thì sẽ bị mất luôn quốc gia, sẽ có nguy cơ bị giết hại. Cho nên nhà vua nhất định phải tự mình giữ lấy quyền thế,

không thể để lơ là lọt vào tay kẻ khác.

1. Uy thế giống như gân cốt của con người

Con ngựa có thể chở được rất nặng, có thể đưa con người đi đến phương trời xa xăm hoàn toàn do dựa vào gân cốt, nhà vua có trong tay vạn binh xa, ngàn binh xa để dùng nó khống chế thiên hạ, trừng phạt chư hầu, đó chính là uy thế. Uy thế giống như gân cốt của nhà vua. Nay nếu đại thần có được uy vọng, bọn tả hữu nắm được quyền thế, điều đó chẳng khác gì nhà vua đã bị mất gân cốt. Một khi nhà vua đã bị mất đi gân cốt mà vẫn còn muốn giữ được nước, điều này một ngàn ông vua chưa có người nào làm được.

Giải thích :

“Thiên nhân chủ” là thiên thứ 52 của Hàn Phi Tử, lấy 2 chữ đầu làm tiên đề, bao gồm “Nhị bính, Cô Phần, Hòa thị, sử thần” hợp thành. Các câu tuyển chọn ở đây đều là tinh hoa lý luận thế trị của Hàn Phi Tử.

2. Nhà vua phải có quyền thế mới có thể sinh tồn

Cá phải nhờ có nước mới sống được, nhà vua phải dựa vào quyền thế mới có thể sinh tồn, vì thế giống như nguồn nước nuôi sống nhà vua ! Nhà vua thống trị đất nước mà để bè tôi cướp mất đi quyền thế thì sẽ không bao giờ lấy lại được đất nước. Tề Giản Công bị Điền Thường cướp mất quyền bính, sau đó tới Tần Khoảnh Công cũng để chính quyền lọt vào tay sáu tay đại phu là Hàn, Triệu, Ngụy, Phạm, Trung Hành, Tứ, cuối cùng nước nhà bị diệt vong, vua tôi bị sát hại. Cho nên trong chương 36 sách Lão Tử có nói rằng : “Cá không thể rời khỏi nguồn nước”. Thường và phạt đó là hai loại công cụ sắc bén để trị nước. Quyền thường phạt nếu do tay nhà vua nắm giữ, thì có thể khống chế bè tôi, ngược lại, để rơi vào tay bè tôi, thì nhà vua sẽ bị áp đảo. Nếu nhà vua để lộ ý muốn thưởng phạt ai đó, bọn bè tôi bèn ngấm ra lệnh cho bọn chân tay, tùy theo được lợi hay bị hại mà đi ban ơn hoặc

đi hiếp đáp dân chúng, để dân chúng hoặc biết ơn họ hoặc kính sợ họ. Vì vậy nếu nhà vua sơ ý để lộ ý muốn thưởng phạt của mình đối với ai đó, bọn bề tôi bèn nhân dịp đó vận dụng uy thế của nhà vua. Cho nên Lão Tử có nói rằng : “Lợi khí dùng để trị nước chớ để cho người khác biết”.

Giải thích :

Đoạn văn trên có thể tham khảo cùng với thiên “nhị bính”; thiên “Nội trữ thuyết hạ” nói về “Quyền thế không thể giao cho người khác” có tác dụng bổ sung cho nhau. Đoạn văn trên nhấn mạnh rằng nhà vua chớ nên rời bỏ địa vị quyền thế. Để đề phòng mất quyền thế dẫn đến việc mất nước, thân bị bức tử, thì vua nên dùng thuật của Hàn Phi Tử, đó là chớ để cho bề tôi dò biết được ý nguyện của mình. Ngay cả việc Hàn Phi Tử đem “lợi khí” của Lão Tử giải thích thành “thưởng phạt”, đại để là do sự linh hội chủ quan của ông, ông muốn dựa vào đó để phát huy lý luận thế trị chứ không phải hoàn toàn là ý của Lão Tử.

3. Đại thần quá được quý trọng tất sẽ xem thường địa vị của nhà vua

Bọn sủng thần tả hữu nếu quá thân mật với vua thì nhất định sẽ nguy hại đến bản thân nhà vua, những bậc đại thần đương quyền có thể lực, nếu được quá nhiều hiển vinh phú quý, nhất định sẽ làm thay đổi địa vị của nhà vua. Vợ đích và thứ thiếp nếu không có thứ hạn, nhất định sẽ nguy hại đến con đích. Thái tử đã được lập mà các hoàng đệ không nghe theo nhất định sẽ lâm nguy đến xã tắc. Ông vua của một nước nhỏ có ngàn cỗ binh xa, nếu như không có biện pháp để đề phòng bề tôi làm loạn thì nhất định sẽ có quan đại thần bên cạnh nhà vua có trong tay trăm cỗ binh xa, được phong thái ấp sẽ kích động dân chúng, làm khuynh đảo nước nhà. Một ông vua nước lớn dù có trong tay vạn cỗ binh xa, nếu như cũng không có phương sách để phòng bề tôi làm loạn, thì nhất định sẽ có một quan đại phu ở cạnh nhà vua

trong tay có ngàn cổ binh xa, được phong thái ấp cũng dễ đi đến chỗ làm lung lay uy quyền của vua, làm khuynh đảo nước nhà. Vì vậy bọn bề tôi không tuân theo phép nước ngày càng nhiều, đạo nghĩa của vua ngày càng bị suy yếu tiêu tan. Cho nên thế lực của chư hầu quá lớn mạnh, đó là mối hiểm họa của thiên tử. Của cải của bề tôi quá giàu có, đó sẽ dẫn đến sự thất bại của nhà vua.

Nếu như bậc đại tướng chỉ biết đem lợi ích của mình đặt lên trên lợi ích của nhà vua, chỉ ra sức làm hưng thịnh cho riêng mình thì nhà vua cần phải phải đi trấn ải nơi xa. Vạn vật không được cao quý hơn bản thân nhà vua. Địa vị của vua càng tôn nghiêm thì uy vọng của vua càng to lớn, quyền thế của vua càng hưng thịnh.

4. Không thể để bề tôi có chung quyền uy với nhà vua

Tạo phụ là người đánh xe rất giỏi ngày xưa, ông thường dùng loại xe kéo có bốn ngựa, lúc thì điều khiển xe chạy bằng thẳng về phía trước, lúc thì cho xe chạy theo đường vòng, ông cứ điều khiển xe theo ý của mình. Sở dĩ ông ta có thể điều khiển xe ngựa theo ý muốn là vì ông ta cầm giữ được roi và giây cương nên có thể khống chế lũ ngựa theo ý mình. Nhưng có một lần có một con heo rừng đột nhiên băng ra, thế là lũ ngựa kinh hoàng hí vang chạy loạn xạ, Tạo Phụ cố sức đến nỗi ướt đầm mồ hôi mà không có cách nào khống chế được lũ ngựa. Điều đó không phải là do roi và dây cương không được sử dụng đầy đủ, mà chủ yếu là vì uy lực của roi và dây cương đã bị con heo đột nhiên chạy ra làm nó mất tác dụng.

Vương Lương cũng là người điều khiển xe rất giỏi ngày xưa, khi ông ta thắng ngựa vào xe, không cần dùng đến dây cương và roi mà chỉ cần chọn vùng đất có loại cỏ và nước mà ngựa vốn thích, rồi ngựa cứ phóng thẳng một mạch về hướng đó, đó là do ông đã nắm được lợi thế của cỏ non, nước trong. Nhưng khi ngựa

chạy qua ao đầm có trồng rau xung quanh thì Vương Lương dù có ra sức thúc ngựa vẫn không tránh được thất bại, cho nên chỉ có cô non nước trong vẫn chưa đủ, vì điều chủ yếu là ân huệ kia đã bị phân tán bởi vườn rau trong ao hồ.

Vương Lương và Tào Phụ đều là những tay điều khiển ngựa rất giỏi trong thiên hạ. Nhưng nếu bảo Vương Lương gò cương hò hét thúc ngựa đi về hướng bên trái, còn Tào Phụ vụt roi thúc ngựa đi về bên phải, ngựa sẽ chẳng biết phải đi về đâu, nếu cả hai đều cố hết sức thì cũng không thể đi được. Đó chính là vì hai người cùng điều khiển một chiếc xe ngựa.

Điền Liên và Thành Khiếu là hai nhạc gia rất giỏi về gảy đàn, nhưng bảo Điền Liên gảy các phím phía trên, Thành Khiếu ấn phía dưới thì nhất định sẽ chẳng ai tấu được bài nhạc nào cả, đó là vì cả hai người cùng gảy trên một chiếc đàn.

Chỉ dựa vào tài đánh xe cao siêu của Vương Lương và Tào Phụ mà để họ cùng điều khiển một chiếc xe thì vô phương điều khiển nổi lũ ngựa, cũng như nhà vua và bề tôi làm sao mà có thể cùng nắm quyền hành để điều khiển quốc gia.

Dựa vào nghệ thuật gảy đàn kỳ diệu của Điền Liên và Thành Khiếu mà để họ cùng gảy chung một cây đàn thì sẽ không bao giờ tấu thành nhạc điệu, cũng giống như nhà vua làm sao có thể cùng sử dụng uy thế với bề tôi để tạo dựng nên một cơ đồ ?

Giải thích :

Tào Phụ dùng roi và dây cương để đánh xe, uy lực của roi và dây cương bị heo rừng phân hóa; Vương Lương điều khiển xe giỏi là do cho ngựa chạy về hướng có cỏ non nước ngọt, sự ban ơn đó đã bị phân tán bởi có vườn rau xung quanh. Điều này ví như sự thưởng phạt của nhà vua, cần phải đề phòng bề tôi chia xẻ uy lực và đức hạnh.

5. Không nắm được quyền hành chẳng khác nào mất nước :

Nước Việt tuy là một quốc gia giàu có, binh lực hùng hậu, vậy mà vua của các nước Trung Nguyên đều biết rằng những điều ấy đối với vua Việt chẳng có ích lợi gì, bởi vì những thứ đó không thuộc quyền cai quản của ông ta. Ngày nay cũng có vua của một số nước tuy đất rộng người đông, nhưng vua thì bị bùng bít, bề tôi thì độc chiếm quyền thế, nhà vua không khống chế được, điều đó chẳng khác gì tình cảnh của nước Việt.

Tuy biết rằng nước mình không phải là nước Việt, nhưng lại không biết rằng nước của ông ta cũng không còn như đất nước trước đây, vậy điều này không khó mà cũng đoán được rồi đây điều gì sẽ xảy ra. Người ta đều nói rằng nước Tề bị diệt vong, không phải vì thành quách đất đai của nước Tề không còn nữa, mà vì con cháu của Lã Thị không còn tiếp tục thống trị nước Tề, mà đã bị Điền Thị khống chế. Sở dĩ nước Tấn bị diệt vong, cũng không phải vì đất đai thành quách của nước Tấn không còn, mà là vì con cháu của họ Cơ không còn tiếp tục thống trị được nước Tấn, nước Tấn đã bị Lục Khanh (sáu ông quan) chuyên quyền. Nếu như ngày nay đại thần nắm giữ chính quyền, tự tiện hoành hành mà nhà vua lại không biết giành lại quyền hành, đó chính là một ông vua không sáng suốt. Người mà bị nhiễm bệnh của người đã chết thì bản thân khó mà sinh tồn. Nay cứ tiếp tục đi theo con đường diệt vong của nước Tề nước Tấn mà ảo tưởng rằng nước nhà vẫn yên ổn tồn tại, điều này không thể có được.

Giải thích :

Đoạn văn trên nói rõ nhà vua không thể nắm được chính quyền khi mà bản thân mình chỉ là bù nhìn điều đó chẳng khác nào nước Tề sau thời Chiến Quốc. Điều tai hại nhất là ông vua đã để mất đi chủ quyền của mình, bị bề tôi bùng bít mọi điều mà vẫn không tỉnh ngộ, thử hỏi nước nhà không loạn sao được. Đó là lý do phần nộ của Hàn Phi Tử.

III. THƯỜNG THỨC VÀ PHÂN TÍCH THIÊN NAN THỂ.

Tập 40 “Nan Thể” của Hàn Phi Tử chỉ thuần túy bàn về uy thế thống trị. Ba loại pháp, thuật, thế trong hệ thống tư tưởng của Hàn Phi Tử có tính chất liên kết chặt chẽ, do ông đề xướng tư tưởng chính trị của nhà vua, nhưng cuối cùng vẫn lấy nhiệm thế (dùng uy thế) đưa lên trên, cho nên lý luận về tính chất chính trị của uy thế rất đáng được coi trọng.

1. Dựa vào hiền đức

Thân Tử có bảo rằng : “rồng bay được là nhờ mây, đằng xà⁽¹⁾ dựa vào hơi sương mà vùng vẫy, một ngày kia mây tan trời tạnh thì con phi long kia chẳng khác nào con giun, con dế, bởi vì nó đã mất đi chỗ dựa. Bậc hiền tài chịu khuất phục trước bọn tiểu nhân vì quyền bính của họ mỏng manh, địa vị của họ thấp kém, bọn tiểu nhân có thể chế ngự được người hiền bởi có quyền thế mạnh, địa vị cao. Để cho Đường Nghiêu làm dân thường thì chỉ có ba người thôi ông cũng không trị được; nhưng Hạ Kiệt làm vua thì có thể nhiễu loạn khắp thiên hạ. Vì vậy hiểu ra rằng, khi đã có đủ quyền thế và địa vị, thì hiền đức và tài trí chẳng còn được trọng dụng. Sức của dây cung không mạnh mà mũi tên vẫn được bắn lên cao do sự tác động của gió; chỉ có mình kẻ tiểu nhân ra lệnh mà vẫn khiến người khác thi hành là vì ông ta dựa vào sự nắm lấy quyền thế. Khi Đường Nghiêu còn yếu thế. Ông quản giáo bọn nô lệ thuộc hạ, bọn này không chịu nghe ông. Đến khi ông ngoảnh mặt về phương nam xưng vương, làm lãnh tụ của cả thiên hạ, thì ông vừa mới hạ lệnh trăm họ đều phụng mệnh thi hành; ông vừa mới cấm đoán, thiên hạ liền dừng ngay lại. Từ đó mới thấy rằng, hiền đức tài trí cũng chưa đủ để khuất phục mọi người, mà chỉ cần có địa vị quyền thế là đủ để chế ngự người

(1) Đằng xà là loại không có chân mà bay được, thuộc loại Phi long.

hiền.

Giải thích :

Phi long, đằng xà nhờ dựa vào mây mà bay bổng trên trời cao, cũng cùng đạo lý ấy, nhà vua muốn trị nước, phải nắm giữ quyền thế, có quyền thế làm chỗ dựa thì ngay đến cả người hiền cũng đều phải khuất phục nghe theo, còn dù cho là người hiền đức như Đường Nghiêu, nếu không quyền lực địa vị thì chẳng có ai nghe theo cả. Đợi đến lúc ông làm vua thì mới ra lệnh cho kẻ khác thi hành hay cấm đoán. Cho nên cách nhìn của Thận Đào trị nước là đều dựa vào quyền thế chứ không phải là hiền đức. Ông trở thành đại biểu của phái nhiệm thế Pháp gia.

2. Nho gia chủ trương cần phải do người hiền nắm quyền thế

Có người trả lời Thận Tử rằng : “Phi long bay trong mây, đằng xà vẫy vùng trong sương, tôi không phủ nhận Phi long đằng xà phải dựa vào mây mù để bay bổng. Tuy nói như vậy, nhưng nếu bỏ đi hiền trí, mà chỉ dựa vào quyền thế thì có thể trị vì đất nước hay không ? Tôi từ trước đến nay chưa thấy điều đó bao giờ. Cần phải biết rằng dựa vào thế của mây mưa để bay cao vẫy vùng được là do tính ưu việt của tài năng Phi long và đằng xà. Dù cho mây rất dày nhưng nếu chỉ là con giun thì không thể bay được; dù cho sương rất đậm nhưng nếu chỉ là con chuồn chuồn thì không sao vùng vẫy được. Có chỗ dựa là mây dày sương đậm nhưng loại giun loại chuồn chuồn không thể bay cao, không thể vùng vẫy được là vì tài năng của chúng nhỏ bé thấp kém. Nay Hạ Kiệt Ân Trụ ngáng mặt xưng vương, làm chủ thiên hạ, lợi dụng quyền thế để làm mây làm mưa cho họ, nhưng thiên hạ cuối cùng cũng không thể tránh được đại loạn, chính là vì tài năng của Ân Trụ, Hạ Kiệt là thấp kém”.

Cho nên Thận Tử chủ trương thế trị, ông cho rằng Nghiêu có thể dùng quyền thế để trị được thiên hạ. Cái quyền thế mà

Nghiêu sử dụng với quyền thế, mà Kiệt dùng để nhiều loạn thiên hạ có chỗ nào không giống nhau ? Bản thân quyền thế khiến cho người hiền không lợi dụng được mình, nhưng lại khiến cho kẻ bất lương không không lợi dụng được bản thân họ. Người hiền sử dụng quyền thế thiên hạ sẽ thái bình, kẻ bất lương sử dụng quyền thế thì thiên hạ sẽ hỗn loạn. Xem xét tính tình của người đời, ta thấy người hiền thì ít, kẻ bất lương thì nhiều. Nếu như dựa vào sự tiện lợi của việc có quyền thế để giúp đỡ kẻ xấu làm điều ác, làm loạn thiên hạ thì kết quả người nắm quyền thế để nhiều loạn thiên hạ sẽ rất nhiều, còn người dựa vào quyền thế để làm cho thiên hạ tốt lên sẽ ít đi. Hai chữ quyền thế nó có thể giúp con người làm cho cuộc sống thêm tốt đẹp mà lại cũng giúp cho kẻ xấu làm loạn thiên hạ. Cho nên Châu Thư mới nói rằng : “Không nên chấp thêm cánh cho hổ dữ, một khi hổ được chấp cánh nó liền bay vào trong thành, chọn người vừa ý để ăn thịt”. Để cho cái ác nắm quyền hành, chẳng khác nào chấp cánh cho hổ dữ. Hạ Kiệt, Ân Trụ xây đài cao hàm sâu, đục khoét cùng kiệt sức dân, tạo ra các loại cực hình tàn bạo, tàn hại sinh mệnh của dân chúng. Kiệt Trụ sở dĩ làm điều bạo ngược phi nhân tính, đưa ra đủ các loại bạo hình là nhờ uy thế của thiên tử đã chấp cho họ đôi cánh. Nếu như Kiệt Trụ chỉ là dân thường, thì không phải đợi đến gây ra tội lỗi, cũng đã bị hình phạt giết chết. Cho nên quyền thế đã làm tăng thêm lòng dạ lang sói của con người, là thứ để thúc đẩy sự bạo lực, đó là đại họa của mọi người.

Quyền thế đối với sự ổn định hay bạo loạn của xã hội, vốn không có sự ảnh hưởng nhất định nào cả, vậy mà Thận Tử lại chủ trương chỉ cần dựa vào quyền thế là đủ để trị được thiên hạ, sự kiến giải của ông không tránh khỏi nông cạn. Ví dụ như có một con ngựa hay, một chiếc xe chắc chắn mà lại dành cho một tên nô bộc ngu dốt sử dụng, nhất định sẽ bị mọi người chê cười. Trái lại, nếu để chiếc xe ấy cho người đánh xe tài ba như Vương Lương điều khiển, thì mỗi ngày có thể đi được vạn dặm. Xe và

ngựa như cũ, nhưng có người sử dụng nó thì mỗi ngày đi được vạn dặm, có người dùng đến nó lại bị người khác chê cười, đó là do kỹ thuật của người điều khiển xe cách nhau một trời một vực. Bây giờ nếu coi quốc gia như một cỗ xe, coi quyền thế như con ngựa, coi hiệu lệnh như dây cương, coi hình phạt như chiếc roi, nếu để cho Nghiêu Thuấn điều khiển cỗ xe ấy thì thiên hạ sẽ thái bình, nếu để cho Kiệt, Trụ điều khiển xe ấy thì thiên hạ sẽ đại loạn. Như vậy cách trị nước của người hiền và kẻ ác có sự khác biệt rất lớn. Nếu muốn xe chạy được xa, được nhanh thì phải biết mời Vương Lương điều khiển; nếu muốn tăng thêm lợi ích, trừ khử tai nạn thì trái lại không thể chỉ dùng người hiền tài : đó chính là không biết được căn bệnh lấy việc này để lây sang ra việc khác. Thế thì Nghiêu Thuấn chính là loại người như Vương Lương, ngài rất giỏi trị vì thiên hạ.

Giải thích :

Đoạn văn trên bàn về giả thiết của các nhà nho; đại để có thể phân thành ba đoạn về việc chủ trương người hiền phải nhiệm thế :

1— Uy thế đương nhiên là rất quan trọng, nhưng chỉ có người hiền mới có thể nhiệm thế.

2— Chỉ bàn về nhiệm thế mà không bàn đến những điều kiện có cần người hiền để nhiệm thế hay không thì sẽ dẫn đến loạn nhiễu, bình an ít; nếu để loại người bất lương nắm quyền thế nhất định sẽ giống như chấp cánh cho hổ. Quyền thế biến thành đại họa.

3— Nhất thiết việc nhiệm thế phải do người hiền nắm giữ thì mới trị yên được nước nhà.

Đoạn 2 cho rằng loại người tiểu nhân mà nắm quyền thế thì giống như chấp cánh thêm cho hổ, là nhắm đúng vào điều mà Thận Tử đã bảo : “Kiệt làm thiên tử thì sẽ làm loạn thiên hạ” để phân bác là rất có lý. Nói về việc trị nước không thể để cho bọn bạo quân làm loạn thiên hạ mà không có đối sách. Vậy hãy xem

Hàn Phi Tử giải quyết vấn đề này như thế nào.

3. Hàn Phi Tử đề xuất quyền thế do người lập ra

Tôi xin trả lời thay cho Thân tử: “Thân tử cho rằng dựa vào quyền thế là đủ để trị nước, rồi lại cho rằng phải đợi có người hiền rồi mới trị được nước, điều đó là không đúng. Quyền thế tuy có ba loại nhưng trong nội hàm của nó chỉ có thể vị trời cho, điều này tôi chẳng cần phải bàn thêm. Quyền thế mà tôi nói đến là chỉ sức mạnh do con người tạo ra đã được an bài. Nay ông nói: “Nghieu Thuấn nắm được quyền thế sẽ có thể trị yên được thiên hạ, Kiệt Trụ chiếm được quyền thế sẽ nhiều loạn thiên hạ”. Tôi cũng xác nhận quả thật Nghieu Thuấn là có như vậy, nhưng sức mạnh của Nghieu Thuấn không phải là sức mạnh đã được an bài. Nếu như Nghieu Thuấn vừa mới sinh ra đã có được địa vị cao sang thì dù có mười người như Kiệt Trụ cũng không thể làm loạn thiên hạ, đó là thế vị trời cho. Nếu như Kiệt Trụ vừa sinh ra đã có thế vị, thì dù có mười người như Nghieu Thuấn cũng không trị yên được thiên hạ. Đó là sự hỗn loạn mà quyền thế trời cho đã tạo nên từ sự bình yên thì thiên hạ không thể nhiều loạn, một ngày quyền thế tạo nên từ sự hỗn loạn thì thiên hạ không thể thái bình. Đó chính là quyền thế tự nhiên chứ không phải quyền thế do sức mạnh của con người tạo nên. Vậy hai loại thế và hiền có liên quan gì với nhau ?

Làm sao có thể chứng minh được hiền hay không hiền đối với thế trị mà không có sự liên quan nào giữa chúng ? Có một người bán mâu và thuẫn. Để chứng tỏ rằng thuẫn của ông ta rất chắc, ông ta nói rằng: “Chẳng có vật gì có thể đâm thủng được thuẫn của tôi. Một lát sau ông ta lại tán dương mâu của mình rằng “Mâu của tôi rất nhọn, bất cứ vật gì nó cũng có thể đâm thủng được”. Có người chất vấn ông ta: “Lấy mâu của ông để đâm thuẫn của ông thì sẽ như thế nào ?” Người bán mâu và thuẫn kia không sao trả lời được. Bởi vì cái thuẫn không có vật gì xuyên qua nổi và cái mâu có thể đâm thủng bất cứ vật gì kia về lý

luận mà nói là không thể cùng tồn tại. Cũng giống như việc người hiền sử dụng uy thế thì coi trọng việc giáo hóa đạo đức cho dân chứ không sử dụng thủ đoạn cường chế. Cái cách nói hiền trị không cường chế với cách thế trị không có gì là không cấm đoán cũng giống như mâu và thuẫn là không thể cùng tồn tại được ⁽¹⁾. Hiền và thế không thể cùng tồn tại, điều đó thật quá rõ ràng. Hơn nữa các nhân vật như Nghiêu, Thuấn, Kiệt, Trụ cả ngàn đời mới xuất hiện một lần, giống như quái thai sinh ra có vai dính với vai, chân dính với chân thật là hiếm thấy. Người trị vì thiên hạ lần lượt xuất hiện thường có tài năng vào loại trung bình, tôi bàn về thế cũng là bàn về loại nhà vua trị nước thuộc loại thường thường. Loại nhà vua vào hạng trung bình về mọi phương diện tốt đẹp mà nói thì không bằng được Nghiêu Thuấn, nhưng các mặt xấu xa cũng không như Kiệt Trụ. Nếu họ giữ nghiêm pháp chế, nắm vững quyền thế thì có thể trị được nước nhà, còn nếu vi phạm pháp chế, bỏ mặc quyền lực thì nước nhà sẽ hỗn loạn. Nay nếu không sử dụng quyền thế, không áp dụng pháp luật, chỉ chờ sự xuất hiện nhân tài như Nghiêu Thuấn, mới có thể trị được thiên hạ, kết quả là một ngàn đời nhiễu loạn mới có được một lần thái bình. Còn nếu như tuân giữ pháp chế, nắm lấy uy thế để chờ sự xuất hiện của Kiệt Trụ, thế thì sự xuất hiện của Kiệt Trụ cũng giống như sự xuất hiện của ông vua bạo tàn, sự xuất hiện đó sẽ làm thiên hạ nhiễu loạn, kết quả là thái bình ngàn đời mới có một lần nhiễu loạn. Sự khác biệt giữa việc có thái bình một ngàn đời mới có một lần loạn lạc, giống như sự khác nhau của việc hai kẻ cùng cưỡi thiên lý mã mà cùng chạy ngược chiều với nhau khoảng cách của sự khác biệt ấy quá lớn. Nếu không dùng biện pháp sử dụng đồ thợ mộc để uốn đường cong của gỗ, bỏ đi thước đo mà bảo Hề Trọng ⁽²⁾ đi chế tạo bánh xe thì ngay một chiếc bánh xe ông

(1) Hiền và thế không thể dung hòa được. Hàn Phi Tử giải thích đơn giản như sau: "Hiền trị và thế trị không thể dung hòa được". So với cách nói "Hiền giả uy vũ bất năng khuất" tương đối phù hợp với ý chí của "nạn thế" trong tập sách này.

(2) Hề Trọng người giỏi đánh xe thời xưa.

ta cũng không làm nổi huống hồ một chiếc xe ! Không có sự động viên của việc khen thưởng và áp chế của hình phạt, bỏ đi chế độ quyền chế và pháp chế rồi để cho Nghiêu Thuấn đi đến từng nhà khuyên bảo, thì e rằng ngay đến ba nhà của ông ấy cũng không quản nổi. Từ đó dễ thấy rõ việc cần phải áp dụng quyền thế đã quá rõ ràng. Còn như nói “Nhất định phải đợi người hiền” điều này cũng không đúng, điều đó giống như một người đã 100 ngày chưa được ăn gì mà nhất định phải chờ có cao lương mỹ vị mới chịu ăn thì người đó có sống nổi hay không ? Ngày nay có người chủ trương rằng hãy đợi người hiền tài như Nghiêu Thuấn ngày xưa mới trị được người dân, chủ trương kiểu đó khác nào bảo người đói hãy chờ đến khi có gạo ngon thịt tươi mới được ăn.

Ví dụ như nói rằng : Ngựa tốt xe đẹp mà để cho nô bộc điều khiển sẽ bị người ta chê cười mà phải để cho Vương Lương điều khiển xe mới đi được ngày ngàn dặm. Tôi không cho rằng nói như vậy là đúng. Điều này giống như đợi người giỏi bơi lội của nước Việt đến cứu người bơi lội kém ở Trung Nguyên phương Bắc. Người bơi lội ở nước Việt tuy bơi lội giỏi nhưng đợi được đến lúc anh ta đến thì người bị rơi xuống nước kia hết phương cứu chữa. Nếu như nói đợi Vương Lương của ngày xưa đến để điều khiển xe ngựa của ngày nay thì chẳng khác nào đợi người ở nước Việt đến cứu người bị chết đuối ở Trung Nguyên, rất rõ ràng là không sao làm được. Nếu như có ngựa hay xe tốt, cứ cách 50 dặm có một trạm xe, rồi cho người đánh xe hạng trung bình điều khiển lúc đó muốn cho ngựa chạy được nhanh thì xem ra có thể làm được, và con đường vạn dặm kia nhất định sẽ có ngày đi đến đích, vậy hà tất phải đợi người xưa như Vương Lương điều khiển xe mới được hưởng chi Thận Tử đã từng nói : “Điều khiển xe ngựa không cho Vương Lương điều khiển để có thể chạy được ngàn dặm mà để cho nô bộc ngu dốt điều khiển thì hẳn sẽ làm hư xe mất. Việc trị vì đất nước nếu không để cho Nghiêu Thuấn chăm lo cho đất nước mà lại giao cho Kiệt Trụ thì hai người này sẽ làm loạn đất nước.

Cách nói này đồng nghĩa với cách nói : đối với khẩu vị của con người nếu có người này thích ăn đường mật ngọt thì có người khác lại thích những thứ cay đắng ⁽³⁾. Nếu đem gộp lại các kiểu nói như trên, rồi bàn đi bàn lại mãi đến nỗi xa rời cả chân lý, nó không hợp với thuật biện luận, nên đã trở thành loại lý luận cực đoan, thế thì làm sao có thể dùng để trách cứ lý luận của Thận Tử có hợp đạo lý hay không.

Giải thích :

Lý luận mà Hàn Phi Tử tiếp nhận của Thận Đáo vẫn là sự bổ sung thêm về cái thế do con người tạo nên mà ông đã đề ra. Làm cho nước yên hay nước loạn của Nghiêu Thuấn hay Kiệt Trụ là do sự truyền ngôi báu trời cho, chứ không phải là loại lý luận chính trị có thể tham khảo. Hàn Phi Tử cho rằng các ông vua nhân từ chí thánh như Nghiêu Thuấn hay hôn quân tàn bạo như Kiệt Trụ chỉ là số ít, còn hầu hết các bậc vua chúa đều có tài đức bậc trung bình, cho nên ông đề xuất cái thế mà con người có thể an bài (thực chất là học thuyết về sự kết hợp giữa pháp trị và thế trị của Hàn Phi Tử), đó là chỉ cần nắm quyền thế, tuân thủ pháp chế thì nhà vua thuộc hạng trung bình cũng có thể trị được quốc gia chứ không phải kỳ vọng hiền quân an quốc, cũng chớ nên sợ bạo quân loạn quốc. Ông đã phải bỏ ra biết bao công sức để nghiên cứu tìm ra học thuyết này với mục đích là cần phải tìm phương kế để trị quốc được lâu dài.

Lý luận của Hàn Phi Tử rất nổi tiếng, nó thể hiện rõ trong thiên “Thuyết nạn”, ở sách đó ông dùng để nói rõ “hiền thế bất tương dung”. Sự “hiền trị” mẫu mực của bậc Nho gia là phải lấy bản thân mình để dạy người khác, phải lấy đức để cải hóa dân chúng, không áp dụng thủ đoạn cưỡng chế. Còn “thế trị” thì phải áp dụng một cách tuyệt đối và phổ biến thủ đoạn cưỡng chế. Luận điểm thứ hai của Nho gia là chủ trương phải dùng người hiền để nhiệm thế. Hàn Phi Tử bèn dựa vào đó để bài xích việc người hiền nắm quyền thế, cho rằng như vậy sẽ nảy sinh mâu thuẫn,

khó thực thi công việc. Ông đề xuất cái thế do con người lập ra, chỉ cần biết vận dụng thuật trị nước thì việc “hiền hay không hiền” sẽ không thành vấn đề, cho nên đặt lại vấn đề hiền hay không hiền có liên quan gì ở đây ? Sau đó ông dùng luật mâu thuẫn để dẫn đến kết luận “hiền thế bất tương dung”. Đoạn văn sau ông tiến thêm một bước để suy đoán rằng vua hiền thật khó tìm thấy, việc : “đãi hiền” (dời người hiền) là việc giống như nước xa không cứu được lửa gần. Dem các vấn đề trước sau xâu chuỗi lại với nhau, đều nhằm phân bác các luận đề của Nho gia về người hiền nhiệm thế.

Đoạn 2 các nhà nho đề cập đến : quyền thế rơi vào tay bọn tiểu nhân thì giống như hổ được chấp cánh, đó là luận cứ rất có sức thuyết phục. Hàn Phi Tử cho rằng hiền quân hay bạo chúa đều là “thiên thế nhất xuất” (một ngàn đời mới xuất hiện một lần), nếu dời người hiền thì “trị nhất loạn thiên” (yên được một ngày, loạn cả ngàn ngày) nên dùng nhiệm thế để được yên ngàn ngày chỉ có một ngày loạn, hai cách chẳng có cách nào thập toàn thập mỹ cả, đó là vì chế độ thế tập ngôi vua là sự truyền ngôi báu do trời cho, không có cách nào khác hơn. Những năm đầu thế kỷ 13, người phương Tây đã bắt đầu nghĩ đến việc dùng quốc hội để kiềm chế nhà vua lạm dụng quyền lực, để tránh sa vào sự độc tài của các bạo quân. Còn Hàn Phi Tử của 2000 năm về trước thì trái lại chỉ cố ra sức đề xuất học thuyết quân chủ tập quyền, là vì vào thời Chiến Quốc các nước phân tranh, đại phu chuyên quyền, cho nên nguyện vọng bức thiết nhất thì thời bấy giờ là sự tập trung quyền lực của nhà vua. Cũng chính vì vậy, sự phân bác của Hàn Phi Tử đối với phái Nho gia chỉ là sự lẩn tránh vấn đề chính mà bàn về vấn đề phụ, để cho nó nhẹ nhàng trôi qua. Một điểm khác của ông là “đãi hiền bất năng tể cấp” (chờ được người hiền trị nước thì không giải quyết kịp công việc trước mắt). Ông cho rằng chỉ chờ người hiền là cố chấp, vì hiền quân không biết đến bao giờ mới xuất hiện, nay nhất định cường điệu rằng cần phải có vua

hiền mới nhiệm thế, chẳng hóa ra cứ ngồi đấy mà đợi lúc nào có vua hiền mới trị được nước ? Điều đó đương nhiên không thể cứu được nước trong lúc cấp bách. Ví dụ của ông thật là sinh động và thú vị biết bao.

Điểm mạnh của lý luận Hàn Phi Tử là ông rất muốn làm thế nào đó để bù đắp thiếu sót của luận điểm : “nhân tồn chính cử, nhân vong chính tức” (người còn thì chính quyền còn, người mất thì chính quyền bị tiêu diệt) để dùng một chế độ hoàn hảo bù đắp cho sự khiếm khuyết chính trị hoàn toàn do con người tạo nên. Điều này dù sao đi nữa cũng là một phát kiến rất khó đạt được, đây cũng là mục tiêu lâu dài về học thuyết chính trị của loài người.

Khái quát lại giải pháp mà sách “Nạn Thế” đã đề ra, xuất phát từ sự khơi gợi lý luận về thế của bậc Pháp gia tiền bối Thận Đáo, lấy lý luận trên hết của Nho gia để tranh luận, thêm vào đó là quyền thế do con người tạo ra của Hàn Phi Tử, một mặt có thể bổ sung cho sự thiếu sót trong lý luận của Thận Đáo, mặt khác bài xích tính thực thi của thuyết thượng hiền (hiền là trên hết). Hàn Phi Tử cho rằng đã thượng hiền mà lại muốn “nhiệm thế” thì thật là mâu thuẫn, ông bác bỏ sự không thỏa đáng trong lý luận “hiền giả dụng thế”, ông chỉ ra việc các nhà nho đợi có người hiền mới trị được nước là không thiết thực, tiếp đến ông chủ trương không cần đợi người hiền mà chỉ cần có uy thế do con người tạo ra là có thể dựa vào pháp luật để xử thế, chỉ cần ông vua có tài đức tâm cơ trung bình là có thể trị được nước.

IV — DƯA VÀO THƯỜNG PHẠT ĐỂ Củng Cố QUYỀN THẾ

Những học thuyết thường dùng của Hàn Phi Tử như pháp thuật, thế; bất cứ loại nào cũng không tách khỏi sự thưởng phạt. Thưởng phạt là hai mục lớn của pháp trị, là hai công cụ của pháp thuật, là sự biểu hiện về sức mạnh của quyền thế. Đứng về phương diện quyền thế mà nói, nếu nắm được thưởng phạt thì

quyền thế mới ổn định. Ngay đến vấn đề thưởng phạt, cũng phải tham khảo cùng lúc với lý luận có sự liên quan giữa pháp và thuật mới có thể có sự nhận thức hoàn chỉnh.

1. Thuận theo nhân tình để định ra thưởng phạt

Phàm là muốn bình được thiên hạ thì phải thuận theo nhân tình. Tình cảm của con người vốn có sự yêu mến, chán ghét, cho nên sự thưởng phạt cũng dựa vào đó mà khen thưởng hay trừng phạt; cũng có thể từ đó mà định ra pháp lệnh, hễ cứ việc gì có lệnh cấm mà cứ làm là sẽ bị phạt, còn việc gì được khuyến khích mà làm được thì sẽ có thưởng. Nhà vua là người nắm giữ quyền bính, là người sử dụng quyền thế cho nên hễ vua ra lệnh làm là mọi người răm rắp tuân theo, vua ra lệnh cấm là mọi người phản dừng ngay lại. Quyền bính chính là quyền sinh sát, có tác dụng không chỉ đối với nhân dân, quyền bính là chỗ dựa để lèo lái dân chúng. Nếu như nhà vua loại bỏ hoặc lập ra chế độ một cách vô nguyên tắc thì quyền bính trở thành thứ bại hoại; còn nếu quyền thưởng phạt mà nhà vua và quần thần chia xẻ nhau nắm giữ thì uy thế của vua sẽ bị phân tán.

Điều tốt nhất của sự khen thưởng là càng hậu đãi càng hay, để dân chúng cảm thấy được lợi; khi khen thì càng hoàn mỹ càng tốt vì như vậy người mới thấy là quang vinh. Còn đã phạt thì hình phạt càng nặng càng tốt vì nó làm cho người dân cảm thấy sợ hãi, còn nhục mạ càng nặng lời càng tốt, sẽ làm cho người dân cảm thấy hổ thẹn.

Giải thích :

Thuận theo nhân tình mà định ra thưởng phạt. Thưởng phạt chính là chỗ dựa để nhà vua khống chế được bề tôi. Nhà vua phải nắm lấy quyền sinh sát, tuyệt đối không để cho bề tôi cùng chia xẻ quyền hành. Thưởng hậu phạt nặng và phải biết khen chê, đó chính là nguyên tắc chủ yếu của sự thưởng phạt.

2. Thái Công Vọng giết chết Cuồng Dật và Hoa Sĩ

Thái Công Vọng được phong ở nước Tề. Về phía đông bờ biển của nước Tề có hai người ăn sĩ, đó là hai anh em ruột Cuồng Dật và Hoa Sĩ. Hai anh em lập ra qui định như thế này : “Chúng tôi không xưng thần với vua, không đi lại với chư hầu, tự mình cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, chúng tôi không cần sự giúp đỡ của người khác. Trên đầu của chúng tôi không có danh nghĩa của nhà vua. Chúng tôi không nhận bổng lộc của vua, không muốn làm quan để được lãnh lương bổng mà chỉ dựa vào sức mình để sinh sống”.

Thái Công Vọng vừa đến thành đô của nước Tề bèn phái người bắt hai anh em đem giết chết. Đó là ví dụ thể nhất về giết người để trừng phạt.

Chu Công Đán nước Lỗ nghe được tin này lập tức phái người cưỡi ngựa đến hỏi Thái Công Vọng rằng : “Hai người ấy đều là người hiền. Nay ông vừa được phái đến trông coi nước này, lại đem người hiền giết đi, đó là cơ gì vậy ?”. Thái Công Vọng trả lời rằng : “Hai người này có học thuyết riêng của họ, theo học thuyết của họ thì tôi không thể khiến họ thần phục, không thể sai khiến họ được. Họ tự cày ruộng mà ăn, tự đào giếng mà uống không cần gì đến người khác tự nuôi sống bản thân, vậy thì tôi không dùng khen thưởng để khuyến khích họ, không thể dùng hình phạt để cấm đoán họ. Hơn nữa họ không thừa nhận thiên tử thì dù họ có thông tuệ đến đâu tôi cũng không dùng được. Họ không dựa vào bổng lộc của vua để sinh sống thì dù có hiền đức đến mấy cũng không hết lòng làm việc cho tôi. Họ không cần tiến cử nên tôi không thể đặt họ vào quan chức. Họ không đảm nhận chức vụ thì không thể trung thành với tôi. Trước đây tiên vương sai khiến trăm họ bằng cách nếu không dùng bổng lộc thì dùng hình phạt, vậy mà giờ đây bổng lộc và hình phạt chẳng có tác dụng gì, vậy tôi làm sao có thể cai trị được. Hai người họ không chịu cảm vũ khí, không chịu mặc áo giáp ra chiến trường, cũng không chịu

cày sâu cuộc bầm mà lại có được danh hiệu cao quý, điều đó không phải là cách thức để giáo hóa dân chúng.

Hãy lấy ví dụ như thế này, có một con ngựa, nhìn dáng vẻ thì là một con ngựa quý có thể chạy được ngàn dặm, vậy mà khi cầm đến roi cương để điều khiển thì nó không chịu nhúc nhích, cầm cương bảo nó quay ra phía sau thì nó không nghe, bảo nó quẹo sang trái thì nó qua phải, bảo nó quẹo sang phải thì nó chạy sang trái. Vậy thì có bảo tên nô bộc ngu dốt nhảy cưỡi lên nó nó cũng không thèm cưỡi nữa là. Nay Cuồng Dật, Hoa Sĩ tự nhận mình là hiền sĩ mà không chịu làm việc cho vua, thì dù cho họ có hiền đức đến đâu đi nữa mà không chịu để cho vua sử dụng. Một kẻ mà ngay cả nhà vua anh minh cũng không bắt được họ thần phục có khác chi con ngựa dù có chạy được xa ngàn dặm mà không thể điều khiển được. Vì vậy tôi mới giết chết anh em họ”.

Giải thích :

Thái Công Vọng giết chết Cuồng Dật, Hoa Sĩ mà không có chứng tội phạm xác định. Trước đây có một học giả cho rằng Hàn Phi Tử tán thành “hình sát bất cớ” (Giết không cần có tội) là tội lỗi không thể tha thứ được. Thực ra nếu xem kỹ đoạn văn này sẽ thấy dụng ý của Hàn Phi Tử rất sâu sắc. Ông dùng quan điểm của Pháp gia để phủ nhận sự tu dưỡng của cá nhân và giá trị xã hội của pháp gia. Như nói về tình hình tiến hóa của xã hội loài người thì sự bồi dưỡng về ý thức quốc gia và đoàn thể là rất quan trọng, vì vậy đoạn lý luận này của Hàn Phi Tử không thể ngay một lúc mà diễn tả hết được.

Cá nhân là một phần tử của đất nước, mỗi cá nhân đều phải có nhiệm vụ hết lòng vì nước. Nếu như vì quyền lợi riêng tư mà tách rời xã hội thì tuy có tài đức thì cũng chẳng cống hiến được gì cho đất nước, đó không phải là người công dân tốt. Nếu như những bậc hiền sĩ này xa rời cộng đồng để sống riêng lẻ một mình mà lại được nổi tiếng, được trọng đãi thì sẽ làm cho nhiều

người dân bắt chước theo, điều đó chẳng có ích gì cho đất nước thậm chí còn có hại nữa. Sự tồn tại của họ sẽ làm nhiều loạn pháp chế, khiến cho việc giáo hóa dân chúng không thể thực hiện được. “Loạn pháp dị giáo” dưới mắt của các Pháp gia là một tội rất nặng, vì vậy mà Thái Công Vọng mới giết họ.

Có người nói chính sách mà Thái Công Vọng sử dụng ở nước Tề là chính sách của phái Pháp gia, còn chính sách mà Chu Công Đán thi hành ở nước Lỗ là học thuyết của phái Nho gia. Vậy thì nên nói như thế này : chính sách của hai nước Tề, Lỗ chính là cội nguồn sâu xa của học thuyết Pháp gia và Nho gia, ít ra đoạn nghị luận trong quyển “ngoại trừ thuyết hữu thượng” của Hàn Phi Tử chính là nói đến điều đó.

3. Dám xông vào nơi nước sôi lửa bỏng là công hiệu của thưởng phạt

Việt Vương Câu Tiễn nhìn thẳng một con ếch đang nhảy, ông bèn dựa vào thành xe để thi lễ với nó. Người đánh xe hỏi Câu Tiễn “Sao bệ hạ lại thi lễ với nó ?” Câu Tiễn đáp rằng : “Con ếch đó chào đón nhiệt tình như vậy sao lại không thể thi lễ với nó !” Các quan đại phu trong thành nghe xong đều bảo nhau : “Con ếch nhảy nhót như vậy còn được đại vương thi lễ huống chi những người dũng sĩ có lòng dũng cảm !” Năm ấy có người tự cắt đầu mình, dạn người nhà đem đầu dâng cho nhà vua.

Việt Vương chuẩn bị báo thù nhà Ngô, bèn muốn thử nghiệm trước thành quả giáo huấn của mình. Ông dặn người đốt lửa đài cao, rồi thúc trống giục mọi người xông vào cứu hỏa, vì ông có giao hẹn trước là sẽ có thưởng cho những ai không sợ lửa mà dám xông về phía trước; hoặc ông thúc trống giục để mọi người nhảy xuống dòng sông sâu, cũng là vì sẽ thưởng cho những ai dũng cảm không sợ nước để bơi về phía trước ! Trong lúc đánh nhau dù có bị thương đến sứt đầu đổ ruột mà vẫn dũng cảm xông lên phía trước chứ không có ý quay đầu chạy trốn là vì sự dũng

cầm trong chiến đấu sẽ được trọng thưởng. Huống hồ tuân theo pháp luật để tiến thân của người hiền thì tác dụng của việc khen thưởng càng lớn.

Giải thích :

Trong thiên “Nhị bính” có nói “Việt Vương hiếu dũng nên dân xem thường cái chết”. Việt Vương Câu Tiễn suốt 10 năm bị cầm thúc thì trong thời gian đó ông luôn dạy tá hữu hãy luôn khắc cốt ghi xương để đừng quên báo thù rửa nhục. Ông đã cổ vũ động viên binh sĩ bằng hết sức lực của mình. Bài văn trên đề cập đến việc ông vừa thì lễ với con ếch biết hằng hái, thế là lập tức có người dám tự sát và còn dẫn người nhà đem đầu mình hiến cho vua. Vì tin vào sự thưởng phạt nên dũng sĩ mới bất chấp cả nước sôi lửa bỏng mà liều mình xông lên phía trước, lúc chiến đấu ai cũng xem cái chết nhẹ tựa lông hồng, vì đạo nghĩa không lùi bước, thật đáng là “nhảy vào nơi nước sôi lửa bỏng cũng không may may chôi từ”.

4. Cần trừng phạt để tỏ rõ uy nghiêm

Tử Sản làm khanh tướng nước Trịnh, ông bị bệnh nặng, trước lúc lâm chung, ông có dặn Du Kiết rằng ⁽¹⁾ “Sau khi ta mất, ông nhất định phải nắm lấy chính quyền của nước Trịnh, cần phải luôn nhớ rằng đối với dân chúng phải giữ thái độ thật uy nghiêm. Như nói về lửa, nó rất dũng mãnh uy nghi cho nên con người ta ít bị bỏng vì lửa. Còn nói về nước, nó lại rất mềm mại yếu đuối hiền hoà nên người ta thường bị nước chìm chết. Ông phải tạo cho mình có dáng vẻ mạnh mẽ uy nghiêm chứ đừng tỏ ra nhu nhược ôn hòa, để khiến cho dân chúng khinh nhờn phạm pháp”.

Sau khi Tử Sản chết, Du Kiết không muốn tỏ rõ thái độ uy nghiêm dũng mãnh. Kết quả bọn trai trẻ của nước Trịnh kéo bè

(1) Du Kiết là thái thúc đại phu tử của nước Trịnh.

kéo cánh làm đạo tặc, tụ tập ở vùng đầm lầy chuẩn bị làm loạn. Du Kiết chỉ huy binh mã đánh nhau với bọn cướp, phải hơn một ngày đêm mới dẹp yên được loạn. Du Kiết thở dài mà than rằng : “ta thật hối hận vì đã không nghe lời cảnh báo của Tử Sản, nếu như sớm làm theo lời của Tử Sản thì sẽ không đến nỗi rơi vào tình cảnh như thế này.

(Nội trừ thuyết thượng)

Giải thích :

Tử Sản (528 trước công nguyên) chấp chính ở nước Trịnh hai mươi mấy năm. Ông rất có khả năng thích ứng với thời đại, đã từng áp dụng một số chính sách cách tân, cho nên nước Trịnh tuy bé nhỏ vẫn tự bảo vệ được. Vì thế lực của tầng lớp quý tộc rất to lớn, rất khó câu thúc, thường có tình trạng có nhiều đơn tố tụng không được xử lý công bằng, hình phạt nặng nhẹ chưa thỏa đáng. Ông đã cảm thấy một cách sâu sắc rằng pháp lệnh từ trước đến nay vừa có tính giai cấp, vừa có tính bí mật, bản thân nó vẫn chưa đủ để ứng phó với yêu cầu thực tế. Thế là để “cứu thế” ông đã bất chấp tất cả, mặc nhiên áp dụng pháp lệnh mà Minh Văn Công đã từng ban bố, đem qui định về hình luật khắc lên đỉnh đồng. Hành vi và hoài bão của ông hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Pháp gia, có thể tham khảo phần 2, 3 trong quyển sách này.

Đoạn văn này cố ý nhấn mạnh : người nắm chính quyền phải có tư thế uy nghiêm thì thần dân mới toàn tâm toàn ý tuân theo pháp luật, mới có tác dụng đề phòng tội phạm. Tục ngữ có câu “thủy hỏa vô tình”. Bề ngoài của nước và lửa vốn làm cho người ta có cảnh giác không giống nhau. Lửa xem ra rất đáng sợ nên mọi người đều đề cao cảnh giác. Vì vậy ít khi người ta bị thương vì lửa; còn nước thì hiền hòa dễ gần nên người ta thường sơ ý, vì vậy thường hay bị nước nhấn chìm. Sự uy nghiêm của người nắm chính quyền phải đủ để làm cho dân chúng sợ hãi mà

không phạm pháp, đương nhiên cũng phải dựa vào tính nghiêm minh của pháp lệnh phải được thi hành, điều này có thể tìm đọc ở phần 2, 4 của tập sách này.

Trong quyển Tả truyện có một đoạn gần giống với ghi chép của Hàn Phi Tử, có thể là tư liệu mà Hàn Phi Tử đã sử dụng. Cuối đoạn văn có lời phê của Khổng Tử. Ông chủ trương “Khoan dĩ tế mãnh, mãnh dĩ tế khoan” (nới lỏng để tăng thêm sức mạnh, mạnh để được tự do thoải mái) nó biểu hiện nét đặc trưng về thuyết trung dung của nhà nho. Châm chúoc tình hình thực tế thì “Khoan mãnh tương tế”, đó là nền chính trị lý tưởng nhất, nhưng Tử Sản dựa vào kinh nghiệm chính trị thực tế mà thông báo cho người kế nghiệp mình phải lập nên uy thế là xuất phát từ tác dụng thực tế của bản thân ông, chúng ta cứ căn cứ vào kết quả sau này thì sẽ được đáp án.

5. Không nên nhân từ để nhiều loạn sự thưởng phạt

Ngụy Huệ Vương hỏi Bốc Bì ⁽¹⁾ rằng : “Ông ở ngoài có nghe người ta bàn tán quả nhân như thế nào không ?” Bốc Bì đáp rằng : “Tôi nghe nói đại vương hiền từ đức độ”. Huệ Vương vui mừng bảo rằng “nếu như vậy thì công hiệu sau này của quả nhân sẽ đi đến đâu ?”. Bốc Bì trả lời rằng : “Công hiệu của đại vương sẽ dẫn đến bị mất ngôi”. Huệ Vương nói : “hiền từ nhân đức là thi hành điều thiện, làm việc thiện để đi đến chỗ mất nước, như vậy là ra làm sao ?” Bốc Bì mới giải thích rằng : “Hiền từ tức là không nhấn tâm mà ban bố ân huệ thì rất dễ thực hiện. Không nhấn tâm tức là không trừng phạt người có tội, tức làm cho ai cũng vui vẻ, không cần có công lao cũng được khen thưởng. Có tội không bị trừng phạt, không có công lại được khen thưởng, tức là nói đến sau này tất sẽ dẫn đến sự diệt vong, thì chẳng có khó khăn mấy đâu ?

(1) Bốc Bì là thần tử của nước Ngụy, đoạn văn tiếp theo nói về việc ông ta làm huyện lệnh.

Giải thích :

Trong sách của Hàn Phi Tử, thường đề cập đến việc phản đối sự hiền từ nhân đức, nhưng trái lại cũng không phải hoàn toàn ca ngợi tâm địa độc ác, mà làm cần phải suy nghĩ đến việc có đủ lòng nhân ái với việc thực thi các phương sách luôn có thể bỏ qua tiêu chuẩn khách quan, ảnh hưởng đến hiệu quả của việc trị nước. Ông phản đối việc lạm dụng thưởng phạt, như vậy cần nghiên cứu một cách tinh tế mà rút ra kết luận.

6. Thưởng phạt phải thỏa đáng đối với mọi người

Diệp công tử Cao ⁽¹⁾ thỉnh giáo với Khổng Tử về đạo lý trị nước, Khổng Tử bảo ông ta “đạo lý trị nước bao gồm : làm cho người ở gần vui vẻ mà thân phục, làm cho người ở xa đến qui phục”. Bởi vì cái khó đối với Diệp công tử Cao là trong dân có ý muốn làm phản, cho nên Khổng Tử bảo ông ta cần phải làm như vậy.

Hàn Phi Tử bảo rằng : câu mà Khổng Tử cần trả lời là bàn luận về sự mất nước. Nghĩ đến thân dân của Diệp Công có ý muốn làm phản mà lại khuyên bảo ông ta : cố làm cho người ở gần vui lòng thân phục, người ở xa kéo đến qui phục. Dùng ân huệ đó để trị vì đất nước kẻ chẳng có công cũng được thưởng, người có tội thì miễn trừng phạt, đó là nguyên nhân pháp chế bại hoại ! Pháp chế bại hoại thì chính trị sẽ bị hỗn loạn, đem chính trị hỗn loạn để cai trị người dân muốn làm phản thì sao mà làm cho được. Cho nên người dân mà có bụng làm phản là do sự minh sát của nhà vua không thấu đáo. Khổng Tử không hướng dẫn Diệp Công làm cách nào để minh sát, mà ngược lại, lại đi yêu cầu ông ta đến qui phục, đó là đã đem vứt bỏ không dùng đến uy thế

(1) Diệp Công : đại phu nước Sở là con của Thẩm Quân Nhung, tên chữ Chữ Lương, tự Tử Cao. Thời đại Sở tiên quyền, quốc quân xưng Vương đại phu xưng Công.

(2) Tham khảo tuyển tập Hàn Phi Tử của nhà xuất bản Liên Quan viết : “Lấy pháp luật bại hoại để trị chính loạn, lấy chính loạn để trị dân làm phản. việc đó chưa nhìn thấy bao giờ”.

về lệnh hành cấm chỉ, mà lại dùng ân huệ để thu phục lòng người, đó là chủ trương dẫn đến việc không thể nắm giữ được uy thế.

Nói đến sự hiền minh của Nghiêu thì cả lục vương ⁽¹⁾ đều nhất trí, đã có những ân huệ mà Thuấn đã đem đến cho dân nên ông ta đi đến đâu thì dân theo đến đó, nơi nào đã đến đều trở nên thái ấp, còn Nghiêu thì lại không được thiên hạ. Nếu như nói : Làm vua mà chẳng có phương sách để câu thúc thần tử dưới trướng, mà chỉ hy vọng học tập cách thi ân với dân như vua Thuấn vậy thì chưa biết được nghệ thuật làm vua.

Ông vua hiền minh có thể phát hiện những hành vi gian xảo dù nhỏ, cho nên nhân dân khó có những âm mưu chống đối. Có thể từ lúc hành động gian trá hãy còn nhỏ đã áp dụng các hình phạt nhỏ, cho nên nhân dân không có các cuộc bạo động lớn. Điều đó gọi là : “muốn xử lý việc khó khăn, cần phải giải quyết nhân lúc nó còn là mầm mống. Bây giờ người có công nhất định phải được khen thưởng, người được khen thưởng không nhất thiết phải cảm kích nhà vua, vì đó là nhờ tài năng mà có được. Người có tội nhất định phải bị trừng phạt thì cũng không thể nào oán trách được chúa thượng vì đó là hậu quả do họ phạm tội mà nên. Nhân dân đều biết rằng : khen thưởng hay trách phạt đều do hành vi của bản thân tạo nên, cho nên họ ra sức làm việc để có được thành tích chứ không phải sợ khen thưởng hú họa nào của nhà vua xuất phát từ dục vọng của họ mà có. Vì vậy có thể nói rằng : “Một ông vua trị thiên hạ tốt nhất chính là ông vua làm cho người dân biết rằng phải ra sức tạo ra công trạng mới được thưởng, chứ đừng mong chờ phần thưởng vua ban một cách tùy ý. Nếu dân mà không đoái hoài đến ân huệ của nhà vua thì làm gì có người dân nào do cảm ân huệ của nhà vua mà theo phục vụ cho ngài ? Người dân của ông vua biết trị vì thiên hạ tốt nhất là

(1) Lục Vương : chỉ Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ.

người dân biết đem hết sức mình ra làm việc, biết an phận thủ thường, không biết đến sự tranh chấp được hơn.

Không Tử bảo với Diệp Công “Duyệt cận viễn lai” (làm vui lòng người ở gần để người ở xa đến thần phục), điều đó rất không nên nói.

(Nạn tam)

Giải thích :

Đoạn văn này Hàn Phi Tử có sự bài xích về các câu trả lời của Không Tử với Diệp công tử Cao trong vấn đề chính quyền, để từ đó ông đề xuất chủ trương nhiệm thế.

Vì dân của Diệp Dân có ý làm phản nên Không Tử bèn nhân dịp đó mà bảo với Diệp công tử rằng cần phải “Duyệt cận viễn lai” (vui lòng kẻ ở gần để kẻ ở xa đến thần phục). Đúng từ góc độ học thuyết của Nho gia mà xem xét, thì sau khi tu thân tề gia, người muốn trị quốc thì phải được kẻ ở gần vừa lòng, người ở xa đến thần phục thì mới có thể đạt đến mức độ bình thiên hạ. Nếu chỉ “Duyệt cận viễn lai” vẫn chưa đủ. Nhưng Hàn Phi Tử ở một góc độ khác, có sự đánh giá khác mà ý nghĩa không giống như vậy. Ông cho rằng cách làm như vậy tức là tranh giành nhân tâm với thần tử, khiến cho dân chúng chỉ mong chờ vận may, đã không biết dùng uy thế để ra lệnh cấm đoán hành vi sai trái, cũng không biết dùng thủ thuật để mình xác gian tình của thần dân. Tiếp theo ông áp dụng học thuyết của đạo gia để nhấn mạnh rằng nhân khi sự việc còn nhỏ để xử lý thì cần sớm được xử lý, sẽ không sợ nhân dân làm phản; Nếu vận dụng thưởng phạt thỏa đáng, nhận được thưởng phạt đều được quyết định bởi hành vi thực tế của nhân dân, vì vậy tất cả các công việc đều làm theo pháp lệnh thì nhân dân không cần phải nhớ ơn hay căm kích về sự khen thưởng của nhà vua; Cũng không còn oán trách, thù hận hình phạt của nhà vua.

NĂM : SỰ THĂM DÒ CỦA HÀN PHI TỬ ĐỐI VỚI KỸ XẢO GIÁN THUYẾT

PHÂN TÍCH SỰ THƯỜNG PHẠT TRONG SÁCH NẠN THUYẾT

Trong tập mười hai “Thuyết nạn” của Hàn Phi Tử, khi Tư Mã Thiên viết về truyện của Hàn Phi Tử, đã đem toàn văn viết thành một chương phụ lục, đủ để thấy ông thích thú như thế nào đối với quyển “Thuyết nạn” này, “thuyết nạn” trần thuật lại sự khó khăn trong du thuyết, lý lẽ rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ, bố cục chặt chẽ, văn phong sắc sảo, thật xứng đáng là áng văn hay vào bậc nhất.

Hàn Phi Tử từng chứng kiến cảnh nước Hàn ngày một suy yếu, ông nhiều lần dâng biểu lên vua Hàn nhưng vua Hàn không nghe theo ý kiến của ông đề xuất; hãy thử nghĩ xem quả thật ông đã gặp phải bao điều cay đắng, nên đối với khó khăn của sự can gián ông nhất định đã thấu hiểu một cách sâu sắc. “Nạn thuyết” phản ánh oai quyền bất chính của các nhà vua trong thời kỳ Chiến Quốc có thể cung cấp cho việc nghiên cứu đối với lịch sử cổ đại; Còn quan điểm của Hàn Phi Tử là chủ trương tích cực dành được và biểu thị được khả năng thành công của gián thuyết ở kết quả cao nhất, điều đó cũng rất đáng được chú ý.

Dưới đây là đoạn dịch thuật tiếp theo để giới thiệu quyển “Thuyết Nạn” với độc giả. Tập ba “Nạn Ngôn” của Hàn Phi Tử là một quyển tấu thư, nói rõ sự khó khăn và nguy hiểm của việc sử dụng ngôn từ để mong được nhà vua nghiên cứu kỹ, cho nên có thể nói rằng nó bắt gặp thuyết nạn ở nhiều điểm :

1. Sự khó khăn của gián thuyết không nằm trong bản thân người can gián

Nói về việc can gián nhà vua, đó là một việc rất khó khăn, cái khó không phải ở chỗ trí tuệ của tôi có đủ thuyết phục nhà vua hay không, cũng không phải ở chỗ tài hùng biện của tôi có biểu đạt được ý tưởng của tôi hay không, càng không phải ở chỗ tôi có dám nói hết không hề giấu giếm những điều tôi cần phải nói. Cái khó của sự can gián là ở chỗ cần phải hiểu rõ tâm lý của đối tượng mình sắp can gián để tiến đến dùng lời thỏa đáng nhất, thích hợp nhất để có thể ăn ý với ông ta.

Nếu như đối tượng cần can gián là người muốn cầu đến danh tiếng thanh cao mà lại đi nói với họ những lời như làm thế nào để thu được lợi lộc, thế thì sẽ bị họ xem như kẻ phạm phu tục tử và đối xử như một kẻ thấp hèn, và hậu quả là sẽ bị xếp xó, hoặc sẽ bị phái đi xa, còn đối tượng can gián lại là người lúc nào cũng muốn được lợi lộc mà ta lại đem sự thanh cao của danh tiếng để thuyết phục thì sẽ bị ông ta xem là kẻ không biết lưu tâm thế sự, toàn nói chuyện viển vông, kết quả là không được trọng dụng.

Còn đối với đối tượng can gián, nếu như trong bụng muốn có nhiều lợi lộc mà ngoài mặt lại tỏ ra yêu thích thanh danh trong sạch, thì nếu ta đem đạo lý làm thế nào để có được thanh danh trong sạch, ngoài mặt ông ta sẽ tỏ ra muốn dùng ta nhưng thực ra trong lòng ông ta muốn lánh xa ta; còn nếu như ta dùng lý lẽ để thuyết về cách làm thế nào để có lợi lộc, thì trong lòng của ông ta sẽ nuốt lấy từng lời của ta, còn ngoài mặt thì làm ra vẻ chẳng thèm đoái hoài đến ta. Vậy không thể không xem xét đối tượng một cách kỹ lưỡng.

Giải thích :

Những kiến thức, tài hùng biện, lòng can đảm đều có thể cấu thành các yếu tố khó khăn của gián thuyết. Hàn Phi Tử cho

rằng vấn đề khó khăn là ở chỗ có hiểu được tâm lý của đối tượng du thuyết hay không để dùng lời lẽ hợp lý của mình. Cái phiền phức là ở chỗ những vị vua này thường là rất phức tạp, ngoài việc chỉ biết hám danh hám lợi thì có người bên ngoài tỏ vẻ như thế này nhưng thật ra trong lòng lại nghĩ khác, nếu muốn bắt trúng được tim đen của họ, phải dùng lời lẽ thật khôn khéo để du thuyết, thật chẳng đơn giản chút nào.

Sách Mạnh Tử vừa mở đầu đã dẫn lời của Lương Huệ Vương : “Thưa tiên sinh, ông từ ngàn dặm đến tể quốc, vậy ông có đem lợi ích gì đến nước tôi?”. Điều đó biểu lộ cái ông ta cần là “Hậu lộc” (lộc dày) Mạnh Tử vẫn biểu lộ lập trường của mình rằng “Đại vương hà tất phải nói đến lợi lộc? cái mà tôi cần nói đến chỉ là nhân nghĩa mà thôi”. Mạnh Tử muốn đề xướng nhân nghĩa để chỉnh đốn căn bệnh của một số người chỉ muốn cầu lợi, nhưng những điều ông nói lại không hợp với tâm lý của Lương Huệ Vương, cho nên sách sử đã gọi Mạnh Tử là “Vu viễn nhi khuếch dư sự tình” (đưa ra các sự viễn vông ở trên trời). Cái lý lẽ đó, “Thuyết nạn” đã bàn luận đến.

Sau đó Mạnh Tử lại đến nước Tề, ông dùng nhiều cách để khuyến dụ Tề Tuyên Vương. Ông khuyên Tuyên Vương : “Bảo dân nhi vương” (lần vua là để bảo vệ quyền lợi cho dân) Tuyên Vương bên ngoài tỏ ra là hiếu danh, thực ra là con người hám lợi, cho nên đối với Mạnh Tử “Dương thu kỳ thân nhi thực sơ chi”(bên ngoài tỏ ra thu nhận kỳ thực là muốn lánh xa), qua một thời gian, Mạnh Tử cảm thấy Tề Tuyên Vương không có thành ý, bèn cáo từ, chuẩn bị đi xa. Lúc đó nhà vua mới giả bộ nói : “Ta đang muốn chuẩn bị dựng phòng học ở trong nước để ông dạy bảo đệ tử. Thật đáng tiếc ông lại muốn ra đi” (Mạnh Tử công tôn sùu hạ). Tất cả điều đó đều nói lên cái khó của du thuyết.

2. Người gián thuyết có bảy điều nguy hiểm đến bản thân

Sự tình cần phải giữ được cơ mật mới thành công được, cơ mật mà bị bại lộ thì sẽ bị thất bại, cũng không nhất định là do bản thân người thuyết gián để lộ cơ mật, nhưng người thuyết gián vô tình nói đến điều mà đối phương muốn giữ kín, như vậy bản thân ông ta sẽ gặp phải nguy hiểm. Người thuyết gián vạch ra kế hoạch trọng đại của chủ nhân; nhưng có người thông minh ngoài cuộc đoán ra kế hoạch đó, thế là công việc bị bại lộ, như vậy bản thân ông ta sẽ bị hại. Nếu quan hệ chưa đủ thân mật, tình bạn bè chưa đủ nồng hậu mà lại tỏ ra hết trí lực của mình, nói hết những điều thầm kín thì khi chủ trương của ông ta được thu nạp và nhờ đó thành công, sẽ liền bị ganh ghét, còn nếu chủ trương của ông ta không thể thực hiện được, thậm chí còn làm lỡ cả đại sự, thì sẽ bị nghi ngờ. Như vậy người thuyết gián sẽ gặp nguy hiểm. Người tôn quý nếu có hành vi sai lầm mà người thuyết gián công khai dựa vào đạo lý để nêu lên hành vi tội ác của ông ta, như vậy ông ta sẽ bị nguy hiểm. Miễn cưỡng để đi làm một số việc mà nhà vua làm không được, cản trở một số việc mà không có ông ta vua không thể làm được, như vậy sẽ gặp nguy hiểm.

Giải thích :

Thời Xuân Thu Chiến Quốc, nhiều bậc sĩ đều được học tài hùng biện, vì cần phải du thuyết nhà vua, để mong có được một chức quan nhỏ mới có thể thực thi được hoài bão lớn.

Nhưng tính mệnh của họ lại chẳng có gì đảm bảo, tình hình chính trị phức tạp, bản thân nhà vua cũng phức tạp, rất nhiều nhân tố không thể tìm hiểu được một cách triệt để, chỉ trong chốc lát du thuyết nhà vua thì không thể đoán được ý tứ của ông ta, vì vậy cũng không có cách gì tiến hành du thuyết tiếp tục. Mà dù cho có đoán ra được ý tứ của nhà vua thì lúc nói chuyện cũng phải thận trọng, đừng để xúc phạm kỳ hủ, phải cầu mong

thượng đế phù hộ để rất nhiều, cơ mật của quốc gia không thể bị tiết lộ được lúc đó, nếu không thoát được các điều đó, tính mệnh ắt khó được bảo toàn.

Về câu chuyện thứ hai : Tề Hoàn Công cùng bơi thuyền với Thái Cơ, Thái Cơ là người thích đùa nghịch, bèn cố ý lái thuyền quay vòng tròn làm cho Hoàn Công chóng mặt toát mồ hôi hột. Ông tức điên lên bèn đuổi Thái Cơ về nhà mẹ đẻ. Vua của Thái Cơ cũng rất tức giận bèn kiên quyết đem Thái Cơ gả cho người khác. Tề Hoàn Công rất âm ỉc bèn cử quân đi đánh nước Thái, lấy cớ là nước Thái không được dựa vào nước Sở ở phía Nam. Thực ra bắt nước Thái dựa vào nước Sở chỉ là cái cớ bên ngoài, còn cớ hện Thái Cơ cải giá mới là nguyên nhân chính.

Còn mẩu chuyện thứ ba : Hoắc Quang đời Hán nhận sự ủy thác của Hán Vũ Đế chăm lo cho Thiệu Đế, không may Thiệu Đế sớm băng hà, không có con nối nghiệp, ông bèn lập Xương Ấp Vương, nhưng Xương Ấp Vương lại hoang dâm vô độ, Hoắc Quang và Trương An Thế bèn lập mưu phế Xương Ấp Vương, lập vua khác. Cũng vừa lúc đó Hạ Hầu Thắng đến tâu Xương Ấp Vương rằng : “Có một số thần tử mưu phản nhà vua”, tâu hữu có người đem tin này báo với Hoắc Quang, Hoắc Quang bèn trách cứ Trương An Thế. Thật ra Hạ Hầu Thắng có lời can gián nhà vua chỉ là tự mình suy đoán, chứ Trương An Thế nào có tiết lộ cơ mật, chẳng qua là dưới mắt của Hoắc Quang, Trương An Thế không tránh khỏi có sự liên can.

Câu chuyện thứ bốn : Hàn Dũ tiếp Kiến Phật Cốt Biểu, dùng lời bộc trực thẳng thắn nên đắc tội với Đường Hiến Tông, suýt bị chém đầu, may có Tế tướng Bùi Độ một mực khẩn cầu, mới chỉ bị phát vãng đến Triều Châu làm thích sứ. Cái họa mà ông ta gặp phải là dám công khai nói lên khuyết điểm của nhà vua.

Câu chuyện thứ năm : Sở Bá Vương Hạng Vô muốn mặc áo

cầm bào để vinh quy xúng vương ở Giang Đông, nhưng thuyết khách lại khuyên ông ta nên đóng đô ở Quang Trung tức là ép ông ta miễn cưỡng làm công việc mà ông ta không làm được. Quan Long yết kiến Hạ Kiệt Vương khó gấp ngàn lần can gián vua Ân Trụ; Hán Cảnh Đế quyết tâm phế bỏ thái tử Lật mà Châu Á Phu lại muốn can ngăn ông ta, tất cả đều là “Muốn ngăn cản điều mà ông ta không thể làm”.

Những điều nêu ở trên để nhấn mạnh rằng : lúc du thuyết, vô tình có điều gì xúc phạm thì rất khó tránh khỏi tai họa, cho nên mới thấy được cái khó của gián thuyết.

3. Người gián thuyết có 8 điều sẽ bị khinh thường

Nếu người thuyết khách nói với nhà vua về các quan công khanh đại nhân có địa vị có những sai lầm nào đó, nhà vua sẽ nghi ngờ ông ta muốn ly gián nhà vua với quần thần của mình. Nếu thuyết khách khi nói chuyện với vua mà đề cập đến những nhân vật tuy có địa vị thấp kém nhưng họ lại có những nét đặc biệt thì nhà vua lại cho rằng ông ta muốn mượn uy thế của nhà vua để tiến cử mấy người này. Nếu như bàn đến những người được nhà vua yêu mến thì vua sẽ cho rằng ông ta muốn dựa vào những người được vua sung ái để làm chỗ dựa tiến thân cho mình. Nếu như nói đến những người bị vua chán ghét thì nhà vua sẽ cho rằng ông ta kiếm cớ để thăm dò tình cảm của nhà vua. Nếu như thuyết khách dùng lời nói thẳng thắn, nhà vua lại cho rằng ông ta không thông minh, quá thô thiển. Nếu như thuyết khách không đề phòng ý tứ mà nói quá nhiều, nhà vua sẽ cho ông ta là kẻ lảm lời, chưa ngoan bất kham, còn nếu thuyết khách chỉ nói sơ lược, nhà vua lại cho rằng ông ta yếu đuối nhát gan, không dám nói hết sự thật. Nếu thuyết khách bàn luận quá rộng, không đề ý tới những điều cấm kỵ thì nhà vua sẽ cho rằng ông ta là người thô lỗ ngạo mạn. Tất cả các điều này đều là cái khó của du thuyết, thuyết khách không thể không biết đến.

Giải thích :

Quan hệ giữa người du thuyết với nhà vua thường là chưa đến độ mật thiết. Nhà vua quyền cao chức trọng nên đối với các thần tử can gián ông hay đối với các thuyết khách bên ngoài đều không tránh khỏi có sự đề phòng hay nghi kỵ, âu đó cũng là lẽ thường tình. Cho nên Hàn Phi Tử đã dự đoán các tình huống không hợp ý với vua trong lúc du thuyết để thấy được hết cái khó của người du thuyết muốn có được niềm tin của vua.

4. Các phương thức trình bày để làm vừa lòng nhà vua

Điều chủ yếu của hầu hết các nhà du thuyết là biết cách tô điểm thêm những ưu điểm mà nhà vua cảm thấy tự hào về nó, biết che đậy bớt các khuyết điểm mà nhà vua cảm thấy xấu hổ vì nó. Nếu như nhà vua có việc gấp riêng tư thì thuyết khách cần mượn danh đại nghĩa để chỉ dẫn ông ta cách thức tiến hành công việc sao cho phù hợp với việc công, và cần nhớ động viên nhà vua cử mạnh dạn mà làm. Nếu nhà vua có ý đồ xấu xa mà bản thân lại không kiềm chế được dục vọng muốn thực hiện ý đồ ấy, thì thuyết khách nên cố tỏ vẻ rằng việc làm đó là tốt đẹp và nhớ nói thêm rằng nếu không làm thì thật là đáng tiếc. Còn khi ý định của nhà vua thì rất cao cả nhưng ý định ấy thực tế không thể làm được thì thuyết khách cần phải chỉ ra cho vua thấy rõ ý định đó có thể mang đến sai lầm và thất bại, và ca ngợi nhà vua đã sáng suốt không tiến hành công việc đó.

Nếu như nhà vua bị huyễn hoặc về tài trí của mình, thì thuyết khách cần cung cấp cho vua một vài sự việc tương tự như vậy để nhà vua tham khảo các tư liệu mà dựa vào đó khoắc lác, còn thuyết khách thì làm ra vẻ mình là kẻ ngu ngơ chẳng hiểu được việc gì cả, đây là cách để làm cho nhà vua bộc lộ tài năng mà vua tưởng rằng mình có. Nếu như thuyết khách muốn nói lên những lời trung thực vì sự tồn vong của đất nước, thì nhất định

phải lấy danh nghĩa tốt nhất để đề cập đến việc đó đồng thời cũng thăm âm chỉ rằng việc đó cũng phù hợp với lợi ích riêng tư của nhà vua. Nếu như thuyết khách muốn nói về sự việc có nguy hại đối với đất nước, thì cần phải nói với nhà vua một cách công khai rằng vua mà làm việc đó thì sẽ bị mọi người chê cười, và thăm bảo với vua rằng như vậy đối với vua thật là bất lợi. Nếu người khác có hành vi giống như nhà vua, thì hãy ca ngợi người ấy; nếu người khác có mưu kế giống như mưu kế của nhà vua thì cứ tăng cường làm theo những điều đã vạch ra. Nếu như có người cũng cùng có nhược điểm như nhà vua, thì nên tìm mọi cách che lấp đi, và nói rằng khuyết điểm đó chẳng có gì trở ngại đến công việc. Nếu như có người cùng vạch kế hoạch với nhà vua mà bị thất bại, thì nên cố lờ đi, bảo rằng việc còn con ấy chẳng nên kể là thất bại. Nếu như nhà vua tự huỷ hoại năng lực của mình ghê gớm lắm, thì chớ nên đem công việc quá khó khăn dồn nhà vua vào thế bí. Nếu như nhà vua tự cho mình là người qua đoán đúng cảm thì không nên chỉ trích sai lầm của ông để làm ông tức giận. Nếu như ông tự cho mình là cơ mưu sáng suốt, thì đừng nhắc đến những sự việc thất bại của ông để làm cho ông bị quân bách. Những ý mà khách du thuyết trình bày chớ để xúc phạm đến nhà vua, ngôn từ tránh có sự châm chích đã kích (1), thì sau đó thuyết khách mới có thể phát huy hết tài hùng biện của mình. Đó chính là biện pháp mà người thuyết khách dựa vào đó để được tiếp cận với nhà vua mà bản thân không bị hoài nghi và có thể tự nói hết những điều cần nói.

Giải thích :

Đoạn văn trên đã đề ra nhiều phương thức thuyết phục khéo léo để thuyết khách có thể bày tỏ sự tận tâm tận lực với nhà vua, từ đó ta càng thấy được cái khó của du thuyết.

Điểm chủ yếu của gián thuyết là cần phải biết tỏ vẻ thêm những điều mà nhà vua tự hào về bản thân, và che giấu đi những điều mà vua cảm thấy tự hổ thẹn. Các phương thức đó đều được

viện dẫn ra ở đoạn văn dưới đây

Trong quyển hạ “Mạnh Tử Lương Huệ Vương” có ghi chép rằng : “Mạnh Tử khuyên bảo Tề Tuyên Vương hãy lo việc vương triều, chú ý bảo vệ đất nước, giữ vững thiên hạ. Tề Tuyên Vương bèn thoái thác rằng : “Quả nhân có thói xấu là háo dúng, háo hóa (thích vật chất) và háo sắc”. Mạnh Tử khéo léo khuyên ông ta : “Ngày xưa Châu Vũ Vương cũng háo dúng, Công Lưu thì háo hóa còn Thái Vương thì háo sắc. Nhưng đều có thể tự điều khiển được bản thân và điều khiển được kẻ khác. Vũ Vương vừa nổi giận là có thể dẹp yên được thần dân, Công Lưu có thể làm cho mọi nhà đều có dư lương thực đem tồn trữ trong kho, ra khỏi nhà là có đủ lương khô để ăn đường; Thái Vương thì giúp cho các trai gái nước ông được đẹp đôi. Chỉ cần đại vương chăm lo cho toàn dân thiên hạ, đem đến phúc lợi cho họ thì chút tật nhỏ ấy của bề hạ há chẳng trở nên “công nghĩa” hay sao ? (có ý nghĩa đối với việc nước).

Trong quyển hạ Mạnh Tử Công Tôn Sửu có ghi : “Tề Tuyên Vương tất xấu hổ vì đã không nghe lời của Mạnh Tử, bèn sớm rải quân ra nước Yên, kết quả người Yên làm phản, không chịu qui phục. Đại phu nước Tề là Trần Cổ an ủi ông rằng : “Hãy so sánh Chu Công với đại vương, ai là người nhân hậu sáng suốt hơn ? Vậy mà về phương diện nhân từ Chu Công vẫn còn chưa được coi là người hoàn thiện nữa là đại vương”. Cái kiểu lập luận như vậy tuy có chút khiên cưỡng, nhưng đối với Tề Vương mà nói, ông ta sẽ cảm thấy nếu khi bản thân không bằng được bậc đại thánh nhân thì cũng chẳng có gì là đáng xấu hổ. Thế là sự xấu hổ kia đã bị lòng tự ti đè bẹp một cách khéo léo.

Về câu chuyện : “Triệu Thái hậu tân dụng sự” trong Triệu quốc sách của thời Chiến Quốc có kể rằng, Xúc Long đề nghị hãy để vua Trường An đến nước Tề làm con tin, nhờ đó mà giải trừ được sự bao vây của nước Tần, như thế tức là “Hữu công dư quốc,

diệu khả tự khái dư Triệu" (vừa có công với đất nước vừa làm được sự ủy thác của nước Triệu). Về trước của câu nói là nói về có lợi cho việc chung, về sau là nói về nhờ đó mà có lợi cho riêng mình. Đó chính là cách bàn luận có thể cống hiến cho sự sinh tồn của đất nước. Hồ Thuyền có câu : "Mậu Ngưu thượng cao tông phong sự", ông nói đến đến sự giả trá của người Kim, có dùng lời nói mạnh mẽ cũng không thể bắt ông cầu hòa khuất phục, đó chính là công khai biểu thị đại nghĩa. Còn nếu như vạn nhất phải dùng kế của gian thần để cầu hòa thì thiên hạ đời sau sẽ coi vua là người như thế nào ? Hồ Thuyền đem sự phê phán của lịch sử hậu thế, cái mà danh tiếng của nhà vua sẽ còn truyền mãi đến muôn đời, để Cao Tông thấy được điều đó là bất lợi đối với ông, và ông không làm nữa. Đó chính là kỹ thuật biết cách thuyết phục để thấy được sự việc cho đất nước mà can vua không làm nữa.

5. Giới hạn cao nhất về sự thành công của gián thuyết

Khởi đầu Y Doãn là đầu bếp, Bách Lý Hề làm nô bộc là do họ đều muốn nhà vua dùng chủ trương của họ. Hai người này vốn là thánh nhân, nhưng không thể không làm những việc thấp kém để mong được tin dùng, vì vậy họ không chối làm những việc thấp kém. Nay nếu như bảo ta đi làm đầu bếp, làm nô bộc để nhờ đó mà nhà vua và tin ta để ta có thể thực hiện hoài bão của mình, cứu nguy cho xã hội thì đó không phải là những công việc mà kẻ sĩ có tài đức cho là ô nhục. Đợi đến lúc tiếp xúc lâu ngày với nhà vua, quan hệ vua tôi đã trở nên mật thiết, ân trạch đã sâu dày, có thể bày mưu tính kế cho vua mà không bị nghi kỵ, viện dẫn sự việc để tranh luận mà không bị oán giận, lúc đó có thể phân tích lợi hại để dẫn đến thành công hay thất bại, thẳng thắn chỉ ra sự sai trái của vua để giúp ông sửa chữa sai lầm. Đến khi vua tôi đối xử với nhau được như vậy thì coi như gián thuyết thành công.

Giải thích :

Con đường tiến thân của phái Pháp gia rất khác với phái Nho gia. Các nhà nho rất quan tâm đến việc giữ gìn tiết tháo của bản thân, nếu như không phù hợp với đạo nghĩa thì dù có phú quý cũng không bị mê hoặc, uy vũ cũng không thê khuất phục. Còn những điều Hàn Phi Tử đề xuất lại là một thái độ khác. Đó là chỉ cần có được sự tin nhiệm của chủ nhân để có thể thực hiện hoài bão, cứu vãn thời cuộc, thì chẳng cần đề ý đến tiết tiết vụn vặt. Vì vậy ông đã lấy việc Y Doãn làm đầu bếp, Bách Lý Hề làm nô bộc ra làm gương, bất chấp sự thấp hèn của việc luồn cúi. Trong “Mạnh Tử Công Tôn Sửu” có đề cập đến triết học của Y Doãn như sau : “Hà sự phi quân ?, hà sự phi pháp Trị diệt tiến, loạn diệt tiến”. Có ý nghĩa là bất cứ nhà vua nào, bất cứ dân chúng thuộc hình thái nào, ông ta cũng đều có các phụ tá hay cai trị; Bất cứ thiên hạ thái bình hay loạn lạc ông ta cũng đều có phương sách đối phó thích hợp. Đó là loại chính trị triết học tích cực nhất còn được áp dụng. Cho nên Y Doãn đúng là nhà triết học tự tin nhất. Hàn Phi Tử mang hết tâm huyết để cứu thế nên ông đã lấy Y Doãn, Bách Lý Hề ra làm gương, tấm lòng của ông lẽ đương nhiên sẽ làm cho người đời khâm phục.

Những cách nói khéo léo như trên đã đề cập đến, có nhiều người vốn tự cao tự đại không thèm để ý đến. Nhưng Hàn Phi Tử đã đem các thuyết như “thâm nhập kế mưu” (thâm nhập vào để vạch mưu kế) “cứ lý lực tranh” (dựa vào lý lẽ để ra sức tranh lược), “minh các lợi hại” (làm rõ sự lợi hại), “gián tranh chỉ thị phi” (can gián để chỉ ra điều phải trái) làm mục đích cuối cùng, thì cho dù các nhà nho, yêu cầu phải can gián các đại thần một cách chính trực như thế nào đi nữa chẳng qua cũng như vậy mà thôi. Từ đoạn văn trên, chúng ta có thể hiểu rằng : Hàn Phi Tử rất muốn làm việc có ích cho đời, và ông đã chuẩn bị giúp đỡ tạo ra phong thái của các quan đại thần về cách thức can gián, chứ không phải chỉ là cái lợi của khoái khẩu, nịnh nọt để leo lên cao, cầu mưu cầu lợi.

6. Phán đoán chính xác mới ứng phó thích hợp

Ngày trước Trịnh Vũ Công không muốn chinh phạt nước Hồ⁽¹⁾, bèn cố ý đem gả trước con gái cho vua Hồ làm vợ để làm vui lòng vua Hồ. Sau đó không lâu Trịnh Vũ Công hỏi quần thần : “Ta muốn động binh đánh bên ngoài, vậy nên đánh nước nào bây giờ ?”. Đại phu Quan Kỳ Tư nói thẳng ra rằng : “có thể đánh nước Hồ”. Vũ Công nổi giận bảo rằng : “Hồ là nước có quan hệ thông gia với ta vậy mà ông bảo có thể đánh được nghĩa là làm sao ?” Nói xong bèn đem Quan Kỳ Tư giết chết. Vua Hồ nghe được tin này, bèn cho rằng nước Trịnh quả là nước thân thiết với mình, bèn không đề phòng nước Trịnh nữa. Nước Trịnh nhân cơ hội đó bèn đánh vào nước Hồ, tiêu diệt luôn nước này.

Nước Tống có người phú ông, một hôm trời mưa to làm bức tường nhà ông ta bị sụp. Con của ông ta bảo “Nếu không mau sửa lại bức tường thì sẽ có kẻ trộm chui vào” Ông già ở nhà bên đứng coi cũng nói như vậy, tối đến quả nhiên nhà phú ông bị mất trộm, mất đi rất nhiều của cải. Cả nhà ai cũng khen ngợi người con trai và ai cũng nghi ngờ ông lão hàng xóm.

Câu chuyện trên cho ta thấy lời nói của Quan Kỳ Tử và ông lão hàng xóm đều đúng cả, nhưng rốt cuộc cả hai đều bị thiệt hại, nặng thì bị giết chết nhẹ thì bị nghi ngờ.

Giải thích :

“Phi tri chi nan dã, xử tri do nan” (không biết cũng khó mà biết cũng khó) Sự phán đoán của Quan Kỳ Tử và của ông lão hàng xóm đều không sai, nhưng kết cục người thì bị giết, kẻ thì bị nghi ngờ, đó là vì họ nói chuyện mà không suy nghĩ đến những điều kiện khách quan. Nước Trịnh muốn đánh nước Hồ, kế hoạch vẫn nằm trong giai đoạn bí mật mà Quan Kỳ Tử lại muốn bàn đến điều mà nhà vua muốn giấu nên ông đành phải là vật hy sinh, thật là oan uổng.

(1) Hồ là tên một nước thời Xuân Thu, địa điểm ở Dĩnh Châu sau này, hiện nay là vùng Phụ Dương của An Huy.

Còn ông lão hàng xóm với phú ông thì khi mối quan hệ chưa đến độ thân thiết mà lại đi bàn ra tán vào thì chưa đủ để được người ta tin cậy, trái lại còn bị nghi ngờ, đó cũng là những sự việc chưa được suy nghĩ thấu đáo.

7. Hãy quan sát sự yêu ghét của nhà vua rồi hãy bắt đầu phát ngôn

Ngày trước Di Tử Hà rất được sự sủng ái của Vệ Linh Công. Pháp luật của nước Vệ quy định rằng : “Hễ ai tự tiện dùng xe của vua người đó sẽ bị chặt chân”. Có lần mẹ của Di Tử Hà bị bệnh, người nhà vội vã đến báo cho ông hay, ông bèn mạo xưng là con của vua, tự mình đánh xe của Vệ Linh Công ra đi thăm mẹ. Vệ Linh Công sau khi biết chuyện, bèn cho rằng ông là người hiền đức mới ca ngợi ông rằng : “Tử Hà quả thật là con người hiếu thảo, vì lo bệnh của mẹ quên cả việc mình đã mắc tội hình bị chặt chân”. Lại có một lần Di Tử Hà cùng dạo với vua trong vườn cây ăn trái, Tử Hà hái một trái đào để ăn, khi cắn xong một miếng ông ta cảm thấy ngọt, bèn không ăn nữa mà đưa phần còn lại cho vua ăn. Vệ Linh Công bèn nói : “Tử Hà quả thật là rất yêu mến trẫm, vì vậy mà quên cả thưởng thức hương vị ngọt ngào mà mình ưa thích đem trái đào ngon đưa cho ta ăn”. Về sau Di Tử Hà già yếu, hình trạng tiêu tụy thì sự sủng ái của Vệ Linh Công đối với ông ta cũng dần mất đi. Có một lần, Tử Hà đắc tội với nhà vua, vua bèn nói “Tử Hà đã từng mạo danh mệnh lệnh của ta”. Qua đó dễ thấy rằng, hành vi của Di Tử Hà so với trước đây chẳng có gì khác biệt, những hành động đó ban đầu thì được vua khen ngợi, sau đó lại bị vua trách cứ, nguyên nhân là do sự yêu ghét của Vệ Linh Công đã thay đổi cho nên một người khi còn được vua yêu, thì sự thông minh tài trí của anh ta đều tỏ ra phù hợp với nhà vua nên được nhà vua gần gũi, nhưng khi bị nhà vua chán ghét thì sự thông minh tài trí của anh ta đều nghịch mắt nhà vua, luôn bị nhà vua trách cứ, và ngày càng xa cách. Cho nên nếu muốn bàn bạc can gián nhà vua thì mọi việc không thể không

làm là hãy quan sát tỉ mỉ sự yêu ghét của nhà vua rồi hãy tiến hành du thuyết.

Giải thích :

Đoạn văn trên đề cập đến việc Di Tử Hà ban đầu thì được vua sủng ái, sau đó bị hắt hủi, lúc được sủng ái thì mọi hành vi của ông đều có lý do để ca ngợi rằng đó là những điều tốt đẹp, vì vậy nếu có phạm tội ông cũng không đề phòng. Cho đến khi sự yêu mến của vua dần bị phai nhạt, thì một việc còn con cũng đắc tội với vua, lại còn bị tính lại nợ cũ. Tất cả những hành vi trước đây được ca ngợi thì nay bị nhắc lại dưới hình thức luận tội. Những ví dụ trên đây của Hàn Phi Tử nói rõ ràng sự yêu ghét của nhà vua đủ để ảnh hưởng đến quyết định của ông ta. Vì vậy trước khi muốn can gián nhà vua, không thể không xem xét thái độ của vua. Từ đó đủ thấy rằng lấy được lòng chủ nhân quả thật là khó khăn.

8. Đừng xúc phạm đến cái "vây ngược" của vua

Nói đến loài rồng người ta có thể cười lên lưng nó một cách dễ dàng, nhưng ở trong cổ họng của nó có một cái vây mọc ngược khoảng hơn một thước chìa thẳng ra ngoài. Nếu như có ai đụng đến nó sẽ bị thương. Nhà vua cũng có một cái vây mọc ngược như vậy. Nếu người du thuyết đừng động đến cái "vây" của vua thì coi như được an toàn.

Giải thích :

Dưới thời đại chuyên chế của chế độ quân chủ, sự phán quyết của nhà vua đều là pháp lệnh, nhưng các phán quyết ấy ít nhiều đều ảnh hưởng bởi cá tính của vua. Hàn Phi Tử đem rồng để làm ví dụ để thấy rằng; vua có thể là người quen thuộc với mình đây, vua tín nhiệm mình, yêu mến mình, mình có thể bàn tính mưu kế với nhà vua mà không bị nghi ngờ. Có thể dùng lý lẽ để tranh luận mà không sợ bị đắc tội. Như ngày xưa Quản Trọng và Tề Tuyên Vương, Ngụy Trưng và Đường Thái Tông đều có sự

tín nhiệm tuyệt đối và lâu dài. Nhưng mỗi nhà vua đều có tật riêng của họ, giống như chiếc vẩy mọc ngược của con rồng, không thể động vào được. Muốn dụ thuyết để mong được sự tín nhiệm của vua để thực thi được hoài bão của mình là cứu vớt thế tục thì việc đầu tiên là phải tìm cho ra chiếc vẩy mọc ngược của nhà vua để tránh sự hủy kỵ của vua. Có một lời khuyên đối với các bậc du thuyết là chớ nên động vào chiếc vẩy mọc ngược của vua. Đó là sự đúc kết đại ý của toàn bộ phần này để lột tả hết được cái khó của gián thuyết.

PHỤ LỤC

NGUYÊN ĐIỂN TINH TUYỂN

Nhị bính (hai loại quyền hành)

Bậc minh chủ sở dĩ chế ngự được bầy tôi của họ là nhờ vào hai loại quyền hành mà thôi. Hai loại quyền hành đó là hình và đức. Thế nào gọi là hình và đức ? Xin trả lời rằng : Giết phạt gọi là hình, khen thưởng gọi là đức. Bề tôi nào cũng sợ bị giết phạt và thích được khen thưởng, cho nên nếu vua sử dụng hai loại quyền hành giết phạt và khen thưởng ấy thì bọn bề tôi đều sợ uy của nhà vua mà quy phục nhà vua để có lợi cho mình. Thế nhưng bọn gian thần trên đời thì không như vậy. Hễ chúng ghét ai thì cố mượn uy của nhà vua để trị tội người đó, hễ chúng yêu ai thì dựa vào quyền thế của vua để khen thưởng người đó. Nay nhà vua đánh mất cái uy quyền của sự thưởng phạt khỏi tay mình mà nghe theo quần thần để thưởng phạt theo ý họ, tức thì dân cả nước sẽ đều sợ uy của bọn thần tử mà coi thường nhà vua, đều quy phục thần tử mà xa lánh nhà vua. Đó là cái hại của vua chúa khi để mất hai loại quyền hành hình và đức. Con cọp sở dĩ làm cho con chó khiếp sợ là nhờ vào nanh vuốt của nó. Nếu cọp đem móng vuốt cho chó sử dụng thì cọp ngược lại sẽ sợ hãi trước con chó. Vua chúa thường dùng thưởng và phạt để chế ngự bề tôi; còn nếu như đem cái uy thưởng phạt trao cho bầy tôi thì ngược lại bề tôi sẽ chế ngự trở lại nhà vua. Như Điền Thường cầu với bề trên để xin bổng lộc đem ban bố cho quần thần, dùng đấu học cỡ lớn để thi ân cho thiên hạ, thế là Giản Công đã để mất quyền thi ân vào tay Điền Thường, vì vậy Giản Công phải đi vào con đường

chết. Tử Hân tâu lên với vua Tống rằng : “Về việc được khen thưởng thì dân ai cũng thích nên vua hãy ra tay thi ân, còn đối với hình phạt chém giết thì dân rất ghét, vậy thần xin đảm nhận vậy. Thế là vua Tống trao quyền trừng phạt vào tay Tử Hân, cũng chính vì vậy mà vua Tống đã tự hại mình. Vì chỉ vì vua Tống để quyền trừng phạt lọt vào tay Tử Hân mà vua Tống bị ức hiếp, Diên Thường chiếm được quyền khen thưởng mà Giản Công bị giết. Vậy mà thời nay các quần thần chiếm được cả quyền khen thưởng và giết phạt, thế là sự nguy hiểm của các vua ngày nay so với Giản Công, vua Tống còn lớn hơn nhiều. Sở dĩ các vua bị hiếp đáp, bị giết hại, bị che lấp, bị lừa dối là do để cả hai quyền hình và đức lọt vào tay thần tử. Thử hỏi khi đã mất hết hai quyền như vậy mà không bị nguy vong là điều chưa từng có bao giờ.

Bạc vua chúa muốn ngăn cấm bọn gian tà, tất phải xem xét giữa hình và danh có phù hợp với nhau không : Danh tức là lời nói hình tức là việc làm. Bề tôi tâu lên với vua một kiến nghị, vua theo kiến nghị đó mà giao công việc và căn cứ vào công việc để xét kết quả. Nếu kết quả đúng như lời kiến nghị thì khen thưởng. Nếu kết quả không phù hợp với công việc, công việc lại không tương ứng với lời tâu thì sẽ phạt. Nếu lời nói của bề tôi phô trương nhưng công trạng thì chẳng đáng là bao thì phạt, phạt vì không phải là công nhỏ mà phạt vì công không tương xứng với lời nói. Lời nói của bề tôi quá nhún nhường mà công đạt được to lớn thì cũng phạt, ở đây không phải phạt vì công trạng to lớn mà vì cái hại của việc nhún nhường trong lời nói, cho nên dù có công to cũng phạt. Xưa Hàn Chiêu Hầu uống rượu say rồi ngủ quên, viên典 quán coi về mũ mào thấy vua bị lạnh liền lấy áo đắp thêm cho vua. Vua tỉnh dậy bèn hỏi tả hữu rằng : “Ai đắp áo cho ta ?”. Tả hữu bèn đáp : “Điển quan”. Vua liền phạt cả điển quan lẫn quan điển y (người coi quần áo) : Phạt quan điển y vì tội không làm tròn phận sự, phạt quan điển quan vì tội vượt quá quyền hạn của mình. Không phải là vua không sợ lạnh mà là vì cái hại của

việc lạm dụng quyền hành còn đáng sợ hơn cái lạnh. Cho nên là bề tôi của một ông vua sáng suốt thì bề tôi không được vượt quá chức để lập công, không được nói những điều không thỏa đáng. Nếu vượt chức thì phải chết, lời nói không phù hợp với việc làm thì sẽ bị phạt. Ai giữ chức quan nào thì lời nói phải phù hợp với công việc ấy, có như vậy thì quần thần không thể kết bè đảng làm điều xằng bậy.

Bậc vua chúa có hai mối lo : Dùng người hiền tài thì người hiền tài dựa vào tài đức của họ để lấn át vua, còn dùng người càn bậy thì công việc không thành. Nếu vua thích người hiền thì bọn quần thần trau chuốt dáng vẻ bên ngoài để làm vừa lòng vua, như vậy bản chất của họ không lộ ra, mà bản chất không thể hiện ra ngoài thì vua không sao hiểu được đám quần thần của mình đâu là thật đâu là giả. Cũng vì Việt Vương hiểu đúng mà người dân xem thường cái chết, Sở Linh Vương thích cái eo nhỏ mà nhiều người trong nước nhịn đói đến chết; Tề Hoàn Công đã hay ghen mà lại hiếu sắc nên Thụ Điều mới tự hoại để làm thái giám; ông lại thích ăn ngon nên Dịch Nha mới lược đưa con đầu lòng của mình đem dâng; Yến Tử thích người hiền nên Tử Chi làm ra vẻ không muốn nhận ngôi vua. Vua để lộ lòng ghét của mình thì quần thần che giấu thủ đoạn của họ; vua để lộ lòng yêu thích một cái gì thì bề tôi sẽ khoác lác tài năng của họ về mặt đó; vua mà yêu thích cái gì thì tình cảm thái độ của quần thần cũng sẽ cố thích ứng để vừa lòng nhà vua. Cho nên Tử Chi ra vẻ hiền tài mà đạt được ngôi vua, Thụ Điều, Dịch Nha lợi dụng những sở thích của vua để lấn át được nhà vua. Kết cuộc, Tử Khoái chết vì loạn, Hoàn Công chết đến khi giời bỏ ra khỏi cửa mà vẫn chưa được chôn. Nguyên do tại đâu ? Chỉ vì nhà vua để lộ dự vọng của mình cho bọn bề tôi lợi dụng. Bề tôi vị tất đã yêu vua, họ chỉ vì cái lợi chủ yếu của bản thân mà thôi. Nay nhà vua không giấu đi sự ham muốn, không che giấu đi ý tứ của mình để cho bọn quần thần có cơ hội lấn át nhà vua thì bọn quần thần học theo lối của Tử Chi. Điền

Thường đâu có khó, cho nên có lời khuyên rằng :“Nếu như vua bỏ đi sự yêu thích hay ghét bỏ của mình thì chân tướng của bọn quần thần sẽ lộ ra. Một khi chân tướng của bề tôi đã hiện ra thì nhà vua sẽ không bị che lấp”.

Cô Phấn (nổi uất ức cô đơn)

Kẻ sĩ có trí thuật tất phải biết nhìn xa trông rộng, nếu không quan sát kỹ càng sẽ không biết được tâm tư của kẻ khác. Kẻ sĩ mà tuân theo khuôn phép thì sẽ kiên nghị mà ngay thẳng, mà đã không ngay thẳng thì không thể uốn nắn được bọn gian tà. Nếu bề tôi nào cứ tuân theo lệnh vua, cứ tuân theo pháp luật mà thi hành chức vụ thì không thể gọi được là “trọng nhân”. Những kẻ không có lệnh vua mà cứ làm, vi phạm cả luật pháp để làm lợi cho mình, làm hao tổn của nhà nước để có lợi cho riêng mình, dùng sức mạnh để điều khiển được nhà vua, như vậy mới gọi là trọng nhân. Kẻ sĩ có trí thuật, biết minh sát, biết nghe ngóng thì sẽ thấu hiểu được sự tình mờ ám của trọng nhân. Kẻ sĩ biết phép tắc ngay thẳng, được tin dùng thì sẽ uốn nắn được hành vi gian trá của trọng nhân. Cho nên kẻ sĩ được tin dùng mà lại có trí thuật thì bọn quần thần là trọng nhân cao quý sẽ bị gạt ra ngoài, thành thử những kẻ sĩ có trí pháp với bọn trọng nhân đang cầm quyền có mối thù một mất một còn.

Phàm bọn cầm quyền đã có quyền hành trong tay thì không ai không tỏ ra tin yêu họ và đều nghe theo họ. Nếu bọn chư hầu hiểu được tâm địa của họ, a dua theo sự ưa thích hoặc ghét bỏ của họ thì sẽ được thăng tiến. Họ là bọn người có quan tước lại được quý trọng, bề đẳng vừa nhiều vừa mạnh nên khắp cả nước đều ca ngợi họ. Nếu như những kẻ sĩ có pháp thuật muốn can gián bề trên mà lại không có sự thân cận tin yêu thì bổng lộc sẽ rất thấp còn nếu kẻ sĩ đem lý lẽ để uốn nắn, góp ý cho vua tu chỉnh tâm tính thì sẽ trở thành người đối địch với họ. Kẻ sĩ địa vị thấp kém, lại bị cô lập vì không có bề đẳng. Họ là kẻ sơ tinh mà lại muốn tranh chấp với bọn thân cận với nhà vua thì khó mà thắng được.

Họ lấy sự hay làm trái ý vua của mình mà đối chọi với kẻ thân cận của vua thì tất phải bị thua. Họ hay phản bác vua mà lại đi đối chọi với bọn a dua xu nịnh thì sẽ bị thua, đã ở địa vị thấp hèn mà lại đi tranh chấp với hạng cao sang thì không thắng nổi, chỉ có một miệng mà đấu khẩu với cả nước thì làm sao cãi cho được. Bọn kẻ sĩ giỏi pháp thuật ở vào năm cái thế bất lợi đó thì có đợi thêm bao năm nữa chưa chắc đã được yết kiến nhà vua. Bọn đang nắm quyền, thừa cơ có được năm cái thế thắng kia mà sớm chiều một mình thuyết phục nhà vua, như vậy thì kẻ sĩ giỏi pháp thuật kia thử hỏi sẽ được tiến cử bằng con đường nào, còn nhà vua thì đợi đến lúc nào mới được tỉnh ngộ ? Cho nên tư cách đã không thắng được thì thế lực cũng không tồn tại được, như vậy tính mạng kẻ sĩ làm sao không bị đe dọa ? Bọn trọng nhân nếu muốn vu cáo đổ tội cho ai thì có thể dùng phép nước mà tiêu diệt họ. Nếu không thể đổ tội cho họ thì có thể sai người lén lút ám sát họ. Cho nên nếu làm rõ pháp thuật thì sẽ trái ý vua chúa, như vậy không bị chết bởi pháp quan thì cũng bị ám sát.

Những kẻ kết bằng đảng hùa với nhau để bưng bít nhà vua, dùng lời nói bẻ cong sự thật để mưu cầu tư lợi tất sẽ được bọn trọng nhân tin dùng. Nếu như ai có thể được gán cho công lao, thì sẽ được phong chức tước cao quý, nếu như ai có thể gán cho tiếng thơm thì sẽ được dựa vào quyền thế bên ngoài để được trọng vọng. Cho nên vì bưng bít được nhà vua đem lợi lộc về cho riêng họ, thì nếu không được hiển vinh nhờ quan tước, tất cũng sẽ được quyền thế bên ngoài. Nay bậc minh chúa không có đủ chứng cứ để tiến hành trừng phạt, không đợi thấy công lao rồi mới ban tước lộc, thì người kẻ sĩ biết pháp thuật sao dám liều chết mà đề xuất ý kiến của họ ? Bọn gian thần sao chịu rời bỏ lợi lộc mà rút lui ? Cho nên vua chúa càng mất địa vị, bọn trọng nhân càng được tôn quý.

Nước Việt tuy quốc phú binh cường nhưng vua chúa Trung nguyên đều biết rằng điều ấy chẳng có ích gì cho họ, họ bảo

rằng : “Ta không thể chế ngự (nước Việt) được ?”. Nay có bậc vua chúa tuy có đất rộng dân đông nhưng vua thì bị bưng bít, đại thần thì chuyên quyền thì cũng chẳng khác nào như nước Việt vậy. Biết nước Việt thuộc vào loại không có ích cho mình mà không biết nước mình cũng chẳng có ích gì cho bản thân mình như vậy là loại người không biết xem xét rõ mọi sự việc. Người ta bảo nước Tề mất, không phải vì mất đất mất thành mà vì họ Lã không nắm lấy quyền hành, để lọt mất vào tay họ Điền. Bảo nước Tấn bị tiêu vong cũng không phải là mất đất mất thành, mà là vì họ Cơ không chế ngự được, để quyền hành rơi vào tay lục khanh chuyên quyền. Nay đại thần độc đoán chiếm hết quyền bính mà bậc vua chúa không biết đường để thu tóm lại quyền hành thì đó là bậc vua chúa không sáng suốt. Mắc cùng bệnh với người đã bị chết thì khó mà sống tiếp tục được, cũng như cùng có các sự việc như nước đã bị mất thì nước mình khó mà tồn tại được. Nay theo vết của Tề, Tấn mà lại mong cho đất nước yên ổn tồn tại là điều không thể có được.

Phàm là pháp và thuật đều khó thi hành, không phải chỉ có các nước lớn có đến cả vạn cỗ xe, mà kể cả nước chỉ có hàng ngàn cỗ xe cũng chỉ như vậy thôi. Kể cả hữu bên cạnh vua chúa không phải tất cả đều là người sáng suốt, bậc vua chúa nghe được điều hay của bậc trí nhân, rồi đem điều đó bàn bạc lại với cận thần, như vậy tức là đã đem việc trí ra để bàn bạc với kẻ ngu vậy. Kể cả hữu của nhà vua không phải tất cả đều là người hiền, nhà vua được thấy lễ nghĩa ở người hiền, rồi đem những hành vi lễ nghĩa ấy nói với bọn tả hữu, như vậy là luận về lễ nghĩa của người hiền với bọn nhỏ nhen ti tiện. Kế hoạch của người trí do kẻ ngu quyết định, hành vi của người hiền bị phê phán bởi kẻ nhỏ nhen, thì người hiền trí sẽ cảm thấy hổ thẹn, còn lời bàn luận của nhà vua thì chẳng có tác dụng gì hết. Bề tôi nếu muốn được làm quan thì cần phải tự sửa mình cho trong sạch như người trí, phải biết biện luận trong việc trị quốc để tiến nghiệp như kẻ sĩ. Người muốn sửa

mình để được như kẻ sĩ không thể dùng của cải để hối lộ người khác phải dựa vào sự liêm khiết chứ càng không thể bẻ cong pháp luật để trị nước. Như vậy thì kẻ sĩ tu trí sẽ không thờ bợn tả hữu của vua, không nghe theo lời thỉnh cầu của họ. Bợn tả hữu của nhà vua, tài năng không bằng Bá Di, một khi yêu sách không được, hối lộ không xong, tất sẽ cố luyện để uốn ba tấc lưỡi ra sức vu cáo kẻ sĩ. Thế là công luyện tài hùng biện để trị nước hóa công cốc, hành vi sửa mình cho liêm khiết bị phỉ báng, tước kẻ tu trí trở nên vô dụng, còn nhà vua vẫn bị bùng bít. Không dựa vào công lao để xem xét tài trí đạo đức, không dùng cách khảo nghiệm để thăm xét tội trạng mà chỉ nghe theo lời của bợn tả hữu thân cận, điều đó dẫn đến kẻ sĩ sẽ trở nên bị vô hiệu hóa, ngồi chơi xơi nước, còn bợn ngu xuẩn tham ô sẽ nắm hết các chức tước.

Mối lo của nước có vạn cỗ xe là đại thần có quyền cao chức trọng; mối lo của nước có ngàn cỗ xe là tả hữu quá được tin dùng; đó là mối lo chung của tất cả các bậc vua chúa. Đến nước này thì đại thần có tội lớn của đại thần, nhà vua có sai lầm lớn của nhà vua. Cái lợi giữa vua chúa với bề tôi có sự khác nhau, làm sao để biết được điều này ? Xin thưa : cái lợi của vua là hễ ai có tài năng sẽ được bổ nhiệm làm quan; còn cái lợi của bề tôi là tuy bất tài nhưng vẫn được giao công việc. Cái lợi của vua là ở chỗ hễ ai có công lao thì sẽ được tước lộc, còn cái lợi của bề tôi là chẳng có công lao gì mà vẫn được phú quý. Cái lợi của nhà vua là khiến cho bậc hào kiệt trở hết tài năng, còn cái lợi của bề tôi ở chỗ kết bè đảng để mưu tư lợi. Do đó mà đất đai của nhà vua dần dần rơi vào tay của bề tôi để họ ngày càng giàu lên, dẫn đến vua chúa ngày bị suy yếu còn bề tôi ngày càng giàu mạnh. Như vậy sẽ dẫn đến vua bị thất thế còn bề tôi thì chiếm được quyền trong nước, bây giờ thì vua phải xuống phiên thân, còn tướng quốc thì chẻ phũ sai khiến kẻ khác, như vậy bề tôi đã lừa dối vua để mưu lợi riêng cho mình. Cho nên những bậc đại thần của nhà vua đang cầm quyền một khi có sự biến trong nước mà vẫn được sung ái như cũ thì

trong muôn người không có được hai ba người. Tại sao vậy ? Vì tội trạng của bọn đại thần này quá lớn. Thần tử có tội lớn, bọn chúng còn lừa gạt cả bậc vua chúa, tội của họ thật đáng chết. Kẻ sĩ vốn biết nhìn xa, lại sợ tội chết nên không nghe theo bọn đại thần — Người hiền sĩ vốn biết tu thân và liêm khiết, nên họ thấy xấu hổ khi vào hùa với bọn gian thần mà lừa dối nhà vua, vì vậy dĩ nhiên họ không a dua theo bọn đại thần. Vậy bọn a dua theo bọn đại thần nắm quyền hành thì không ngu dốt u mê cũng là bọn tham lam nên không tránh được bọn gian thần. Bọn đại thần nắm lấy loại người tham lam ngu muội này để trên thì lừa dối vua chúa, dưới thì thu lợi bòn rút của dân, kết bè kéo cánh, đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu để mê hoặc nhà vua, bại hoại phép nước để loạn sĩ dân, khiến cho đất nước bị tiêu vong, vua chúa bị hành hạ nhục nhã, tội đó thật là quá lớn. Bề tôi có tội mà vua không cấm được, đó cũng là lỗi lớn. Làm cho nhà vua có lỗi lớn như vậy, thần có tội lớn như thế kia mà mong nước không bị diệt vong là điều không thể có được.

Định Pháp

Có người hỏi : “Thuyết của Thân Bất Hại và Công Tôn Ưống, thuyết nào cần kíp cho quốc gia hơn ?” không thể quyết được. Người ta không ăn mười ngày thì sẽ chết, trời đại hàn mà không có đủ áo quần tất cũng chết, vậy thử hỏi cái ăn cái mặc cái nào cần thiết cho con người hơn ? Lẽ đương nhiên là không thể thiếu một trong hai thứ đó, vì nó đều là vật cần thiết cho cuộc sống của con người. Nay Thân Bất Hại luận về thuật, Công Tôn Ưống lại bàn về pháp luật. Người biết thuật tức là người được bổ nhiệm quan chức, cứ theo chức danh mà thi hành phận sự, nắm quyền sinh quyền sát trong tay, xem xét khả năng của quần thần : vậy thuật là cái mà bậc vua chúa phải nắm được trong tay. Còn người lo về pháp luật, là người công bố lệnh của hiến pháp nơi quan phủ, thưởng phạt tất phải căn cứ tình hình thực tế của dân chúng : thưởng người tuân theo pháp luật, phạt kẻ gian làm

trái với pháp luật; vậy pháp luật là cái để cai quản bậc đại thần. Vua không có thuật ắt sẽ bị lấn át, quần thần không có pháp luật sẽ tự tiện làm loạn, cho nên cả hai pháp và thuật không thể thiếu được, vì đó đều là công cụ để vua trị được nước.

Có người hỏi : “chỉ theo thuật mà không có pháp luật, hoặc chỉ có pháp luật mà không có thuật trị nước đều không thể được, tại sao vậy ?” Xin trả lời rằng : “Thân Bất Hại lúc đó làm phụ tá cho Hàn Chiêu Hầu. Hàn lúc đó là một phần của nước Tần (nước Tần) mới tách ra, pháp luật cũ của nước Tần chưa hết hiệu lực, pháp luật mới vừa ban hành; lệnh của vua trước chưa thu về mà lệnh của vua mới thể vừa ban ra. Nếu Thân Bất Hại không chỉnh đốn pháp luật mới ban hành, không thống nhất lệnh của pháp mới ắt kẻ gian sẽ nhiều thêm. Bởi vì nếu dựa theo pháp luật cũ chỗ nào có lợi cho họ, họ sẽ tuân theo pháp luật cũ, nếu pháp luật mới chỗ nào có lợi cho họ, họ sẽ vận dụng pháp luật mới. Cái cũ và cái mới tương phản đối chọi nhau, thì Thân Bất Hại có chục lần khuyên Chiêu Hầu hãy dùng thuật thì bọn gian thần vẫn có thể dùng lời dối trá để biện minh cho họ. Vẫn dựa vào sức mạnh của hàng vạn cỗ xe của nước Hàn trước đây, vậy mà trong suốt mười bảy năm trời, Hàn Chiêu Hầu vẫn không làm nên nghiệp bá vương. Đó là do cái hại của việc trên tuy có dùng thuật mà dưới thì không dùng pháp luật để chỉnh đốn lại đội ngũ quan lại, ví như việc Công Tôn Ưng trị nước Tần : ông đặt ra pháp luật mọi người phải có trách nhiệm về hành động của nhau, cứ năm mười nhà khi xảy ra việc gì phải cùng nhau chịu tội, phần thưởng phải hậu mà đúng đối tượng, đã phạt phải phạt nặng mà xác đáng. Nhờ vậy mà dân chúng nước Tần ra sức làm lung không nghỉ ngơi, chống giặc không lùi bước, cho nên nước Tần thực tức bình cường; tuy vậy lại không dùng thuật để nhận được mặt kẻ gian, cho nên sự giàu mạnh đó cũng chỉ có lợi cho bọn đại thần mà thôi. Cho tới khi Hiếu Công, Khương Ưng chết, Huệ Vương nối ngôi, pháp luật của Tần vẫn chưa bị hủy diệt mà Trương Nghi đã

đem Tần hy sinh cho nhà Hàn, Ngụy, Huệ Vương chết, Võ Vương nổi ngôi Cam Mậu đem Tấn dâng cho Chu. Võ Vương chết, Chiêu Lương Vương nổi ngôi, Nhượng Hầu vượt qua Hàn Ngụy để đánh vào phía Đông của nước Tề, đánh trong năm năm mà nước Tần không thu thêm được một tấc đất, chỉ riêng Vương Hầu được phong thêm vùng Đào Ấp. Công Hầu đánh Hàn suốt tám năm, cuối cùng ông ta được phong đất Nhữ Nam. Từ đó trở đi, những kẻ có tiếng ở nước Tần đều thuộc loại người như ông Nhượng vậy. Như vậy nếu đánh giặc mà chiến thắng thì đại thần được trọng vọng lại còn được tư lợi là phong thêm đất cho riêng mình, cho nên nhà vua nếu không biết dùng thuật thì không nhận biết kẻ gian. Vua Thương dù có chục lần sửa sang pháp luật thì bọn gian thần ngược lại vẫn biết dùng pháp luật để mưu lợi cho riêng mình. Cho nên dù cho Tần có dựa vào thế mạnh suốt chục năm trời mà vẫn không lập nên sự nghiệp đế vương là do cái hại của việc dùng các quan lại nắm được pháp luật, nhưng bên trên nhà vua lại không có thuật để trị nước. Lại có người hỏi rằng : “Vua chúa thì dùng thuật của Thần tử, còn quan lại thì dùng pháp luật của Thương Quân, như vậy là được rồi chứ ?” đáp rằng : “Thần Tử chưa đạt đến tận cùng của pháp, Thương Quân chưa tận dụng hết thuật vậy. Thần Tử bảo : “Muốn trị được nước thì quan không được vượt chức, dù có biết cũng không được nói” bảo quan không được vượt chức tức là bảo phải biết giữ chức phận của mình thì còn có thể được, chứ biết mà không nói ra, không dám tố cáo tội trạng của người khác thì là sai rồi. Bậc vua chúa nhìn bằng mắt của cả nước nên không ai nhìn rõ bằng, nghe bằng tai của cả nước nên không ai nghe tỏ bằng, nay biết mà không nói, vậy nhà vua ở trên cao còn biết dựa vào đâu để có thêm tai mắt ? Pháp luật của Thương Quân có dạy rằng : “Nếu chém được một đầu giặc thì được thăng tước một cấp, còn muốn được làm quan sẽ được xếp vào chức quan có bậc lương là 50 hộc, nếu chém hai đầu giặc thì được thăng tước hai cấp, muốn làm quan thì được xếp bậc

quan lãnh lương 100 học. Như vậy việc thăng quan tiến chức tương xứng với công chém đầu giặc. Nay nếu như có pháp lệnh bảo rằng : “nếu chém đầu giặc thì sẽ được làm thầy thuốc hay thợ mộc thì nhà cất mái không xong và bệnh thì trị mãi cũng chưa hết.

Đã là thợ mộc thì phải có bàn tay khéo léo, còn đã là thầy thuốc thì phải có bàn tay bốc thuốc, vậy mà cứ chém được đầu giặc lại được thưởng công bằng cái nghề đó thì đầu phải ai cũng làm được. Cho nên nếu chỉ đem người có sức mạnh mà phong cho làm quan vốn là người cần có trí năng thì cũng giống như chém đầu giặc thì thưởng công bằng cách cho làm thợ mộc thầy thuốc. Cho nên mới có lời bàn : Pháp và thuật của hai vị Thân Tử và Thương Quân đều chưa đạt được đến sự hoàn thiện.

Ngũ đố (năm loại mọt)

Đời thượng cổ người dân còn thưa thớt, loài cầm thú lại rất nhiều, cho nên người dân không thắng nổi loài cầm thú rắn rết. Lúc ấy có bậc thánh nhân chỉ bảo cách kết cành cây làm tổ để tránh bị hại nên nhân dân rất vui mừng bèn tôn bậc thánh nhân ấy làm vua của thiên hạ, gọi là Hữu Sào Thị. Nhân dân ăn trái sống, rau cỏ, trai hến sống vừa tanh tao, vừa hơi thối lại còn làm hại đến ruột gan cho nên nhiều người nhiễm bệnh. Có bậc thánh nhân dùng cách khoan cây để lấy lửa, làm cho thức ăn hết mùi tanh tao nên nhân dân rất vui mừng, tôn làm vua thiên hạ, gọi là Toại Nhân Thị. Đời trung cổ, khắp nơi gặp nạn hồng thủy, có ông Cồn và ông Vô trị thủy khơi ngòi cho nước rút. Đời cận cổ có vua Kiệt, Trụ gây ra bạo hoạn, đã bị vua Thang vua Võ đánh dẹp. Nay nếu có người ở đời Hạ mà đi lấy cây kết tổ, khoan cây mà lấy lửa ắt sẽ bị ông Cồn, ông Vô chê cười, có người đời nhà Ân, nhà Thương đi khơi ngòi tắt cũng sẽ bị ông Thang, ông Võ chê cười. Ngày nay nếu có người đem sự tốt đẹp về đạo đức của các ông Nghiêu, Thuấn, Thang, Võ, đặt vào cuộc sống đương thời tắt sẽ bị các ông thánh đời nay chê cười. Như vậy các bậc thánh nhân

không cần phải phục cổ, không cần phải tuân theo lệ cổ, không cần phải giữ lệ cũ mà cần phải xem xét đến sự việc đương thời rồi từ đó mà tìm biện pháp thích hợp.

Nước Tống có một anh chàng đi cày ruộng, giữa ruộng có một gốc cây, có một con thỏ đâm vào gốc cây bị gãy cổ mà chết, vì vậy anh ta quăng cả cày bừa để ngồi ôm gốc cây, hy vọng lại bắt được thỏ, nhưng kết cục chẳng bắt thêm được con thỏ nào lại bị cả nước Tống chê cười. Nay muốn dùng chính sách của các vua chúa thời xưa để trị dân ngày nay thì chẳng khác gì anh chàng ôm gốc cây để đợi thỏ vậy.

Người ở vùng núi non phải lấy nước từ trong hang động, đến dịp lễ tết họ đem nước biếu tặng lẫn nhau, còn người vùng đầm lầy thì phải khổ vì nước, họ phải thuê người đào rãnh thoát nước. Mùa xuân vào năm đói kém, dù em út còn nhỏ cũng không được nhường thức ăn, mùa thu vào lúc được mùa, dù là khách lạ cũng được mời ăn. Điều đó đâu phải so với tình cốt nhục mà thân với khách qua đường, chỉ là vì tùy theo thực phẩm có nhiều hay ít mà thôi. Cho nên cổ nhân khinh của cải không phải có lòng nhân mà là vì của cải có nhiều đấy thôi. Ngày nay người ta tranh cướp lẫn nhau không phải do tì tiện mà là do của cải đã hiếm hoi. Người ta sợ dĩ khước từ ngôi thiên tử không phải do cao thượng mà vì ngôi báu đó quyền thế quá mong manh; người ta sợ dĩ tranh nhau chức quyền, họ không phải là kẻ hạ tiện mà chỉ vì quyền thế có sức mạnh quá lớn mà thôi. Vì vậy thánh nhân cần phải luận bàn đến của cải nhiều hay ít, quyền thế dày hay mỏng rồi mới từ đó mà đặt ra chính sách. Bởi vì phục vụ chưa ắt phải là nhân từ, phạt nặng chưa hẳn là tàn bạo, mà nó thì hành theo tập quán của mỗi thời kỳ. Cho nên công việc phải tùy thời mà sắp đặt cho phù hợp.

Ngày xưa Văn Vương ở giữa đất Phong, đất Cảo, đất rộng trăm dặm, thi hành nhân nghĩa mà vô vạ rợ Tây Nhung nên đã thống nhất được thiên hạ. Từ Yên Vương ở Hán đông, đất rộng năm trăm dặm, thi hành nhân nghĩa mà có 36 nước chư hầu cắt

đất triều phục. Kinh Văn Vương sợ Từ mạnh lên có hại cho mình, bèn cử binh đánh, tiêu diệt luôn nước Từ. Vậy ra Văn Vương thi hành nhân nghĩa mà được thiên hạ, còn Yến Vương cũng thi hành nhân nghĩa mà lại bị mất nước, xem ra nhân nghĩa chỉ dùng được cho đời xưa chứ không dùng được cho ngày nay, cho nên có lời bàn rằng : “thời thế thay đổi thì sự vật cũng đổi thay”. Đời vua Thuấn có rợ Miêu không qui phục, Vũ muốn đem quân phạt Miêu nhưng Thuấn can rằng : “không được, nếu làm bề trên mà đức không dùng mà lại dùng võ thì phi đạo lý”. Thế là vua Thuấn lo tu sửa lễ giáo trong ba năm, tổ chức lễ múa khiên búa, người Miêu thấy vậy mới chịu quy phục. Tới khi giao chiến với Cung Công thì đao búa lại quá ngắn không đâm tới kẻ địch, áo giáp lại không chắc nên bị đâm vào thân thể. Như vậy cũng đủ thấy rằng đao búa chỉ dùng được thời cổ chứ thời nay thì không thể đánh trận được. Vì vậy mới nói rằng “việc đã thay đổi thì cách thức cũng thay đổi”. Đời thượng cổ người ta tranh nhau về đạo đức, đời trung cổ người ta tranh nhau về mưu trí, còn ngày nay người ta tranh nhau về sức lực. Nước Tề muốn đánh nước Lỗ, vua Lỗ phái Tử Cống đi du thuyết. Người nước Tề bảo rằng : “Lời thầy nói không phải là không có lý, nhưng cái mà tôi muốn là đất đai kia chứ tôi đâu có cần những lời của thầy”. Thế là cử quân đi đánh nước Lỗ, chiếm được quá kinh đô nước Lỗ mười dặm mới dừng lại. Như vậy vì Yến Vương nhân nghĩa mà để nước Tề bị diệt vong, vì Tử Cống biện mưu trí giỏi mà Lỗ mất. Cho nên chỉ dựa vào lời nói hay, dựa vào nhân nghĩa hay mưu trí đều không giữ được nước. Vậy hãy bỏ đi lòng nhân của Yến Vương, vứt đi cái trí của Tử Cống mà chinh đồn lại lực lượng của nước Từ nước Lỗ thì có thể đương đầu được kẻ địch mạnh có hàng vạn cỗ xe, thế thì tham vọng của nước Tề nước Kinh cũng không thể thi hành được ở hai nước Tề và Lỗ vậy.

Phong tục thời xưa và thời nay khác nhau, biện pháp thi hành giữa cũ và mới cũng khác nhau. Nếu như muốn dùng chính

sách ôn hòa để trị người dân trong thời loạn thì chẳng khác nào muốn chế ngự cỗ xe ngựa mà lại không dùng dây cương và roi, đó chính là cái hại của sự không sáng suốt. Nay Nho gia và Mặc Tử đều ca ngợi tiên vương rằng : “Tiên vương là bậc yêu quý thiên hạ, đã coi dân như con”; Làm sao để biết được điều đó. Đáp rằng : “Khi quan tư khấu hành hình phạm nhân vua bảo không được cử nhạc, nghe báo tin kẻ bị tử hình đã chết vua bèn rơi lệ”. Họ đã ca ngợi tiên vương như vậy. Họ bảo rằng quan hệ giữa vua tôi được như quan hệ phụ tử tất sẽ trị được nước, từ đó mà suy ra đã có sự thân tình như cha con thì nước sẽ không loạn vậy. Theo lẽ thường tình thì không ai yêu con bằng cha mẹ, như vậy dù cho được yêu thương vị tất con sẽ không loạn ? Cũng giống như trong tình yêu dân của vua có nồng hậu đến đâu ít có giữ được dân không loạn hay sao ? Lòng yêu dân của vua cũng không hơn được tình yêu con của cha mẹ mà con cái chưa chắc đã không nổi loạn thì thử hỏi người dân có chịu yên để vua cai trị hay không ? Nhà vua rơi lệ vì không muốn có người bị hành hình, đó là lòng nhân, nhưng đã có tội thì không thể không bị hành hình, đó chính là luật pháp. Tiên vương đã để cho pháp luật thắng lòng nhân, không để cho nước mất làm yếu lòng, tức chỉ có lòng nhân không đủ để trị nước, điều đó thật quá rõ ràng. Hầu hết dân chúng đều phục tùng quyền uy, rất ít người nghe theo đạo nghĩa. Trọng Ni là bậc thánh nhân trong thiên hạ, ông tu sửa đức đạo, chu du khắp trong thiên hạ để luận bàn về nhân nghĩa, người ta còn ca ngợi lòng nhân nghĩa của ông mà thực sự theo ông chỉ có 70 người. Vì trong số người quý trọng nhân nghĩa thì ít, còn làm được điều nhân nghĩa thì lại khó. Cho nên cả thiên hạ to lớn như vậy mà chỉ có 70 người theo ông còn thì hành được nhân nghĩa thì chỉ có 1 người (tức Trọng Ni). Lỗ Ai Công là một ông vua hạng thấp kém, vậy mà ông ta làm vua ở phương nam, dân trong nước không ai là không thuần phục. Người dân phục bởi quyền

thế, qua đó thấy rõ quyền thế dễ làm cho người ta khuất phục. Cho nên Trọng Ni mới phải xưng thần, còn Ai Công thì lại xưng vương; Trọng Ni xưng thần không phải vì phục cái nghĩa của Ai Công mà vì phải phục tùng theo cái thế của ông ta. Nếu chỉ xét về đạo nghĩa thì Trọng Ni không phục Ai Công, nhưng vì thắng thế nên Ai Công khiến Trọng Ni xưng thần. Nay các bậc học giả đi du thuyết các vua chúa, không khuyên họ phải thừa tể tất thắng mà lại bảo rằng : “Nếu thực thi nhân nghĩa thì sẽ làm nên nghiệp đế vương” tức là yêu cầu nhà vua phải có nghĩa được như Trọng Ni, nghĩa là mọi kẻ thường dân đều phải được như đồ đệ của Trọng Ni, điều đó thật khó mà làm được.

Nay có đứa con bất tài hư nát, cha mẹ giận la mắng nhưng nó không sửa đổi, người trong làng trách nó nó cũng trơ ra, thầy dạy bảo nó nó vẫn không thay đổi. Với sự yêu mến của cha mẹ, hành vi của mọi người trong làng, với sự dạy bảo sáng suốt của thầy ba điều đẹp đẽ ấy mà cuối cùng nó cũng ỳ ra, không chịu thay đổi ngay đến cả một sợi lông chân. Cho đến khi quan ở Châu bộ đem binh tới tiến hành thực thi pháp luật truy lùng kẻ gian thì sau đó nó mới hoảng sợ, thay đổi tính nết, cải hối hành vi. Chỉ với tình thương của cha mẹ thì không đủ để dạy dỗ con cái, phải đợi đến nghiêm hình của quan Bộ châu, vì dân vốn nhờn với sự yêu chiều mà chỉ biết nghe theo uy quyền. Thánh cao 17 nhần (7 thước = 1 nhần) Lâu Quý không vượt qua được vì nó dựng đứng, núi cao cả ngàn nhần thì ngay cả đến con cừu què cũng dắt lên đó chăn được vì dốc nó thoải thoải. Cho nên bậc minh chủ mới theo cái kiểu bức tường thẳng đứng mà đặt ra hình phạt nghiêm khắc. Một tấm vải tầm thường thì người bình thường cũng không bỏ qua, còn cả trăm lượng vàng đang lúc nóng chảy thì dù là bọn cường đạo cũng không dám lấy. Vì biết rằng vô hại nên người ta không bỏ qua tấm vải tầm thường, biết rằng sẽ bỏng tay nên ngay

cả đến trăm lượng vàng cũng không dám lấy. Cho nên bậc minh chủ phải biết cách trừng trị. Nếu khen thưởng thì không có gì bằng vừa trọng hậu vừa đáng tin để dân thấy rõ được cái lợi của thưởng, còn phạt thì không có gì bằng vừa thật nặng vừa đúng với tội trạng để dân thấy đó mà sợ. Pháp luật không có gì bằng vừa thống nhất, vừa cố định để dân biết rõ mà theo. Nếu như bậc minh chủ đã thi hành khen thưởng thì không thay đổi, đã ban bố hình phạt thì không ân xá, đã khen rồi thêm có thưởng, đã phạt rồi lại còn chê bai thì dù cho người hiền hay kẻ ti tiện đều tận lực làm điều phải.

Ngày nay bậc vua chúa đối với lời nói của các thuyết khách chỉ thích lời nói khéo của bọn họ mà không xem xét lời nói đó có chính đáng hay không. Đối với hành vi của họ chỉ ca ngợi danh tiếng chứ không chú ý đến các hành vi của họ.

Bọn nho sĩ lấy văn để làm loạn phép nước, bọn hiệp sĩ dùng võ để phạm những điều cấm kỵ, vậy mà bậc vua chúa đều lấy lễ nghĩa đối xử với họ, từ đó mà sinh loạn. Con người ta hễ không tuân theo pháp luật sẽ bị tội, vậy mà các bậc tiên sinh chỉ nhờ dựa vào văn học mà được thu dùng; kẻ vi phạm vào các điều cấm kỵ sẽ bị giết, vậy mà những kẻ chuyên được phái đi ám sát lại được dung dưỡng. Như vậy người mà pháp luật cho là sai trái thì nhà vua lại thu dùng; kẻ mà quan xử bảo phải giết đi thì lại được bề trên che chở. Như vậy giữa pháp luật, thu nhận người, lệnh của quan trên, sự thi hành của kẻ dưới; bốn thứ đó luôn đối chọi nhau, không có sự thống nhất ổn định, thì dù cho có đến mười ông hoàng đế cũng không sao trị nổi thiên hạ. Vậy kẻ đã thi hành điều nhân nghĩa chớ nên khen ngợi, vì khen ngợi sẽ hại đến công lao của họ; còn người đã chuyên về văn học thì đừng sử dụng họ vào việc nước, nếu dùng họ sẽ làm loạn pháp luật. Thời bình thì dung dưỡng nho sĩ và hiệp khách, đến khi thời loạn lại dùng giới binh sĩ, như vậy kẻ được hưởng lợi lộc thì không dùng họ, kẻ

được dùng đến lại không được ân huệ nào. Vì vậy mà những người đang đảm nhiệm công việc sẽ lơ là công việc của mình, mà bọn du thuyết học giả ngày càng đông, từ đó mà đời hóa loạn.

Nay bậc vua chúa đối với các lời bàn của bọn du thuyết, chỉ thích sự khôn khéo trong lời lẽ mà không cần đến sự xác đáng của nó. Còn đối với hành vi của bọn du thuyết, nhà vua chỉ chú ý đến danh của họ mà không cần đến công lao thật sự của họ. Vì vậy mà phần lớn thiên hạ chỉ lo đến việc trao đổi cách ăn nói của mình cho hay ho chứ không để tâm đến công việc thực tế. Cho nên, hãy đơn cử triều đình của Tiên Vương, chỉ toàn là bọn chuyên bàn đến nhân nghĩa (mà ít ai lo đến công việc cụ thể), vì vậy chính trị nước nhà không tránh khỏi loạn lạc. Kẻ lập thân chỉ cốt tranh nhau ở danh tiếng thanh cao mà không cần có công trạng gì cả, vì vậy bọn trí sĩ mới lui về hang động ở ẩn, từ bỏ tước lộc. Chính vì vậy mà binh lực không tránh khỏi suy yếu. Vậy binh lực bị suy yếu, triều chính bị loạn lạc, nguyên nhân tại đâu ? Là ở chỗ cái mà dân chúng ca ngợi, cái mà nhà vua coi trọng đều là những cái làm cho nước loạn. Nay người dân trong nước đều bàn về chính trị, nhà nào cũng đều cất giấu sách binh pháp của Thương Ưởng và Quản Trọng thì nước ắt sẽ bị nghèo nàn thêm ;bởi vì người nói về chuyện cày bừa thì nhiều mà người trực tiếp đi cày thì lại rất ít. Hoặc ở trong nước ai cũng bàn đến việc binh, nhà nào cũng cất giấu sách của Tôn Tử, Ngô Khởi thì binh lực sẽ càng suy nhược bởi vì người bàn chuyện trận mạc thì nhiều mà người mặc áo giáp ra trận thì ít. Cho nên bậc minh chủ nên dùng lực của người khác chứ đừng chỉ nghe lời anh ta nói; hãy thưởng những ai có công lao thật sự và cấm không được chỉ biết nói suông vô dụng. Như vậy dân phải tận lực đến chết để nghe theo bề trên. Người làm ruộng là việc vừa hao sức vừa cực nhọc mà người dân vẫn làm vì họ biết rằng có làm ruộng mới được

giàu có. Ra chiến trận là công việc rất nguy hiểm mà người dân vẫn cứ cầm vũ khí vì họ biết rằng có đánh giặc mới có phú quý. Nếu chỉ lo luyện rèn văn chương, tập tành ăn nói, dù không ra tay cày cấy khó nhọc mà vẫn được giàu có, nếu không gặp nguy hiểm nơi chiến trận mà vẫn được tôn quý thì ai mà chẳng muốn làm như vậy ! Kết quả có đến một trăm người dùng trí mới có một người dùng sức. Người dùng trí càng đông thì phép nước càng bại hoại, người dùng sức càng ít thì đất nước càng bần cùng do đó mà đời mới bị loạn. Cho nên một nước có minh chủ thì không dùng những điều trong sách để dạy dân mà phải lấy pháp luật để dạy dân; không dùng lời của các tiên sinh Nho gia mà phải dùng các quan lại để làm thầy, không sử dụng bọn thích khách để bảo vệ mình mà phải lấy việc chém đầu giặc làm dũng cảm. Vì vậy dân trong nước hễ bàn luận thì nhắc tới pháp luật, hễ hành động là cố để lập công, huy động toàn bộ sự dũng cảm cho sự lập công có như vậy thì khi bình yên nước sẽ giàu, khi giặc già binh sẽ mạnh, đó là cái vốn để lập nên nghiệp đế. Khi đã tích lũy được vốn để lập nghiệp đế thì thừa lúc địch sơ hở thì sự nghiệp còn vượt cả Ngũ Đế, bằng tam vương, tất cả đều phải theo các cách như đã nói ở trên thì mới thành công được.

Nội Trừ Thuyết Thượng (Tiết Lục). (Những học thuyết dùng trong việc trị nước)

Thời Vệ Linh Công, Di Tử Hà được sủng ái nên chuyên quyền ở nước Vệ. Người hề lùn yết kiến với Linh Công, tâu rằng : • “Mộng của thần đã ứng nghiệm”. Vua hỏi : “Mộng như thế nào ?” đáp rằng : “Mộng thấy cái bếp, nghĩa là sắp được yết kiến nhà vua”. Vua giận quá bảo rằng : “Ta nghe nói gặp vua tức là mộng thấy mặt trời, sao ngươi yết kiến quả nhân mà lại mộng thấy bếp”. Hề đáp rằng : “Mặt trời chiếu khắp thiên hạ, không vật nào che lấp được, còn vua chiếu khắp cả nước, không người

nào che khuất được, vì vậy mà khi sắp gặp vua mới mộng thấy mặt trời. Còn bếp ư ? Một người đang đứng nấu thì người phía sau không nhìn thấy nó được. Hay là nay đang có một người nào đó đang đứng trước lò che mất ngọn lửa của nhà vua chăng ? Như vậy thần mộng thấy cái bếp lò không đúng hay sao ?”.

Theo pháp luật nhà Ân thì sẽ trị tội kẻ nào đổ tro đường, Tử Cống cho rằng như vậy là quá nặng, bèn hỏi Trọng Ni. Trọng Ni đáp rằng : “Biết trị tội như vậy là phải lẽ. Tro mà đem đổ ra đường tất sẽ phủ vào đầu người ta, người bị tro phủ tất sẽ nổi giận mà đã nổi giận ắt sẽ dẫn đến đánh lộn, đã đánh lộn thì cả ba họ đều bị tàn hại, cái tội làm hại đến ba họ bị xử trị là đáng lắm. Hơn nữa kẻ bị tội nặng sẽ bị mọi người ghét bỏ, mà việc không đổ tro ra đường là việc làm rất dễ đối với mọi người, làm cho người có thể thực hiện một việc dễ làm để tránh xa một điều bị ghét bỏ, đó chính là đạo lý trị nước vậy”.

Người nước Lỗ đốt lửa, trời nổi gió Bắc lửa cháy lan về phía Nam, e rằng sắp thiêu cháy cả nước. Ai Công lo lắng, tự mình điều khiển mọi người dập tắt lửa. Nhưng xung quanh ông chẳng có ai, đều bỏ đi săn thú cả rồi nên không có ai cứu lửa. Ông bèn - với Trọng Ni đến hỏi — Trọng Ni bảo rằng : “Đi săn thú đã được vui vẻ lại không bị phạt, việc cứu lửa cực khổ mà không được thương, vì vậy mà đám cháy không thể dập tắt được” Ai Công bảo “phải” Trọng Ni nói tiếp : “Khi việc đã gấp thì không kịp treo giải thưởng; mà mọi người cứu lửa đều được thưởng thì trong nước không đủ để thưởng. Vậy xin hãy dùng hình phạt” Ai Công bảo : “Được”. Thế là Trọng Ni bèn ra lệnh : “Ai không cứu lửa sẽ bị khép vào loại tội hàng giặc phương Bắc; ai săn thú sẽ khép vào tội như những tội phạm bị cấm cố” lệnh chưa truyền đến khắp chốn thì ngọn lửa đã bị dập tắt.

Thời Vệ Tư Công có quan Tư Mi chạy trốn qua nước Ngụy mà trị bệnh cho hoàng hậu của Tương Vương. Vệ Tư Công hay tin bèn cho người đem 50 lượng vàng để mua người chạy trốn ấy. Năm lần đi về mà Ngụy vương không chịu, Tư Công bèn đem đất Tả Thị để đổi lấy Tư Mi. Quan thần đều can gián rằng sao lại đem cả một xã để đổi lấy một mình Tư Mi phỏng có nên chăng ?” Vua đáp rằng : “Nếu không làm vua thì sẽ không thể biết được. Việc trị nước không chú ý từ việc nhỏ thì sẽ xảy ra đại loạn. Nếu pháp luật không vững mà hình phạt lại không kiên quyết thì dù cho có mười vùng như Tả Thị cũng vô ích mà thôi. Còn nếu có pháp luật nghiêm minh hình phạt thỏa đáng thì dù có mất mười vùng đất Tả Thị cũng vô hại vậy”. Ngụy vương nghe tin bèn bảo rằng : “Vua một nước muốn trị tội kẻ làm loạn mà ta không nghe theo điều đó không tốt”. Rồi đem kẻ phạm tội trả lại, không nhận đồ cống hiến.

Tề Tuyên Vương sai người thổi ống sáo thì phải có ba trăm người thổi cùng một lúc. Những người ở (thành) Nam Quách bèn xin Vương cho được thổi ống sáo, vua mừng lắm, bèn cấp lương thực cho cả trăm người. Tuyên Vương chết, Mân Vương nối ngôi, chỉ thích nghe tiếng sáo một người thôi, vì vậy bọn người ở Nam Quách bèn chạy trốn hết. Vệ Tử Công sai người đóng giả là khách để qua cửa thành, người canh giữ cổng thành bèn làm khó dễ, người này bèn đem vàng ra đưa cho ông ta, ông ta bèn cho khách đi qua. Tư Công mới hỏi viên quan canh ải rằng : “Ngày nọ có người khách qua cổng thành, người ấy đã đưa vàng bạc nên người đã cho đi qua”. Quan canh cửa ải kinh hoàng, cho rằng Tư Công quả thật là sáng suốt.

Nội Trừ Thuyết Hạ (tiết lục) (thuật để trừ bên trong)

Người nước Vệ có cô vợ cầu đảo, khẩn rằng : “Hãy làm cho tôi vô cơ mà bắt được trăm xúc vãi”. Anh chồng nghe được bèn

bảo : “Sao xin ít như vậy ?” vợ đáp : “Như vậy là đủ rồi, xin nhiều để anh mua thêm thiếp à”.

Kinh Vương có một ái thiếp là Trịnh Tụ, Kinh Vương vừa mới có thêm một mỹ nữ, Trịnh Tụ bèn dạy mỹ nữ rằng : “Vương thích người khác lấy tay che miệng, cho nên khi gần Vương em nhớ lấy tay che miệng. Vua hỏi tại sao, Trịnh Tụ bèn thưa : “Là vì cô ấy sợ mùi hôi của bệ hạ” khi vua, Trịnh Tụ, và mỹ nữ cùng ngồi trên xe, Trịnh Tụ đã dặn trước người lái xe rằng “Nếu vua có ra lệnh gì, phải lập tức thi hành lệnh của vua”. Mỹ nữ đi về phía trước, khi đến gần vua bèn lấy tay che miệng, vua bỗng nổi giận bảo rằng : “hãy cắt mũi nó đi” người đánh xe bèn rút dao ra cắt ngay mũi của mỹ nữ.

Hy Hầu tìm thấy trong nước nóng có đá dăm, bèn hỏi : “Nếu người coi việc tắm bọt bãi chúc thì có thay hay không ?” Tả hữu đáp rằng : “có”. Hy Hầu bảo : “Hãy gọi đến đây cho ta” Người ấy đến Hy Hầu bèn mắng rằng : “Tại sao người bỏ đá vụn vào nước nóng ?” Hần đáp rằng : “Nếu người coi việc tắm bị bãi chúc thì thân có thể được thay thế, vì vậy thân mới bỏ đá dăm vào trong nước nóng”.

Ngoại trừ thuyết tả thượng (trích lục) (Thuật để trừ bên ngoài)

Yên Vương thích những đồ vật tinh xảo, một người ở nước Vệ tâu với vua rằng : “Thần có thể chạm một con khỉ cái vào đầu một mũi gai”. Yên Vương nghe xong rất mừng, bèn cho anh ta hưởng bổng lộc bằng năm cỗ xe. Vua bảo rằng : “Trẫm sẽ xem người chạm khỉ cái vào đầu mũi gai”. Nhưng người khách nước Vệ tâu : “Nếu bệ hạ muốn nhìn thì phải nửa năm không được nhập cung, không được uống rượu ăn thịt, đợi khi trời vừa tạnh mưa, mặt trời mới nhô ra, nhìn thấy khi trời chạng vạng thì mới

được nhìn con khi chạm trên đầu gai được”. Yên Vương cứ nuôi người nước Vệ mà cuối cùng con khi cái chạm trên đầu vẫn chẳng thấy đau.

Có một người thuộc hạ vốn là thợ luyện kim tâu với Yên Vương rằng : “Thần là thợ điêu khắc, hễ chạm trở một vật bé nhỏ thì mũi dao dùng để chạm trở phải nhỏ hơn đồ vật đó. Nay khắc lên một mũi gai nhọn sẽ không có mũi dao nào lớn hơn mũi gai, nên không thể nào khắc trên mũi gai được. Xin bệ hạ hãy bảo vị khách kia chạm trở thử xem, thì sẽ biết có thể chạm trở được hay không”. Vua bảo : “Được”. Vua bèn bảo người nước Vệ : “Nhà ngươi muốn chạm trở hình con khỉ cái vào mũi gai nhọn thì bằng cách nào làm được ?”. Người ấy trả lời rằng : “Thưa bằng cách chạm trở”. Vua bảo : “Ta muốn xem ngươi làm”. Người khách đáp : “Thần xin thôi không làm nữa”, sau đó hẩn bỏ trốn.

Có một người khách đến báo với Yên Vương rằng ông ta có thể dạy cho vua cách không thể chết, vua bèn sai người đến học, nhưng người này học chưa xong thì người khách đã chết. Vua vô cùng tức giận, đem người học giết đi. Vua đã không biết bị người khách kia lừa gạt mà lại còn đem giết người được phái đến học vì việc chậm trễ học không kịp phép nọ. Tin một việc không thể có được để giết bề tôi vô tội, đó là cái hại của việc không xem xét kỹ càng. Một người đã lâm vào thế cùng quẫn, bản thân chưa biết được số phận của mình, không thể làm cho mình không chết thì sao lại có thể làm cho vua trường sinh được.

Có người khách đến vẽ cho vua nước Tề, vua Tề hỏi rằng : “Vẽ cái gì khó nhất ?”. Khách đáp rằng : “vẽ chó ngựa khó nhất”. Vua hỏi “Vẽ gì dễ nhất” Đáp : “Vẽ ma quỷ dễ nhất; vì chó ngựa thì ai cũng biết, ai cũng thấy trước mắt từ sáng đến tối, cho nên loại này rất khó vẽ; còn quỷ thần là loại vô hình không thấy trước mắt, vì khuất mắt nên dễ vẽ”.

Nước Tề có người tu tại gia (cư sĩ) tên là Điền Trọng, Khuất Cốc người nước Tống tiếp kiến Điền Trọng, bảo với ông rằng : “Tôi đã nghe đến cái nghĩa của tiên sinh, ông sống mà không cần dựa dẫm vào người khác. Nay tôi có quả bầu to, rắn như đá, vô dầy và không xuyên thủng được, tôi muốn đem biếu cho tiên sinh”. Điền Trọng đáp rằng : “Quả bầu như vậy thuộc loại quý mà lại còn có thể bảo đó là trái bầu rất lớn nữa. Nó đã dầy mà lại không thể xuyên thủng được tức không thể bỏ ra để làm vật to lớn để đựng đồ dùng; nó đã nặng mà lại còn rắn như đá, tức không thể cắt ra mà châm nước vào được, nên tôi không biết dùng trái bầu lớn đó để làm gì”. Cốc bảo : “Vậy thì Cốc đem vứt bỏ vậy”. Vậy Điền Trọng không muốn nhờ vả người khác để mà sống, cũng không muốn làm người vô dụng của đất nước như là quả bầu rắn như đá kia vậy.

Trẻ con chơi với nhau, lấy đất làm cơm, lấy bùn làm canh, lấy gỗ làm thịt, nhưng đến chiều trở về nhà thì lại ăn cơm vì cơm đất canh bùn chỉ có thể chơi chứ không thể ăn được. Truyền trong những điều mà người xưa đã ca ngợi, nói thì hay nhưng không biến thành sự thật, nói về đạo nhân nghĩa của Tiên Vương mà không tu chính quốc gia, điều đó cũng giống như để chơi chứ không thể trị nước được. Chú trọng đến nhân nghĩa mà nước vẫn yếu đó là thời Tam Tấn. Không chú trọng nhân nghĩa mà nước vẫn mạnh, đó là nước Tần. Tuy nhiên Tần vẫn chưa trở thành đế quốc vì việc trị nước vẫn chưa hoàn tất.

Nói về việc nuôi dưỡng con cái, nếu cha mẹ không chăm sóc cẩn thận thì khi lớn lên nó sẽ oán cha mẹ, con cái đã trưởng thành thì phải phụng dưỡng cha mẹ, nếu phụng dưỡng không đầy đủ thì cha mẹ sẽ giận và trách móc con cái. Cha con là nghĩa thâm tình mà còn giận dỗi trách móc nhau là do người ta ít lo lắng cho nhau mà chỉ lo cho riêng bản thân mình. Một người thuê

mướn người cày cấy cho mình thường phải trả tiền nhà mà lại còn cho ăn ngon, chọn vải tốt để thay cho tiền công. Họ chẳng phải do yêu mến người làm công mà chỉ nghĩ rằng : Có như vậy họ mới họ mới cày sâu bừa kỹ cho mình. Người làm công ra sức cày bừa, cố sửa sang bờ ruộng cho cẩn thận chẳng phải vì họ yêu mến gia chủ mà họ nghĩ rằng : “Có như vậy chủ mới cho ăn ngon, mới được trả công bằng loại tiền, vải tốt”. Như vậy người có công nuôi dưỡng hậu hĩ, người ra sức làm việc, như ân trạch giữa cha và con, mà người ta đem hết tấm lòng cho người khác, chẳng qua cũng vì lợi ích của bản thân mình. Cho nên con người ta với hành vi cho tặng của mỗi người đều xuất phát từ mỗi lợi của riêng mình mà khi đã được lợi thì dù có xa lạ cũng dễ hòa thuận với nhau, còn nếu có hại cho bản thân thì dù là cha con, cũng xa nhau, oán nhau.

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI TRẦN TRỌNG GIỚI THIỆU: TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỀN TRUNG QUỐC

(Bộ bách khoa toàn thư về văn học cổ TQ)

Phát hành trong năm 1995

- 1 - **Luận ngữ** (*Hoa nhân đích thánh kinh*) Thánh kinh của người Trung Hoa.
 - 2 - **Mạnh Tử** (*Nho gia linh hồn*) Linh hồn của nhà nho.
 - 3 - **Lão Tử** (*Đạo đức đích ảo bí*) Ảo bí về đạo.
 - 4 - **Trang Tử** (*Đại tự nhiên đích trí tuệ*) Trí tuệ của vô tri.
 - 5 - **Mặc Tử** (*Nhân gia chi tổ*) Tổ sư của đức nhân nhện.
 - 6 - **Tuân Tử** (*Cảnh thế chí thư*) Sách cảnh giác đời.
 - 7 - **Liệt Tử** (*Thâm tư đức hiển giá*) Tư tưởng sâu sắc của bậc hiển nhân.
 - 8 - **Hàn Phi Tử** (*Pháp gia đích đại thành*) Sự tích tụ tư tưởng pháp gia.
 - 9 - **Tả truyện** (*Liệt quốc phong vân đồ*) Bức tranh về cuộc diện liệt quốc.
 - 10 - **Chiến quốc sách** (*Thần thương thiết kiểm lục*) Sách chép những lời danh thép.
 - 11 - **Thượng thư** (*Thượng cổ chí thư*) Sách chép về thời thượng cổ.
 - 12 - **Lễ ký** (*Lễ sự kinh điển*) Kinh điển về việc lễ.
 - 13 - **Thi kinh** (*Viễn cổ đích hồi thanh*) Tiếng vọng lại thời xa xưa.
 - 14 - **Sở từ** (*Thi chí ai huyền*) Dòng thơ buồn hận.
 - 15 - **Sử ký** (*Sử chí cự cấu*) Cơ cấu lớn của lịch sử.
 - 16 - **Tôn Tử binh pháp** (*Chế thắng vũ kinh*) Sách võ kinh, mưu lược để quyết thắng địch.
 - 17 - **Quân thiết luận** (*Phú quốc chí đạo*) Đạo làm giàu cho đất nước.
 - 18 - **Hoài Nam Tử** (*Thuyết tiên luật đạo*) Sách nói về tiên, bàn về đạo.
 - 19 - **Sơn Hải Kinh** (*Cổ lão đích tàng bảo đồ*) Những bức tranh về bảo vật tàng giấu từ thời xưa.
 - 20 - **Nhạc phủ** (*Hữu thanh đích thi thiên*) Một thiên thơ cổ có âm thanh.
 - 21 - **Bảo phác tử** (*Khởi hồi thanh thuật*) Phép tiên linh nghiêm.
 - 22 - **Nhan thị gia huấn** (*Vọng tử thành long*) Sách dạy dỗ con nên người.
 - 23 - **Lạc Dương già lam ký** (*Cổ đô thịnh sự*) Việc hưng thịnh tại cổ đô Lạc Dương.
 - 24 - **Đường đại thi tuyển** (*Khóa viết thời đại đích phong bộ*) Thơ tuyển thời Đường.
 - 25 - **Đường đại truyền kỳ** (*Ký ngu bút đoan đích giai cấu*) Chuyên ruyền kỳ đời Đường
 - 26 - **Chính quán chính yếu** (*Luận chính đích bảo điển*) Những mẫu mực quý về chính trị đời Đường
- Thái Tông.
- 27 - **Đường Tống Từ Tuyển** (*Độc thụ nhất xỉ đích từ chương*) Từ tuyển đời Đường. Tống.

- 28 - **Đường Tống Bát Đại Gia** (*Khó ai chính nhân khẩu đích tẩn văn*) Tám nhà thơ lớn đời Đường - Tống.
- 29 - **Thông Điển** (*Điển chế đích bách khoa toàn thư*) Bách khoa toàn thư về điển chế cổ Trung Quốc.
- 30 - **Lục Tổ Đàm Kinh** (*Thiền tông đích tinh hoa*) Tinh hoa phái thiền tông.
- 31 - **Cao Tăng Truyền** (*Phật môn đệ tử đích truyền kỳ*) Truyền kỳ về các đệ tử của Phật.
- 32 - **Thế thuyết tân ngữ** (*Nhân văn xã hội đích tể miêu*) Sách bàn rõ việc đời thời xưa.
- 33 - **Tư trị thông giám** (*Hùng vĩ đích thư trung đế quốc*) Bộ sử chép về chính trị cổ của Trung Quốc.
- 34 - **Nguyên nhân tẩn khúc** (*Tửu diễn ca tịch đích tẩn xướng*) Những bài tẩn ca người đời Nguyên viết dùng để hát vui trong tiệc rượu.
- 35 - **Hí khúc cổ sự** (*Phổng vấn văn nghệ đích tập thành*) Những tượng tích cổ nổi tiếng của Trung Quốc.
- 36 - **Thần tiên truyện** (*Trung Quốc đích "Thiên Phương Đa Đàm"*) Truyện thần tiên của Trung Quốc.
- 37 - **Tống Minh thoại bản** (*Ấn tại chỉ thượng đoàn thiên tiểu thuyết*) Các truyện ngắn thời Tống, Minh in trên giấy.
- 38 - **Nhân tình ngẫu ký** (*Thuận tình tự thích đích sinh hoạt lạc chương*) Cách hưởng thú thanh tao ngày xưa.
- 39 - **Tam Quốc Diễn Nghĩa** (*Vô thanh đích bi hi*) Truyện Tam Quốc Diễn Nghĩa.
- 40 - **Tây Du Ký** (*Khoáng thế đích kỳ thư*) Cuốn sách kỳ lạ truyền rộng muôn đời.
- 41 - **Hồng Lâu Mộng** (*Thạch đầu đích chấn hám*) Đệ nhất tình thư của Trung Quốc xưa.
- 42 - **Thủy Hử truyện** (*Thảo mãng anh hùng phổ*) Cuốn sách viết về sự tích các anh hùng nơi rừng núi.
- 43 - **Liêu Trai chí dị** (*Dã quỷ cô hồn huyết lệ thiên*) Cuốn sách ghi lại bi tình của ma quỷ.
- 44 - **Phong Thần Bảng** (*Thần ma nhân yên phong, yên lục*) Sách chép về chiến tranh giữa thần, tiên, người và ma quỷ.
- 45 - **Thiên Công khai vật** (*Khoa uyển kỳ ba*) Sách ghi chép về công nghệ cổ của Trung Quốc.
- 46 - **Đông Kinh Mộng Hoa Lục** (*Bắc Tống kiến binh tỏa văn tạp ký*) Sách ghi lại những điều vụn vặt nghe được ở kinh đô nhà Tống.
- 47 - **Nho Lâm Ngoại Sử** (*Phún ; thích tiểu thuyết đích kiệt tác*) Kiệt tác phẩm về châm biếm.
- 48 - **Minh Thanh tiểu phẩm** (*ca, Khốc, tiếu, mạ, đích chân văn*) Sách chép thật về vui buồn, yêu ghét ở đời.
- 49 - **Văn sử thông nghĩa** (*Sử bút văn tâm đích giao dung*) Sách bàn về nghĩa, lý văn sử (luyện viết sử).
- 50 - **Minh Di đại phổng lục** (*Báo quốc vô môn đích tranh ngôn*) Sách bàn về thuật trị nước.
- 51 - **Lão Tàn Du Ký** (*Thanh sơn lục thủy đích ưu tu*) Sách viết về thú du lâm xưa.
- 52 - **Kinh hoa duyên** (*Kinh tử lý đích thần thoại*) Tiểu thuyết bách khoa toàn thư.

TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

HÀN PHI TỬ

**TẬP ĐẠI THÀNH
SỰ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG PHÁP GIA**

HÀN THẾ CHÂN biên dịch
TRẦN KIẾT HÙNG hiệu đính

Chịu trách nhiệm xuất bản :
HOÀNG VĂN BÓN
Biên tập : **HIẾU DŨNG**
Trình bày : **CHÂU NHIÊN KHANH**
Sửa bản in : **NGUYỄN HỒNG TRANG**

In 1000 bản, khổ 14,5 x 20,5. In tại XN in Đường Sắt
Số đăng ký KHXB 29 VH/ĐN/642. Cục Xuất Bản cấp ngày 17.11.94
Quyết định xuất bản số 355/QĐXB ngày 27.6.95
In xong và nộp lưu chiểu tháng 8.95

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI, Số 4 Nguyễn Trãi, Biên Hòa, Đồng Nai
Điện thoại : (01.61) 22613 — Ban Biên tập : (01.61) 25292

22.000

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Trân trọng giới thiệu :

BỘ SÁCH QUÝ TRỌN BỘ 52 TẬP

SẼ ĐƯỢC ẤN HÀNH LẦN LƯỢT TRONG NĂM 1995

BÁCH KHOA TOÀN THƯ
TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC



Trung Quốc — Đất nước có chiều dài lịch sử lâu đời, có nền triết học văn học nghệ thuật phát triển sớm nhất phương Đông.

Từ thời Xuân Thu Chiến Quốc đến cuộc Cách mạng Tân Hợi 1911, trải qua hơn 2000 năm chế độ phong kiến đã bảo tồn và gìn giữ một kho tàng văn hóa triết học, văn học nghệ thuật, nho học tinh túy đồ sộ. Trong đó phải kể đến : Kinh Thi, Tả truyện, Chiến Quốc sách; với Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử, Hàn Phi Tử... Có thể nói đó là những hạt châu sáng chói ngàn năm, soi sáng trí tuệ cho các thế hệ sau, bằng những giá trị tinh thần sâu sắc.

Ngày nay, nó vẫn giữ vị trí trong các giá trị tinh thần làm giàu thêm kiến thức cho con người. Các nhà nghiên cứu văn học cổ điển TQ đã thông qua hàng trăm tác phẩm tiêu biểu biên soạn thành hệ thống, với 52 tập văn học tinh hoa cổ điển bằng lời văn bạch thoại, văn phong giản dị, ngôn từ dễ đọc, dễ hiểu và dễ nhớ, nhằm phổ biến rộng rãi cho mọi trình độ có thể học hỏi và nghiên cứu.

Bộ sách do một nhóm các nhà nghiên cứu và giảng dạy Trung văn của Trường Đại Học Sư Phạm dịch và hiệu đính. Gồm : Trần Kiết Hùng, Phan Kỳ Nam, Lê Văn Sơn, Giáp Văn Cường, Hồ Sỹ Hiệp, Nguyễn Văn Ai, Nguyễn Thiên Chí, Hàn Thế Chân, Võ Ngọc Liên, Phùng Quý Sơn, Hoàng Tuyết Nga...

Trần Kiết Hùng — Giảng viên văn học TQ và là Phó chủ nhiệm Khoa Trung Văn Trường Đại Học Sư Phạm TP Hồ Chí Minh hiệu đính và giới thiệu.

Chúng tôi tin rằng bộ sách này sẽ giúp ích cho bạn đọc làm giàu thêm kiến thức của mình.